NĂM THỨ MƯỜI SÁU • #186 • OCTOBER 2004

THẾ KỶ 21

14775 Moran Street Westminster CA 92683 USA
Điện thoại *Trị sự:* (714) 775-6301 *Tòa soạn:* (714) 890-6002
E-mail: theky@kicon.com

PHE CÁNH VÕ NGUYÊN GIÁP TẤN CÔNG LÊ ĐỨC ANH

NGÔ NHÂN DỤNG

XEM TRANH TĨNH VẬT TRẦN DOÃN NHO

MỘT CHUYẾN ĐI THIÊN HƯƠNG

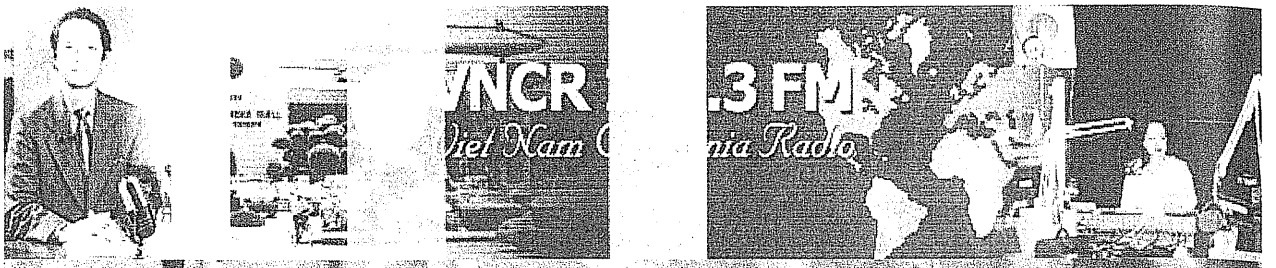

Mời Độc giả Thế Kỷ 21

(Nhiều bài đăng trên tạp chí **Thế Kỷ 21** được sử dụng trong các chương trình với sự bảo trợ của **Thế Kỷ 21**)

vào nghe đài VNCR và đọc tin hàng ngày

WWW.RADIOVNCR.COM

Nghe Chương Trình Cũ

Để nghe được VNCR Internet Radio với chất lượng âm thanh rõ và trung thực, quý vị phải có **Windows Media Player 9.0** hoặc mới hơn.

Windows Media Player 9 Series FREE

Quý vị đang dùng **Windows Media Player 9.0**

Nghe Đài Theo Ngày

◂ Tháng 4 Năm 2004 ▸

S	M	T	W	T	F	S
				1	2	3
4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	

5AM đến 8AM — NGHE TIN TỨC PHÁT LẠI
RADIO NEWS ON YOUR SCHEDULE

12PM đến 4PM — NGHE TIN TỨC TRỰC TIẾP
RADIO NEWS ON YOUR SCHEDULE

Đọc tin

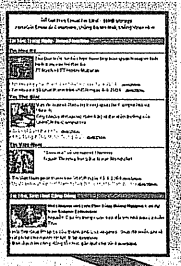

Email miễn phí

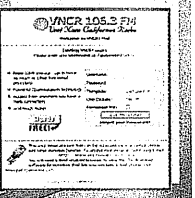

VNCR 106.3 FM

Vietnam California Radio (Orange County)

Thứ hai-thứ sáu: 5:00 AM đến 8:00 AM
(Giờ California) 12:00 PM đến 4:00 PM

KXMX 1190 AM

Los Angeles & Orange County

Thứ Bảy: 1:00 PM đến 12:00 AM
Chủ nhật: 2:00 PM đến 12:00 PM
(Giờ California)

KSON 1240 AM

San Diego

Thứ Bảy & Chủ nhật:
12:00 PM đến 7:00 AM
(Giờ California)

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

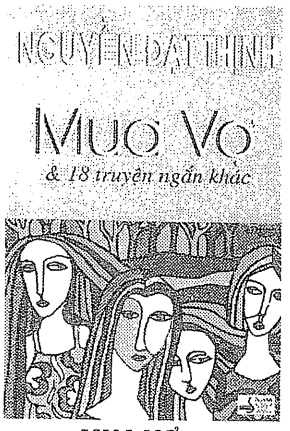

MUA VỢ
Tập truyện của NGUYỄN ĐẠT THỊNH
Nguyễn Đạt Thịnh là một nhà văn quân đội trước 1975, từng làm chủ bút các tờ Chiến Sĩ Cộng Hòa, Tiền Phong và Diều Hâu. Mua Vợ là tác phẩm thứ tư ông xuất bản ở hải ngoại, gồm những truyện về đời sống của người tị nạn, trong đó có việc một số người đàn ông về Việt Nam kiếm vợ, gặp những tình huống khúc mắc, khôi hài và thương tâm. Đây là một cây bút cứng cỏi và sâu sắc, truyện của ông nhiều màu sắc và quyến rũ. Giá 20 Mỹ kim.

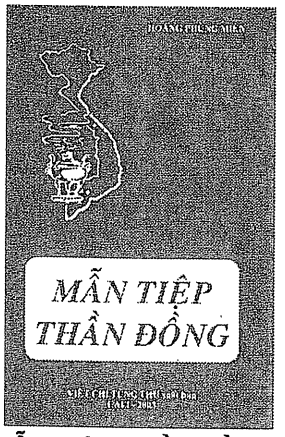

MẪN TIỆP THẦN ĐỒNG
Sưu khảo của HOÀNG PHÙNG MIÊN
Tác giả đã có công sưu tầm rất nhiều câu chuyện giai thoại văn chương Việt Nam, chứng tỏ tài ứng đối nhanh nhẹn của các nho gia ngày xưa. Đây là cuốn tài liệu quý, vì liên quan đến rất nhiều những danh gia của nước ta như Nguyễn Khuyến, Ngô Thì Nhiệm, Lương Hữu Khánh, Ông Ích Khiêm v.v... Nhiều câu chuyện thú vị, đóng góp thêm vào rừng giai thoại văn chương nước ta. Giá 16 Mỹ kim.

HÃY HIỂU TÌNH EM
Tiểu thuyết QUỲNH DAO,
bản dịch của LIÊU QUỐC NHĨ
Đối với những người sống ở miền Nam Việt Nam trước 1975, hai cái tên Quỳnh Dao và Liêu Quốc Nhĩ không xa lạ. Tiểu thuyết Quỳnh Dao đã nổi tiếng từ thập niên 1960, và người dịch "ăn khách" nhất không ai khác hơn là Liêu Quốc Nhĩ, chàng sinh viên người Việt gốc Hoa. Hãy Hiểu Tình Em là một tiểu thuyết tình với kết thúc "tình yêu chân chính sau bao nhiêu sóng gió vẫn không có gì ngăn cách nổi." Giá 11 Mỹ kim.

THÁNH KINH XỬ THẾ CỦA NGƯỜI TRUNG QUỐC
ĐÔNG PHƯƠNG TRI
Đây là một cuốn sách nghiên cứu về một môn tương đối mới: quan hệ học. Ở đời ai cũng phải có quan hệ với người khác, tổ chức xã hội càng phức tạp, những mối quan hệ của con người càng chằng chịt, như một tấm lưới lớn giăng chụp chúng ta. Phải đối xử với cấp trên ra sao, cấp dưới thế nào, trong gia đình thì cha mẹ, ông ba, chồng vợ, con cái, rồi đến bạn bè... mỗi loại một khác, cần biết rõ để có một giao tiếp thành công với tha nhân. Trọn bộ hai cuốn: 36 Mỹ kim.

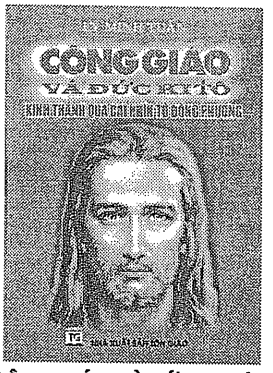

CÔNG GIÁO VÀ ĐỨC KI TÔ
Biên khảo của LÝ MINH TUẤN
Tác giả cho biết tác phẩm này trình bày "Kinh thánh qua cái nhìn từ Đông phương," nhưng không phải là Đông phương cổ đại mà là của cuối thế kỷ 20. Là một người Công giáo, tác giả đã xét duyệt lại niềm tin từ thời thơ ấu của mình bằng cách tự đọc lại Kinh thánh, đối chiếu với các Kinh thư Đông phương như Nho, Lão, Phật, Ấn, rồi tự suy tư và nhận thức để viết nên cuốn sách trên 1200 trang này. Nhìn tôn giáo không phải chỉ với thuần đức tin mà còn với trí tuệ qua truyền thống tâm linh của xứ sở mình, đó là điểm đặc sắc của tác phẩm này. Giá 29 Mỹ kim.

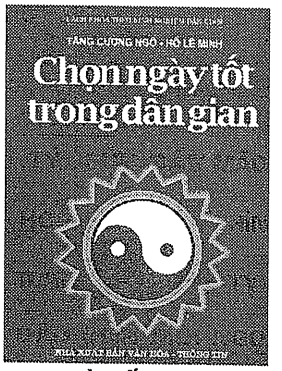

CHỌN NGÀY TỐT TRONG DÂN GIAN
Biên khảo của
TĂNG CƯỜNG NGÔ HỒ LÊ MINH
Dân ta có tục "coi ngày" để tiến hành những việc hệ trọng trong đời như cưới xin, tang ma, dựng nhà, khai trương v.v... tức là tin trong thời gian có những "ngày tốt" và những "ngày xấu." Sự tin tưởng đó không dựa vào một khoa học nào rõ rệt, mà chỉ dựa vào một loại lịch nào đó. Cuốn sách này là một nghiên cứu các nguyên lý để biết ngày tốt vẫn tồn tại trong dân gian, và có cả bản nông lịch để tra cứu cho đến năm 2030. Giá 29 Mỹ kim.

Nơi tập trung tất cả những loại sách cần có trong tủ sách gia đình của bạn: Văn, Thơ, Nhạc, Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Tôn giáo, nghiên cứu phê bình Văn học, Lịch sử, Y học, Khoa học Kỹ thuật... cùng nhiều thể loại khác.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com ; www.tuluc.com

Tạp chí THẾ KỶ 21

14775 Moran Street, Westminster, CA 92683

Tel: (714) 585-4666 * (714) 839-8746

Email: tapchitheky@aol.com (trị sự) theky@kicon.com (biên tập)

Tạp chí THẾ KỶ 21: Một tặng phẩm đầy ý nghĩa.

PHIẾU ĐẶT MUA/ GIA HẠN/ TẶNG BÁO

SUBSCRIPTION FORM

Họ và tên / Full name: .....

Địa chỉ / Address: .....

.....

Phone / Fax / Email: .....

Kèm theo chi, ngân phiếu số / Check, Money Order #: .....

Số tiền / Amount: .....

Muốn transfer from Bank to Bank: Từ Ngân Hàng của Độc giả tại ngoại quốc về Ngân Hàng Mỹ của Tạp Chí Thế Kỷ 21 xin dùng các mã số sau đây để chuyển tiền $US: Account Name/ tên chủ trương mục : Tap Chi The Ky 21. Ngân Hàng/ Bank of America – Westminster Branch - 8850 Bolsa Ave Westminster, CA 92683.
ABA = 122000661. Account Number = 21776 07440. Quí vị độc giả tại Canada, Pháp và Đức có thể trả bằng tiền bản xứ qua trung gian Đại diện TK 21 tại nước mình.

	1 năm / 1 year ($US)		2 năm / 2 years ($US)		Ghi chú
	2004	2005	2004	2005	
Media Mail (Book)	50.00	*50.00*	90.00	*90.00*	
Hạng nhất / First Class	64.00	*64.00*	120.00	*120.00*	
Canada	68.00	*68.00*	130.00	*130.00*	
Âu Châu / Europe	88.00	*88.00*	170.00	*170.00*	
Á Châu, Úc / Asia, Australia	98.00	*98.00*	185.00	*185.00*	

***Ghi Chú*: Giá mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2005. (Effective January 1, 2005)**

Suyễn, mất ngủ, đau bao tử, dị ứng mũi v.v... ĐỪNG LO đã có THUỐC CHUYÊN TRỊ RẤT HIỆU QUẢ

GẦN 40 NĂM KINH NGHIỆM PHỤC VỤ QUÍ THÂN CHỦ TRONG CÁC LÃNH VỰC

SỨC KHỎE - SỰ NGHIỆP - TÌNH YÊU THEO Ý MUỐN

Prof. PUNG NAVANN nguyên Y Sĩ riêng của Tổng Thống Cộng Hòa Cao Miên với hơn 600 loại thuốc Bào Chế Thiên Nhiên, được chế biến kỹ lưỡng theo công thức đặc biệt riêng của Prof. Pung Navann, đem về uống ngay.

** Tất cả các loại thuốc Bào Chế 100%Thiên Nhiên củaProf. Pung Navann tuyệt đối không có hóa chất, không có chất thuốc tây (như thuốc giúp ngủ hoặc thuốc an thần), không có chất thuốc cầm chừng bớt đau (như chất Aspirine, Motrine, Tylenol, Cortisone...) vì vậy, không thể nào làm cho mục xương. Tuyệt đối không có chất kích thích, không có chất làm cho bị ghiền.*

Prof. Pung Navann là người đầu tiên có các loại thuốc bào chế 100% thiên nhiên

CHUYÊN TRỊ

- Tạo cho da thịt hồng hào, tươi mát. - Bổ gan, mát gan; Bổ phổi, mát phổi.
- Đả thông kinh mạch. - Tăng cường và phục hồi sức khỏe.
- Chữa trị dứt hẳn và phòng ngừa đau cổ, mỏi cổ; đau vai, mỏi vai, đau lưng, mỏi lưng, đau thắt lưng, mỏi thắt lưng, và đau dưới thắt lưng [gồm phong thấp đau nhức (Rheumatism) hoặc khớp xương sưng nhức đỏ nóng không phải vì khí hậu (Goût).]
- Chữa trị và phòng ngừa đau nhức tứ chi, đau nhức toàn cơ thể.
- Ăn ngon, Ngủ ngon, tinh thần thoải mái. - Giải trừ cơ thể bị uể oải.
- Làm cho những người tay chân bị lạnh và sợ lạnh được ấm lại như tuổi trẻ.
- Làm cho khỏi bị cảm. - Làm cho khỏi đổ mồ hôi tay và chân.
- Chữa trị dứt hẳn và phòng ngừa các loại Nhức đầu kinh niên.
- Chữa trị dứt hẳn và phòng ngừa Di tinh, mộng tinh, xuất tinh sớm, bất lực, nữ giới lãnh cảm,

* Có thuốc đặc biệt trị các bệnh phụ nữ như: Kinh nguyệt không đều, có kinh quá sớm hoặc quá trễ, hoặc khi sớm khi trễ, đường kinh quá nhiều, đường kinh qúa ít, có kinh trên 7 ngày mà chưa dứt, đau bụng khi hành kinh, ra máu giữa chu kỳ đường kinh, tắt kinh (vì không mang thai), sa tử cung.

* Trong thời gian hành kinh: 1. Vú căng chướng và đau. 2. Nhức đầu. 3. Cơ thể hoặc khớp xương đau nhức. 4. Đi cầu nhiều lần hoặc tiêu chảy. 5. Lở miệng. 6. Nổi mề đay phong ngứa. 7. Chóng mặt, choáng váng. 8. Tánh tình nóng nảy, quạu cọ hoặc tâm tính thay đổi (như la mắng, vui buồn vô lý).

Ngoài ra: còn có thuốc chuyên trị những triệu chứng khi sắp hoàn toàn tắt kinh (trên 40 đến trên 50 tuổi)

- Trị huyết trắng. Chữa trị cho những cô gái hoặc đàn bà âm đạo bị khô, để cho thuận lợi việc giao hợp.
- Không mệt mỏi sau khi giao hợp. - Giúp cho dương vật được cứng cáp.
- Giúp cho tuổi trẻ được sức khỏe tốt, trí nhớ tốt, đầu óc tỉnh táo và sáng suốt.
- Giúp cho người già cả (gồm Nam và Nữ) ăn ngon, ngủ ngon. Khỏe khoắn. Không sợ lạnh, làm ấm lại như tuổi trẻ và trường thọ v.v...

NGOÀI RA THUỐC CÒN ĐẶC BIỆT CHUYÊN CHỮA TRỊ:

a) Các loại bệnh bao tử gồm: loét bao tử (Gastric Ulcer); loét dạ tràng (Duodenal Ulcer).
b) Các chứng ho kinh niên, đờm nhiều, nặng ngực, khó thở hoặc bệnh hen suyễn.
c) Viêm mũi kinh niên (Chronic sinusitis) hoặc dị ứng mũi kinh niên (Chronic Nasal Allergy).
d) Các loại bệnh gan.
e) Các loại mụn và nám (trên mặt, trước ngực, sau lưng hoặc các nơi khác trên cơ thể). Phần lớn đều biến mất sau một thời gian dùng thuốc.
f) Táo bón kinh niên; Trĩ nội, trĩ ngoại.
g) Bệnh tiểu đường, rất hiệu quả cho những người mới bị (Ngoại trừ bệnh nhân đã phải chích insuline)
h) Triệu chứng khô môi, khô miệng, khô cổ, viêm cổ.
i) Bệnh áp huyết thấp; bệnh áp huyết cao j) Bệnh chảy máu cam
k).Viêm đường tiểu (cả nam lẫn nữ) như: Tiểu ra máu hoặc đi tiểu thấy rát và đau, sau khi thông qua phòng lab hoá nghiệm nước tiểu phát hiện có máu trong nước tiểu - Tiểu ra thấy đục - Tiểu ra thấy sạn nhỏ màu nâu đậm. Bị mắc tiểu hoặc lúc muốn tiểu mà kèm hãm không nổi
- Viêm nhiếp hộ tuyến cấp tính hoặc chậm tính. Nhiếp hộ tuyến sưng to làm cho đi tiểu khó khăn và sau khi đi tiểu rồi còn bị nhiều thêm đôi chút.
- Gần 40 năm nghiên cứu thành công về các bệnh nan y và các bệnh bất trị; Nay Prof. Pung Navann đã nghiên cứu thành công thêm thuốc chuyên trị triệu chứng rụng tóc và mọc tóc.

Prof. Pung Navann

- Nguyên Y Sĩ riêng của Thái Tử Sisowath Monireth (cậu ruột của Quốc Vương Norodom Sihanouk) Chủ tịch Hội Đồng Tối Cao của Hoàng Cung Căm Bốt.
- Nguyên Y Sĩ riêng của Thống Chế Lon Nol, Tổng Thống nước Cộng Hòa Cao Miên.
- Nguyên Y Sĩ riêng của Quốc Trưởng Cheng Heng, nước Cộng Hòa Cao Miên.
- Nguyên Ủy viên Bộ Y Tế Nước Cộng Hòa Cao Miên.

THUỐC BÀO CHẾ THIÊN NHIÊN CỦA PROF. PUNG NAVANN
BÁN TRỰC TIẾP KHÔNG QUA MỘT TRUNG GIAN
NÀO HẾT ĐỂ TRÁNH SỰ GIẢ MẠO

Chỉ được bán tại:

12812 Valley View St. # 30, Garden Grove, CA 92845 USA

Nhận gởi thuốc khắp nơi trên thế giới.
Nói bảy thứ tiếng Việt, Miên, Anh, Pháp, Bắc Kinh, Triều Châu và Quảng Đông.

Xin gọi số: Tel: (714) 891-3588

Kính gởi Bác Sĩ PUNGNAVANN:
Thưa bác sĩ, tôi tên là Trần Thị Kim Thấm, hiện cư ngụ tại thành phố Riverside. Tôi bị chứng bịnh mất ngủ, ban đêm thức nhiều lần, đã nhiều năm qua tôi ăn uống không biết ngon. Gần nhất là năm 1995, tôi lại mang thêm chứng bịnh đau bao tử, ăn hồng tiêu, bị nghẹn, tôi đã đi chữa trị nhiều bác sĩ nhưng bịnh cứ trở lại mãi. Tôi được nghe danh tiếng của Bác Sĩ Pungnavann và tìm đến gặp bác sĩ. Qua hai tuần uống thuốc của bác sĩ và theo đúng lời chỉ dẫn, bệnh tình của tôi đã giảm hơn 50%, rồi 4 tuần sau đó, sức khỏe tôi đã bình phục và đến tuần thứ 5 bệnh tình tôi đã dứt hẳn, ăn ngon, ngủ yên giấc và không còn bịn nghẹn như trước nữa. Quả thật hiệu nghiệm. Gần 1 năm nay, bệnh tôi không trở lại. Tôi không biết nói gì hơn, xin thành thật cảm ơn Bác Sĩ và cầu chúc cho bác sĩ được trường cửu để cứu nhân độ thế. Kính chào Bác Sĩ.
PS: Xin Bác Sĩ phổ biến để những người có bệnh có dịp may chữa trị.
K.T.

Kính gởi Bác Sĩ Pungnavann,
Tôi Sơn Nguyễn hiện ở tiểu bang Minnesota thành phố Brooklynn Center, tôi bị bệnh phong tê thấp từ Việt Nam, sang Hoa Kỳ được 5 năm, chân tay bị đau nhức và ra mồ hôi ở tay và bàn chân. Riêng hai mắt cá chân cứ sưng lên và đỏ làm cho đau nhức không đi lại được. Tôi đã đi rất nhiều bác sĩ chữa trị nhưng không hết. Tôi nhờ bác sĩ PungNavann ở California chữa trị cho tôi, nay tôi đã lành bệnh không còn sưng và đau nhức tay chân, không còn ra mồ hôi. Nay tôi viết mấy hàng chữ gởi đến Bác Sĩ lời cảm ơn đã giúp cho tôi được khỏi bệnh và tôi cũng xin giới thiệu với bà con nếu ai bị bệnh giống tôi nên đến Bác Sĩ PungNavann để được giúp đỡ.

Bịnh Suyễn kinh niên chú ý

Tôi tên là Dương Thu Hà hiện cư ngụ tại Dallas-Texas bị bịnh suyễn suốt hơn 30 năm nay, mấy tuần nay uống thuốc của Bác Sĩ Pung Navann bịnh tôi đã khỏi nhiều không còn khó thở và khò khè như trước. Tôi được ngủ ngon giấc không phải thức dậy bơm thuốc nữa. Tôi vui mừng lắm, viết vài dòng cảm ơn Bác Sĩ đã chữa được chứng bịnh ngặt nghèo của tôi từ mấy chục năm qua. Tiện đây tôi cũng giới thiệu đến độc giả xa gần, nếu qui vị nào có chứng bịnh kinh niên này đừng e ngại uống thử vài tuần xem sao. Sẽ thấy được kết quả và chừng đó sẽ tin là tôi nói đúng sự thật. Một lần nữa xin cảm tạ vị Bác Sĩ Pung Navann rất nhiều.
Thư này em viết cho Bác Sĩ và mong Bác Sĩ đăng lên báo để đồng bào Việt Nam ở hải ngoại được biết đến sự may mắn được hết bệnh kể từ khi uống thuốc và lòng thương người của Bác Sĩ này.

Kính gởi Bác Sĩ Pung Navann,
Tôi bị bệnh dị ứng mũi đã hơn 10 năm... Sáng nào tôi cũng bị nhảy mũi và nghẹt không thở được, đêm nào tôi cũng phải dùng thuốc xịt mũi ít nhất là hai lần mới thở được, và tôi cũng có đi khám rất nhiều Bác Sĩ Mỹ để chữa trị, nhưng bệnh mũi của tôi chỉ đỡ khi dùng thuốc, khi hết thuốc thì đâu cũng vào đó, nhưng có một ngày tôi đọc báo thấy có thân chủ viết thơ khen tặng Bác Sĩ Pung Navann - là một Bác Sĩ rất hay và trị bệnh như thần, tôi nghe vậy đành thử xem sao có câu ôphước chủ may thầy vọ và tôi đến phòng mạch B.S Navann và những điều làm cho tôi vừa ý nhất là B.S Navann rất thành thật và tỉ mỉ giải thích cho tôi biết tường tận cách trị bệnh của B.S, và cho tôi biết phải uống bao nhiêu lần thuốc và cách trị liệu thế nào để bệnh dị ứng mũi của tôi khỏi hẳn. Sự thật lúc đầu tôi cũng không tin tưởng lắm nhưng tôi nghĩ tôi phải thử mới biết, thành ra tôi nghe lời theo sự chỉ dẫn của B.S Pung Navann và kết quả ngoài sức tưởng tượng của tôi... Sau khi tôi uống thuốc do B.S chỉ định thì bệnh mũi của tôi hết hẳn... và sau đó không hề tái phát. Tôi rất vui mừng và tôi có vài lời cám ơn B.S Pung Navann và thành thật chúc B.S Navann thành công trong sự bào chế thuốc để cứu nhân độ thế.
Kính thư

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

14771 Moran Street
Westminster, CA 92683 USA
Tel: (714) 839-8746
E-mail: **theky@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến,
Đỗ Việt Anh, Hoàng Ngọc Tuệ,
Phạm Phú Minh, Phan Huy Đạt
Phạm Phú Thiện Giao,
Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 489-7839
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương: 01 39 84 00 84
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 466-0895

ISSN 1056-4640

BAN BIÊN TẬP
Bùi Bích Hà, Hoàng Chiều Nhân, Hoàng Khởi Phong, Lan Hương, Ngô Nhân Dụng, Nguyễn Ái Nhân, Nguyễn Chí Kham, Nguyễn Đức Tường, Nguyễn Hùng Vũ, Phạm Phú Minh, Thanh Thảo, Trần Doãn Nho, Trần Mộng Tú, Trần Ngọc Tuấn, Trần Quán Niệm.

Bìa: *Tranh tĩnh vật* của họa sĩ **Nguyễn Trọng Khôi**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường**
Hí họa: **Babui**
Kỹ thuật: **Võ Thành Điểm**
Ảnh: **Đinh Xuân Quân, Nguyễn Ngọc Chấn**, tư liệu

MỤC LỤC

Số 186 – Tháng Mười 2004

THỜI SỰ – CHÍNH TRỊ – KINH TẾ
8. Vụ tướng Võ Nguyên Giáp tố cáo Lê Đức Anh – **Ngô Nhân Dụng**
16. Phái Tân bảo thủ và chính sách ngoại giao Mỹ – **Cổ Lũy**
22. Con người và nông thôn Afghanistan – **Đinh Xuân Quân**
LỊCH SỬ – NHÂN VẬT
28. Sự ngụy tạo tài liệu của thực dân Pháp – **Nguyễn Quốc Trị**
63. Bà Nhất Linh Nguyễn Tường Tam – **Bùi Bích Hà**
79. Ca sĩ Thu Phương và cảm thức tự do – **Thiện Giao**
101. Thanh Tuệ và An Tiêm – **Phạm Phú Minh**
116. Một số văn thơ về Phan Thanh Giản sau khi ông qua đời – **TK 21**
NGHỆ THUẬT
81. Tĩnh vật Nguyễn Trọng Khôi – **Trần Doãn Nho**
91. Câu chuyện âm nhạc – **Vũ Ngọc Ánh**
ĐỌC SÁCH
35. Đọc "Việt Nam 1945- 1995" của Lê Xuân Khoa – **Nguyễn Quốc Cường**
118. Giới thiệu "Suy Tư và Ước Vọng" của Nguyễn Thanh Giang
VĂN
67. Một chuyến đi – **Thiên Hương**
86. Đi Tàu – **Phạm Xuân Đài**
98. Cú đấm – **Vương Đình Thanh**
104. Yêu nước – **Mishima Yukio, Nguyễn Văn Thực** dịch
THƠ
74. Đừng như sương khói – **Lê Thị Kim**. 100. Em và Nắng và Mưa và Tôi – **Trần Bang Thạch**. 110. Bài luận văn tả cây cầu Cái Răng – **Bích**.
MỤC THƯỜNG LỆ
5. Bạn đọc viết
7. Tòa soạn và Bạn đọc
Thư Trị sự
39. Sổ tay – **Ngô Nhân Dụng**
46. Đời sống quanh ta – **Thanh Thảo, Trần Quán Niệm, Từ Nguyên**
54. Trang chuyện phiếm – **Song Thao**

TRẦN VĂN GIÀU
Tiến sĩ Sử học, tốt nghiệp ở Toulouse??

Trong *Thế Kỷ 21* số 185, tháng Chín 2004, Trần Đông Phong là tác giả một bài rất có giá trị, phân tích tỉ mỉ "*Thử đi tìm nguyên nhân tại sao Cụ PHAN THANH GIẢN bị Cộng Sản Bắc Việt kết tội.*" Một trong những nguyên nhân chánh yếu, theo ông Trần Đông Phong là tập đoàn Lê Duẩn – Lê Đức Thọ, vì nhu cầu chánh trị cần phải loại bỏ ảnh hưởng chánh trị của giới trí thức Nam Bộ tại miền Bắc, đã chỉ thị cho Trần Huy Liệu, Nguyên Viện Trưởng Viện Sử Học, kết tội Cụ Phan Thanh Giản trong bài "*Chúng Ta Đã Nhất Trí Về Việc Nhận Định Phan Thanh Giản.*"

Khi đề cập đến các nhà trí thức Nam Bộ tại miền Bắc thời bấy giờ, ở trang 75, ông Trần Đông Phong có viết: "*Trần Văn Giàu là một nhà trí thức Cộng sản nổi tiếng từ khi còn du học ở Pháp, ông đậu bằng Tiến Sĩ về Sử học tại Toulouse nhưng sau đó bị đuổi về Việt Nam năm 1931.*" Không biết ông Trần Đông Phong đã dựa vào tài liệu nào để viết tiểu sử Trần Văn Giàu như trên?

Theo tài liệu "*Ghi lại vắn tắt cuộc đời...*" do chính tay Trần Văn Giàu viết trong quyển "*Giáo sư Nhà Giáo Nhân Dân Trần Văn Giàu*" (Nhà xuất bản Giáo Dục-1996, Hội Khoa Học Lịch Sử Việt Nam, trang 19 – 27) thì Trần Văn Giàu (TVG) sanh ngày 6/9/1911 ở Tân An. Năm 15 tuổi (1925) học trường trung học Chasseloup Laubat. Năm 1928, được cha mẹ đồng ý cho sang Pháp du học ở Toulouse. Theo tài liệu riêng của người viết các dòng này: Năm 1928 TVG ghi tên học lớp Đệ nhất Tú tài (Première) ở Lycée Toulouse và thi đậu Tú tài Phần Nhất năm 1929. Năm sau ghi tên học Tú tài phần II, Ban Triết. Trong thời gian này, TVG đã được Tạ Thu Thâu coi như em út và đã giúp TVG rất nhiều trên con đường học vấn.

Cuộc khởi nghĩa Yên Báy ngày 10/2/1930 của Nguyễn Thái Học đã gây một tiếng vang lớn ở Pháp khi có tin Thực dân Pháp ra lịnh xử tử 13 người trong đợt đầu. Ngày 22/5/1930 TVG lên Paris tham gia cuộc biểu tình do nhóm Tạ Thu Thâu tổ chức xin bỏ án tử hình, trước dinh Tổng Thống Pháp. Kết quả sau cuộc biểu tình này là 19 người tham gia đã bị trục xuất về Việt Nam ngày 24/6/1930 trên chuyến tàu Athos II. Trong 19 người gồm có Tạ Thu Thâu, Hồ Văn Ngà, Huỳnh Văn Phương... thì Trần Văn Giàu là sinh viên trẻ nhất (19 tuổi). TVG viết: "*Sang Pháp tính chuyện mang về hai bằng tiến sĩ. Nay trở về chẳng có bằng cấp gì, thậm chí quần áo mỗi một bộ mặc trên người, từ hôm ở Toulouse lên Paris, không vali, túi xách, nghĩa là trơ trụi.*"

Trở về Sài Gòn, TVG đi dạy học sau khi lập gia đình, bí mật gia nhập đảng Cộng sản Đông Dương. Năm 1931, bị "bể ổ" nên TVG được Ung Văn Khiêm cử sang học trường Đại học Đông Phương ở Nga. Sau hai năm học TVG tốt nghiệp với luận án "Vấn đề Ruộng Đất ở Đông Dương." Năm 1933, TVG bí mật trở về Việt Nam hoạt động cách mạng....

Để kết luận, Trần Văn Giàu, khi du học ở Toulouse, chỉ theo học ban Tú Tài. TVG lúc đó còn quá trẻ và chưa bao giờ tốt nghiệp Tiến sĩ Sử học ở Toulouse.

Trần Nguơn Phiêu *(Texas)*

Chấp nhận chuyện tương đối

Thế Kỷ 21 số đặc biệt về Phan Thanh Giản là một số báo rất đáng thực hiện. Cũng có thể kể là một thành công. Các bài của sử gia Trần Gia Phụng và nhà biên khảo Trần Đông Phong đều công phu, hữu ích. Giáo sư Phạm Cao Dương đưa ra một số tài liệu ít người có. Bức thư trình bày lý do của Tòa soạn gọn và rõ. Như thường lệ, cây bút của Ngô Nhân Dụng trong "Bi kịch lịch sử" vừa dí dỏm vừa đanh thép một cách thích thú. Các bài khác đều rất hữu ích.

Tuy nhiên, với một số "đặc biệt về Phan Thanh Giản," có lẽ cũng nên dành ra ít trang để giới thiệu một số thơ văn tưởng nhớ ông của những người sống đồng thời. Bên cạnh bài thơ của Nguyễn Đình Chiểu (được nhắc tới trong tập báo), còn nhiều thơ thương tiếc khác của Bố chánh An Giang Phạm Viết Chánh, nhân sĩ Nguyễn Đức Quỳ..., cùng một số thi phẩm khuyết danh khác. Những bài ấy cho thấy rõ Phan thanh Giản được nhiều người kính trọng và thương tiếc:

Quan Phan tiết nghĩa sánh cao dày

Hoặc:

Hết dạ giúp vua trời đất biết
Nát lòng vì nước, quỷ thần hay...

Rất tiếc thiếu một bài giới

thiệu những văn thơ này. Nhưng thôi, chúng ta chấp nhận chuyện tương đối. Ở đời cũng ít việc hoàn hảo được 100 phần.

Trần Huy Bích
(Los Angeles)

Xin cám ơn giáo sư Trần Huy Bích. Nhờ gợi ý của giáo sư, Tòa soạn cố gắng bổ túc phần thơ văn nói trên trong số này. Mời bạn đọc tìm xem.

Uống chén đắng cho mọi người

Đọc xong số báo về Phan Thanh Giản tự nhiên tôi liên tưởng đến Đại tướng Dương Văn Minh, vì nhận thấy mấy điều tương đồng giữa ông Phan và ông Dương.

- Đều là người Nam.
- Trực tiếp chịu trách nhiệm trong một tình hình không còn chống đỡ được nữa của đất nước trước một lực lượng ngoại xâm.
- Đều chọn giải pháp "thua" để cứu dân, và một mình chịu tất cả búa rìu của sự tức giận vì cái thua ấy, mặc dù ai nấy đều thấy chẳng còn con đường nào khác.

Tôi cho hai người đều có cái lớn lao của mình, mặc dù kết thúc sự nghiệp của họ không vinh quang gì cả. Cần gì phải vinh quang mới lớn lao? Chịu hết cay đắng về phần mình để cứu thoát cho bao dân lành, ân đức ấy ngấm trong lòng người thế hệ này qua thế hệ khác, còn lớn lao gấp mấy vinh quang xây trên xương máu, nhất là trong những trường hợp tạo cảnh núi xương sông máu mà rốt cuộc cũng chẳng đem lại được điều gì tích cực.

"Một độc giả" *ở Seattle*

Dòng sông miền Nam

Tôi đồng ý với anh Tràm Cà Mau, truyện Trên Một Dòng Sông (số 183) của Nguyễn Lê Hồng Hưng là một truyện hết sức thú vị. Hiếm có tác giả nào đi khỏi nước mấy chục năm mà văn phong vẫn gần gũi với sông nước miền Nam như Nguyễn Lê Hồng Hưng. Những chuyến về quê ở Cà Mau (hay đại khái một vùng nào đó trong miền quê lục tỉnh) tả trong truyện còn gợi không khí miền Nam hơn là những tác giả trong nước nữa. Kết nối chuyện trong nước với đời sống tị nạn tại Tây phương một cách thật tự nhiên, khiến người đọc cảm thấy câu chuyện thật gần gũi, thân mật. Đó là cái hay của tác giả.

Long Vân *(Internet)*

Đểu

Cám ơn Thế Kỷ 21 đã đăng lại bài "Chúng ta đã nhất trí về việc nhận định Phan Thanh Giản" của Trần Huy Liệu. Có thể nói đây là lần đầu tiên tôi được đọc một tài liệu nguyên vẹn của Cộng sản. Trong số báo đặc biệt về Phan Thanh Giản vừa rồi có nhiều bài trích dẫn bài này của Trần Huy Liệu, nhưng nếu tôi chỉ đọc các trích dẫn mà không có dịp đọc hết toàn bài thì tôi không thể có một ý niệm thế nào là quan điểm về lịch sử của người cộng sản. Cũng như không có việc chiếm đóng miền Nam năm 1975 thì người miền Nam không thể nào thật sự hiểu thế nào là chế độ cộng sản.

Đọc xong bài của Trần Huy Liệu, tiếng đầu tiên tôi thốt ra là: "Đểu!"

Mà nhìn chung chủ nghĩa cộng sản từ ngày nó thành lập cho tới ngày nó cáo chung có cái gì mà không dối trá, lừa bịp, đểu giả? Tôi thành thật mong có vị nào chỉ ra cho tôi được một điều gì tích cực mà chủ nghĩa ấy làm ra được để cống hiến cho nhân loại. Nếu thực sự "ưu việt" thì cả khối của nó không sập một cái rầm như vậy.

Sau khi diễn tả bài viết của Trần Huy Liệu bằng một tiếng "đểu" gọn ghẽ như vậy, tôi không khỏi bật cười thích thú khi đọc bài của ông Bùi Tín trên Net có câu đại ý cộng sản Việt Nam (mà tôi nghĩ nước cộng sản nào cũng thế) là một chế độ sinh ra đủ thứ đểu, ví dụ bằng cấp đểu, tiến sĩ đểu, có cả tướng đểu, chủ tịch nước đểu. Thế thì "đểu" đúng là một thuộc tính tổng quát của chế độ cộng sản chứ còn gì nữa! Đểu thật!

Nguyễn Bằng *(Chicago)*

Sách Tàu tràn ngập

Tôi để ý vài ba năm trở lại đây, sách Trung Quốc tràn ngập thị trường sách vở Việt Nam. Chưa bao giờ giới chữ nghĩa Việt Nam lại chịu khó đọc, tìm hiểu và phiên dịch sách vở của nước Tàu một cách ồ ạt đến như thế. Đó là điều đáng cho chúng ta suy nghĩ.

Họ dịch sách gì? Sau khi nước Tàu "đổi mới" học giới nước này đổ xô nghiên cứu và viết về đủ mọi chuyện của cái quá khứ văn hóa đồ sộ của họ, mà mấy mươi năm dưới chế độ Mao đã bị cấm đoán hoặc bị hạn chế nói tới. Họ viết về lịch sử, về văn học, phong tục tập quán, về túi khôn, về cách ăn chơi, các ông vua, các tể tướng, các mưu mẹo, các gái điếm, khí công, kiếm hiệp... không thứ gì thuộc "Trung Quốc vĩ đại" mà họ lại không moi ra để mà viết. Và có cái lạ là hình như họ xuất bản bên Tàu cái gì thì bên Việt Nam dịch cái ấy, in bộ nọ bộ kia kìn kìn, mỗi bộ hàng nghìn trang,

đóng bìa dày, trình bày rất đẹp, sách "bản xứ" khó mà theo kịp.

Các bạn có thấy đó là một hiện tượng lạ không? Tôi thì tôi thấy đây là một triệu chứng bất thường. Xã hội Việt Nam hiện tại sống trong chế độ đảng trị, tất cả mọi chuyện truyền thông đảng nắm hết, ngành xuất bản sách báo nằm trong tay đảng và nhà nước. Việc dịch và in sách Trung Quốc ồ ạt đến độ thành hiện tượng như thế không thể nằm ngoài chủ trương văn hóa của đảng cộng sản Việt Nam.

Tại sao lại là Trung Quốc? Phải chăng đây là một thần phục mới, sau khi đã nhượng những phần đất, phần biển ở biên giới? Phải chăng ông anh lớn xã hội chủ nghĩa (!) láng giềng phía Bắc xoa đầu các chú em Nông Đức Mạnh, Lê Khả Phiêu, Phan Văn Khải, Lê Đức Anh... hứa hẹn một liên minh bền chặt để bảo tồn chế độ, và ra lệnh cho tràn ngập văn hóa phẩm trên đất nước nhỏ bé này, bên cạnh không biết cơ man nào là các hàng hóa khác tuôn tràn qua biên giới. Hãy xem cách họ trau chuốt các quyển sách dịch, có thể khiến người ta nghĩ tới một ngân sách riêng do chính Trung Quốc cấp phát cho những "người làm văn hóa" Việt Nam nữa kìa! Với chiến dịch này thì dĩ nhiên sản phẩm văn hóa văn nghệ Tây phương phải hạn chế lại, và hình như có việc ấy thật!

Ngày xưa tổ tiên chúng ta chỉ biết có một nền văn minh là Trung Hoa thì chỉ học theo sách vở Trung Hoa, điều đó hiểu được. Ngày nay thế giới mở rộng thênh thang thì cái cách tiếp cận với thế giới phải khác đi chứ, sao vẫn chủ trương "nhìn về một phía" như thế, coi sao đặng?

Nguyễn Tấn Bình
(Garden Grove CA)

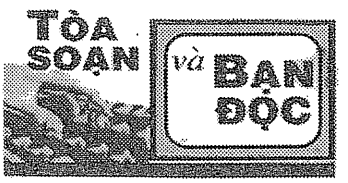

Thưa quý văn hữu và độc giả,

Xin thông báo cùng quý vị một tin không có gì mới mẻ cả, chỉ có điều nó đến hơi sớm: chúng ta bắt đầu chuẩn bị số Xuân. Chuẩn bị sớm thì chu đáo hơn. Năm tới sẽ là năm con Gà, cũng là kỷ niệm 30 năm người Việt Nam di tản ra sống khắp nơi trên thế giới. Đối với người Việt hải ngoại, 30 năm nhìn lại chắc có bao nhiêu là điều đáng nói. Nàng Kiều lưu lạc có 15 năm mà cụ Nguyễn Du đã viết thành một tác phẩm bất hủ, lẽ nào chúng ta lại không viết về sự lưu lạc của chính chúng ta, khi số năm đã lên gấp đôi? Ba mươi năm qua, chúng ta mất gì, được gì? Việt Nam mất gì, được gì? Đầu năm Dậu, con gà chắc sẽ cất tiếng gáy vang báo hiệu một điều gì mới mẻ, tích cực.

Xin mời quý văn hữu và độc giả đóng góp bài vở cho số Xuân, và gửi về Tòa soạn trong nửa đầu tháng 11 năm 2004. Số Xuân sẽ có một số trang đặc biệt dành cho cố họa sĩ Nguyễn Gia Trí (giống như trường hợp Phạm Duy Khiêm năm ngoái), Tòa soạn rất hoan nghênh các tài liệu và tranh vẽ liên quan đến người họa sĩ danh tiếng này.

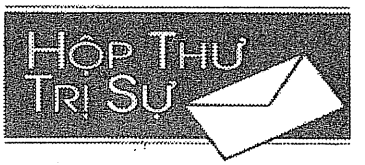

ĐỘC GIẢ GIA HẠN

Tran Thien Do CA – Ha Quoc Bao WA – Pham Bang Ho OR – Lac Toi Nguyen VA – Nguyen Kim Lien MN – Khai Tri Bookstore Australia – Le Duy Chanh CA – Le Van Xe Japan – To Van Minh CA – Nguyen Dinh Sai WA – Trinh Long Viet PA – Duong Khanh TX – Dau Phuong Mai VA – Tran Ngoc My CA – Nguyen Hieu De MI – TL District Library WA – Dao Duc Hoang Canada – Phuong Quoc Phi Japan – Bui Duc Tri CA – Nguyen Cao Hoang CA – Nguyen An CA – Nguyen AN CẠ – Nguyen The Vien WA – Duong Duc Nhu TX – Nguyen Ngoc Lien NJ – Huynh Xuan OR – Tran Roanh MA – Ngoc Tu H. Vu MA – Nguyen Van Quynh CA

ĐỘC GIẢ MỚI

Tran Quoc Hiep FL – Dang Thi Kim Ngan Canada

ĐỘC GIẢ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ

Nguyen Manh CA - Lib: Milpitas Comm CA

Ngày Chủ Nhật, 17 tháng Mười 2004, lúc 2 giờ chiều, tại Hội trường Lê Đình Điểu nhật báo Người Việt, Quận Cam, mời các bạn tham dự buổi ra mắt cuốn sách mới xuất bản của Giáo sư Lê Xuân Khoa:

VIỆT NAM
1945 – 1995
Chiến tranh – Tị nạn – Bài học lịch sử

Đây không phải là một buổi ra mắt sách như vẫn thường thấy. Đây là một buổi nói chuyện của Giáo sư Lê Xuân Khoa về nội dung cuốn sách:

Tị nạn 1954 và Bài học Bốn cuộc chiến (1945–1979).

Vào cửa tự do.

Vụ Tướng Võ Nguyên Giáp tố cáo Lê Đức Anh:

Đảng không thể dân chủ nếu đất nước không dân chủ

NGÔ NHÂN DỤNG

Thời ông Lê Đức Anh làm bộ trưởng quốc phòng rồi sau lên làm chủ tịch nước, ông ta đã tìm cách hãm hại ông Giáp. Với sự giúp sức của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu, Lê Đức Anh lập ra một Tổng cục tình báo chuyên dò thám giới lãnh đạo trong đảng theo kiểu KGB.

Xin nhắc lại vài chi tiết, đầu năm 2004 Tướng Võ Nguyên Giáp viết một lá thư gửi cho các người cầm đầu đảng Cộng Sản Việt Nam, đưa ra những đề nghị "xây dựng đảng." Nhưng chủ ý của ông là nhắc tới "vụ Sáu Sứ," do Cục 2 (Tình báo bộ quốc phòng) dùng để kết tội ông Giáp từ năm 1991, ông Giáp bị bật ra khỏi một giới lãnh đạo đảng. Rồi ông Giáp còn bị tấn công qua vụ T-4, gồm những chuyện do Tổng Cục 2 (thay thế cái cục trên, to hơn) bịa đặt, gán cho ông Giáp và nhiều người khác là tay sai của Trung ương tình báo Mỹ, CIA. Tướng Giáp viết thư xin lãnh đạo đảng mang các vụ đó ra xét xử.

Hỗ trợ cho Tướng Giáp quan trọng nhất là bức thư của Thượng tướng Nguyễn Nam Khánh, viết ngày 17 tháng Sáu năm 2004 kể tội Lê Đức Anh và lũ đàn em ở Tổng Cục 2, kể rõ những điều mà ông Giáp chỉ nhắc đến sơ sài. Ông Nam Khánh bắn phát pháo khai trận. Sau đó có những lá thư khác của các cựu sĩ quan và các cán bộ về hưu (gọi là cán bộ lão thành cách mạng) đồng loạt ủng hộ.

Tướng Nguyễn Nam Khánh làm tướng trước Lê Đức Anh nhưng về hưu sớm. Ông tố cáo đích danh Lê Đức Anh nhiều tội, nhắc lại cả cái quá khư mù mờ của Anh, vốn là cai phu đồn điền đội lốt công nhân, và vào đảng Cộng Sản lúc nào cũng không minh bạch. Hai đại tá Như Thiết và Hùng Cường cũng nhẩy vào trận hỗ trợ. Lê Đức Anh và phe tình báo, mật vụ như Đặng Vũ Chính, Nguyễn Chí Vịnh, vân vân, không ai trả lời. Bộ Chính trị đảng Cộng Sản thì chẳng dại gì vạch áo cho đảng viên và đồng bào xem lưng, cho nên cứ lờ đi như không nghe, không nhìn, không ngửi thấy mùi gì cả. Theo lời văn của cựu Đại tá Bùi Tín thì qua những lời tố cáo của những vị trên, ta thấy chế độ cộng sản hiện nay là "một chế độ sinh ra đủ thứ đểu, như bằng đểu, tiến sĩ đểu, hàng đểu, nay lại sinh ra cả đại tướng đểu, chủ tịch nước đểu." Còn Bộ Chính trị thì "càng ù lì, càng trơ tráo, bất động, ngậm miệng ăn tiền."

Còn đồng bào ta ở trong nước, cũng không ai được lên tiếng cuộc tranh chấp này. Không những người dân bình thường bận làm ăn nên không quan tâm mà cả các đảng viên cộng sản cũng ngồi bên lề chờ coi. Điều khiến người dân Việt Nam và các đảng viên thấp cổ bé miệng thờ ơ trước cuộc thư hùng giữa hai tướng về hưu Võ Nguyên Giáp và Lê Đức Anh là vì ông Giáp khi kể các tội lỗi của ông Anh cũng chỉ kể những tội đã phạm với các lãnh tụ cộng sản khác. Nếu ông Lê Đức Anh đã bới móc và bêu xấu, vu oan cuộc đời ông Giáp, thì cũng không ăn nhằm gì đến các đảng viên bình thường. Nếu Lê Đức Anh là cai phu cạp rằng ở đồn điền cao su rồi được đảng Cộng Sản cho leo lên ngồi vào ghế chủ tịch cả nước thì đó cũng là chuyện trong đảng quyết định, dân chúng Việt Nam có được góp ý kiến bao giờ đâu?

Nếu biết nghĩ tới quyền lợi dân tộc thì ông Giáp nên nêu lên những vấn đề khác hơn là chuyện chung của đất nước hơn là chuyện nội bộ để cải thiện bộ mặt đảng ông. Lịch sử sau này sẽ phê phán ông không phải vì ông đã ngồi chức bộ trưởng Quốc phòng hay phải có chức Tổng bí thư. Người Việt Nam sẽ xem ông có làm cho đảng Cộng Sản thay đổi gì không? Có cho dân chúng được sống tự do hơn không? Có thay thế guồng máy kinh tế, tài chính quốc doanh bằng các lực lượng sản xuất của tư nhân hay không? Có cho phép người Việt Nam được tự do làm báo, làm

đài, tự do lập hội, lập đảng hay không? Và bao nhiêu điều cần thay đổi khác, chẳng thấy ông Giáp nói tới mà chỉ thấy ông chỉ trích phe Lê Đức Anh thôi.

Bên Trung Quốc họ cũng đang thay đổi lãnh đạo nhưng có thể thống chứ không phải vì thù hằn cá nhân. Giang Trạch Dân mất chức chủ tịch Quân ủy trung ương để cho Hồ Cẩm Đào nắm trọn quyền hành, lý do chính là vấn đề chính sách kinh tế. Trung Hoa đang phát triển nhanh quá, 9 đến 10 phần trăm một năm. Nhưng một nửa số phát triển đó là do các tỉnh thi đua xây dựng, cất nhà ở, xây thêm cơ xưởng để làm xi măng, làm thép, làm nhôm, vân vân. Cứ tiếp tục như vậy thì mai mốt sẽ ngập lụt vì đầu tư nhiều quá mà không có đủ người tiêu thụ, không thể sản xuất được. Các ngân hàng sẽ tràn ngập các món nợ không đòi lại được. Trước vấn đề đó, Hồ Cẩm Đào chủ trương phải hãm bớt đà phát triển lại, trong lúc Giang Trạch Dân thì muốn cứ thả cho kinh tế chạy như cũ, rồi tự nó sẽ giải quyết lấy các khó khăn. Bây giờ Hồ Cẩm Đào lên, Giang Trạch Dân xuống, tức là các lãnh tụ Trung Cộng sẽ chọn chủ trương kinh tế của ông Đào. Trên căn bản, ông Đào chú ý đến những nông dân và công nhân nghèo ở thành phố hơn, trong khi ông Giang vẫn nghiêng về các lớp dân thành thị.

Khi ông Giáp và các người đồng đội cũ của ông tung ra các đòn đánh vào Lê Đức Anh, chúng ta chỉ thấy những chuyện tủn mủn, vụn vặt, giành giật quyền lợi bên trong đảng. Chẳng làm cho người dân thấy có dính gì đến họ cả. Ngay cả các đảng viên cấp thấp cũng thờ ơ.

Trong đảng bất chấp quy tắc

Một bức thư của ông Nam Khánh viết ngày 15 tháng Bẩy mới được truyền bá ra nước ngoài. Lá thư kể lại cuộc gặp gỡ với ông Phan Diễn, hàng thứ nhì trong đảng Cộng Sản, với chức vụ Ủy viên thường trực ban Bí Thư, trong Bộ Chính trị. Tính chất nội bộ của những lá thư này hiện ra trong danh sách các nơi nhận thư. Toàn là những cấp trong nội bộ đảng Cộng Sản.

Trong cuộc gặp gỡ giữa ông Phan Diễn và ông Nam Khánh, diễn ra ngày 8 tháng 7 vừa qua, chúng ta nghe ông Khánh thuật lại lời ông Diễn giải thích vụ tình báo giả T-4, nói rằng "Bộ Chính trị đã giao cho cơ quan pháp luật truy tố, đưa ra xử bốn người ... từ năm năm tù trở lên...," kể tên bốn, năm nhân vật sẽ bị đem xử. Trong câu nói của ông Diễn ta biết hệ thống tư pháp của đảng Cộng Sản chạy ra sao. Mấy năm qua đảng Cộng Sản vẫn hô hoán là họ sẽ cải tổ guồng máy tư pháp, sẽ tôn trọng pháp luật, vân vân, để thu hút đầu tư ngoại quốc, vì Ngân hàng Thế giới và Quỹ Tiền tệ Quốc tế đều đòi hỏi như thế.

Vụ T 4 này vu cáo nhiều lãnh tụ làm gián điệp cho Mỹ (vu cáo là một thứ tội,) lãnh đạo bộ quốc phòng đã lạm dụng quyền hành làm những việc phi pháp (lạm quyền là thứ tội khác,) nạn nhân lại ở cấp cao nhất trong guồng máy cai trị (tội lớn, vì đụng tới những người ngồi trên đầu thiên hạ, họ làm sao cả thiên hạ sẽ vạ lây.) Với các tội lớn như vậy, đảng Cộng Sản đã quyết định thế nào? Ủy viên ban Bí thư Phan Diễn tiết lộ là Bộ Chính trị không những vẫn là nơi quyết định ai sẽ bị đem ra tòa xử, mà họ còn quyết định trước bản án phải xử như thế nào, ai lãnh mấy năm. Bộ Chính trị đóng hai vai: công tố và thẩm phán. Đó là nền công lý có từ thời Thống chế Stalin tới giờ, ở Việt Nam vẫn không thay đổi.

Ông Phan Diễn còn nói, chẳng hạn, Bộ Chính trị "giao cho Thường vụ Quốc hội xem lại pháp lệnh tình báo" và giao cho chính phủ xem lại một cái nghị định số 96, vân vân. Chẳng cần giấu giếm gì cả, đây là một chế độ đảng trị. Hành pháp hay quốc hội hoặc tư pháp cũng chỉ là những diễn viên trên sân khấu mà thôi, đạo diễn và viết tuồng là Bộ Chính trị.

Thế cái Bộ Chính trị đó, nó là cái gì? Ai đẻ ra nó, nó có chịu trách nhiệm với ai không?

Trong lá thư mới, Tướng Nguyễn Nam Khánh cũng đặt câu hỏi này. Ông Nam Khánh hỏi là ông đã gửi lá thư cho cả Bộ Chính trị lẫn Trung ương đảng mà tại sao Bộ Chính trị cứ ỉm đi không phân phát cho ai đọc cả?

Ông Phan Diễn trả lời là "Có những việc không nói cụ thể cho Trung ương và không thảo luận... Đưa ra vấn đề này sẽ tranh cãi rồi không kết luận được, làm cho tình hình phức tạp thêm." "Tình hình phức tạp" không biết là cái gì mà cho Bộ Chính trị được quyết định bất chấp các quy tắc. Ông Nam Khánh nhắc đến một quy tắc: "Ban chấp hành Trung ương (đảng) bầu ra Bộ Chính trị, (nên) Bộ Chính trị không được đặt mình cao hơn Trung ương."

Đây là một vấn đề quy tắc. Bởi vì đảng Cộng Sản cứ nói đi nói lại họ theo quy tắc dân chủ, hô hào "dân chủ nội bộ," cho nên các vị đảng viên cấp dưới cũng nên biết như thế nào gọi là dân chủ. Theo quy tắc dân chủ thì những người được ai bầu lên phải chịu trách nhiệm đối với những

người có quyền bỏ phiếu bầu mình. Thí dụ bây giờ Hội đồng hương Sóc Trăng bầu ra một ban chấp hành, thì ban chấp hành đó chịu trách nhiệm với tất cả các hội viên (không phải chỉ có trách nhiệm với những người đi họp và bỏ phiếu.)

Áp dụng quy tắc đó, trong một nước mà dân chúng bầu trực tiếp tổng thống thì vị tổng thống chỉ chịu trách nhiệm với dân chứ không chịu trách nhiệm với quốc hội dù vẫn bị quốc hội kiểm tra, thí dụ như ở Phi Luật Tân. Còn trong chế độ mà các đại biểu quốc hội bầu vị thủ tướng thì ông thủ tướng chịu trách nhiệm với quốc hội chứ không chịu trách nhiệm với vua hay tổng thống, như ở Thái Lan chẳng hạn.

Ở nước Việt Nam có một chế độ không giống ai cả. Dân bỏ phiếu bầu quốc hội, quốc hội phong nhậm ông thủ tướng và chính phủ; nhưng cả chính phủ lẫn quốc hội thì chỉ chịu trách nhiệm với đảng Cộng Sản, cụ thể là họ phải nghe lệnh của Bộ Chính trị đảng. Lâu lâu người dân và các đảng viên được nghe tin Bộ Chính trị họp quyết định cách chức ai đó, hay cho ai lên làm thủ tướng. Hiện giờ dân được nghe Bộ Chính trị còn quyết định cả chuyện nên đưa người này hay người kia ra tòa, tòa phải xử ra sao. Không cần qua thủ tục pháp lý, điều tra xét xử nào cả. Như vậy thì còn đặt ra mấy chức vụ như thủ tướng, chính phủ, quốc hội, quan tòa làm cái gì nữa?

Khi những người được bầu (Bộ Chính trị) tự đặt mình lên cao, bất chấp những người có quyền bầu họ (Trung ương đảng), thì rõ ràng làm sai một quy tắc dân chủ thô sơ nhất. Thế thì tại sao từ khi còn ngồi trong Trung ương đảng suốt ba khóa, Tướng Nam Khánh không đề nghị phải thay đổi lối làm việc đó để bảo vệ quy tắc dân chủ mà ông đã biết?

Chúng ta không nên nghi ngờ ông Nam Khánh không tích cự đòi thay đổi vì nói ra thì sợ mất chức vụ và các quyền lợi đi kèm. Ông được tiếng là người có tâm huyết, chính trực, không phải thứ ngậm miệng ăn tiền, cuốn hồi ký của ông cho thấy thế. Như vậy thì tại sao một người rất thiết tha muốn dân chủ hóa sinh hoạt nội bộ đảng mà lại im lặng hàng chục năm, nay cũng chỉ viết thư cho Bộ Chính trị và Trung ương đảng để nhắc đến cái quy tắc sơ đẳng này. Còn các đảng viên cấp dưới họ có quyền biết cái quy tắc đó đã bị vi phạm hay không? Nếu Bộ Chính trị chịu trách nhiệm với Trung ương đảng thế nào thì Trung ương đảng cũng chịu trách nhiệm với các đảng viên cấp dưới như vậy. Trong thực tế thì bao lâu nay các vị trong Trung ương đảng vẫn tự coi mình ngồi trên đầu các đảng viên một cách tự nhiên. Các ông Bí thư tỉnh, huyện cũng chẳng bao giờ thấy mình chịu trách nhiệm với các đảng viên dưới quyền. Cái chức bí thư của mỗi người là do họ đi khấn vái ở đền Bà Chúa Kho hay do phúc đức ông bà để lại cả!

Thế thì các quy tắc "dân chủ nội bộ" nó biến đi đâu mất? Hiện tượng này đã được phân tích trong một cuốn sách của nhà xã hội học người Đức là Robert Michels.

Đảng độc tài từ bản chất

Năm 1911 nhà xã hội học Robert Michels mô tả tình trạng đảng Dân Chủ Xã hội (SDP) ở Đức mà ông từng là một đảng viên, cho thấy rằng một đảng theo lý tưởng dân chủ, xã hội có thể dần dần biến thành một guồng máy thư lại, để một nhóm nhỏ thao túng nắm hết mọi quyền hành. Cuốn "Đảng phái Chính trị" của Michels rút kinh nghiệm trong đảng SDP mà suy ra tình trạng các đảng chính trị và những loại tổ chức khác, ông gọi là "Luật sắt của Chế độ Quả đầu" — quả đầu có nghĩa là một nhóm nhỏ thao túng quyền quyết định trên tất cả mọi người.

Khi một đảng lan rộng và vẫn sinh hoạt theo lối bí mật thì các đảng viên phải trao trách nhiệm quyết định cho một nhóm người. Những người này lập ra một guồng máy để điều khiển các đảng viên khác cho có hiệu năng cao. Cái guồng máy đó càng ngày càng trở thành lớn, với một nhóm có kỹ thuật chuyên môn thích hợp công việc. Các đảng viên phải dành cho họ quyền quyết định mọi điều mà đảng viên thường không đủ khả năng hoặc hiểu biết để góp ý kiến. Những lãnh tụ ở trên cùng sẽ thấy họ tài giỏi xuất chúng. Sự tuân phục, lòng kính trọng của cấp dưới càng thúc đẩy cho các tay quả đầu thấy họ phải độc tài, không ai thay thế được. Khi tổ chức đảng lớn lên, có các nguồn lợi kinh tế do guồng máy đảng tạo ra, thì các lãnh tụ lại có thêm phương tiện để phân phát chức vụ, lương bổng, quyền lợi cho các đảng viên khác, tạo thành vây cánh. Một mối tương quan "chủ – tớ" thành hình, thay thế cho mối tương quan bình đẳng lúc ban đầu. Những phần tử xấu ngoài xã hội thấy việc gia nhập đảng là một cơ hội tiến thân chứ không cần vào đảng vì những lý tưởng hoặc ủng hộ chính sách nữa. Cái guồng máy thư lại đó dần dần trở thành bảo thủ, không muốn thay đổi, vì thay đổi là có nhiều rủi ro thiệt hại cho quyền lợi bản thân họ.

Robert Michels thấy rằng những đảng chính trị phát xuất từ lý tưởng dân chủ, bình đẳng, như đảng xã hội mác xít SDP mà ông đã tham dự, cũng không thoát khỏi tình trạng ngày càng trở thành độc tài ở bên trong. Tình trạng đó kéo dài sẽ khiến chính các đảng viên cấp dưới chán nản và thờ ơ. Họ không thiết tha đến công việc trong đảng của họ nữa, nó tốt hay xấu cũng vậy thôi. Thái độ thờ ơ đó là dịp cho những tay cơ hội chủ nghĩa tiến vào chiếm lấy guồng máy đảng để tìm kiếm lợi riêng. Đám cạp rằng này không bị ai ngăn cản mà họ còn khéo nịnh hót để được cấp trên nâng đỡ. Đọc những lá thư tố cáo Lê Đức Anh của Tướng Nguyễn Nam Khánh thì thấy các hình ảnh Michels mô tả từ một thế kỷ trước giống hệt. Ông Nam Khánh nên để thời giờ nghiên cứu tình trạng đảng Cộng Sản của ông coi nó diễn biến như thế nào.

Những nhận xét của Robert Michels áp dụng vào tất cả các đảng chính trị có tổ chức, nhất là các đảng bắt đầu trong bí mật, không có cơ chế cân bằng và tự kiểm soát lẫn nhau. Và cũng áp dụng ngay trong các tổ chức phi chính trị, các công ty lớn và phức tạp.

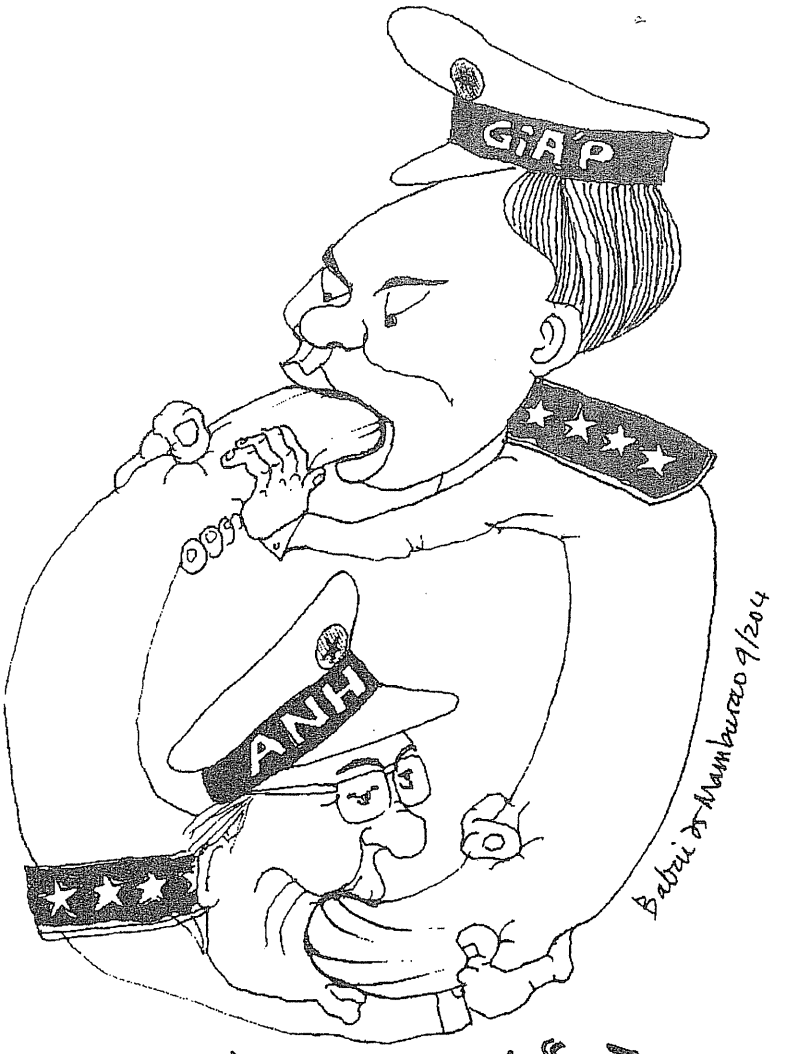

- CUỘC CHIẾN GIỮA CÁC "...VÌ SAO HÔM"!?

Trong các đảng Cộng Sản, tình trạng "quả đầu hóa" thì ai cũng thấy. Thay vì các đảng viên bầu lên các cấp ủy thì việc bỏ phiếu chỉ có tính cách hình thức, ai được ra ứng cử, ai được bầu đều do

cấp bên trên chọn lựa trước cả. Bộ Chính trị chọn danh sách các ủy viên Trung ương, các Bí thư tỉnh chọn các bí thư huyện, huyện chọn xã, xã chọn thôn, vân vân. Các người lãnh đạo bên trên ép cấp dưới nghe lệnh nhờ uy lực của họ, do địa vị, quyền hành tạo ra. Họ dùng cả hệ thống chia chác các chức vụ, quyền lợi trong đảng để bảo đảm lòng trung thành của cấp dưới, tạo nên nhiều phe cánh trong một cấp đảng. Khi đảng Cộng Sản nắm chính quyền, có quyền chia chác những chức vụ và quyền lợi của cả nước, ở ngoài đảng, thì hệ thống tương quan Chủ – Tớ càng lan rộng và ràng buộc với nhau chặt chẽ hơn. Đảng Cộng Sản từ thời ông Stalin, ông Mao Trạch Đông và Hồ Chí Minh vẫn như vậy!

Cái Luật Quả đầu của Robert Michels lại rất thích hợp khi vào các xã hội Trung Quốc,Việt Nam. Vì nó ăn khớp với nền nếp phong kiến đề cao quyền làm cha, quyền của ông thầy, ông quan. Tinh thần gia trưởng, phụ quyền (paternalism) ở Đông phương tăng sức cho diễn biến tự nhiên này. Các đảng Cộng Sản ở Trung Hoa, Việt Nam hay Triều Tiên đều biến thành những đảng của cha chú, trên bảo dưới nghe, họ không bao giờ áp dụng được các quy tắc dân chủ.

Còn ở các nước dân chủ tự do thì sao? Những đảng phái chính trị cũng như các tổ chức kinh tế, xã hội muốn tránh được cái nạn quả đầu, họ đã tạo ra các cơ chế ngăn ngừa ngay trong nội bộ. Thứ nhất là có những cơ chế kiểm soát những người lãnh đạo cao nhất, không bao giờ trao quyền hành tuyệt đối cho các lãnh tụ. Thứ hai là phải có hệ thống truyền thông hai chiều luôn luôn mở cửa để các đảng viên, hội viên (hay cổ đông của công ty) có thể biết tin tức, thảo luận và tham dự vào các quyết định chung. Đảng chính trị cũng như tổ chức kinh tế phải bảo đảm là các đảng viên từ dưới thấp (hoặc các cổ đông của công ty) phải đóng vai trò tích cực trong những quyết định của cả đảng hay tổ chức. Kinh nghiệm trong thế giới kinh doanh gần đây cho thấy có những công ty sinh họa chỉ vì Hội đồng Quản trị không đại diện thực sự cho các cổ đông, những công ty Enron, Hollinger, chẳng hạn. Có những vụ cổ đông "nổi dậy" buộc ban giám đốc phải thay đổi, như ở các công ty Hollinger, Walt Disney gần đây.

Đảng không thể dân chủ nếu đất nước không dân chủ

Liệu đảng Cộng Sản Việt Nam có thể "đổi mới" để các đảng viên được tham dự vào những quyết định của giới lãnh đạo, như các cổ đông của các công ty tư bản hay không? Rất khó. Vì hệ thống tổ chức của đảng này được xây dựng từ thời Hồ Chí Minh theo mẫu của Stalin đến bây giờ đã kiên cố đến mức khó lòng thay đổi được.

Muốn thay đổi cho các đảng viên cộng sản được đối sử có tính chất dân chủ hơn thì chính họ phải vượt ra bên ngoài khuôn khổ hiện có. Ông Nguyễn Nam Khánh đã làm như vậy, cũng như các ông Phạm Quế Dương, Trần Độ, vân vân, đã làm trước đây. Họ đòi đảng của họ phải thay đổi, mà nói lớn tiếng từ bên ngoài, không chịu úp úp mở mở, thì thào với nhau trong xó bếp của đảng nữa. Ông Phạm Quế Dương đã vứt bỏ thẻ đảng để được nói tự do. Ông Nam Khánh thì còn tìm cách sử dụng guồng máy đảng, nhân danh điều lệ đảng để viết thư khiếu nại. Nhưng lá thư của ông lại được truyền bá khắp nơi, bay ra đến cả nước ngoài. Điều tức cười là khi gặp ông Phan Diễn, một đại diện của Bộ Chính trị, ông Nam Khánh khăng khăng nói là ông không tiết lộ bức thư "niêm phong" tối mật của mình; ông còn đổ tội là chính các ông bà trong Bộ Chính trị đã làm lộ tài liệu! Ông Nam Khánh vẫn nói rằng việc ông làm là để "bảo vệ Đảng, bảo vệ Nhà nước, bảo vệ Chế độ."

Nhưng tại sao bức thư của ông lại được tiết lộ? Ai cũng biết ông viết lá thư này là để hỗ trợ ông Võ Nguyên Giáp, cho nên khi viết các bức thư đó chắc ông có bàn với những người ủng hộ ông Giáp. Vì vậy, ngay sau khi ông Phan Diễn gặp ông Nam Khánh ngày 8 tháng Bẩy, thì ngày 10 tháng Bẩy Bộ Chính trị vẫn cho công an đến vây khám nhà Lê Hồng Hà, một tay trùm công an cũ bây giờ cũng chống lại chế độ, để tìm các tài liệu liên can đến lá thư của Nguyễn Nam Khánh. Đó là tấn tuồng "dân chủ nội bộ" của đảng Cộng Sản Việt Nam.

Nếu các đảng viên cộng sản muốn dân chủ hóa bên trong đảng của họ, bây giờ họ phải bắt chước ông Nam Khánh, phơi bầy hết những cái nhơ bẩn nội bộ ra, để nhờ áp lực từ bên ngoài buộc các lãnh tụ phải thay đổi, lắng nghe tiếng nói của các đảng viên ở dưới. Ông Nam Khánh làm như vậy, xưa kia ông Trần Độ cũng theo chiến thuật đó. Những việc phơi bầy các ung nhọt đó ra có tạo nên áp lực thay đổi nào không? Cho tới bây giờ thì chưa thấy gì. Những vụ các ông tướng về hưu đấm đá lẫn nhau được người Việt Nam đón coi như một vở tuồng dài, một phim bộ. Nhưng dân chúng trong nước vẫn không ai buồn can thiệp,

các đảng viên cấp dưới cũng vậy. Tình trạng thờ ơ của người dân cũng như của các đảng viên cộng sản là điều tự nhiên vì họ không tin họ có thể thay đổi được cái gì cả. Nhiều người đã hy sinh cả cuộc đời đấu tranh cách mạng, đi ra chiến trường nữa, nhưng 30 năm sau khi chiến tranh chấm dứt thấy mình không khá hơn mà những tay đầu cơ, tham nhũng thì phát tài. Họ sẽ không còn tin tưởng ở việc đấu tranh đòi thay đổi cái gì nữa, dù ông tướng nào kêu gọi họ. Đó là tâm trạng các đảng viên cộng sản bây giờ. Tại sao phải đấu tranh đòi đảng có dân chủ trong đảng, chẳng biết đi tới đâu, trong khi cứ chạy theo các ông lớn thì số thu nhập hàng tháng được cải thiện ngay?

Còn dân chúng, họ ủng hộ việc dân chủ hóa trong đảng Cộng Sản để làm gì, khi biết rằng dù đảng Cộng Sản đổi ông này lên, ông kia xuống, chính họ không được hưởng thêm chút tự do dân chủ nào cả? Người dân nóng mặt muốn giúp ông Giáp tấn công Lê Dức Anh để làm gì, khi chính họ có thể bị bắt, buộc tội phá rối an ninh, hay bị gán cho tội "gián điệp!"

Hiện giờ bên trong đảng thì Bộ Chính trị ra lệnh, ngồi trên đầu Trung ương đảng; các ủy viên Trung ương tha hồ thao túng từng địa phương, từng bộ phận đảng. Vì tình trạng trên bảo dưới phải nghe như thời phong kiến đó cho nên các ông như Tướng Nam Khánh mới đòi dân chủ nội bộ. Nhưng ví thử trong đảng Cộng Sản được dân chủ hơn thì sao? Những người trong Bộ Chính trị là do Trung ương đảng bầu lên, chịu trách nhiệm với Trung ương đảng thật. Rồi Trung ương thì do Đại hội bầu lên, thành phần đại hội là do các đảng viên đưa về, cho nên nếu trong đảng có dân chủ thì họ cũng chịu trách nhiệm với các đảng viên. Nhưng chính các đảng viên? Ai bầu họ lên làm đảng viên? Không người dân nào bầu cả. Họ được gia nhập cái câu lạc bộ ngồi giữa đình ăn sôi thịt là do các quan cán bộ ở trên chọn lựa. Họ chọn lẫn nhau, họ chịu trách nhiệm với nhau. Họ không do dân chọn, không chịu trách nhiệm với dân!

Tất cả cơ chế của đảng Cộng Sản bây giờ không thể nào thoát khỏi cái Luật sắt của Chế độ độc tài quả đầu, tất cả quyền hành thu vào trong tay một nhóm. Trong nhóm đó họ có thể kèn cựa, đấm đá nhau, nhưng họ vẫn bảo vệ quyền lợi của nhau. Người dân lâu lâu được nghe các tiết lộ từ trong cung đình tuôn ra, vui cười được giây lát, rồi đâu lại vào đó.

Cho nên nếu muốn đảng Cộng Sản dân chủ hóa thì trước hết đất nước phải có tự do dân chủ. Không thể nào dân chủ hóa một đảng mà đảng đó vẫn cai trị dân theo lối độc tài. Khái niệm "dân chủ hóa một đảng độc tài" nghe cũng phi lý như cánh rùa, sừng thỏ vậy. Chính các đảng viên cộng sản, nếu họ muốn cho quyền lợi của họ được tôn trọng ở bên trong dảng thì họ phải đổi mục tiêu. Phải tranh đấu cho nước Việt Nam, dân Việt Nam được hưởng tự do, dân chủ đã.

*

Ông Võ Nguyên Giáp tấn công ông Lê Đức Anh về những vụ đánh lén, vu cáo, lạm quyền, nghe như chuyện từ kiếp trước. Những người đứng bên ngoài hô hoán hỗ trợ như nhà báo Bùi Tín kêu gọi đảng Cộng Sản hãy giải quyết những lời tố cáo của ông Giáp; và trực tiếp kêu tên ông Nông Đức Mạnh hãy "khách quan, công bằng, quả đoán, ... lánh xa kẻ nịnh thần, ... dùng quyền uy tổng bí thư ... thì thật may cho đất nước." Ông Bùi Tín nói "Đất nước cần đến một nhóm Bao công ngay thẳng, trong sạch, ..." để đem xử cái vụ tướng nọ tố tướng kia, cho ra nhẽ.

Khi trong nội bộ đảng Cộng Sản có những cuộc tranh chấp, nhiều người thấy đó là điềm tốt, cho thấy đảng sẽ yếu đi, mà cái đảng độc quyền này yếu đi thì cái thế của người dân sẽ mạnh lên, hy vọng bắt họ phải thay đổi, trả tự do cho dân nhiều hơn. Nhưng điều đó chưa chắc đã xảy ra. Bởi vì căn bản của độc quyền cai trị này là một chế độ công an trị chặt chẽ mà đảng Cộng Sản dùng để đối phó với bên ngoài. Nếu những người tranh đấu cho dân chủ ở trong nước mà để thời giờ và năng lực nhẩy vào trong cuộc tranh chấp này, bênh ông Giáp đánh ông Anh thì cũng chỉ giúp cho một phe trong đảng thắng phe kia, mà chưa chắc đã giúp được gì cho công cuộc xây dựng dân chủ. Sự tham dự của những người tranh đấu cho dân chủ ở trong nước vào cuộc đấm đá giữa hai tướng già này chỉ ích lợi nếu chúng ta đồng thời nêu lên được các vấn đề lớn của đất nước mà từ đó tác động được lòng người, gây ý thức về nhu cầu tự do dân chủ của dân ta. Ông Bùi Tín đã bắt đầu bước về hướng này khi ông đặt câu hỏi rằng liệu cái ước mơ có những *Bao công nghiêm chỉnh* mà ông nêu ra có hy vọng thành sự thật hay không. Và ông đã trả lời rằng điều đó chỉ xẩy ra được nếu ở Việt Nam có một chế độ dân chủ đích thực. Ông nhắc nhở những nhà tranh đấu cho dân chủ phải dùng vụ tranh chấp này mà kích thích đồng

bào cùng suy tư theo chiều hướng đó: Phải có dân chủ đích thực.

Nếu bây giờ ông Nông Đức Mạnh được uống viên thuốc tiên bỗng trở thành một "đấng minh quân" biết nghe lời các trung thần, bỏ các lời sàm tấu ngoài tai, cho ông Giáp thắng, ông Anh thua, thì rồi sao? Người dân chẳng thấy ảnh hưởng gì tới họ cả. Họ chỉ được coi một màn trình diễn như các màn đã diễn ra những vở kịch bi hài khi Bộ Chính trị đảng Cộng Sản hạ bệ những Nguyễn Hà Phan hay là cách chức Cao Sĩ Kiêm, Ngô Xuân Lộc. Rồi đâu vẫn vào đấy.

Cần tác động trí não Việt Nam

Bên trong đảng Cộng Sản Việt Nam vẫn có những tranh chấp như xưa nay thường xẩy ra. Nhưng hiện giờ đó chỉ là những vụ tranh đoạt quyền thế, không do một bất đồng ý kiến nào về đường lối, chính sách cả. Ông Lê Duẩn hồi thập niên 60 đã diệt các đồng chí đi học ở Nga về, ít nhất ông ta cũng nêu lên một lý do là nghi ngờ họ có tư tưởng "xét lại" chống đường lối trung thành với Stalin của Hồ Chí Minh và Lê Duẩn. Rồi sau đó, những vụ tranh chấp giữa Lê Duẩn với Hoàng Văn Hoan thì do bất đồng quan điểm về ngoại giao mà ra. Ít nhất, đó là các vấn đề quan trọng. Còn các cuộc thư hùng trong nội bộ đảng Cộng Sản gần đây thì khác. Họ biết không còn theo chính sách thời ông Stalin, ông Mao được nữa, nhất trí sẵn sàng tư bản hóa vợ con, anh em, cháu chắt trong nhà trước nhất. Họ chỉ lo tranh giành lấy địa vị có quyền lợi lớn hơn nhau mà thôi. Không có một vận dụng trí não nào đáng để cho người ngoài phải thấy bên trong họ cũng có sinh hoạt trí thức, tư duy.

Nói chung, trong đảng Cộng Sản Việt Nam bây giờ phần lý luận, suy tư đã hoàn toàn khô cạn. Nếu quý vị có thời giờ đọc các tạp chí chuyên về lý thuyết của đảng này, quý vị sẽ thấy tình trạng nghèo nàn rất rõ. Hầu hết các bài viết để các lý thuyết gia giữ chỗ làm việc và lãnh lương đều chỉ lập đi lập lại các khẩu hiệu trống rỗng, cũ mòn. Những bài diễn văn của các lãnh tụ đảng cũng vậy, không còn sức sống.

Nhưng thực ra đó không phải là lỗi của những người làm công tác lý luận trong đảng Cộng Sản Việt Nam. Họ đã được đào tạo như vậy cho nên cứ theo nền nếp đó là sản xuất theo nhu cầu của Bộ Chính trị. Cách đào tạo của các trường đảng là học thuộc lòng các kinh điển của chủ nghĩa Mác Lênin rồi tập trích ra những câu nào thích hợp nhất để chứng minh các đường lối từng giai đoạn. Không khác gì cách người ta chơi ô chữ. Không cần tinh thần phê phán, không cần suy nghĩ độc đáo. Chỉ cần học thuộc lòng các khẩu hiệu. Cái thói quen thay thế suy nghĩ bằng việc hô khẩu hiệu này bắt đầu từ Hồ Chí Minh. Chính ông Hồ đã làm gương cho cả đảng Cộng Sản.

Từ đầu, ông Hồ Chí Minh vốn được đào tạo ở Liên xô để làm cán bộ chứ không phải để suy nghĩ về lý thuyết. Trường đào tạo cán bộ của Stalin chỉ cốt sản xuất những người học tập đủ những thủ thuật trong hành động, những kỹ thuật đã được đảng Cộng Sản Liên xô sáng chế và đem dùng thử từ thời Lenin đến thời Stalin. Người cán bộ phải học thuộc các khẩu hiệu đã dùng có kết quả, phải nói giỏi nhưng không cần suy nghĩ. Tất cả vốn liếng gọi là chủ nghĩa Mác Lênin đã được gói ghém trong những cuốn sách mỏng ký tên Stalin, tựa đề là Lịch sử đảng Cộng Sản. Khi về hang Pắc Bó, ông Hồ Chí Minh đã ngồi dịch mấy cuốn trong bộ này làm bài dậy các cán bộ đầu tiên.

Cái thói quen chú trọng tới hành động, không cần suy nghĩ, của thế hệ cán bộ đầu tiên đó được ông Hồ truyền cho, đến bây giờ vẫn còn. Đã trở thành nếp sống trong đảng Cộng Sản Việt Nam. Khi người ta nói mãi về "Tư tưởng Hồ Chí Minh" thì ai cũng biết đó chỉ là việc chắp vá các quy tắc hành động theo chủ nghĩa Mác Lênin, được ông Hồ pha trộn với ngôn ngữ của các nhà Nho. Cũng nói đến Trung và Hiếu, nhưng ông Hồ đổi lại thành Trung với Đảng, Hiếu với Dân, chẳng hạn. Ông Hồ đã được thân phụ ông dậy cho những quy tắc hành sử theo truyền thống cổ, và sau này ông đã dùng các khẩu hiệu của Nho gia cũng như các nhân vật khác ở Trung Hoa. Vì vậy có nhiều người gán cho ông là tác giả một ý tưởng của Quản Trọng (Bách niên chi kế mạc như thụ nhân, ..) hoặc Phạm Trọng Yêm (Lo trước cái lo của thiên hạ, vui sau cái vụi của thiên hạ." Nếu vét hết những khẩu hiệu nửa Trung Hoa nửa Mác xít đó đi thì cái gọi là tư tưởng Hồ Chí Minh chẳng còn gì cả.

Tình trạng khô cạn trong tư duy làm cho trong đảng Cộng Sản Việt Nam bây giờ chẳng có một vụ bất đồng ý kiến nào đáng nói về mặt lý luận, tư tưởng làm căn bản cho các chính sách, đường lối. Họ không làm được gì hơn là lại hô khẩu hiệu, dùng khẩu hiệu thay thế cho suy nghĩ.

Thí dụ như khi họ hô "Kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" thì cả khẩu hiệu đó

chẳng biết nội dung thế nào cả. Thế nào thì gọi theo cơ chế là thị trường? Thị trường ra làm sao thì coi là theo định hướng xã hội chủ nghĩa? Cuối cùng cái khẩu hiệu đó chỉ để làm ô dù, che đắp cho chủ trương là bảo vệ các quyền lợi của đảng và của giai cấp tư bản mới là các đảng viên cao cấp qua hệ thống kinh tế quốc doanh, càng lâu càng tốt. Từ đó mới có những ý kiến như "cổ phần hóa" theo lối xã hội chủ nghĩa, không phải lối tư bản chủ nghĩa, và than thở chương trình cổ phần hóa không tiến được! Trong khi ở bên Trung Quốc người ta đang tính ghi tên hai trong bốn ngân hàng lớn nhất trên thị trường chứng khoán quốc tế.

Các lãnh tụ cộng sản Việt Nam chỉ biết thị trường như một "dụng cụ kinh tế" để làm ra nhiều tiền của, coi chuyện chính trị không dính dáng gì đến cơ chế thị trường cả. Gần đây còn những người theo voi ăn bã mía, cũng hô cái khẩu hiệu "Hãy phát triển kinh tế trước đã, bao giờ kinh tế khá, có một lớp trung lưu thì sẽ có dân chủ tự do sau." Nếu đúng như vậy thì những xứ độc tài chuyên chế như Á rập Sau đi, Kuwait chắc phải dân chủ tự do từ lâu rồi, vì kinh tế họ giầu lắm, lợi tức theo đầu người cao không thua gì Mỹ cả.

Nhưng thực ra, thị trường không phải chỉ là một "dụng cụ kinh tế." Kinh tế thị trường và chế độ dân chủ không thể tách rời được. Friedrich Hayek đã nhấn mạnh là thị trường tự do không phải chỉ nhắm phát triển kinh tế mà còn công dụng phát huy ý chí dân chủ, tự do trong xã hội. Ông là một nhà tư tưởng lỗi lạc đã chứng minh mối nguy hiểm của chế độ kinh tế hoạch định tập trung qua cuốn *The Road to Serfdom*, Con đường Nô lệ, xuất bản năm 1944. Đúng 60 năm sau, có những điều ông viết vẫn đáng chiêm nghiệm.

Khi dùng thị trường mà vẫn kìm hãm tự do thì cơ chế đó không thi triển được hết các khả năng kinh tế. Người ta có thể bắt chước những cơ chế của thị trường, cho buôn bán, sản xuất tự do trong một số phạm vi nào đó. Nhưng nếu cơ chế đó không kèm theo các quyền tự do dân sự, tự do chính trị, thì sẽ đến chỗ bế tắc. Hayek phản bác kịch liệt lối tổ chức kinh tế theo lối tập trung kiểm soát, vì tự căn bản cơ cấu này sẽ làm ung thối cả xã hội, về kinh tế cũng như về chính trị và đạo lý. Con người sẽ trở về thời nô lệ. Nhưng ông cũng không đồng ý với chủ trương coi thị trường là phương thuốc vạn năng giúp cho xã hội lành mạnh. Khi biết thị trường không phải chỉ nhằm mục tiêu kinh tế như tối đa hóa doanh lợi, mà còn có trách nhiệm xã hội, thì chúng ta hiểu rằng thị trường phải bị giới hạn qua các định chế khác trong xã hội. Các định chế nào? Các nước Âu châu đã thí nghiệm các cơ chế kiềm chế thị trường từ thế kỷ 19. Đây là một câu hỏi đáng lẽ các nhà trí thức của nước ta, các lý thuyết gia đang phải bàn cãi một cách nghiêm trang và thành khẩn. Một cuộc thảo luận về các vấn đề đó sẽ có thể gây ra các tranh chấp vì bất đồng ý kiến. Nhưng đó là những vụ tranh cãi lành mạnh, hữu ích. Cả thế giới người ta đã bàn những chuyện đó từ thế kỷ nay, trong khi đảng cộng sản ở nước ta vẫn chỉ bàn những chuyện tranh giành nội bộ.

Rất tiếc dân Việt Nam không được tham dự vào cuộc thảo luận lý thuyết này. Các nhà trí thức mẫn tiệp nhất của chúng ta không có mặt trên những diễn đàn đó. Những tranh luận sôi nổi nhất vẫn quanh quẩn là coi ông nào cắn ông nào được mấy miếng. Như những con cua tranh dành trèo lên lưng nhau trong một cái rọ. Những người trí thức Việt Nam nên tự nhận trách nhiệm phải chấm dứt tình trạng đó. Nó phơi bầy một nỗi tủi nhục chung của dân tộc, các ông tướng Võ Nguyên Giáp và Nguyễn Nam Khánh hãy góp phần chấm dứt cảnh nhục nhã đó.

Cho nên nếu ông Võ Nguyên Giáp muốn đánh một "trận cuối cùng" trước khi nhắm mắt lìa đời thì ông nên quên những lãnh tụ nào phá ông, không cho ông leo lên chức Tổng bí thư. Ông nên nhìn lại coi đảng Cộng Sản đã làm được gì cho đất nước. Làm chết bao nhiêu triệu người, vì nội chiến và nạn đói ngay sau khi đất nước thống nhất? Làm lịch sử dân tộc đi thụt lùi bao nhiêu năm so với mấy nước chung quanh như Thái Lan, Đài Loan, Mã Lai Á. Bắt dân theo chủ nghĩa Cộng Sản làm gì để bây giờ chậm chân chạy theo kinh tế tư bản? Nhảy vào giữa cuộc chiến giữa hai khối cộng sản và tư bản thế giới để tranh công "tiền phong của cách mạng vô sản" làm gì cho dân khổ? Đó là những điều ông Võ Nguyên Giáp nên tự đặt ra cho lương tâm của mình. Nên trả lời mình một cách thành thật, bởi vì ông ở tuổi ngoài 90 cũng chẳng còn sống bao nhiêu lâu nữa. Lịch sử sau này sẽ phê phán ông không phải vì ông được cái chức bộ trưởng hay phải có chức tổng bí thư. Người Việt Nam sẽ phê phán rằng ông có phải chỉ là một đảng viên trung thành của cái đảng phạm bao nhiêu sai lầm và tội ác; hay ông cũng là một người Việt Nam yêu nước, đặt quyền lợi dân tộc lên trên quyền lợi phe đảng?

THẾ-GIỚI THẾ-KỶ 21 ĐI VỀ ĐÂU:

PHÁI TÂN-BẢO-THỦ VÀ CHÍNH-SÁCH NGOẠI-GIAO MỸ

CỔ LŨY

Từ trước khi chính-quyền Mỹ dưới sự lãnh-đạo của tổng-thống George W. Bush đi vào chiến-tranh "chống khủng-bố" ở A-Phú-Hãn (Afghanistan) và rồi Iraq, cho tới gần ba năm và một-năm-rưỡi ở hai nơi với nhiều lên xuống biến-đổi, giới truyền-thông và nghiên-cứu chính-trị Mỹ cũng như quốc-tế nhắc-nhở nhiều đến một thế-lực "mới" trên chính-trường Mỹ ảnh hưởng mạnh vào đường lối ngoại giao của chính quyền: những nhân-vật trong và ngoài chính-quyền thuộc giới" tân-bảo-thủ " (néo-conservative, hoặc theo lối ngắn-gọn được phổ-biến ở Hoa-Kỳ gọi là " néocon"). Sau cuộc tấn-công khủng-bố của người Hồi-giáo cực-đoan vào Trung-tâm Thương-vụ Thế-giới và Ngũ-giác-đài ở Hoa-Kỳ tháng Chín năm 2001 giới tân-bảo-thủ và tổng-thống Bush, một người tự xưng là "bảo-thủ nhân-ái" ("compassionate conservative," bảo-thủ ở mức ôn-hòa—xin xem lời giới-thiệu bài Ba Tháng Trước Bầu-Cử Tổng-Thống Mỹ, Thế-Kỷ 21, *tháng Tám 2004, cùng người viết), tìm thấy nhau như những đồng-minh gắn-bó và ra tay hành-động theo chiều-hướng bảo-thủ cực-đoan gay-gắt, nhất là về mặt ngoại-giao. Sau những chiến-thắng quân-sự ngoạn-mục lúc đầu, những khó-khăn chính-trị và quân-sự thành hình ở Afghanistan, và nhất là Iraq mà tổng-thống Bush xem như "trọng-tâm" (central front) trong "cuộc-chiến chống khủng-bố toàn-cầu" (cũng là điểm chính trong nỗ-lực tái-cử của liên-danh Bush-Cheney—xin xem bài nói trên) dư-luận hướng nhiều chú-ý hơn đến những người "néocon."*

Bài sau đây đưa ra một cái nhìn về giới " néocon" và ảnh-hưởng của họ trong chính-sách ngoại-giao Mỹ—một cái nhìn tổng-quát cho phù-hợp với khuôn-khổ nguyệt-san.

CỔ-LŨY

Bài *Một Năm Trước Bầu-Cử Tổng-Thống Mỹ* (Thế-Kỷ 21, số tháng Mười-Hai 2003 và tháng Ba 2004, cùng người viết) có trình bày sơ lược về người tân-bảo-thu, néocon. Tuy liên danh tái cử tổng thống Cộng-hòa Bush-Cheney là liên danh độc nhất không bị thách đố bởi những người cùng một đảng, điều này không có nghĩa là liên danh được sự ủng hộ hoàn toàn của người cùng đảng. Hiện nay giới lãnh đạo bảo thủ truyền thống, chiếm đa số trong đảng, có nhiều khác biệt và ngay cả va chạm với khối tân-bảo thủ, với nhiều đồng minh trong và ngoài liên danh và chính quyền nói chung.

I. BẢO-THỦ VÀ TÂN-BẢO-THỦ

A. NHỮNG KHÁC BIỆT

Theo ông Patrick Buchanan, chủ biên tập san *The American Conservative* (Người Mỹ Bảo-thủ) và cũng là một ứng viên tổng thống nhiều lần với chủ trương bảo thủ khá cực đoan, ông Bush đã đi từ vị trí ứng viên tổng thống năm 2000 với mỗi chủ trương giảm thuế tối đa cho giới kỹ thương giầu có tới một người néocon cực đoan sau tấn công 11 tháng Chín. Sau vụ tấn công ông Bush bị ảnh hưởng mạnh mẽ của những nhân vật néocon trong chính quyền như phó tổng thống Dick Cheney với đổng lý văn phòng Lewis Libby, tổng trưởng và thứ trưởng quốc phòng Donald Rumsfeld và Paul Wolfowitz, và hai nhân vật quốc phòng hàng thứ ba là Douglas Feith (kế hoạch đặc biệt) và Steve Cambone (tình báo), phụ tá cố vấn an ninh quốc gia Stephen Hadley (người ông Cheney đặt vào một Hội-đồng An-ninh Quốc-gia mở rộng, sau khi tổng thống chọn bà Condoleezza Rice làm cố vấn an ninh) và ông Karl Rove, cố vấn chiến lược và kiến trúc sư sự nghiệp chính trị của ông Bush từ thời thống đốc tiểu bang Texas.

Người bảo thủ rất bảo thủ về tiền bạc, chi tiêu và ngân sách nhưng chính quyền đương nhiệm đang đẩy ngân sách quốc gia tới chỗ thâm thủng gần năm trăm tỉ (từ khoảng ba trăm năm-mươi tỉ

thặng dư từ thời tổng thống Dân-chủ Bill Clinton để lại) với những giảm thuế lớn lao cho người giầu có và giới kỹ thương lớn cùng lúc với những chi phí quá mức về quốc phòng (hơn bốn trăm tỉ) —mặc dù Hoa-Kỳ là đại siêu cường độc nhất trên thế giới không có một đối thủ đe dọa như thời Chiến-tranh Lạnh trước đây. Người bảo thủ than phiền rằng chính quyền vi phạm nguyên tắc bảo thủ chống lại mở rộng quyền lực chính quyền liên bang (gia tăng nhân viên, sở, bộ liên bang đe dọa quyền của tiểu bang và địa phương), và vi phạm chính sách bảo thủ hạn chế những dễ dãi cởi mở với di dân từ bên ngoài vào Hoa-Kỳ. Về mặt xã hội họ than phiền ông Bush không ủng hộ mạnh mẽ giới sản xuất và người bán cũng như người mua súng đạn, và thiếu cứng rắn với giới đồng tính luyến ái cũng như nhẹ nhàng với người da đen bị kỳ thị chủng tộc. Về mặt kinh tế, người bảo thủ không bằng lòng tự do buôn bán quá mức đã giết chết một phần tám công ăn việc làm trong các nhà máy Mỹ và đưa công ăn việc làm này qua Trung-Hoa chẳng hạn. Và dĩ nhiên họ không bằng lòng "sa lầy" chính trị và quân sự ở Iraq.

B. KHÁC-BIỆT VÀ PHÊ-PHÁN

Một nhà trí thức bảo thủ khác và nguyên là Đại diện Thương mại Quốc tế trong chính quyền Ronald Reagan (một "thần tượng" của giới bảo thủ Mỹ, và của ông Bush trước 11 tháng Chín) thập niên 1980, ông Clyde Prestowitz trong quyển *ROGUE NATION American Unilateralism and the Failure of Good Intentions* (Basic Books, 2003) lên tiếng chống đối hầu hết mọi chính sách của chính quyền, chẳng khác gì mấy những chống đối thường thấy trên tập san bảo thủ tiêu biểu ở Hoa-Kỳ, tờ *The Nation.* Theo ông, người bảo thủ truyền thống luôn luôn cẩn trọng quân bằng ngân sách quốc gia và kêu gọi dân chúng thi hành những bổn phận công dân, chứ không phải hô hào dân chúng đi mua sắm ào ạt để giúp phát triển kinh tế. Yếu tố căn bản của bảo thủ là đòi hỏi hạn chế quyền lực nhà nước—một chính quyền biết tôn trọng những quyền tự do căn bản và lâu đời, sự tách biệt giữa tôn giáo với nhà nước, một chính quyền không rơi vào những phiêu lưu đế quốc. Ông Prestowitz nghĩ rằng chính quyền vi phạm tất cả những căn bản trên dù ông tin rằng thế giới ngày nay tốt đẹp hơn nhờ Hoa-Kỳ giúp đỡ kinh tế Tây-Âu sau Thế chiến và chiến thắng trong Chiến-tranh Lạnh.

Ông lập luận rằng những chính quyền bảo thủ trước đây định nghĩa quyền lợi quốc gia một cách rộng rãi hơn. Những nhà chính trị và ngoại giao lỗi lạc như tổng trưởng Dean Acheson (tác giả *Present at the Creation*, về trật tự thế giới mới sau Thế-chiến 2 và mở màn Chiến-tranh Lạnh) và George Marshall (cầm đầu Kế-hoạch Marshall viện trợ tái thiết Tây và Trung-Âu sau Thế-chiến 2, nhằm ngăn chặn sức quyến rũ và bành trướng của xã hội chủ nghĩa ở một châu Âu tan hoang sau chiến tranh) nhìn thấy được nhu cầu giúp tái thiết và phát triển đồng minh của Hoa-Kỳ và không cố đạt quyền lợi tối đa cho một mình Hoa-Kỳ. Giới lãnh đạo trước đây hiểu được tầm quan trọng trong việc hợp tác với đồng minh chứ không làm mặt kẻ cả đơn phương quyết định mọi chuyện (unilateralism).

Vấn đề lớn nhất của chính sách tân-bảo-thủ là thái độ xem nước Hoa-Kỳ là một "ngoại lệ" (American exceptionalism) khác hẳn những đế quốc trước đây, với một ý thức đạo đức cao hơn hẳn mọi nước khác trên thế giới—và do đó không thể nào sai lầm được—và hệ thống chính trị, kinh tế và xã hội Mỹ phải là khuôn mẫu cho cả thế giới. Ông Prestowitz xem đây là một sai lầm quan trọng; ông nghĩ rằng người nước khác như ở Âu châu, hết lòng với dân chủ, công bằng về kinh tế và xã hội có lẽ đi đến gần mức lý tưởng hơn là người Mỹ. Ví dụ thấy rõ là không ở một nước tiền tiến nào mà mức chênh lệch bất công giữa người giầu và nghèo có thể thấy rõ rệt hơn nước Mỹ, và mức chênh lệch này mỗi ngày một gia tăng. Về mặt ngoại giao ông Prestowitz than phiền chính quyền tân-bảo-thủ phá bỏ những cung cách cư xử quốc tế mà những chính quyền Mỹ trước đây đã tốn công vun xới, những vi phạm hay ngăn chặn nỗ lực quốc tế chống lại sự lan tràn của vũ khí hạch nhân và buôn bán vũ khí thông thường, cùng đòi hỏi quyền đứng ngoài hay lên trên Tòa-án Hình-sự Quốc-tế (International Criminal Court, có nhiệm vụ xử tội những lãnh tụ chính trị, quân sự vi phạm nhân quyền, như tướng Augusto Pinochet độc tài khát máu có Mỹ ủng hộ ở Chile trước đây) . Ông Prestowitz nhận xét rằng những người tân-bảo-thủ thật sự là người quá khích gây xung đột đổ vỡ với bạn bè và đồng minh của Hoa-Kỳ ở khắp nơi. Ông đưa ra thí dụ những hành động và phát ngôn đao to búa lớn của những nhân vật chính quyền như Cheney, Rumsfeld, Wolfowitz và cả ông Bush đã làm đồng minh khó chịu và khiến thế giới lo sợ Hoa-Kỳ hơn là lo sợ Saddam Hussein, Bin Laden hay Kim Jong Il ở Bắc-Hàn. Theo ông Hoa-Kỳ không còn được xem

như một công dân tốt trên thế giới và đã thành một ứng viên đi vào danh sách những nước "côn đồ" không tuân theo các cung cách nguyên tắc quốc tế (rogue nations).

Những nhận xét trên cũng không khác mấy những phân tích của ông George F. Will, một nhà trí thức và bỉnh bút với danh tiếng và ảnh hưởng lớn lao trong giới bảo thủ Mỹ. Ông Will xác nhận những người tân-bảo-thủ dễ rơi vào lý luận vòng vo và xác quyết sai lầm. Ví dụ như thủ tướng Anh Tony Blair diễn thuyết lấy lòng quốc hội Mỹ và ông Bush với lý luận rằng người "bình thường" chọn tự do, dân chủ và thượng tôn pháp luật bởi vì những người không chọn lựa những thứ trên là người không bình thường. Sự thật cho thấy đa số người trên thế giới không chọn lựa những thứ này—kể cả một số người đang mở rộng chiến tranh du kích đẫm máu chống đối Hoa-Kỳ ở Iraq. Ông Bush cũng lập lại lý luận của ông Blair : "Có một hệ thống giá trị [value system] mà chúng ta tuân theo và không thể thỏa nhượng được. Và nếu hệ thống giá trị này thích hợp với chúng ta, nó cũng thích hợp với những người nước khác." Rõ ràng là không phải ai cũng thơ thới hân hoan với hệ thống giá trị Mỹ nặng về thực tiễn, vật chất, và phản trí thức (anti-intellectualism) —và nhất là không phải xã hội nào cũng có những điều kiện tiên quyết hay những định chế cần thiết để đi tới một xã hội như xã hội Mỹ.

Theo ông Will, ông Bush và Blair và vô số người tân-bảo-thủ khác tin rằng những mục tiêu "đạo đức" trong chính trị là những gì có thể áp dụng ở khắp mọi nơi. Nếu đúng như hai người này nói, những khác biệt văn hóa chủng tộc đều không có nghĩa lý gì cả hoặc không thành vấn đề dưới bàn tay mầu nhiệm của những người da trắng siêu quần. Ông Will xác nhận những suy nghĩ như trên đều sai lầm và đi ngược hẳn những suy nghĩ bảo thủ về khác biệt văn hóa và hoàn cảnh chính trị. Ngạc nhiên thay, những lập luận suy nghĩ của người tân-bảo-thủ hiện nay không khác gì mấy những phân tích và kết luận về một nước Hoa-Kỳ thực dân đế quốc sau Thế chiến 2 trong tập sách mỏng nhưng có ảnh hưởng lớn lao trong giới trí thức Mỹ và thế giới, *The Arrogance of Power* (tạm dịch là Kiêu-căng vì Quyền-lực) của cố nghị-sĩ Dân chủ William Fulbright viết cách đây hơn bốn thập niên, mô tả một nước Mỹ giầu mạnh nhất thế giới lấy mình làm tiêu chuẩn cho cuộc đời và bắt mọi người phải theo mình, giống mình —và ngạc nhiên cũng như tức giận vì nhiều người nhiều nơi không muốn giống Mỹ, thích Mỹ hay theo Mỹ!

II. TÂN-BẢO-THỦ TIẾN LÊN

Giữa tháng Sáu vừa qua một số những nhân vật tiếng tăm trong lãnh vực bang giao quốc tế và an ninh quốc phòng đa số thuộc đảng Cộng-hòa (gồm hai-mươi-bảy nhà ngoại giao kỳ cựu và tướng lãnh hồi hưu) ra tuyên ngôn bất đồng ý kiến với chính sách ngoại giao của chính quyền quá chú trọng vào mặt quân sự và coi nhẹ đường lối quyết định đa phương, cùng những hậu quả nghiêm trọng của chính sách này. Và, khác hẳn với thường lệ, những nhân vật này công khai kêu gọi dân chúng dồn phiếu đánh bại liên danh Bush-Cheney trong kỳ bầu cử tới tổng thống tới. Cũng trong chiều hướng này mới đây hai nhà ngoại giao kỳ cựu Stefan Halper và Jonathan Clarke đưa ra tập *AMERICA ALONE The Néo-Conservatives and the Global Order* (Cambridge University Press, 2004), chỉ trích chính quyền chịu ảnh hưởng nặng nề của một nhóm néocon nhỏ chi phối chính sách ngoại giao đưa đến những phiêu lưu sai lầm trong nỗ lực "thay đổi chế độ" (regime change) và "dựng nước mới" (nation-building), không khác mấy chiêu đề "white men's burden" và "mission civilisatrice"—xem người da trắng có gánh nặng hay sứ mạng dậy dỗ, khai phóng và dàn xếp số phận những nước khác—của hai đế quốc thực dân Anh và Pháp trước đây.

Hai ông Halper và Clarke không phải là người cấp tiến, tả phái, và cũng không thuộc đảng Dân-chủ đối lập. Ông Halper từng là viên chức tòa Nhà-Trắng và bộ Ngoại-giao qua ba đời tổng thống Cộng-hòa Richard Nixon, Gerald Ford và Ronald Reagan. Ông Clarke từng phục vụ trong bộ Ngoại-giao Anh và hiện là học giả thuộc viện nghiên cứu thuộc khuynh hướng tự do Cato Institute ở Hoa-Kỳ. Hai người than văn rằng đường lối bảo thủ ôn hòa và thế tục đã bị thay thế bởi ý thức hệ néocon với đầy tính cách giáo điều dựa trên kinh nghiệm hiệp ước Munich (1938, Tây phương "mua chuộc" hay chịu lép vế để yên thân cho qua chuyện —appeasement—trước những gây hấn, đòi hỏi bởi Hitler và Đức quốc xã để cố tránh Thế-chiến 2 xảy ra không đầy năm sau đó, 1939) và những ám ảnh về thùng thuốc nổ (powder keg) "Trung-Đông" không ngừng phân tranh giữa người Palestine Hồi-giáo có chính nghĩa trên thế giới và Do-Thái với mỗi Hoa-Kỳ đứng sau lưng ủng hộ.

Theo hai ông chủ thuyết tân-bảo-thủ không phải là một âm mưu hay kế hoạch toàn cầu bí mật; đây đúng ra là một nếp suy nghĩ mạnh mẽ kết hợp từ những ý kiến của những trí thức—tuy không nói ra nhưng rõ rệt là phần đông thuộc gốc Do-Thái— trong và ngoài chính quyền như Donald Kagan, Irving Kristol và Richard Pipes; những tay luận chiến như Norman Podhoretz với con là John Podhoretz, Daniel Pipes (con của Richard Pipes và giám đốc phong trào Campus Watch trong giới đại học ủng hộ chiến tranh "chống khủng bố") và nhà bình bút Charles Krauthammer; những tay xung kích chính sách ở bộ Ngoại-giao và Quốc-phòng như Elliott Abrams, Richard Perle (nguyên thứ trưởng quốc-phòng, nguyên chủ tịch —nay chỉ còn là thành viên vì bị chỉ trích có xung khắc quyền lợi— của Defense Policy Board cố vấn cho bộ Quốc-phòng), Paul Wolfowitz, Douglas Feith và Steve Cambone; những chiến lược gia ngoại giao như bà Jeane Kirkpatrick (nguyên đại sứ Mỹ tại LHQ thời Reagan) và Robert Kagan (con ông Donald Kagan và một trong hai sáng lập viên của tổ chức Project for the New American Century); những lý thuyết gia như William Kristol (chủ biên tờ *Weekly Standard*, cũng là con ông Irving Kristol và sáng lập viên thứ nhì của tổ chức PNAC nói trên) và David Brooks (tác giả hai tập *Bobos in Paradise*, 2000, và mới đây *ON PARADISE DRIVE How We Live Now (and Always Have) in the Future Tense*, 2004, ca tụng kinh tế tư bản). Nhiều người còn thêm vào danh sách này tổng trưởng tư pháp John Ashcroft và chánh án Tối-cao Pháp-viện quốc gia William Rhenquist. Tuy có khác nhau đôi chút, tất cả hầu như luôn luôn bị ám ảnh bởi những đe dọa tới "an ninh quốc gia."

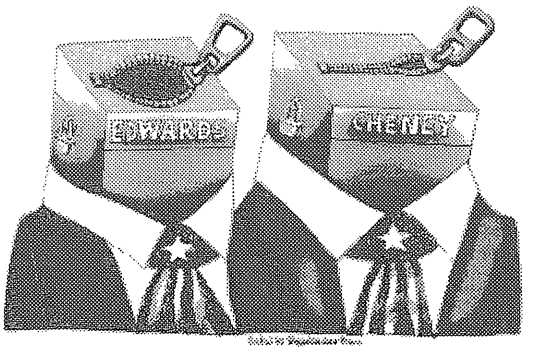

Căn bản suy nghĩ chính trị của người néocon như đi ngược chiều hướng dân chủ, trở lại thời tiền-dân-chủ với triết gia chính trị Anh thế kỷ 17 Thomas Hobbes. Năm 1651 ông Hobbes cho ra đời một trong những sách vở kinh điển cho người theo học khoa học chính trị, *Leviathan*. Theo cái nhìn của ông Hobbes, con người luôn luôn bị thúc đẩy bởi lòng ích kỷ, tham lam, "Thân phận con người [trong thiên nhiên] ... là một hoàn cảnh tranh chấp gay gắt giữa người với người... Trong thiên nhiên [không có trật tự và luật lệ] đời sống con người là một đời sống cô độc, nghèo nàn, xấu xa, tàn nhẫn và ngắn ngủi," và do đó luôn luôn có hỗn loạn xáo trộn lẫn tranh chấp trong xã hội. Để thoát khỏi hoàn cảnh bất ổn này dân chúng phải gạt bỏ mọi tự do và đặt hết quyền hành vào tay một nhà nước —con quái vật Leviathan— với đầy đủ quyền hành và phương tiện khống chế con người để duy trì trật tự an ninh. Người néocon như không đếm xỉa đến suy nghĩ chính trị đương thời của một triết gia chính trị Anh quan trọng khác, ông John Locke. Theo ông Locke, con người đương nhiên có những quyền ("natural right") như quyền được sinh sống, với những tự do căn bản và tài sản: "Căn bản... con người ai cũng tự do, bình đẳng và độc lập; không ai có thể bị tước bỏ những quyền này và đặt dưới sự khống chế của một quyền hành chính trị nào nếu không có sự thỏa thuận của đương sự." (*Two Treatises of Government*, 1690). Những suy nghĩ chính trị của ông Locke được phản ánh rõ ràng trên bản *Tuyên-Ngôn Độc-Lập* của Hoa-Kỳ năm 1776 và bản *Tuyên-Ngôn Nhân-Quyền và Dân-Quyền* của Cách-Mạng Pháp 1789, và là căn bản cho xã hội dân chủ sau đó.

Không có gì lạ lùng khi những suy nghĩ chính trị của ông Hobbes —bị xem là khá bi quan tiêu cực— từng được nhiều người, thuộc tả phái lẫn hữu phái, dùng để biện minh cho quyền hành tuyệt đối của chính quyền dưới nhiều bộ mặt Leviathan —từ Tây sang Đông. Lạ lùng thay người néocon nay lại lấy chúng làm căn bản ở mức rộng lớn hơn trong chính sách đối ngoại của Hoa-Kỳ: thế giới đã thu nhỏ lại và liên hệ giữa người với người kiểu ông Hobbes mô tả được áp dụng vào tương quan giữa quốc gia với quốc gia —với hệ luận là Hoa-Kỳ cần biến thành Leviathan, tuy không nói ra nhưng đây như nhắc lại hoàn toàn lý luận "cảnh-binh toàn-cầu" —khi thế giới đi từ thế giới lưỡng cực (sau Thế-chiến 2) cho đến đơn cực với Hoa-Kỳ không còn đối thủ nào sau Chiến-tranh Lạnh (Cold War, khoảng 1947 đến

cuối thập niên 1980; người néocon thì nhất định gọi đây là "Thế-chiến 3" cho thêm vẻ sắt máu). Họ gạt bỏ hẳn không những những đường lối ngoại giao đa phương (multilateralism hay internationalism) của phái cấp tiến mà cả những đường lối "thực tiễn" (realist) từng được đề cao và áp dụng bởi cố vấn an ninh (sau là tổng trưởng ngoại giao), Henry Kissinger —gốc trí thức di dân từ Âu châu với kinh nghiệm ngoại giao già dặn, mới tới Hoa-Kỳ với tiếng Anh còn nặng nề giọng Đức— và tổng thống Cộng-hòa Richard Nixon, như tấn công hòa bình với Trung-Hoa cộng sản, và rút lui chiến tranh ở Việt-Nam. Tuy luôn luôn e ngại và nghi kỵ thế giới bên ngoài người néocon trấn an mọi người rằng, dù với quyền lực hầu như tuyệt đối không có một cái "check và balance" nào cả (xin xem lại bài trên *Thế-Kỷ 21*, tháng Tám 2004), "cảnh-binh toàn-cầu" Hoa-Kỳ sẽ không khống chế toàn cầu —với lý luận "American exceptionalism" ở phần bài trên.

Tuy gọi là tân-bảo-thủ người néocon lại rất hướng về quá khứ ở một mức nữa là họ quá bị ám ảnh bởi xã hội chủ nghĩa —mặc dù xã hội chủ nghĩa quốc tế đã thất bại từ lâu và tàn héo với Chiến-tranh Lạnh, và những chế độ cộng sản còn lại cho thấy cũng không khác mấy chế độ phái nhóm ưu quyền (oligarchy, cả tả lẫn hữu) ở nhiều nơi trên thế giới ngày nay— và từ đây duy trì thái độ hùng hổ quá khích. Người néocon vương vấn không bỏ được Chiến-tranh Lạnh, như thể đây là động cơ giúp họ bám lấy ý thức hệ và làm cái cớ biện hộ cho những gây hấn hung hăng trong chính sách ngoại giao mới. Từ cuối thập niên 1970, sau thất bại ở Chiến-tranh Việt-Nam, thái độ dè dặt và hòa hoãn trong đường lối ngoại giao của hai tổng thống Gerald Ford (Cộng-hòa) và Jimmy Carter (Dân-chủ) gây bất mãn trong giới bảo thủ cực đoan và bất ngờ thay, cả một số trí thức cấp tiến nữa: hai thái cực này tiến lại gần nhau và hợp thành khối néocon. Với tổng thống Ronald Reagan dựng lại ngọn cờ bảo thủ chế ngự gần hết thập niên 1980 khối néocon như thuyền gặp gió; họ choáng váng hứng khởi khi ông Reagan hung hăng đặt tên cho Nga Xô-viết là Đế-quốc Ác-tà ("Evil Empire," mà sau này ông Bush dùng lại trong từ "Evil Axis," để chỉ "Trục Ác-tà" gồm ba nước Iraq, Iran và Bắc Hàn, với tín hiệu chính trị cho người bảo thủ xem ông như người thừa kế của Reagan), nhưng khá thất vọng khi không thấy chiến tranh Nga-Mỹ xảy ra và thay vào đó ông Reagan hợp tác với thủ tướng Nga Mikhail Gorbachev giải giới "Evil Empire" không có tương tranh đổ máu. Người néocon đi vào bóng tối mai phục dưới thời tổng thống George W. H. Bush (bố) bảo thủ "tử tế và nhẹ nhàng hơn" ("kinder" và "gentler") và gần nguyên thập niên 1990 với tổng thống Bill Clinton "thực tiễn" hơn; họ cũng không ngừng vun xới phổ biến vũ trụ quan "thiện-ác rõ rệt" trong công chúng lẫn giới quyền thế Mỹ qua Dự-án Cho Một Thế-kỷ Mỹ Mới (PNAC) và viện nghiên cứu bảo thủ American Enterprise Institute.

Hai ông Halper và Clarke viết, cơ hội lớn đến với người néocon ngày 11 tháng Chín, 2001, khi cuộc tấn công khủng bố như vượt quá tầm hiểu biết của vị tổng thống mới rất lờ mờ về địa dư thế giới và hoàn toàn thiếu kinh nghiệm về bang giao quốc tế. Trong khoảng trống đó những người néocon trong và ngoài chính quyền, nổi bật là phó tổng thống Cheney, tổng trưởng và thứ trưởng quốc phòng Rumsfeld và Wolfowitz, Richard Perle cùng tay đấu thầu chính trị người Iraq Ahmed Chalabi (nay đã thất sủng), vân vân, đặt ngay những giải thích và đường lối đối phó nghe rất hợp lý, "Một kế hoạch đầy ý thức hệ có sẵn từ bao lâu được [người néocon] lôi ra khỏi tủ sách, giũ hết bụi bậm, và đặt tên lại là *phương cách* đối phó với khủng bố." Chín ngày sau vụ tấn công ông Bush nhận được lá thư từ những nhân vật néocon ngoài chính quyền nói trên ca tụng tổng thống với "ý chí 'lãnh đạo thế giới đi đến thắng lợi' trong trận chiến chống khủng bố," và đáng chú ý hơn cả là đặt Iraq vào trọng tâm cuộc chiến này cũng như giới thiệu Ahmed Chalabi như nguồn tin đáng tin cậy và đầy triển vọng lãnh đạo một Iraq hậu giải phóng My —và ông Bush tin theo lý luận "minh mẫn giả tạo" này. Theo hai ông Halper và Clarke, chính sách ngoại giao Mỹ sau 11 tháng Chín "được thai nghén và đẩy mạnh" rõ rệt bởi người néocon "trước hết với những cổ võ chiến tranh chống Iraq một thập niên trước 11 tháng Chín, và sau là với khái niệm chiến tranh liên tục và bất tận trong 'Thế-chiến 4'."

Theo hai tác giả, người néocon sau đó dùng báo chí để tung ra những tin tức sai lạc và tạo môi trường hay "không khí lo sợ" trong quần chúng. Với đời sống bận rộn (làm việc nhiều giờ, nhiều ngày, kiếm nhiều tiền và ăn tiêu, giải trí nhiều hơn bất cứ người nước khác) và với thói quen thụ động không chịu tìm hiểu nhiều mà chỉ theo dõi tin tức hời hợt qua truyền hình truyền thanh, người Mỹ trung bình càng xem và nghe

truyền hình hệ thống Fox và truyền thanh hệ thống Clear Channel phổ biến rộng lớn của "vua truyền thông báo chí" bảo thủ Ruppert Murdoch càng tin rằng Iraq và Al Qaeda có liên hệ chặt chẽ với nhau, rằng Iraq có vũ khí với tầm sát hại lớn (WMD, xin xem những bài về Iraq trên *Thế-Kỷ 21*, cùng người viết) và dư luận toàn thế giới ủng hộ Hoa-Kỳ xâm chiếm Iraq. Mặt khác chính quyền tránh những hệ thống truyền thông tương đối vô tư khác và cung cấp những phân tích ủng hộ chiến tranh cho những "cơ sở truyền thông cảm tình với chính quyền," kể cả tờ *Weekly Standard* có khi dùng nguyên văn tài liệu chính quyền (ông chủ biên William Kristol xác quyết rằng công cuộc bình định tái thiết Iraq chỉ cần bẩy-mươi-lăm ngàn lính Mỹ và ngân sách mười-sáu tỉ một năm thôi!). Dùng nhạo báng, tẩy chay hoặc khai trừ những người không cùng ý kiến với mình những xung kích truyền thông néocon như tờ *Weekly Standard, New York Post*, hệ thống truyền thông Fox và trang quan điểm bình luận của tờ *Wall Street Journal* đã uy hiếp và cô lập giới truyền thông đối lập khiến họ không giám nói thẳng vì sợ bị xem là không "trung thành" hay "ái quốc" trong khi Hoa-Kỳ bị tấn công từ bên ngoài, cũng giống như lý luận không được trình bày sự thật "đâm sau lưng chiến sĩ" trước và sau khi chính quyền xua quân xâm chiếm Iraq và rồi "sa lầy" cả về quân sự, tái thiết lẫn chính trị — gạt qua một bên hoặc tảng lờ câu hỏi căn bản là, khác với trường hợp Afghanistan, xâm chiếm Iraq có hợp pháp và chính nghĩa không.

Khoảng giữa tháng Tám, một đầu phiếu dư luận dân chúng của hai viện nghiên cứu độc lập uy tín (không thiên một đảng phái nào) Pew Research Center for the People and the Press và Council on Foreign Relations cho thấy lần đầu tiên kể từ cao điểm Chiến-tranh Việt-Nam đường lối ngoại giao của Hoa-Kỳ thành vấn đề quan trọng nhất đối với cử tri Mỹ trong kỳ bầu cử tổng thống sắp tới. Kết quả đầu phiếu cho thấy mức ủng hộ chiến tranh Iraq đi xuống đều đặn: từ bẩy-mươi-bẩy phần trăm ủng hộ lúc đầu cuộc chiến (tháng Ba 2003) đi đến năm-mươi-hai phần trăm chống đối hiện nay; đồng thời một đa số đáng kể không chấp nhận đường lối ngoại giao của chính quyền nói chung. Tuy nhiên, chính quyền Bush được điểm cao trong trận chiến chống khủng bố —tách rời khỏi chiến tranh Iraq và đường lối ngoại giao nói chung— theo cái nhìn của người trả lời đầu phiếu dư luận,, dù chính quyền cố tìm cách liên hệ chiến tranh Iraq vào cuộc chiến chống khủng bố. Ông Andrew Kohut, giám đốc Pew Center, rất ngạc nhiên thấy dân chúng phân biệt rõ rệt giữa thành công trong cuộc chiến chống khủng bố và thất vọng về chiến tranh Iraq. Về mặt ngoại giao nói chung, nhiều người Mỹ hơn bao giờ hết "ý thức rõ rệt —và lo lắng— về mặt dư luận thế giới coi thường Hoa-Kỳ," một điểm lợi cho ông John Kerry, ứng viên tổng thống với ý định nâng cao hình ảnh Hoa-Kỳ trên trường quốc tế. Điểm đáng lo ngại cho ông Bush là một đa số đáng kể (sizable majority) những cử tri chưa chọn bầu cho ai (swing voters, gồm người không thuộc hai đảng chính, người không hoặc chưa có ý kiến —nói chung là *thiểu số* sẽ quyết định kết quả bầu cử trong một cuộc bầu cử đầy phân tranh giữa hai khối tương đương nhưng cách biệt gay gắt) bắt đầu nghiêng về ý kiến của những người ủng hộ ông Kerry trong chính sách ngoại giao nói chung. Mức phản đối chiến tranh Iraq lên cao cũng làm gia tăng theo lối dây chuyền những cảm tưởng tiêu cực về thành quả lãnh đạo của chính quyền ở những mặt khác như kinh tế và ngoại giao nói chung.

Nhìn theo chiều hướng trên, nhất là cuộc chiến "sa lầy" ở Iraq, liệu ông Bush có từ bỏ ảnh hưởng của người néocon chăng? Chính quyền đã bất thình lình và khá tàn nhẫn chấm dứt liên hệ với nhà thầu chính trị Iraq Ahmed Chalabi (từ là nhân vật chọn lựa ngồi trên khán đài cùng với phu nhân tổng thống tại Quốc-hội đầu năm nay, đến giữa năm với trước hết là cúp viện trợ ba-trăm-năm-mươi ngàn một tháng, rồi ruồng bố hành dinh tìm bằng cớ gián điệp cho Ba-Tư , và mới đây là trát tòa đòi vì tội làm bạc giả; cháu ông Chalabi đang lên trong bộ tư pháp chính phủ chuyển tiếp cũng có trát tòa đòi vì tội giết người) với phản đối kịch liệt của ông Richard Perle và viện American Enterprise Institute. Cũng trong tháng Sáu tổng thống ban Huân-chương Tự-do cao cấp cho ông Norman Podhoretz giữa cơn nước lửa lên cao ở Iraq. Theo ông Jim Sleeper , giáo sư và bạn đồng học với ông Bush tại viện đại học Yale thuộc tiểu bang Connecticut (nơi sản xuất khá nhiều tổng thống Mỹ) tổng thống Lyndon Johnson cũng ban cho tổng trưởng quốc phòng Robert McNamara huân chương tương tự ở thời điểm tương tự trong Chiến-tranh Việt-Nam khi hai người sắp từ biệt. Có thể rằng ông Bush đã nhìn thấy ánh sáng cuối đường hầm và quyết định ra đi từ bỏ ông Podhoretz cùng nhóm néocon trong bóng tối? Dù có đúng như vậy, theo ông Sleeper, mọi sự đã quá trễ.

Con người và nông thôn AFGHANISTAN

ĐINH XUÂN QUÂN

Nghe đến Afghanistan là người ta nghĩ đến các vụ khủng bố, cho nổ bom và ngược đãi phụ nữ. Cũng có phần đúng. Hôm trước phe Taliban — dính đến El Quaeda, đã cho nổ quả bom trước một nhà làm trụ sở cho một công ty về "an ninh" Mỹ - Hà Lan. Có bảy người thiệt mạng trong đó có một người Mỹ và nhiều người xứ Nepal gọi là Gurkhas, khét tiếng về tính dũng cảm. Đa số là cựu quân nhân và họ qua đây lo an ninh cho phủ Tổng thống. Trái bom nổ cách chỗ tôi ở độ năm phút đi bộ, làm cho nhiều người trong ê-kíp tôi hú vía vì họ không có những kinh nghiệm của một người Việt Nam như tôi, từng nếm mùi pháo kích, nổ plastic, ném lựu đạn... ngay giữa Sài Gòn. Ở đây, cũng như ở VN ngày trước, vừa xảy ra vụ nổ là dân chúng chạy ra xem, không cần biết có thể có trái bom thứ hai nổ tiếp hay không. Đúng ra là tính tò mò thắng mọi sợ hãi.

Vì có cuộc bầu cử Tổng thống trong một tháng nữa cho nên phe Taliban hứa sẽ gây rối loạn. LHQ giúp Afghanistan trong việc ghi danh cử tri, đã có hơn 10.5 triệu người được ghi danh. Phe Taliban cho ám sát các nhân viên làm việc ghi danh cử tri, không khác gì Việt cộng làm trước đây tại miền Nam. Taliban nay không đủ sức chiếm thành phố nhưng có thể gây rối hay chiếm một thị trấn nhỏ nào đó để gây tiếng vang.

Afghanistan còn nổi tiếng về cách đối xử với phụ nữ. Trong mắt những người đến từ phương Tây, kể cả những Afgan từ Mỹ về, số phận phụ nữ ở đây thật bi đát, bị lấm thiệt thòi từ nhiều đời vì nền giáo dục và nhất là những quy luật khắt khe của đạo Hồi. Người phụ nữ giúp việc chỗ nơi tôi ở, không biết ký tên mình vì mù chữ, mỗi lần lĩnh tiền phải in dấu tay thay chữ ký. Tỷ lệ người biết đọc còn thấp, 31.5%, trong đó chỉ có 15% là phụ nữ. Giới trí thức bỏ trốn tỵ nạn tại nước ngoài trong thời kỳ chiến tranh chống Nga (1979-1989), và các chương trình giáo dục bị cộng sản hóa. Sau đó khi Taliban cầm quyền thì họ chấm dứt giáo dục cho phụ nữ. Afghanistan là một nước trải qua nhiều năm chiến tranh cho nên nạn nghèo còn tràn lan. Nhiều phụ nữ còn mặc áo trùm đầu (Burkha) đi ăn xin trên đường.

Tôi hỏi một ông có học, từ Mỹ về và ông ta cho là họ lười biếng vì ăn xin dễ hơn là đi làm. Đầu đuôi việc này phức tạp hơn nhiều và đạo Hồi có trách nhiệm nặng nề. Đạo Hồi khắt khe hơn đạo Khổng (chỉ "nam nữ thọ-thọ bất thân" mà thôi) nhưng đối với đạo Hồi thì phụ nữ không thể làm việc tại một nơi nếu không phải thuộc gia đình hay người thân. Con gái đến tuổi dậy thì phải mang khăn choàng và có khi còn phải che kín, trùm đầu. Như vậy đối với người phụ nữ giúp việc nhà, mà dám đi làm ở một nơi mà đàn ông không phải là thân thuộc, hơn nữa, lại là người ngoại quốc, thì phải là người rất phóng khoáng, liều lĩnh.

Phim "Osama" nổi tiếng được giải thưởng điện ảnh kể lại chuyện một bà bác sĩ góa chồng dưới thời Taliban, không có con trai nên mỗi khi đi khám bệnh phải cắt tóc đứa con gái, giả nó làm con trai để có thể cùng với nó đi ra ngoài làm

việc. (Đạo Hồi kiểu Taliban hay kiểu Arập Saoudi thì mỗi lần ra người đường phụ nữ cần đi với một người phái nam trong gia đình, dù là một đứa con trai nhỏ cũng được.) Phim này kể lại đời sống cơ cực của các phụ nữ góa chồng, không có quyền đi làm bên ngoài, không có phương cách sống, luôn luôn bị bọn Taliban hành hạ.

Từ đó tôi hiểu được tại sao trong các tiệm tạp hóa, hay việc bán rau, bán trái cây, bán thịt ngoài chợ, toàn là đàn ông làm, không hề thấy bóng dáng một người phụ nữ. Điều này trái ngược lại với truyền thống Đông Á, các việc buôn bán hay chợ búa phần lớn do chị em phụ nữ đảm trách. Các người giúp việc trong nhà cũng toàn là đàn ông, kể cả việc lau chùi dọn dẹp, nấu bếp. Như vậy đạo Hồi và các thói quen đã tạo phụ nữ trở thành công dân hạng hai. Afghanistan còn rất nghèo, số phụ nữ và trẻ em ăn xin rất nhiều. Người tỵ nạn từ Pakistan và Iran trở về lên đến vài triệu, tổ chức có tốt đến đâu cũng không thể có ngay việc làm cho tất cả, trong khi đó ở nông thôn một số nông dân chưa thể kịp thời trồng trọt hay có một việc làm nào khác.

Cảnh ngoài phố: tỉa râu cho nhau

Afghanistan có bộ tỵ nạn và định cư, được các cơ quan của LHQ trợ giúp rất nhiều nhưng một số người đã về thành phố để ăn xin. Đặc tính người ăn xin bên này là rất dai dẳng. Nhiều khi họ đi theo đàng sau và bất chợt nắm áo mình mà kéo, làm giật mình. Tôi vẫn nhớ lời mẹ dạy khi tôi còn nhỏ là nên bố thí người nghèo, nhưng hôm tôi mới tới xứ này, chưa có tiền, trong khi ngồi đợi anh tài xế xe đi lấy một món đồ, có ông ăn xin đến gõ cửa xe, dù tôi ra hiệu tôi không có tiền, ông ta nhất định không đi và cứ tiếp tục gõ cửa cả đến mười phút cho đến khi anh tài xế trở về và đẩy ông ta ra chỗ khác. Hình như ông ta không tin là tôi không có tiền và xem như nhiệm vụ của một người ngoại quốc như tôi là phải cho tiền ông ta.

"Afghan kiều"

Có nhiều người Afghan từ nước ngoài về, gọi là "returnees," mang sự hiểu biết và tài năng của họ về giúp đỡ đất nước. Họ được sử dụng, nhiều người giữ những trách nhiệm quan trọng trong guồng máy của xứ sở. Chính sách chính phủ Karzai khá cởi mở, khác hẳn Việt Nam. Afghan kiều được mời về nước và trọng đãi, vì cũng như Cambốt, các trí thức xứ này đã từng bị giết chóc chạy trốn tản mát nhiều nơi trên thế giới.

Một số người ở nước ngoài về kinh doanh, mua nhà cho mướn, mua xe cho thuê, giúp gia đình cơ hội làm ăn... nhìn chung cũng giống như người Việt Nam. Nhiều người cũng lợi dụng - họ mua xe, mướn tài xế, cho thuê xe thu tiền đô la, nhưng trả người làm bằng tiền Afghanis, lắm khi trả lương rất trễ, có khi quịt luôn. Ông chủ nhà chỗ chúng tôi ở là từ San Diego trở về. Ông ta sửa nhà qua loa, lấy trước một năm tiền nhà, nhưng trong nhà ống nước hỏng, giây điện mắc bậy bạ, nhà không đúng tiêu chuẩn cho thuê nhưng vẫn muốn được trả tiền sòng phẳng theo giá cả Mỹ. Mặc dù họ cư trú tại các nước ngoài đã 20, 25 năm nhưng về nước thì lại đâu vào đó, không còn cái tinh thần

trách nhiệm, sòng phẳng học được của Tây phương. Không biết Việt kiều thì có khá hơn? Nhìn chung thì người từ nước ngoài trở về đầu tư rất nhiều trong việc tái thiết, nên Kabul và các tỉnh khác nhộn nhịp về xây cất, về buôn bán địa ốc và nhiều ngành thương mại khác. Nhưng vì thiếu luật lệ nên còn gặp nhiều trường hợp lạm dụng.

Một số người khác trở về đóng góp trong khu vực công. Họ được trả lương cao hơn người trong nước trong thời gian hai năm, rồi sau đó nếu tiếp tục làm việc thì lãnh lương theo chỉ số trong nước. Họ làm cố vấn cho các bộ trưởng (thường là các ông tướng - sứ quân, biết nhiều về súng ống như mù tịt về hành chính. Tổng thống Karzai có phần nhún nhường để tạo ổn định, giải quyết từng bước các khó khăn, tình hình này có thể làm liên tưởng đến TT Diệm khi đối đầu với Bình Xuyên và các giáo phái khi mới về lãnh đạo Miền Nam. Một số người có chuyên môn nhưng phần lớn là những chuyên môn lỗi thời, thuộc thập niên 1970. Khi ở nước ngoài có khi họ làm những công việc không đúng chuyên môn của họ cho nên khi về nước thì không mang nhiều hiểu biết mới. Ví dụ một Tiến sĩ canh nông trước đây vài ba thập niên, sang Hoa Kỳ tị nạn làm nghề khác, nay trở về lại làm việc trong bộ Canh nông, hầu hết kiến thức trồng trọt của ông ta là của ba mươi năm trước. Nhưng chắc cũng không sao, vì nghề nông xứ này thì còn lỗi thời gấp bội.

Còn nhiều người khác giữ những chức vụ khá cao. Ông Phó Tổng Thống Asalan là cựu nhân viên Ngân Hàng thế giới, các cố vấn cao cấp trong chính phủ đã có nhiều người làm cho các cơ quan quốc tế. Họ đang đối diện với việc tái thiết đất nước này, một việc phức tạp lớn lao nhiều khi vượt quá hiểu biết và kinh nghiệm của họ, để mong đưa xứ này ra khỏi chậm tiến và bắt kịp đà tiến triển thế giới.

Bầu cử Tổng thống đầu tiên hậu Taliban

Bây giờ đang là vào mùa bầu cử Tổng thống. Trong thành phố và tại nông thôn đã có nhiều ứng cử viên xuất hiện. Mười tám ứng cử viên ra tranh cử ghế TT trong đó có một phụ nữ. Đây là việc mới mẻ, táo bạo vì chỉ mới cách đây ba năm, phụ nữ không có quyền ra khỏi nhà mà không đi với một người đàn ông trong gia đình. Cuộc tranh cử chưa mấy sôi động vì ở đây còn nhiều tướng vùng - sứ quân (war lord) và dân chúng đi bầu có thể còn bị ảnh hưởng về sắc tộc. Cũng nên biết xứ này gồm nhiều sắc tộc khác nhau, lắm khi chia rẽ nhau, dân chúng còn có tỷ lệ thất học hay mù chữ còn khá cao cho nên rất có thể chỉ bầu theo lãnh tụ của họ.

Chính phủ của Tổng thống Karzai được Liên Hiệp Quốc và quốc tế trợ giúp cho nên có rất nhiều cố vấn và chuyên gia làm việc trong mọi ngành. Đặc biệt LHQ giúp rất nhiều trong việc tổ chức bầu cử lần này. Trên 10.5 triệu cử tri được ghi danh và có trên 5000 trung tâm đầu phiếu.

Mới đây Taliban và Al Queda đe dọa phá cuộc bầu cử, nhưng tại Kabul và các tỉnh lân cận coi bộ cũng yên ổn. Lâu lâu cũng có pháo kích bằng rocket vào thành phố Kabul. Quân ISAF (International Security Armed Forces) của khối Bắc Đại Tây Dương (NATO) vẫn lo lắng canh phòng thành ra cũng không mấy lo. Đến số thì đạn pháo kích rơi thẳng vào nhà, trường hợp đó thì ráng chịu thôi. Các tỉnh miền Tây hay Đông Bắc thì tình hình yên tĩnh, chỉ có các tỉnh ráp giới với Pakistan là còn tàn dư của Taliban hay Al Queda lâu lâu lại làm mất an ninh, bắt cóc hay giết người. Vừa rồi TT Karzai muốn tranh cử tại Gadez đã phải hoãn vì có rocket bắn vào không xa bãi đáp trực thăng. Địa dư Afghanistan, núi non hiểm trở, có nhiều hang động cho nên quân tàn dư Taliban còn chỗ ẩn nấp.

Một chuyến viếng thăm nông thôn

Tôi có dịp đi thăm hai tỉnh Meedan và Mazar-e-Sharif bằng xe hơi. Trước khi rời Kabul, tôi thấy một số người cầm dụng cụ làm việc đứng ngay tại một bùng binh của thành phố. Hình ảnh này không khác gì "chợ người" ở Hà Nội. Hiện nay Kabul có cơn sốt xây cất, thiếu nhiều thợ có tay nghề.

Chỗ nào có tàn phá thì có xây cất rất nhiều, phần nhiều do tiền của người Afghanistan sống tại Mỹ, Pháp, Đức... mang về. Hiện nay Kabul thiếu nhà cho người ngoại quốc thuê, thiếu nhà cho dân tỵ nạn trở về cho nên việc xây cất, tái thiết là chính. Vùng phụ cận Kabul an ninh có vẻ tốt, xe hơi chạy thoải mái.

Trên đường đến tỉnh Meedan tôi thấy rất nhiều chợ búa, bán hoa quả như nho (mùa này là mùa nho — nho Afghanistan nhỏ màu xanh nhưng ngọt và không có hột), dưa hấu, dưa gang, mận, đào... các loại rau củ như hành tây, hành lá, cà chua, cà tím, khoai tây..., hàng bán thịt, tiệm bánh mì kiểu Ấn Độ gọi là "Nan," tất cả đều do đàn ông bán. Hiện tượng thiếu bóng dáng phụ nữ tại những nơi chợ búa, buôn bán khiến cho tôi có một cảm giác hụt hẫng, như đứng trước một cảnh tượng không

thật. Thì ra mình đã sang một nền văn hóa khác hẳn, trong đó người đàn bà đóng một vai trò hoàn toàn không giống với những xã hội mình đã sống qua từ nhỏ. Các cửa hàng tạp phẩm cũng bán đủ thứ: dầu ăn từ Dubai, từ Pakistan, trứng, đồ hộp, giày dép cao su Trung Quốc v.v... không thiếu thứ gì. Ngoài ra trẻ em còn có các quán chơi "computer game - trò chơi điện tử," ăn cà rem và xem phim video Ấn, Hong Kong, quang cảnh ồn ào, tấp nập. Sức sống của người dân sau thời kỳ "đồ đá Taliban" đang hồi phục rất mãnh liệt.

Chợ bán thịt

Đường quốc lộ rất tốt và người ta cho tôi biết là do viện trợ Mỹ USAID xây cất. Đường nhỏ nhưng tráng nhựa phẳng phiu, xe chạy thoải mái. Vì Kabul nằm trong một lòng chảo, cho nên muốn ra khỏi Kabul phải leo qua dẫy núi bao quanh thành phố, trên đường toàn là xe vận tải đủ kiểu, xe Maz của Liên Xô cũ, Izuzu của Nhật, Tata của Ấn hay Mercedes của Đức... chở đầy hàng hóa hàng hàng lớp lớp đổ về Kabul. Hàng hóa thường là từ Pakistan, Iran hay Trung Quốc vì Afghanistan không sản xuất đủ hàng tiêu dùng và cho công nghệ. Trên đường có rất ít các trạm cảnh sát chận xe hỏi giấy tờ.

Hai bên đường là các nông trại hay dất rẫy bỏ trống vì trong nhiều năm qua Afghanistan bị hạn hán, thiếu nước, không thể trồng trọt được. Đa số chỗ nào có nước là do lấy từ giếng. Mặc dù bị hạn hán nhưng các giếng sâu cũng có nước là vì Kabul ở cao độ 1800 m về mùa đông có rất nhiều tuyết, khi mùa xuân trở lại tuyết tan thành nước thấm vào đất. Đào xuống khoảng 5-10 m là có nước và nếu sâu hơn nữa thì gặp nước rất tốt, trong vắt. Nhờ vậy có nhiều nông trại trồng trái cây. Chỗ nào đất bỏ trống thì có các đàn cừu, đàn lạc đà tới đó ăn cỏ. Tại nhiều miền nông thôn xa xôi, ngựa và lạc đà vẫn là phương tiện chuyên chở chính. Vì đất nhiều nơi cằn cỗi cho nên chăn nuôi là một ngành chính của nông nghiệp. Ở đây 80% dân chúng sống về nghề nông, trồng trọt hay chăn nuôi bò, cừu, gà... Ngoài ra còn thấy rất nhiều nơi phá núi để lấy đá xây cất.

Tỉnh lỵ Meedan gồm một số căn nhà nhỏ, có chợ, tiệm thuốc tây v.v... khá tấp nập. Sức sống dân chúng dù nghèo nhưng có vẻ có nhiều tiềm năng mạnh. Tỉnh đường là một tòa nhà một tầng, lớn không bằng trụ sở tờ báo Người Việt ở California. Đến nơi tôi gặp và làm việc với tỉnh trưởng vì tôi cầm đầu một ê-kíp có nhiệm vụ lo về cải cách hành chính (CCHC), cải tổ chính quyền, chọn người để giữ lại hay sa thải, đào tạo người mới... nói chung trách nhiệm cũng khá nặng nề. Ông tỉnh trưởng thuyết trình cho chúng tôi những khó khăn trong hành chính tỉnh trong nhiều năm qua. Tỉnh ông có dân số khoảng 60,000 người và có chín huyện. Dân chúng ở đây không đóng thuế gì cả, tất cả 100% trông cậy vào tài trợ ngân sách trung ương. Lãnh vực cần nhiều sự giúp đỡ nhất là huấn luyện và đào tạo nhân sự. Nên nhớ là Afghanistan có trên 15 năm nằm trong chính quyền cộng sản, tiếp theo là các thành phần Mujahedin (quân kháng chiến chống CS) của nhiều phe phái không biết gì về hành chính, quản trị, và sau đó thì là Taliban Hồi giáo cực đoan, nên nền hành chánh xứ sở này nát bét, không còn một chút thể thống và trật tự nào. Dưới chính quyền Mujahedin và Taliban thì luật lệ và hành chính là khẩu AK. Nay sửa lại chính quyền cho

chính phủ Karzai theo hệ thống hành chính công tân tiến là một công cuộc thay đổi vĩ đại đòi hỏi nhiều công sức và thời gian.

Tuy khó khăn, nhưng nếu so sánh với việc cải cách hành chánh tại Việt Nam hiện nay thì công cuộc của Afghanistan thật tình hơn, không có cái đảng CS lúc nào cũng chỉ muốn ôm lấy quyền hành cho một mình mình. Ở đây không có cái trở ngại khó vượt qua ấy nên triển vọng cải tổ sáng sủa và nhanh chóng hơn. Chỉ có một số thủ tục về tôn giáo, trước khi làm việc tại trụ sở, có một giáo sĩ Hồi giáo đọc kinh. Sau khi gặp tỉnh trưởng, chúng tôi có cuộc họp-thuyết trình về CCHC cho nhân viên tỉnh. Tại tỉnh không có điện cho nên phải dùng một máy phát điện nhỏ.

Đa số dân sống trong các nhà làm bằng đất, tường gạch tráng một lớp đất sét bên ngoài, mùa lạnh tương đối giữ nhiệt độ ấm trong nhà và mùa hè thì lại mát mẻ. Dần dần các cơ sở hành chính được tái xây dựng bằng ciment nhưng không biết khi mùa đông tới thì có giữ nhiệt trong nhà tốt bằng vách đất hay không?

Ở nông thôn thì vì bị hạn hán không trồng được nhiều lương thực, nếu có trồng thì cũng chỉ đủ ăn, thường chỉ bán ra ngoài một số rau quả và ít sản phẩm chăn nuôi như gà, cừu, và lông cừu để làm quần áo. Nhà nông dân có khi dùng bình dầu hỏa bơm hơi để nấu hay có thể có bếp gaz. Về phương diện này nông thôn tại đây tiến bộ hơn nông thôn Việt Nam. Các bình gaz được bán rất nhiều và nghề recharge bình gaz là một nghề mới. Afghanistan có nhiều tài nguyên về khí đốt-gaz và trước đây vẫn xuất sang Liên Xô.

Phương tiện chuyên chở phổ thông tại các tỉnh là xe đạp "Phượng Hoàng" của Trung Quốc, hay xe gắn máy 125 cc hiệu Tonda (chứ không phải Honda) từ TQ nhập sang với giá lẻ mạt 450 Mỹ kim một chiếc. Các phương tiện này đang thay thế dần cách chuyên chở truyền thống bình dân là ngựa, lừa hay lạc đà. Xã hội tại các tỉnh cũng thay đổi nhiều. Năm nay là năm 1383 theo lịch Hồi Giáo, tại các tỉnh dân chúng đã dùng máy radio, đĩa CD, VCD hay DVD nhập từ Pakistan, Ấn Độ, Trung Quốc hoặc các nước khác. Có nhiều phim Mỹ, Ấn, Hong Kong v.v. và dân ở đây thích coi các phim "action" tại các tiệm bán càrem, nói chung là đời sống có dễ chịu, bớt khắt khe hơn trước rất nhiều.

Khi thảo luận với phó tỉnh trưởng về việc tại sao tỉnh không có gây quỹ riêng của địa phương mình thì ông ta nói dân bị hạn hán, tỉnh tuy có nhiều tài nguyên nhưng không đánh thuế gì được cả, phải trông cậy 100% vào trung ương. Chúng tôi thấy vấn đề là ở chỗ trình độ dân chúng lẫn chính quyền đều thấp, không hiểu một cách kỹ càng về thuế vụ hay bổn phận công dân. Chúng tôi hứa sẽ trở lại với chuyên gia phát triển nông thôn để xem kỹ lại tình trạng phát triển ở đây, và nếu được giúp đỡ tái dựng lại nền hành chính cho tỉnh này.

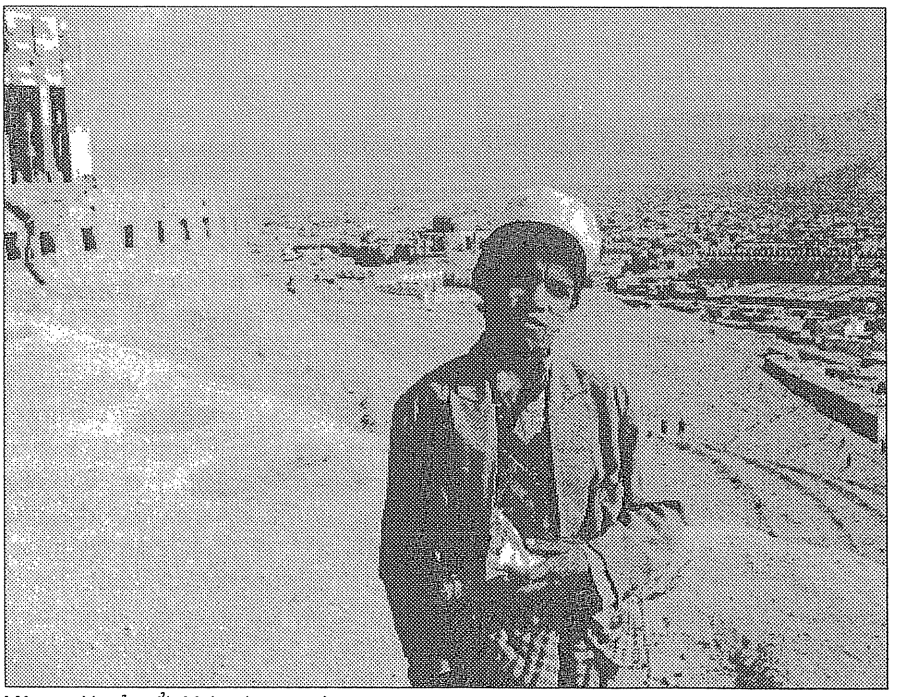
Một người trẻ tuổi Afghanistan ngày nay

Tỉnh Mazar-e-Sharif thì khác hẳn. Tỉnh lỵ Mazar-e-Sharif có khoảng 1.5 triệu dân, phần lớn là người bộ tộc Tajik, giống dân sống ở phía bên kia biên giới Uzbekistan. Nhưng đây cũng là một nơi "hổ lốn" về chủng tộc. Nhiều người giống hệt Tây, mắt xanh, mũi lõ và râu ria xồm xoàm. Nhiều người khác thì

Cây cầu phía sau khiến tác giả (thứ ba từ trái) nhớ đến cầu Hiền Lương của Việt Nam năm nào

giống Mông Cổ, thậm chí có cả da vàng mũi tẹt. Tại đây còn nhiều ảnh hưởng của Nga: xe vận tại Kamaz, xe jeep Uwat, xe Molotova, xe Maz, máy cầy, máy lạnh, lẫn lộn với các đồ điện của TQ, Pakistan, Iran... Tại nhiều huyện giáp biên giới với Uzbekistan người dân còn biết nói tiếng Nga. Nơi đây có tiếng là chống Taliban lẫn chống Nga nhưng phải công nhận là người Nga có xây dựng rất nhiều cho địa phương này, nên dân chúng không mấy thù quân Nga.

Tỉnh này cũng có tiếng về việc trồng và sản xuất á phiện. Mặc dù để ý nhưng trên các cánh đồng tôi chỉ thấy cây bông gòn, bắp, các loại dưa hấu, dưa gang v.v... nhưng chưa thấy bóng cây thuốc phiện. Phải nói là tỉnh này đang bị hạn hán và gặp nhiều khó khăn về nông nghiệp, và sở nông nghiệp tỉnh đang có nhiều cố gắng tìm các cây trồng khác để thay thế cây thuốc phiện.

Tôi có đi thăm nhiều huyện. Tại huyện Heratan giáp biên giới có cây cầu sắt chia Afghanistan và Uzbekistan. Cây cầu này làm tôi nhớ cầu Hiền Lương ở vĩ tuyến 17 mà tôi thăm vào mùa hè đỏ lửa 1972 vào khi chiến tranh đang ác liệt. Nhớ lại chuyến viếng thăm Bến Hải năm xưa, tôi bùi ngùi, mặc dù vào năm 1996 tôi lại có dịp thăm Bến Hải, nhưng cảm xúc của một thời đất nước phân chia và bao kỷ niệm của đất trời miền Nam đã không còn. Đứng chỗ này tôi thấy các xe vận tải từ Nga, các xe này từ Taskhent, hoặc từ Uzbekistan, nơi quân đội Mỹ có căn cứ tiếp vận, chạy xuống Mazar-e-Sharif. Có nhiều xe vận tải chở đồ cho quân đội Mỹ (không phải đóng thuế) đồn trú tại phi trường Mazar. Còn có quân Anh, Thổ và Pháp đóng tại tỉnh này nữa.

Ở đây thỉnh thoảng có đụng độ giữa các bộ lạc, các dân tộc hay giữa hai làng với nhau. Vì nơi đâu cũng sẵn súng cho nên lần nào cũng có ít người thiệt mạng. Nhưng phải nói là tỉnh này tương đối yên tĩnh. Trong làng trẻ em được đi học, con gái đi học rất nhiều. Làng quê có con sông nhưng thiếu lũy tre, hơn nữa bốc rất nhiều bụi cát, làm tôi không thể liên tưởng đến quê cũ ở Việt Nam. Giáo dục, y tế đều miễn phí. Chính phủ phải trả cho tất cả các chi phí này trong khi dân không đóng đồng thuế nào. Ngân sách được nhiều nước viện trợ. Tôi nói với Huyện trưởng rằng đây là một nơi được ưu đãi đặc biệt, ít có cộng đồng nào trên thế giới được hưởng nhiều thứ mà không phải đóng góp gì cả. Thật ra vùng này trù phú, đất đai mênh mông trồng lúa mì, cày cấy toàn bằng máy, chỉ vì nạn hạn hán nên đồng ruộng phải bỏ hoang.

Chuyến làm việc ở đây thành công và trên đường về Kabul, xếp hàng mua vé và chờ xét hành lý trước khi lên máy bay Antonov của Nga là cả một phiền toái. Dân Afghan quen chịu đựng, tự trải tấm khăn trên cỏ ngồi đợi chuyến máy bay đến không đúng giờ.

(Còn tiếp)

Trả lại sự thật cho lịch sử

SỰ NGỤY TẠO TÀI LIỆU LỊCH SỬ CỦA THỰC DÂN PHÁP

NGUYỄN QUỐC TRỊ

(Xin xem từ số 184)

D. Sử thực dân bỏ lơ thời gian Nguyễn Văn Tường đánh giặc ở Bắc

Bouinais và Paulus, trong sách dẫn trên, xuất bản năm 1885, trong một bản tiểu sử của NVT, không cho biết dựa vào nguồn gốc, xuất xứ nào, (mặc dầu, như đã nói, ông có thể đã dựa vào tài liệu mật vụ giữ trong văn khố Pháp, CAOM, Amiraux, F44, 11785, hồ sơ số 7) đã kể rằng từ 1867 đến 1873, NVT vẫn làm doanh điền sứ tại Quảng Trị, rồi đổi qua làm Tham Tri bộ Lễ, rồi làm phó sứ trong phái bộ đi Sài Gòn điều đình với Pháp. Mặc dầu Bouinais không nói rõ NVT đổi qua bộ Lễ lúc nào, chính sử cho biết rằng khi NVT được triệu hồi từ Bắc về thì mới được tạm cho hàm Tham Tri để tham gia sứ bộ Lê Tuấn đi vào Nam. (ĐNTL, XXXII, 304) Như vậy có nghĩa là theo Bouinais, từ 1867 đến 1873, NVT bị đày ở Cam Lộ để đền cái tội nịch chức của người tiền nhiệm, mà y đã gán cho NVT. Sự sai lầm ấy tiếp diễn dài dài về sau, mãi cho đến ngày nay. Tác giả Cosserat đã ghi lại nguyên văn tiểu sử ấy của sách Bouinais trong tập san của Đô Thành Hiếu Cổ [BAVH, số 3, 1924, 278-9] như đã nói trên. Gần đây, trong cuốn *Những nhân vật lịch sử nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam*, các nhà biên soạn cũng nói rằng NVT làm Khâm phái tại Quảng Trị suốt bảy năm, từ 1866, lúc ông bị giáng chức vì vụ loạn Đoàn Trưng khi làm phủ doãn Thừa Thiên, cho đến khi được cử làm phó sứ vào Sài gòn thương thuyết về vụ Francis Garnier năm 1873, không biết gì đến việc ông đánh giặc ở Bắc trong gần suốt cả thời gian đó. (Tôn Nữ Quỳnh Trân, chủ biên, TPHCM: Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin, 1993, 242) Rồi mới đây, trong một bộ sử tương đối có giá và đứng đắn, nghiên cứu đúng qui tắc dựa theo nhiều tài liệu gốc và đầu tay, như Đại Nam Thực Lục, Mục Lục Châu bản, và văn khố Pháp, tác giả Vũ Ngự Chiêu cũng quên thời gian quân vụ của NVT, và chỉ nói, có lẽ dựa theo văn khố Pháp đã dẫn trên, rằng hồi 1862, NVT về làm việc ở Bộ Công; rồi chịu tang cha khá lâu. *Mãi tới năm 1867 mới ra làm quan trở lại, giữ việc trị nông ở Quảng Trị. Năm 1869, Tường về Bộ Lễ. Năm 1873 . . . Tường làm Phó sứ vào Sài-gòn dàn xếp vụ Dupuis* . . . (Các vua, op. *cit.*, 317). Phải đợi đến năm 2002, trong một cuộc hội thảo ở Huế về nhân vật này, mới xuất hiện một "Niên biểu Nguyễn Văn Tường [1824-1886]" tương đối đầy đủ và chính xác, dựa vào gia phả gia đình NVT và Đại Nam Thực Lục, của tác giả Lê Tiến Công, Đại học Khoa học Huế. (HTNVTHUE02, 141-149)

Lý do của sự sơ sót này của sử gia ta cũng khá dễ hiểu. Tài liệu gốc của ta bị mất mát quá nhiều. Châu bản các triều Nguyễn chỉ tìm được lại may lắm độ gần một phần năm, và trong số đó phần đã được khai thác, xếp đặt để cho độc giả sử dụng, còn quá ít ỏi. Còn về tài liệu đầu tay là bộ Đại Nam Thực Lục thì bản dịch ra từ chữ Nho chỉ mới hoàn thành vào năm 1978. Các bộ Đệ Tứ, Ngũ, Lục liên quan đến các triều từ Tự Đức đến Đồng Khánh đều được soạn xong dưới thời Pháp thuộc, nhưng rất ít người dùng, vì lẽ không còn mấy người biết chữ Nho, và Triều đình, vì lý do chính trị, chỉ dùng các bộ sử trong nội bộ, và không phổ biến ra ngoài, để cho các học giả được dễ dàng sử dụng. Riêng bộ Đệ Lục kỷ liên quan đến thời Đồng Khánh, thì sự phổ biến có phần rộng rãi, vì vào thời này mọi sự đã được Nam Triều làm và viết theo ý muốn của người Pháp rồi, không có gì cần giấu giếm. Các sử gia thường dùng cuốn Quốc Triều Chính Biên Toát Yếu của Cao Xuân Dục, là cuốn sử đã tóm lược một cách quá vắn tắt toàn bộ Đại Nam Thực Lục 38 cuốn. Sử gia Trần Trọng Kim, khi viết về một giai đoạn lịch sử rất quan trọng, như các năm trước và sau ngày thất thủ kinh đô, có chú giải rằng "Những truyện trong Triều lúc bấy giờ phần nhiều là lấy ở quyển 'Hạnh Thục Ca'...", *(op. cit.*, 220, ct. 171), tức một bài vè, chớ không phải từ Thực Lục! Dùng Đại Nam

Thực Lục phải mất rất nhiều công phu. Bộ sử không phải dễ tìm, vì ở Mỹ bản dịch ra Việt ngữ chỉ có lưu trữ ở Thư Viện Quốc Hội, và độ năm đại học, (Berkeley, Cornell, Michigan [Ann Arbor], Washington [Seattle], Hawai). Rồi việc một số cuốn trong toàn bộ bị thất lạc là chuyện thông thường, và vấn đề đi đến thư viện để đọc tại chỗ cũng hết sức tốn kém. Cuộc đời NVT được ghi chú rải rác trong cuốn 23 rồi từ cuốn 27 cho đến 38, mỗi cuốn trung bình 350 trang. Như vậy, lấy tiểu sử làm sẵn trong sách nào đó, Tây hay Việt gì cũng gọn cả, đỡ công biết bao nhiêu. Mà sách của Pháp thì nhiều vô số, nhứt là sách của Giáo hội Công giáo. Sử gia Chiêu đã phải than thở rằng tài liệu về các thiệt hại bên đạo thì đầy dẫy, mà không thấy sách nào nói về thiệt hại bên lương. (Các vua, Tập 2, op. *cit.*, 496, ct. 85) Thật là "cái khó bó cái khôn" của sử gia một nước nghèo! Rồi còn vấn đề viết sử theo đúng qui tắc, với đầy đủ lương tâm chức nghiệp, có giúp cho người viết sống nổi không?

Tóm lại, cái vòng lẩn quẩn do sự chậm tiến của quốc gia đã tác hại biết bao đến danh dự, uy tín của tiền nhân ta nói chung cũng như riêng của NVT.

E. Nguyễn Văn Tường vi ước, hiếp Vua , và ăn hối lộ của nhà buôn Tàu?

Năm 1874, NVT đã ký các hiệp ước chính trị và thương mãi với Pháp, chính thức hóa việc nhường đất Nam kỳ, để: Thu hồi bốn tỉnh Bắc kỳ; Nước nhà khỏi phải tiếp tục trả số bồi thường chiến phí hàng năm cho Pháp; Nhận được năm chiếc tàu chiến và một số khá nhiều súng trường và đại bác của Pháp tặng; Được Pháp bảo vệ chống ngoại xâm hay nội loạn nếu Việt Nam yêu cầu; Và, trên hết, giữ được chủ quyền ở Trung và Bắc kỳ, hầu thực hiện sách lược "hòa để thủ, thủ để mưu chiến," mà NVT đã từng đề nghị lên vua.

1. Ngăn trở việc thi hành hiệp ước 1874 đã ký?

Sau đó, NVT đã được vua Tự Đức tin dùng và ủy cho phụ trách công tác ngoại giao, tài chánh, và an ninh quốc gia, để thực thi sách lược đó trong trường kỳ. Với tư cách Thương bạc viện đại thần phụ trách về ngoại giao, NVT áp dụng chiến thuật hòa hoãn, lúc nào cũng "chịu nhục" nhẫn nhịn, mềm dẻo, vồn vã tươi cười với "rợ Phú," nhưng không bao giờ để cho Pháp lấn áp và xâm phạm vào chủ quyền của Triều đình. Với tư cách là thượng thư bộ Hộ, NVT đã giúp vua thi hành kế hoạch sơn phòng, phối hiệp việc phát triển kinh tế, khai khẩn đất hoang với việc phát triển những căn cứ quân sự ngầm trong rừng núi, cải tiến chế độ thuế khóa hầu tăng gia tài nguyên để chế tạo và nhập cảng võ khí tân tiến và canh tân binh đội. Về phía Pháp thì sau khi hiệp ước 15-3-1874 được Quốc hội Pháp phê chuẩn, Rheinart được cử làm Đại lý Đại sứ (Chargé d'affaires) tại Huế để theo dõi việc áp dụng hiệp ước. Rheinart, một sĩ quan hải quân chuyển qua ngạch hành chánh, là một viên chức rất tự phụ, kiêu ngạo, và kiên trì trong việc lấn hiếp để áp đặt một nền bảo hộ trên phần đất còn lại của nước Đại Nam. Ông Đại lý muốn buộc vua quan áp dụng hiệp ước theo ý ông, nghĩa là chịu sự bảo hộ của Pháp, nhưng NVT đã cương quyết và khéo léo từ chối mọi đòi hỏi đi quá hiệp ước. Vì vậy Rheinart rất bất bình với NVT và nguyền rủa quan Thương bạc thậm tệ trong nhật ký và thư từ của ông. Trong phúc trình gởi Thống đốc Nam kỳ ngày 30-11-1881, ông Đại lý Pháp nói: "Trở thành thủ lãnh phe cứng rắn, chính Tường đã xúi dục Tự Đức bất chấp hiệp ước 1874, làm cho cuộc bang giao ngày càng suy thoái." (AOM Aix, Amiraux 12940, dẫn do Tsuboi, Yoshiharu, *L'Empire vietnamien face à la France et la Chine*, 1847-1885. Paris: L'Harmattan, 1987, 235, NQT dịch) . Rồi trong một bức thư sau, ngày 15-1-1883, ông nói thêm:

" . . . *Vai trò của Đại lý [ở Huế] sẽ hoàn toàn vô dụng trong một thời gian lâu dài, bởi vì người ta chỉ chỉ chịu nhượng bộ trước vũ lực mà thôi . . . Về phần tôi, thật rất hết sức khó cho tôi, hơn bất kỳ ai hết, để kiếm được bất kỳ một chút nhân nhượng nào. Tôi đã gặp quá nhiều khó khăn với Triều đình, trong thời gian đầu tiên ở Huế, và từ lúc đó, ông thượng thư bộ Hộ [Nguyễn-Văn-Tường], người hiện có uy thế và ảnh hưởng nhất đến vua, chống đối tôi một cách đặc biệt, sau rất nhiều cuộc cãi vã với tôi.*" (Livre jaune. Affaires du Tonkin, Phần 2, 12-1882 đến 1883, 68 & 69; dẫn do Delvaux, Adolphe, "La légation de France à Hué et ses premiers titulaires." BAVH, số 1, 1916, 45).

Thái độ trịch thượng của Rheinart bị vua Tự Đức công khai tố cáo sau khi ông Đại lý cùng một đoàn tùy tùng lên vùng Dương Xuân, Nguyệt Biều, nơi được xem như là long mạch của nhà Nguyễn, dẫy đất định làm sứ quán. (Về sự lộng hành của Rheinart, xem Cao Huy Thuần, op. *cit.*, 217-242)

Vì chính phủ Pháp lúc đó chưa chủ trương nới rộng cuộc chinh phục ra Trung và Bắc kỳ nên ít

lâu sau, gần cuối 1876, cử Philastre ra thay thế Rheinart. Philastre, hay Hoắc Đạo Sinh, là người đã cùng với NVT đóng góp nhiều nhất vào việc giao hoàn các tỉnh Bắc kỳ bị Garnier chiếm, và việc soạn thảo, ký kết các hiệp ước 1874. Trái hẳn với Rheinart, Philastre chủ trương áp dụng hiệp ước một cách đúng đắn, và tôn trọng chủ quyền của Triều đình. Ông đã viết cho Thống đốc Nam kỳ rằng:

"Cái hiệp ước mà chúng ta đã ký sẽ không cho phép chúng ta tham gia vào các cuộc âm mưu chống lại chính phủ hiện tại mà không khỏi mang tiếng là bất chính, vả lại hành động của chúng ta sẽ không có mảy may hy vọng thể hiện với khá đủ bảo đảm để nó khỏi bị khám phá tức thì." (AOM Aix, Amiraux 12865 [2], Philastre, Huế, 11/1878, dẫn do Tsuboi, L' Empire, op. cit., 91, ct. 118, NQT dịch).

Với Philastre, NVT và Triều đình hưởng được một thời gian tương đối dễ thở hơn cho đến giữa năm 1879 thì Philastre, khi ấy mới 42 tuổi, xin hồi hưu và về Pháp.(Tsuboi, op. *cit.,* 91-2) Lúc đó, nước Pháp đã hồi phục sau cuộc bại trận 1870, phe thực dân được lần hồi thắng thế trong quốc hội và chính phủ Pháp, và xu hướng muốn can thiệp quân sự vào Bắc kỳ càng ngày càng thịnh hành dần. Trái với hầu hết mọi đồng nghiệp của mình, Philastre phản đối việc xâm chiếm Bắc kỳ và trình bày với Thống đốc Nam kỳ rằng:

". . .sự can thiệp của chúng ta ở đó chỉ làm cho chúng ta càng trở nên thất nhân tâm và bỉ ổi hơn." (Ibid., 90)

2. Nguyễn Văn Tường lộng quyền, lấn vua?

Pháp cử Rheinart trở lại Huế thay Philastre. Chính sách lấn áp của Rheinart bây giờ thích hợp hơn ở nhiệm kỳ trước của y, vì tình thế đã xoay chiều thuận lợi cho sự nới rộng cuộc chinh phục thuộc địa. Và Rheinart được cấp nhiều phương tiện hơn để làm áp lực với Triều đình. Trong vòng một hai tháng sau khi đến Huế, Rheinart đã tăng cường nhân viên văn phòng một cách mạnh mẽ. Ông ghi trong nhật ký ngày 30-8-1879 rằng:

"Sứ quán cần canh cải: thêm một phó sứ và cả một đoàn nhân viên bản xứ với một chỉ huy, để nghiên cứu người và vật. ***Hiện bây giờ, sứ quán bị cô lập và chẳng làm được gì cả."***

[Légation à modifier: ajouter un adjoint et tout un personnel indigène avec chef, pour étudier gens et choses. En ce moment elle se trouve isolée et ne peut rien.] ("M. *Rheinart . . ." BAVH, Ibid.,* 64 , NQT dịch và nhấn mạnh).

Với số lượng nhân viên tăng cường này, Rheinart và các kẻ kế vị tìm cách mua chuộc và lũng đoạn hàng ngũ vua quan và hoàng thân quốc thích. Sách Pháp viết thời đó có kể chuyện các ông hoàng bà chúa, mặc dầu có lệnh vua triệt để cấm lai vãng trước sứ quán Pháp, đã thay hình đổi dạng lẻn vào tòa sứ, để xin chữa bịnh theo tây y, vì đông y ta không hiệu nghiệm. Nhân khi chẩn bịnh, một số những người trong hoàng tộc trình bày hoàn cảnh cơ cực của họ, sự keo kiệt của vua Tự Đức, và sự nghèo túng xơ xác của họ, gián tiếp nói khéo là họ sẵn sàng làm việc cho phía Pháp để lấy thù lao. Qua sự trung gian của các người này, sứ quán Pháp thu dụng được một số "nhân viên mật vụ" nằm trong hàng ngũ các nhân vật lớn trong Triều. (Deschannel, Paul, *La question du Tonkin*. Paris: Berger-Levrault et Cie, 1883, 348-350) Rheinart cũng có ghi trong nhật ký, và báo cáo lên thượng cấp là mình đã nhận được tin tức quan trọng do một hoàng tử, với bí danh là "B.", cung cấp. ("M. *Rheinart . . .". BAVH, Ibid.,* 94-5,, 99, 100, 104, 124-5, sẽ được bàn nhiều trong một dịp khác) Đồng thời, Rheinart dò xét các hoàng thân có cơ kế vị vua Tự Đức, và tìm cách chính thức xen vào vấn đề thừa kế ngôi vua, nhân danh nghĩa vụ bảo hộ của nước Pháp, vì theo điều 2 hiệp ước 1874, Pháp có bổn phận giúp Việt Nam chống ngoại xâm hay nội loạn, nếu Việt Nam yêu cầu. Vị Đại lý quả quyết với quan Thương bạc rằng Pháp sẽ dành quyền làm kẻ thi hành di chúc của vua [son exécuteur testamentaire] và yêu cầu vị quan trình vấn đề lên vua để cho y biết ý kiến. Không được quan Thương bạc thỏa mãn, Rheinart đặt thẳng vấn đề với vua Tự Đức nhân khi gởi thơ để chúc mừng sinh nhật của mẹ vua. Vị sứ Pháp cũng tỏ ra rất lo lắng về việc Hoàng tử Dục Đức, người đã bị Pháp mua chuộc, phạm lỗi lầm làm cho ông thất sủng, và hai hoàng tử trẻ, Tríu và Mến [sẽ là Đồng Khánh và Kiến Phúc] là em ruột cùng mẹ của dâu của NVT, sẽ có thể lên ngôi. Rheinart ghi rằng Pháp chỉ có thể chấp nhận một ông vua hoàn toàn độc lập với Thượng thư bộ Hộ NVT, và nhất thiết không cho ông Tường giữ bất kỳ một chức vụ gì, dù là công khai hay bí mật. (Ibid., 86, 120, 128, & ct. 1 của Sogny, 138).

3. Ăn hối lộ của người Khách lãnh trưng mỏ than Quảng Nam?

Vì vậy, Rheinart tìm cách gởi thơ thẳng cho

vua Tự Đức, vu cáo NVT ăn hối lộ của nhà buôn Tàu về việc đấu thầu khai thác mỏ than Quảng Nam. Hành vi thô bạo đó bị Triều đình tố cáo với Thống đốc Nam kỳ. Sau đây là nguyên văn lời tường thuật của chính sử:

*"Sứ nước Pháp nghe nói tỉnh Quảng Nam có mỏ than [Khách buôn lãnh trưng], yêu cầu xin đến khám: chưa cho, sứ ấy lại thác ra việc mật đưa thẳng lên vua, nhằm gièm quan viện bạc đại thần [NVT, NQT ct.], [trong thư nói: có người bất trung, bất công, đến nỗi ngờ nước ấy có ý gì khác, lấy nhiều của lót giả ơn của người nước Thanh; lại nói: người cho lái buôn nước Thanh khai mỏ ấy chỉ mưu lợi cho mình, không làm lợi cho nhà nước], **quan viện bạc xin đưa thư cho chủ súy Pháp, và sao bức thư của sứ ấy ghim vào gởi đi, để cho biết sứ ấy có sự không phải, để khỏi nghe một bề về sau.** [ ] Vua bảo rằng: nay nếu đem lời nói không phải của hắn, không khỏi bênh nhau bỏ đi, ích gì đến ta; thế là đều không nhịn sự giận nhỏ, để lỡ việc lớn, không phải là khéo xử. Nên mật tư từ đầu cuối việc ấy giao cho Nguyễn Thành Ý [Khâm sai đại diện Triều đình tại Sài Gòn, NQT ct.,] theo thế nói cho chủ súy hắn biết." (ĐNTL, XXXIV, 341, NQT nhấn mạnh)*

Đi sâu hơn, vấn đề này nằm trong khuôn khổ chính sách kinh tế thuộc địa của người Pháp lúc bấy giờ. Từ 1875, Rheinart đã từng lưu ý tới các mỏ than gần cửa biển Hải Phòng và mỏ kim khí ở một số tỉnh Bắc kỳ. Vào năm sau, 1876, hai người Pháp, Epistolier và Pepbau tìm ra thêm bốn mỏ than ở Bắc kỳ. Người Pháp đã có ý muốn dành độc quyền khai thác các hầm mỏ này cho mình, nên rất tức tối nhận thấy rằng từ 1878, Chiêu Thương Cuộc, [China Merchant Steamer Navigation Company, sẽ bàn sau], một công ty bán công bán tư của người Tàu, cũng như doanh nhân Đức, cạnh tranh với doanh nhân Pháp xin khai thác các mỏ than này ở đất Bắc. Sự giận dữ này biến thành một sự thù nghịch thật sự khi nghe tin doanh nhân Tàu Châu-thin-muc xin Triều đình cho lãnh trưng khai thácmỏ than Nông sơn ở Quảng Nam trong 28 năm với giá 190.000 quan tiền. (Tsuboi, op. *cit.*, 260-1; ĐNTL, XXXIV, 169) Tin này khiến cho Rheinart phản ứng một cách đột ngột và thô kệch như vậy: tố cáo với Vua Tự Đức rằng NVT ăn hối lộ của người Khách lãnh trưng có thể là một phương kế của y để ám hại NVT, đồng thời để loại trừ sự tham gia của người Tàu ra khỏi ngành hầm mỏ, hòng dành quyền lợi cho doanh nhân Pháp. Tuy nhiên, Triều đình, vì lý do an ninh, không muốn cho doanh nhân Pháp vào làm ăn trong nội địa Đại Nam, nhứt là trên vùng thượng du Bắc Việt để rồi nhân đó âm mưu xúi giục nội loạn. (ĐNTL, XXXIV, 328) Hơn nữa, thái độ lộng hành và trịch thượng của người Pháp, nói chung, và Rheinart, nói riêng, trong lúc họ chuẩn bị xâm chiếm Bắc Kỳ lần thứ hai, đã làm cho vua quan lo sợ, và tìm cách đề phòng bằng cách hạn chế sự hiện diện của người Pháp tại mọi nơi trong nước. Rút cục, Triều đình đã chiếu theo tiền lệ cho kẻ nào trả giá cao nhất được trúng thầu, và vào mùa Xuân 1881 "Người buôn nước Thanh là Lương Văn Phong lãnh trưng mỏ than ở Nông Sơn ở Quảng Nam. *[Trưng luôn 28 năm cộng số tiền thuế là 311.500 quan]." (ĐNTL, XXXV, 14, NQT nhấn mạnh) Trước đó, người Tàu cũng đã được lãnh trưng mỏ than tại nhiều nơi khác, như Ngô Nguyên Thành ở Quảng Yên.* (Ibid., 114) Vào đầu năm 1883, De Champeaux phàn nàn với thượng cấp rằng Pháp đã bỏ lỡ mất cơ hội khai thác mỏ than Quảng Nam, để cho nó lọt vào tay người Tàu, và khẩn khoản yêu cầu có biện pháp ngăn chận cụ thể về sau, vì tính cách tối quan trọng của than đá về phương diện quân sự, và kinh tế. (AOM Aix, Amiraux 12972, Champeaux gởi Thống đốc Nam Kỳ, Huế, 10-2-1883, dẫn do Tsuboi, op. *cit.*, 262) Vì vậy, Đại tá Rivière, sau khi chiếm Hà Nội vào tháng 4 năm 1882, đã được lệnh canh chừng mỏ than Hòn Gay. Đầu năm sau, 1883, công ty Tàu khai thác mỏ than Nông Sơn lại xin Triều đình lãnh trưng luôn mỏ than Hòn Gay. Rivière liền chiếm Hòn Gay vào giữa tháng 3-1883, để ăn chắc. (Tsuboi, op. *cit.*, 261-2) Mọi sự đã sáng tỏ, khi Đại tá Rivière giải bày lý do chiếm Hòn Gay với thống đốc Nam Kỳ như sau:

*"Vì nhận được thư của ông Rheinart về việc vịnh Hòn Gay và các mỏ than, vì nhu cầu cần hành động gấp, nếu ta không muốn rằng các hầm mỏ đó, mà Triều đình Huế sắp nhượng cho một công ty Tàu lớn ở Quảng Đông, sẽ lần lượt được nhượng lại cho một công ty Anh, hay nói khác cho nước Anh, **vì những tin tức rất chính xác mà ông Roque thân đến cho tôi biết, và những tin này phù hợp với những chỉ dẫn của ông Rheinart, để giảm thiểu những hậu quả tai hại, theo ý tôi, của dự án phân chia Bắc Kỳ với Trung quốc, trong đó ông Bourée hình như phải bỏ miền 'Bắc Kỳ mỏ' cho Tàu, mà ta thì giữ miền 'Bắc Kỳ gạo,' tôi đã quyết định chiếm đóng vịnh Hòn Gay . . ."** (Thơ gởi Thomson ngày 17-3-1883, trong Masson, Correspondance politique du Commandant Rivière au Tonkin, 1933, 198, dẫn do Fourniau,*

Vietnam, op. cit., 321, NQT dịch và nhấn mạnh; xem thêm thư Rheinart gởi Rivière ngày 2-2-1883, CAOM, Indo, GGI, Etat Major, Cabinet Militaire, Archives historiques, 1883, số 9)

Roque là một trong hai anh em sáng lập các công ty lớn ở Nam Kỳ khai thác việc đóng và sửa tàu thủy, cùng sự chuyển vận trên sông lạch miền Nam và ngoài biển Thái Bình Dương: Hải-Phòng, Hồng Kông, Đà Nẵng. Tự nhiên, nhóm tư bản này cạnh tranh với Chiêu Thương Cuộc trong việc chuyển vận cũng như việc khai thác mỏ than, một nhiên liệu tối cần cho tàu bè quân sự cũng như thương mãi thời đó. Jean Dupuis, sau khi cùng quân Pháp rút lui khỏi Bắc kỳ, đi theo với nhóm Roque để làm ăn. (Fourniau, Vietnam, op. *cit.,* 321-2) Tuy nhiên, ở Bắc kỳ giới doanh thương Pháp không cạnh tranh nổi với các đồng nghiệp người Anh và các cường quốc khác, và ngay cả với người Tàu. Thật vậy, về lục cá nguyệt đầu của năm 1877, chẳng hạn, Pháp không có một chiếc tàu nào ra vào bến Hải Phòng, theo báo cáo của lãnh sự Turc. Trong lúc đó thì số tàu Anh vào là 15 chiếc, và ra là 15, với trên 4.000 tấn hàng nhập khẩu, và trên 4.000 xuất khẩu; số tàu Đức là 9 vào và 9 ra, với gần 3.000 tấn nhập và 3.000 tấn xuất , và số thuyền của nước Thanh là 168 vào và 131 ra, với trên 5.500 tấn nhập và trên 4.200 tấn xuất. Trong một báo cáo khác vào cuối 1881, lãnh sự Pháp ở Hải Phòng cho biết số người Tàu ở thành phố này tăng từ con số không lên 5.000, trong lúc đó số người Pháp vẫn là con số không. (Tsuboi, op. *cit.,* 245-6) Trong bức thư ngày 6-9-1881 gởi cho người anh ruột ở Pháp, Trung úy Roget, ở Hải Phòng, đã xác nhận tình trạng đó khi mô tả quang cảnh đô thị này như sau:

*"Chúng tôi chỉ có ở đây một mảnh nhượng địa nhỏ với vài cái nhà, nhà chúng tôi [câu lạc bộ sĩ quan], nhà Lãnh sự, nhà Thương chánh và nhà Thương. Đó là hết. Ngành thương mãi gồm có hai hãng Đức, một hãng Anh, và độ một trăm nhà buôn Tàu. Về phần nước Pháp, thì được đại diện, cũng như ở mọi thuộc địa khác, bằng hai quán bán rượu tồi tàn [deux infimes mastroquets]. **Nền thương mãi Pháp trong tất cả các nước này cho thấy sự tồi bại của nó, nó chỉ gởi đi những tên cướp biển [Frères de la Côte] mà tên nào cũng trốn nợ sau khi lừa bịp đủ người, hoặc dấn thân vào một mớ kỹ nghệ ít nhiều bất hợp pháp.** Do đó, chỉ mới vừa rồi có ba tay, mà một, tên là ông De Villeroi, . . . đi Vân Nam nối gót loạn quân Tàu, với một số hàng hóa là súng đạn và một lũ Mã Lai, nhằm một mục đích không cần che đậy, là thực thi một cuộc hành quân cướp giật nho nhỏ giữa cảnh loạn lạc. Mong rằng chúng bỏ thây lại nơi đó." ("Lettres du Capitaine Roget." BAVH, số 3, 1932 , 290, NQT dịch và nhấn mạnh)*

Về vụ này, sử nhà Nguyễn kể lại một cách ngay tình rằng:

"Người buôn nước Tây [lũ Cô, Ra, Tinh ba người] theo đường Hưng Hóa đi Vân Nam, đến đồn Lũng Lỗ, cùng khiêu khích với đoàn quân Lưu Vĩnh Phúc rồi trở về. Lãnh sự Pháp đem việc ngăn trở việc buôn trách ta. Quan tỉnh Sơn Tây, Hưng Hóa đem việc tâu lên. Vua sai quan tỉnh Hà Nội, Hải Dương hỏi nguyên ủy việc ấy biện bạch với họ, cốt cho phải nghe." (ĐNTL, XXXIV, 66)

Trong lúc đó thì sử học thực dân kể rằng Villeroi cùng với Courtin là hai người Pháp đã đi thám hiểm khoa học ở miền Thượng Du và bị quân Cờ Đen hành hạ, làm nguyên cớ khởi thủy cho vụ xâm chiếm Bắc kỳ lần thứ hai của Đại Tá Rivière. (Fourniau, Vietnam, op. *cit.,* 302) Jean Dupuis, người đã gây ra cuộc xâm chiếm Bắc kỳ lần thứ nhất, cũng không kém gì Villeroi. Lúc ở Hán Khẩu, có một giai đoạn y không nói , mà cũng không ai rõ, là y làm nghề ngỗng gì trong lúc nước Tàu đang bị loạn lạc liên miên. Sau đó, Dupuis cung cấp khí giới và chuyên viên cho Thống Chế Mã Như Long, Đề đốc Vân Nam, một thủ lãnh loạn quân Hồi [Musulman] đã đầu hàng Triều Đình nhà Thanh, và giết độ một triệu quân Hồi đã từng theo mình. Dupuis đã dùng thanh thế của Thống chế Mã để hăm dọa quan quân Việt Nam, và đi đôi với Garnier và quân Cờ Vàng để chiếm Bắc Kỳ. (Ibid., 237-241) Dupuis buôn bán rất dễ dàng, không cần cạnh tranh với thương gia Tàu để đấu thầu lãnh trưng gì hết. Dưới thời Vua Đồng Khánh và Phó Vương Nguyễn Hữu Độ, Khâm sứ Pháp tư qua cho Nam Triều làm khế ước thẳng cho y lãnh trưng thuế sản vật đầu nguồn ở Thanh Hóa và Nghệ An, khỏi cần qua cuộc đấu thầu nào hết. (ĐNTL, XXXVIII, 105-6). Khi đóng ở Hà Nội, y chở khí giới, gạo và muối lên Vân Nam, rồi chở đồng và thiếc từ Vân Nam qua Hồng Kông dùng đường sông Hồng, bất chấp luật lệ cấm xuất cảng gạo và muối của Việt Nam và sự ngăn cản, phản đối của các quan địa phương. Với cách buôn lậu công khai như vậy, y thực hiện những số lời khổng lồ. Lúc Garnier chiếm các thành ở Bắc Việt thì Dupuis được Garnier "bồi thường thiệt hại" với tiền bạc của cải tịch thu

được trong các thành, với một số tiền thổi phồng và không cần giấy tờ chứng minh. Về sau, bắt đầu thời Pháp thuộc, y được hưởng quyền khai thác các mỏ than gần Kế Bào, cũng với danh nghĩa là được "bồi thường thiệt hại." Nhưng chỉ được vài năm thì doanh nghiệp này khánh tận. (Fourniau, Vietnam, op. *cit.,* 243, 262, 656) Tóm lại, người Pháp lúc đó không cạnh tranh nổi trên thương trường quốc tế, mà phải cần có sự bảo hộ mậu dịch bằng quyền lực chính trị. Do đó, sự vu cáo ông Thượng Thư bộ Hộ NVT ăn hối lộ của nhà buôn Tàu để dành mối lợi kinh tế bằng áp lực chính trị, chẳng có gì là lạ lùng cả.

Không lâu sau khi Triều đình tố cáo với Thống đốc Nam Kỳ việc Rheinart vu cáo NVT về vụ mỏ than Quảng Nam, De Champeaux được cử ra thay thế Rheinart để ông này về Pháp nghỉ phép. Làm Đại lý từ tháng 10 năm 1880 đến tháng 8 năm 1881, De Champeaux, cũng là một cựu sĩ quan hải quân chuyển qua ngành hành chánh, tiếp tục làm áp lực với vua quan, với hy vọng biến họ thành tay sai, sẵn sàng thi hành Hiệp ước 1874 theo một chiều hướng bảo hộ về thực tế.

4. Nguyễn Văn Tường bưng bít không cho Sứ Pháp gặp vua?

Vì đã từ lâu không lay chuyển được NVT, De Champeaux tiếp tục áp dụng đường lối của Rheinart là tìm cách loại bỏ ông này, và làm áp lực thẳng vào vua Tự Đức, bằng cách đòi cho được quyền diện kiến riêng Vua [audience privée]. NVT và Triều đình nhứt quyết từ chối, vì hiệp ước không cho phép việc yết kiến riêng, và đề nghị cho De Champeaux được gặp vua trong một buổi triều kiến long trọng chung [audience solennelle], và cần gì thì tâu lên vua như mọi quan khác. De Champeaux không chịu, vì cho rằng đại diện một đại cường quốc như mình không thể chịu quỵ lụy như vậy được, và tin rằng NVT là nguyên nhân chính yếu của sự bế tắc này. Sau khi vận động với Cơ mật viện Trưởng Trần Tiễn Thành để bãi chức NVT, De Champeaux báo cáo với vị Thống đốc thượng cấp rằng:

*"Quan thương bạc đến thăm tôi hôm qua và cho biết đã từ bỏ chức thượng thư ngoại giao. Tôi không ngờ đã đạt được kết quả mau chóng như vậy trong cuộc vận động nhỏ chống lại vị thượng thư ấy . . . Nhận thấy không có cách nào cải tiến cuộc bang giao chính trị, chừng nào mà ta còn phải giao dịch với vị thương bạc đó, tôi đã nghĩ cách buộc vị ấy phải rời bỏ chức vụ, và thay thế ông bằng một người ít thù nghịch hơn với ta . . . **Quan thương bạc vẫn còn giữ chức Hộ bộ thượng thư và Cơ mật viện phó. Nhứt là với chức chưởng sau này, ông sẽ vẫn có thể chống đối chúng ta. Chúng ta còn cần phải triệt hạ ông trong tư cách ấy mới mong yên ổn được."** (AOM Aix, Amiraux 12923, Champeaux, Hué, 6/2/1881, dẫn do Tsuboi, op. cit.,* 236; NQT dịch và nhấn mạnh)

Vì vậy, vị Đại lý Pháp tiếp tục làm áp lực mạnh hơn nữa để loại NVT ra khỏi Cơ mật viện, tung tin là NVT lấn quyền vua, bưng bít không cho vua gặp nhà chức trách Pháp, và Pháp sẽ cho chiến hạm đến Huế để buộc vua phải thỏa mãn những điều kiện mà họ đòi hỏi, tức quyền "diện kiến," và sự cách chức NVT. LM Nguyễn Văn Hoằng, làm Chủ sự tại viện Thương bạc, chuyên việc thông dịch, lo sợ mọi sự đổ vỡ, mật trình với các quan Viện Cơ Mật và Thương Bạc lời hăm dọa của phía Pháp, để tấu trình lên vua xử trí, hầu tránh mọi hậu quả tai hại. Vua Tự Đức sai quan thương bạc mới thay thế NVT, là Bùi Ân Niên, đến gặp hỏi thẳng De Champeaux [không có Cha Hoằng] là câu chuyện có thật vậy hay không. Trước sự trả lời "ngoại giao," úp úp mở mở, lanh quanh lẹo quẹo của vị Đại lý Pháp, vua ra dụ quở trách cha Hoằng là "bịa đặt để bịp," cách chức, và bắt về quản thúc tại nguyên quán ở Nghệ An. (Thơ văn Tự Đức, Bài dụ "Đuổi viên hành nhân Nguyễn Hoằng," 174-8) Vua cũng nhân dịp này mạnh mẽ trách cứ người Pháp đã không thành thật trong việc thi hành hiệp ước, và chỉ trích De Champeaux mới làm "chưa lâu gì mà đã xảy ra điều kia tiếng nọ." (Ibid., 177) Về vấn đề Pháp đòi loại trừ NVT, theo lời của Thống đốc Nam Kỳ, thì De Champeaux có trả lời rằng: "Việc ấy chẳng phải là một điều gì bí mật cho ông đó, cũng như cho mọi người khác . . . *và ông đó được xem như là người đã gây ra ở vua một ảnh hưởng tai hại, mỗi một khi mà chính phủ Pháp cố tìm cách đạt thêm được lòng tin cậy của Hoàng thượng." (Vo Duc Hanh, Tome I, op. cit.,* 350, NQT dịch) Trong lúc đó, vua Tự Đức hỏi rằng, trong bản sớ, Nguyễn Văn Hoằng

"Lại còn nói rằng, người Pháp rất ghét viên Bạc thần trước là Nguyễn Văn Tường, tất rồi sẽ dùng thế lực cưỡng bách truất thoái để đẩy đi xa, vậy câu nói này là nói thế nào? [ ] Ôi! Người làm tôi ai cũng vì chủ nấy, Nguyễn Văn Tường giúp vì nước nhà, tức cũng như viên sứ Pháp giúp vì nước Pháp, cái đạo làm tôi tất phải như thế, có gì mà đáng ghét? Trước kia viên ấy tuy sung chức ở Thương Bạc, cùng với ngày nay đã giải nhiệm, song phàm việc gì đều có các quan đại thần hiệp

thương rồi tâu lên mới quyết định, viên ấy có thể nào độc đoán để ngăn trở việc? Và giả sử có thể làm độc đoán thì hạng bề tôi như vậy còn nước nào mà chẳng thích dùng? Tướng nước Pháp cũng nên ban thưởng để khuyến khích cho những kẻ làm tôi trong thiên hạ và để gương đời sau vậy. Như Hán Cao Tổ phong cho Quý Bố và chém Định Công, Tống Thái Tổ phong tặng cho Hàn Thông và truất phế Ngạn Thăng, như thế mới hợp cái đạo trị nước, chớ khi nào lại xua đuổi bỏ đi, nếu như thế thì bao nhiêu kẻ làm tôi tha thiết vì vua mình cũng đuổi bỏ cả hay sao? Và còn lấy gì mà tỏ sự khuyến trừng? Vậy quyết nhiên không có lẽ ấy." (*Ibid.*, 176-7; về câu chuyện này nói chung, xin xem thêm: ĐNTL, XXXV, 15, 32-3; Vo Duc Hanh, Tome I, op. *cit.*, 349-351)

5. Nguyễn Văn Tường cho nhập cảng tiền giả để lấy của lót?

Thành công trong việc truất phế NVT trong chức vụ Thương bạc, nhưng thất bại trong âm mưu bãi bỏ chức Cơ mật viện phó của ông, Đại lý De Champeaux vẫn tiếp tục kiên trì đánh phá NVT, bây giờ trong nhiệm vụ Thượng thư bộ Hộ. Quả nhiên, tin đồn được rầm rộ tung ra là NVT đã ăn tiền hối lộ của thương gia Tàu bằng cách cho phép họ nhập cảng tiền giả vào tiêu ở Việt Nam. Đơn vị tiền tệ thời đó là đồng tiền bằng đồng, hay bằng kẽm. Các đơn vị này, có một lỗ vuông ở giữa, được xâu chung vào từng 600 đồng thành một quan. Mỗi quan gồm có 10 tiền, mỗi tiền gồm 60 đồng. Trị giá của mỗi quan tiền lại khác nhau, vì kích thước và bản chất đồng tiền khác nhau, tùy theo là tiền đồng loại lớn hay tiền đồng loại nhỏ, hay là tiền kẽm. Nhân khi đồng khan hiếm, sở đúc tiền ở Huế và Hà Nội lại đúc thêm loại tiền kẽm càng ngày càng lớn hơn. Sự lưu hành các loại tiền khác nhau như vậy đã cho phép chính quyền thỉnh thoảng thực hiện các cuộc phá giá. Năm 1867, chẳng hạn, trị giá của đồng tiền đồng nhỏ được tăng lên bằng bốn đồng tiền kẽm, thay vì ba, và của đồng tiền đồng lớn bằng sáu đồng kẽm, thay vì bốn. Đến 1870, nhà nước lại cho đúc thêm sáu loại tiền đồng, ăn 10, 20, 30, 40, 50, 60 đồng tiền kẽm, với loại ăn 60 đồng kẽm nhiều nhất để dân chúng mang đi đường cho tiện. Sau khi các tỉnh Bắc kỳ bị nhóm Dupuis - Garnier xâm chiếm năm 1873, sở đúc tiền Hà Nội phải ngừng hoạt động và Triều đình phải thuê đúc tiền ở Macao, Trung quốc. Đồng thời, lúc này các hải cảng Ninh Hải [Hải Phòng], Thị Nại [Qui Nhơn], và Hà Nội được mở cho ngoại quốc thông thương, buôn bán. Nhà buôn Tàu, nhân dịp đó, mang vào đồng tiền Trung quốc đủ loại, đủ kiểu, chưa kể đồng tiền xấu, giả đúc lậu ở Hồng Kông. Sự tràn ngập thứ tiền giả, xấu này, đồng thời với sự khan hiếm các đơn vị đổi chác quí hơn, như vàng và bạc do con buôn Tàu độc chiếm, đưa đến một tình trạng xáo trộn tiền tệ khá trầm trọng, và việc vật giá gia tăng nhanh chóng. Sau khi cho phép nhập cảng loại tiền Trung quốc để trả thuế vào năm 1878, Triều đình đã trở lại, từ 1879 đến 1881, tuyệt đối thi hành lệnh cấm nhập loại "đồng tiền dị dạng" này, và viết thơ nhờ Tổng đốc Lưỡng Quảng, Thống đốc Nam kỳ, và Thống đốc Hồng Kông trợ giúp. Theo sử gia Nguyễn Thế Anh, sự xáo trộn tiền tệ đó là một trong những căn bệnh kinh niên nan giải của triều Nguyễn thời ấy. (Nguyễn Thế Anh, op. *cit.*, 24-5; ĐNTL, XXXII, 48- 50; XXXIV, 176-7, 279-280, 355-6; XXXV, 47-8) Ông Tôn Thất Thuyết, ở Bắc đánh giặc mới về Kinh, nghe tin đồn rầm rộ rằng NVT ăn hối lộ, làm nguy hại đến nền tiền tệ quốc gia, sốt ruột, tâu trình lên vua. NVT xin vua cho đổi qua bộ khác vì thấy mình bị gièm pha. Sau khi điều tra, vua Tự Đức không nghe theo và dụ rằng:

*"Thuyết ít học không thông, lại có tật nóng nẩy, nói càn, sao đáng kể; lời đồn ở kinh đô cũng không căn cứ; . . . **Nguyễn Văn Tường từ lúc giữ việc ở bộ Hộ đến giờ, có phần hết lòng trù tính, thuế khóa của nước có hơn lên; đương lúc phải giữ đà về quân nhu bận rộn, đều được ổn thỏa cả. Trẫm đang trách ủy cho làm có thành hiệu sao nên tự đẩy đem thoái thác."** (ĐNTL, XXXIV, 370, NQT nhấn mạnh)*

Vào lúc đó, để đối phó với chiến dịch ly gián và lũng đoạn vua quan bằng tin đồn đãi do sứ quán Pháp tung ra, vua ra một bản dụ ngày 24 tháng 2 năm Tự Đức 34, 1881 "Lưu ý các bề tôi nghe lầm các lời đồn nhảm" rằng:

"Gần đây các bề tôi giữ chức ở viện hay ở bạc là các viên Trần Tiễn Thành, Nguyễn Văn Tường, Nguyễn Chính, Phạm Thận Duật, Bùi Văn Dị, Trần Thúc Nhẫn và viên Tham biện Nội các Đào Đăng Tiến hoặc giao du với quân giặc, hoặc cùng nhau bàn riêng việc công, khinh xuất cả nghe những lời đồn vô căn cứ, tâu nhàm tai trẫm, như thế đều là không biết cẩn thận giữ chức phận của mình. Dẫu nói rằng, đối với quân phụ không nên che giấu, song cũng không nên nói hão tin càn, để làm phiền lụy về sau như thế. Và vua phạt mỗi vị quan kể trên giáng hai cấp, . . ." (Thơ văn Tự Đức, op. *cit.*, 166-7)

(Còn tiếp)

Đọc "Việt Nam 1945-1995" của GS Lê Xuân Khoa

* NGUYỄN QUỐC CƯỜNG

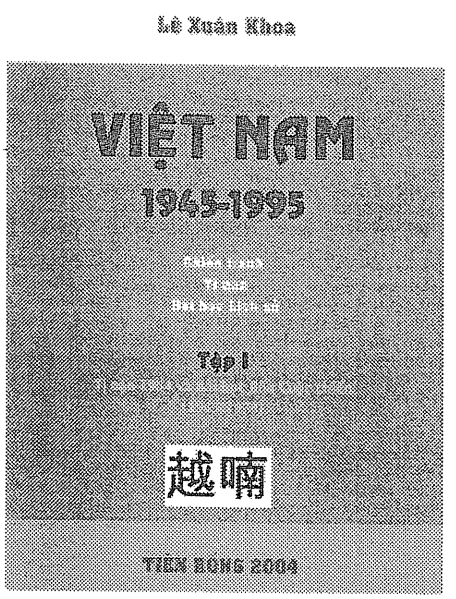

Kể từ đầu thập niên 1940 trở về trước, sử liệu Việt Nam về những cuộc chiến tranh chống ngoại xâm đều thể hiện tinh thần nhất trí của một dân tộc đoàn kết. Đó là công trình ghi chép những biến cố, thành tích, và chiến công oanh liệt của một dân tộc

chung lưng đấu cật để bảo vệ tổ quốc, chống lại những cuộc xâm lăng vũ bão của ngoại bang. Không có những khác biệt và mâu thuẫn trong công trình ghi chép lại những biến cố đã thực sự xẩy ra vào những thời điểm đó.

Lịch sử Việt Nam trong hơn nửa thế kỷ vừa qua là những trang sử của một đất nước bị chia đôi về địa lý và ý thức hệ, đưa đến thảm trạng huynh đệ tương tàn trong suốt hai mươi năm. Ngoài những vết thương cốt nhục mà mãi cho đến nay vẫn chưa được khép lại, những cuộc tranh luận về giai đoạn đau thương đó, với những luận cứ một chiều về phải-trái và công-tội, còn tiếp diễn cho đến ngày hôm nay, và kéo dài tình trạng sử dụng lịch sử vào mục đích tuyên truyền và biện minh cho các phe đối nghịch.

Tình trạng đó đưa đến một hậu quả nghiêm trọng là đã không để lại cho những thế hệ hậu sinh người Việt một khối dữ liệu chính xác và trung thực về lịch sử đất nước trong một giai đoạn bi thảm nhất, và cũng quan trọng nhất, trong tiến trình giữ nước và dựng nước.

Tôn trọng sự thật lịch sử là một điều kiện để tiến bộ. Ba mươi năm sau cuộc chiến, nếu người Việt Nam thuộc mọi phe lâm chiến có thái độ tôn trọng sự thật lịch sử thì điều đó có nghĩa là mọi người đã vượt lên trên những định kiến và phản ứng do cảm tính đối với những sự việc của quá khứ, và đạt tới trạng thái bình thản, có thể tỉnh táo suy nghĩ và hành động cho lợi ích của dân tộc và đất nước.

Theo chiều hướng đó, soạn phẩm "Việt Nam 1945-1995, Chiến tranh, Tị nạn, và Bài học Lịch sử" của Giáo sư Lê Xuân Khoa là một công trình đầu tiên nhằm phục hồi sự thống nhất sử liệu Việt Nam trong một giai đoạn phân tranh đẫm máu nhất, và liên tục nhất, của lịch sử đất nước, dù không lâu dài bằng thời kỳ Trịnh-Nguyễn phân tranh. Cuốn sách của ông là một bước đầu để trả lại lịch sử những gì mà các bên tham chiến đã cố tình không muốn nhắc đến. Theo Giáo sư Khoa, soạn phẩm của ông là một cố gắng "phục hồi sự thật lịch sử trong 50 năm bi thảm nhất của dân tộc Việt Nam, nhất là những sự kiện đã được che giấu vì mục đích tuyên truyền, hoặc chưa được giải mật vì lý do quốc phòng hay ngoại giao."

Trong một phạm vi rộng lớn, cố gắng thống nhất lịch sử đó còn cung cấp cho các thế hệ hậu sinh những bài học quý giá, đã được trả bằng máu và nước mắt của những thế hệ trước, giúp họ ý thức được những gì nên, cũng như không nên làm, để đem lại an bình thịnh vượng cho dân tộc. Trong Lời Mở Đầu của cuốn sách, tác giả nói rõ chủ đích của mình là "*ôn cố tri tân ... học kinh nghiệm quá khứ để làm được chuyện tốt hơn cho hiện tại và tương lai. Đó chính là bài học tích cực của lịch sử. Đó cũng là đức tính cần phải có ở những nhà lãnh đạo sáng suốt sẽ được đánh giá bởi nhân dân và những nhà viết sử.*"

Trong trường hợp chính người viết sử lại trực tiếp tham gia vào những biến chuyển trong giai

đoạn được nghiên cứu, hay theo lời tác giả: "vừa là nhân chứng vừa là người trong cuộc," liệu 30 năm có thể trở thành một khoảng cách thời gian tạm đủ để cho phép một nỗ lực trả lại lịch sử những gì thuộc về lịch sử một cách khách quan hay không?

Câu trả lời, thực ra, tùy thuộc vào lòng người. Đối với công cuộc ghi chép lịch sử của những người đã trực tiếp tham dự vào những biến cố liên hệ, khoảng cách thời gian là một yếu tố cần thiết để cho lòng người lắng đọng lại, ngõ hầu nhìn mọi khía cạnh của vấn đề mình nghiên cứu. Tuy vậy, nó cũng đòi hỏi một nỗ lực vượt thoát bản thân để ra khỏi những định kiến và suy tư theo cảm quan cá nhân mà không ai có thể tránh khỏi khi đứng trước những sự định giá phải-trái hay đúng-sai đối với những thành phần có liên quan tới một biến cố lịch sử.

Tuy nhiên, nếu phân tích mọi biến cố qua lăng kính quyền lợi Đất Nước và Dân Tộc, và nỗ lực "kiểm điểm những ưu khuyết điểm, đặc biệt là những quyết định sai lầm của mỗi phe liên hệ và hậu quả của những quyết định ấy đối với dân tộc Việt Nam," thì mọi vấn đề sẽ sáng tỏ hơn, và những sự kiện sẽ được trình bầy một cách trung thực và cân bằng hơn.

Cũng nhìn qua khía cạnh quyền lợi dân tộc Việt Nam, thì kết quả bi thảm của cuộc chiến tranh Việt Nam, mà tác giả gọi là cuộc "nội chiến và chiến tranh ủy nhiệm," với những mất mát quá to lớn về nhân mạng, tài sản, những chấn thương thể xác và tinh thần cùng với hận thù dai dẳng của những người còn sống sót, đã đưa tác giả đến kết luận rằng đây là "một cuộc chiến mà mọi người đều thua," và "những nạn nhân chính từ đầu đến cuối vẫn là dân tộc và đất nước Việt Nam." Cũng chính trong viễn tượng đó, mà tác giả đã đề tặng cuốn sách cho "tất cả những đồng bào đã bỏ mình trong ba mươi năm huynh đệ tương tàn và chiến tranh ủy nhiệm."

Cũng như hầu hết những thảm kịch của nhân loại, lịch sử Việt Nam cận đại, rốt cuộc, cũng phát xuất từ những sai lầm của một số cá nhân nắm quyền định đoạt vận mệnh của cả một tập thể nhân dân, nhân danh những quyền lợi do chính họ gán ghép cho tập thể, dưới những mỹ từ hào nhoáng.

Giữa những dòng chữ của trên năm trăm trang sách, người ta có thể đọc được một số sự thật đau thương của giai đoạn lịch sử đẫm máu này. Dưới ngòi bút của tác giả, những biến cố lịch sử đó đã cho thấy những uẩn khúc đượm nét một thảm kịch Hy Lạp, trong đó, sự nhu nhược và tham vọng của con người đã đưa đến những di hại cho nhiều quốc gia dân tộc.

Hồ Chí Minh già nua và bệnh hoạn lúc cuối đời đã trở thành nhu nhược và quay mặt làm ngơ trước những thủ đoạn chuyên quyền và hiếu chiến của cặp bài trùng Lê Duẩn và Lê Đức Thọ. Bảo Đại, một ông vua nhân từ và có viễn kiến chính trị, vì nhu nhược mà trở thành "một tù nhân của nước Pháp" và một nạn nhân của sự đánh giá thấp từ phía Hoa Kỳ, ngay cả khi ông tìm cách thoát khỏi sự kiềm chế của Pháp. Những ảo vọng về hào quang của nước Đại Pháp thúc đẩy tham vọng đế quốc của de Gaulle và một chuỗi lãnh tụ thực dân kế tiếp, khiến cho họ ngoan cố chống lại trào lưu tự quyết dân tộc để bám víu lấy những mảnh thuộc địa cuối cùng. Những kiến thức thiếu sót về Á châu và quyết định lúng túng của các lãnh tụ Hoa Kỳ trong cách xử trí đối với sự quỷ quyệt của Stalin, và những sự trí trá của các lãnh tụ Pháp.

Về phía những tầng lớp không chấp nhận chủ nghĩa cộng sản, được gọi là "hàng ngũ quốc gia" để tương phản với "hàng ngũ quốc tế cộng sản," trong thời kỳ chiến tranh lạnh giữa hai khối tư bản và cộng sản, tác giả cũng đã phân tích những sai lầm lịch sử trong giai đoạn đó, như là một cuộc kiểm thảo khắc nghiệt với mục đích rút tỉa những bài học cần thiết cho hậu thế.

Kể từ cuối thế kỷ 19, khi toàn vùng Á châu bắt đầu bị các đế quốc Tây phương dòm ngó, biết bao thế hệ thanh niên Việt Nam đã phải hy sinh mạng sống bảo vệ đất nước trước làn sóng xâm lăng của đoàn quân viễn chinh, và, cuối cùng, súng đạn đã khắc phục gươm giáo. Những trăn trở của các thế hệ nối tiếp nhau hướng tầm nhìn về các cường quốc đương thời để tìm đường giải cứu đất nước khỏi ách thống trị của ngoại bang, đã đưa một số thanh niên yêu nước đến Nhật Bản, Trung quốc, Liên Xô, Pháp, và Mỹ quốc để học hỏi.

Họ đã trở về nước, mang theo những hành trang kiến thức khác nhau, nhưng cùng chung một ước vọng đội đá vá trời là giành lại độc lập cho đất nước và đem lại thịnh vượng và hạnh phúc cho dân tộc. Thảm kịch của những người không chấp nhận chủ nghĩa cộng sản trong giai đoạn lịch sử đó, là do lề lối sinh hoạt dân chủ đa nguyên sơ đẳng trong một môi trường dân tộc còn mang nặng dấu ấn của thời phong kiến. Họ đã có những tổ

chức chính trị khác nhau, rời rạc, yếu kém, so với đảng cộng sản có đường lối, tổ chức và kỷ luật chặt chẽ, nhất là lại được đào tạo và nuôi dưỡng bởi một hệ thống quốc tế đầy kinh nghiệm về tuyên truyền sách động quần chúng. Những tranh cãi về lý thuyết, tranh chấp về quyền lợi, cũng như sự thiếu vắng "một chính sách và một chiến lược hữu hiệu để tranh thủ nhân tâm" đã khiến cho phía quốc gia không xác định được chính nghĩa —ngày càng được minh chứng và phục hoạt qua thực tế hiện đại— dưới con mắt của tập thể quần chúng, để cuối cùng vẫn phải thất thủ dưới làn súng đạn của một trào lưu quốc tế với khí thế đang lên vào thời điểm đó.

Trong những đoạn tác giả đề cập đến những trào lưu Đông và Tây du nói trên, câu hỏi nóng bỏng mà người đọc không thể không đặt ra là, trong hàng ngũ những thanh niên yêu nước đó, có thể có những người đi theo con đường cộng sản hay không?

Do công trình sưu tầm và nghiên cứu sự kiện của tác giả, người đọc nhận được nhiều dẫn chứng đích xác về các nguồn tài liệu và nhân vật liên hệ từ cả hai phe quốc gia và cọng sản Việt Nam, của Trung Quốc, Pháp và Hoa Kỳ. Những sử liệu này, không những đính chính một số lớn nhận định sai lầm do thiếu hiểu biết, hay do thái độ thiên vị của nhiều chính trị gia, học giả và báo chí quốc tế —đặc biệt là Hoa Kỳ—về văn hóa, lịch sử và chiến tranh Việt Nam, mà còn cung cấp cho độc giả một lối nhìn mới về những chuyển động lịch sử trong giai đoạn được phân tích.

Hiện nay, qua lăng kính của quyền lợi Đất Nước và Dân Tộc, với sự phân tích "hậu sự kiện," và một tinh thần khách quan mà tác giả kêu gọi, nhiều người có thể đi đến kết luận là có những người cộng sản yêu nước. Nhưng sự áp dụng mù quáng một chủ nghĩa ngoại lai do một nhóm lãnh đạo chuyên quyền chủ trương, đã khiến cho tập đoàn cộng sản đi ngược lại quyền lợi của dân tộc và đắc tội phản bội những ước vọng hòa bình, ấm no, và hạnh phúc của người dân Việt Nam. Nhiều thanh niên yêu nước theo Việt Minh kháng chiến chống Pháp sau này phải bỏ về khu quốc gia hay mắc kẹt trong vòng kiểm soát của cộng sản. Nhiều người khác theo cộng sản do lòng kính phục "Bác Hồ" và bị thuyết phục bởi chủ nghĩa Mác-Lê, sau này cũng đã thất vọng với thần tượng và chế độ để hoặc phải cắn răng chịu đựng hoặc trở thành những người ly khai, kịch liệt chống lại tầng lớp lãnh đạo độc tài.

Bản cáo trạng của quần chúng đối với những sai lầm của đường lối và chính sách cộng sản, thể hiện qua làn sóng tỵ nạn ồ ạt từ Bắc vào Nam sau ngày đất nước bị chia đôi, được tác giả phân tích chi tiết và gọi là "cuộc bỏ phiếu bằng chân," đã chứng minh thái độ của quần chúng đối với chính sách cải cách ruộng đất hà khắc và tàn bạo do Trung quốc cố vấn, hay đúng hơn, ép buộc thực hiện. Đi kèm với cải cách ruộng đất là phong trào chỉnh huấn trí thức và chỉnh đốn tổ chức mà tác giả đã dẫn chứng là một kế hoạch thanh lọc hàng ngũ nội bộ và loại trừ trí thức và giai cấp tiểu tư sản ra khỏi guồng máy đảng và quân đội, thực hiện lời phán xét "trí thức không bằng cục phân" của Mao Trạch Đông, một Tần Thủy Hoàng tái sinh của Trung Quốc.

Những lời kết án lãnh đạo và chính sách cộng sản của luật sư Nguyễn Mạnh Tường đọc trước Đại hội Mặt trận Tổ quốc tại Hà Nội ngày 30 tháng 10, 1956, là tiếng nói lương tri cuối cùng của tầng lớp trí thức Việt Nam đi theo chủ nghĩa cộng sản bằng trái tim và khối óc. Cũng kể từ ngày đó, sau nhiều lần cố gắng lên tiếng, tầng lớp trí thức còn lại trong chế độ đã phải nép mình vào bóng tối, dưới sự khắc chế của giai cấp bần cố nông, đi theo cộng sản bằng khúc ruột. Đa số trí thức Việt Nam thời đó đã phải rời bỏ quê cha đất tổ để theo làn sóng di cư vào Nam. Những kinh nghiệm đau thương của người trốn chạy cộng sản thời đó, cộng với những hận thù chồng chất qua hai thập niên huynh đệ tương tàn, cũng như những chính sách tù cải tạo, đánh tư sản mại bản, bần cùng hóa miền Nam sau khi đất nước thống nhất, đã trở thành những động lực lôi cuốn thêm trên một triệu người bỏ nước ra đi năm 1975 và những năm kế tiếp. Thảm kịch tỵ nạn Việt Nam đã tác động mạnh vào dư luận cộng đồng quốc tế cho đến giữa thập niên 1990.

Quan hệ giữa các quốc gia đều bắt nguồn từ chủ trương đối ngoại của những cá nhân nắm quyền tại các nước liện hệ. Người viết, cũng như người đọc lịch sử, không thể không suy tư về những chiều hướng có thể xẩy ra, làm thay đổi cục diện lịch sử Việt Nam trong giai đoạn 1945-1995. Những tài liệu lịch sử mà tác giả đã bỏ nhiều công sưu tầm và nghiên cứu từ trong văn khố các nước từng có liên hệ đến Việt Nam, dẫn đến một số nhận định hậu sự kiện về những cơ hội mà các phe liên hệ đã bỏ lỡ, đáng lẽ đã đạt được những giải pháp thuận lợi hơn, và ít tốn kém xương máu hơn, cho dân tộc Việt Nam cũng như

cho mỗi phe liên hệ.

Khi bàn về những giả thuyết này, một tiền đề cần thiết cho việc phân tích những cơ hội bỏ lỡ đó là quan niệm cho rằng ông Hồ Chí Minh có thể là một người yêu nước trước khi trở thành một người cộng sản. Cho tới nay tiền đề này vẫn bị phía quốc gia cực lực chối bỏ. Mặc dầu tính chất nhạy cảm của tiền đề nói trên, tác giả cũng đã mạnh dạn giả định rằng nếu chính quyền Truman quyết tâm theo đuổi chủ thuyết Roosevelt giúp cho các cựu thuộc địa của Pháp ở Đông Dương được độc lập, đáp ứng những lời kêu gọi liên tiếp của Hồ Chí Minh, thì cục diện Việt Nam có thể đã đổi khác.

Giả thuyết cho rằng ông Hồ Chí Minh có thể thực hiện một chủ trương cộng sản dân tộc, theo khuôn mẫu nhà lãnh tụ cộng sản độc tài yêu nước Jozip Broz Tito của Yugoslavia cũng được tác giả đề cập tới. Ngay từ những năm còn lưu vong ở Pháp, Nga Sô và Trung Quốc, ông Hồ đã bị Stalin coi là một phần tử không chính thống, và đã bị chính những đảng viên thuần thành như Trần Phú và Hà Huy Tập tố cáo là phản bội đường lối quốc tế cộng sản. Giống như Tito, lúc đầu, ông Hồ chỉ muốn vận dụng sự yểm trợ của phong trào cộng sản quốc tế vào công cuộc tranh đấu giành độc lập cho Việt Nam. Tuy nhiên, khác với trường hợp Tito, ông Hồ đã không nhận được sự yểm trợ triệt để của cả Anh quốc lẫn Hoa Kỳ, như Yugoslavia đã nhận được vào năm 1944, giúp cho Tito thoát ra khỏi ảnh hưởng của Liên Xô và trở thành một nước cộng sản tương đối độc lập với Liên Xô và cấp tiến nhất Âu Châu vào thời đó.

Tất cả những cơ hội hòa bình bị mọi bên tham chiến bỏ lỡ, kết cuộc, vẫn truy nguyên về những sai lầm của cá nhân, quyết định theo định kiến và cảm tính. Thêm vào đó, những trói buộc của tình thế và hoàn cảnh của mỗi bên cũng đã khiến cho nhiều trường hợp tín hiệu không thể được chuyển đến những đối tượng và còn làm cho những đối tượng thêm ngờ vực lẫn nhau. Sai lầm lớn nhất từ phía Hoa Kỳ thường phát xuất từ sự thiếu hiểu biết về lịch sử và văn hóa của đối tượng.

Lịch sử Việt Nam vào cùng thời điểm nói trên cũng là lịch sử của những cái "nếu" đau thương. Hãy nhìn lại bàn cờ quốc tế thời đó: khối tự do đang thành hình yểm trợ thực dân, trong khi khối cộng sản bành trướng ảnh hưởng trên thế giới bằng cách yểm trợ các dân tộc bị áp bức đang phải chịu gông cùm của thực dân. Riêng thế cờ đó cũng đã đủ để giải thích tại sao nhiều người yêu nước đã bị thu hút về phía cộng sản; vì vào thời đó, phe cộng sản đã cung cấp một lối thoát duy nhất mà dân tộc tại các nước thuộc địa nhược tiểu có thể bám víu vào để hy vọng thoát ra khỏi nanh vuốt của đế quốc thực dân.

Nếu Tổng thống Roosevelt không đột ngột từ trần thì, liệu Hoa Kỳ có thể sẽ không để cho Pháp phục hồi chính sách thuộc địa tại Đông Dương, và Việt Nam sẽ được đặt dưới sự ủy trị của Liên Hiệp Quốc, để sau đó phục hồi được độc lập bằng đường lối hòa bình như Phi Luật Tân? Nếu Hoa Kỳ yểm trợ ông Hồ Chí Minh, thể theo những đề nghị của OSS Á châu, thì liệu ông Hồ "có thể tự do đi với Mỹ, từ bỏ chủ nghĩa cộng sản, bất chấp Liên Xô và Trung Quốc" hay không? Nếu Hoa Kỳ triệt để ủng hộ cho phe quốc gia, như Bảo Đại đã từng thiết tha kêu gọi, và ngăn chặn Pháp phục hồi chính sách thực dân tại Đông Dương, liệu phe cộng sản có thể phát triển được chính nghĩa chống ngoại xâm để thắng miền Nam hay không?

Những cái "Nếu" đó, cùng với bao nhiêu máu và nước mắt của dân tộc Việt Nam đã trôi qua cầu lịch sử trong một giai đoạn bi thảm nhất của tiến trình giữ nước và dựng nước, cần phải được mọi người Việt Nam ghi nhận và học hỏi để có thể tránh những đổ nát của quá khứ.

Trong phần kết thúc, GS Lê Xuân Khoa chú trọng vào ba bài học quan hệ nhất cho sự tồn tại và phát triển của dân tộc Việt Nam: thứ nhất, trong quan hệ quốc tế, chỉ có quyền lợi quốc gia, không có đồng minh hay kẻ thù vĩnh viễn; thứ hai, không có một chủ nghĩa chính trị nào là chân lý tuyệt đối, do đó, độc quyền chính trị sẽ đưa đến độc tài và những hậu quả tai hại của nó; thứ ba, cần phải hiểu rõ ta, bạn và thù để có thể bảo vệ chủ quyền, hợp tác quốc tế và phát triển quốc gia.

Trong tinh thần đó, soạn phẩm "Việt Nam 1945-1995, Chiến tranh, Tị nạn, và Bài học Lịch sử" là một nỗ lực đầu tiên từ phía tập thể người Việt hải ngoại để "trả lại César những gì thuộc về César." Trên một bình diện nào đó, quyển sách này phản ảnh một sự giác ngộ chính trị để thống nhất lịch sử Việt Nam trong giai đoạn được nghiên cứu. Nó đòi hỏi một bước đáp ứng từ phía bên trong để cũng chứng tỏ lòng tôn kính đối với Lịch Sử, như là một sự biểu lộ ý chí tiến bộ làm căn bản cho mọi người Việt có thể đóng góp vào công cuộc phát triển và bảo vệ quê cha đất tổ.

(Houston 1 tháng 9, 2004)

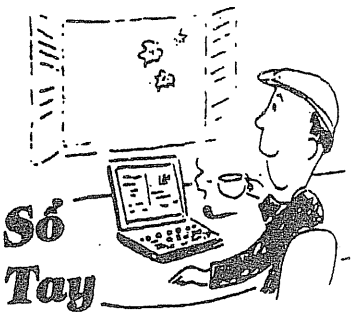

NGÔ NHÂN DỤNG

Tháng quyết định ở Mỹ

Khi tờ báo này đến tay quý vị thì chỉ còn dưới một tháng dân Mỹ sẽ đi bầu tổng thống. Những cuộc tranh luận giữa các ứng cử viên trong tháng Mười năm 2004 này sẽ phân thắng bại. Tuy nhiên nghị sĩ Kerry chưa tuyệt vọng. Khi hai ứng cử viên tranh luận, mục tiêu không phải là đấu lý với nhau mà là tìm cách chinh phục khán giả ti vi. Năm 1980, vào cuối tháng Chín cựu Tổng thống Carter cũng dẫn trước ứng cử viên Reagan, nhưng sau khi tranh luận tay truyền hình tay đôi thì ông Reagan lên vọt, rồi sau cùngđánh bại ông Carter. Nhưng năm nay ông Bush không có vẻ khô cứng và lạnh lẽo như ông Carter hồi đó, mà ông Kerry cũng không hùng biện và biết diễn tả một cách giản dị và dễ hiểu như ông Reagan. Các người ủng hộ ông cũng thấy ông quen lối hùng biện ở Thượng viện, nói cho các nghị sĩ khác nghe chứ không quen nói cho đại chúng hiểu. Cho nên ông Kerry vẫn bất lợi trong cuộc chạy đua hiện nay, sau khi ông đã để mất thế thượng phong đạt được trong mùa Hè. Trong hai tháng Bẩy, Tám, các cuộc thăm dò dư luận cho thấy nghị sĩ John F. Kerry lên dần dần, hơn điểm Tổng thống Bush. Nhưng từ đầu tháng Chín thì điểm của ông Bush bỗng tăng vọt, qua mặt ông Kerry. Ai cũng thắc mắc tại sao chỉ trong vòng tháng Chín mà tình thế lại thay đổi nhanh chóng, mang lợi thế cho ông Bush nhiều như vậy?

Trong một cuộc tranh cử mà có một vị tổng thống đương nhiệm muốn tái cử như năm nay, cử tri có hai câu hỏi chính. Thứ nhất, vị tổng thống đang cầm quyền có đáng lưu nhiệm hay không? Thứ nhì, có nên chọn ứng cử viên kia làm tổng thống hay không?

Về câu hỏi thứ nhất, từ đầu năm tới nay có hai dấu hiệu cho thấy đa số dân Mỹ đã chê ông Bush. Khi đặt câu hỏi "Nước Mỹ đang đi theo chiều hướng tốt hay xấu," đa số cho là xấu. Và điểm ủng hộ của Tổng thống Bush thường dưới 50 phần trăm. Cho tới giữa tháng Chín, chỉ có 35 phần trăm người Mỹ cho là bây giờ họ thấy đời sống khá hơn hồi ông Bush mới nhậm chức, còn 55 phần trăm nói đời sống tồi hơn. Để so sánh, vào cuối năm 2000, với cùng một câu hỏi, có 72 phần trăm dân Mỹ nói rằng họ thấy tình trạng khá hơn tám năm trước, lúc ông Clinton mới nhậm chức; và chỉ có 15 phần trăm thấy tồi tệ hơn. Nói chung, dân Mỹ không hài lòng về ông Bush.

Nhưng vẫn còn câu hỏi thứ nhì: Nên bầu ông Kerry hay không? Cho tới cuối tháng Tám, trên 50 phần trăm nói là nên. Nhưng điểm của ông Kerry cứ xuống dần, sau đại hội của đảng Cộng Hòa ở New York. Cuối tháng 9, ông Kerry thua xa ông Bush.

Một nguyên nhân khiến nhiều người bỏ rơi ông Kerry là do những phim quảng cáo chống ông của nhóm cựu quân nhân giang thuyền, đồng đội của ông thời chiến tranh Việt Nam. Một nhóm được các nhà tỷ phú ủng hộ ông Bush bảo trợ đã chỉ trích ông Kerry là không bị thương mà cũng được một tấm huy chương trái tim. Ông Kerry không phản công lại ngay các lời tố giác đó. Chắc ông Kerry đã coi thường màn chống đối này vì nhiều binh sĩ đồng đội khác cũng làm chứng cho ông, Nghị sĩ John McCain cũng yêu cầu Tổng thống Bush lên án các lời phê bình ông Kerry có tính cách bôi xấu đó. Vả lại ông có tới năm huy chương, nghi ngờ về một huy chương cũng không làm mất giá trị của bốn huy chương kia. Nhưng không phải mọi người đều suy nghĩ như vậy. Sau các bài quảng cáo này, nhiều người nghi ngờ tính trung thực của ứng cử viên, đến lúc ông Kerry thấy cần phản công thì đã hơi trễ.

Một điều phía đảng Dân Chủ không ngờ là số cử tri quan trọng nhất đã đổi ý kiến về ông Kerry là các phụ nữ. Xưa nay Dân Chủ vẫn chiếm phiếu phái nữ nhiều hơn Cộng Hòa, nhất là trong giới người nghèo. Nhưng số phụ nữ ủng hộ ông Kerry đã giảm từ 52 phần trăm vào tháng Bẩy xuống chỉ còn 43 phần trăm vào tháng Chín! Trong thời gian đó phụ nữ quay sang ông Bush, từ 40 phần trăm tăng lên 48 phần trăm!

Một lý do được nhiều người nêu lên là chiến dịch tấn công bằng nỗi sợ hãi. Đại hội đảng Cộng Hòa nhấn mạnh tới mối lo khủng bố hơn là các vấn đề khác như chiến tranh Iraq hoặc kinh tế, y tế, giáo dục. Phó Tổng thống Cheney còn nói những câu ám chỉ rằng nếu dân Mỹ bầu cho ông Kerry thì sẽ có thể bị khủng bố lại như vụ 11 tháng Chín năm 2001. Những người biết suy nghĩ đều cho ý kiến đó là phi lý và không lịch sự; nhưng

trong chính trị thì làm người ta lo sợ là một thủ đoạn rất có hiệu quả. Khi nào vấn đề làm dân Mỹ quan tâm là trận chiến tại Iraq thì người ta chê ông Bush, nhưng khi nói đến cuộc chiến chống khủng bố nói chung thì dân chúng lại nghiêng về phía ông Bush. Vì vậy trong thời gian qua ông Bush luôn luôn tìm cách gắn liền chiến tranh Iraq vào chiến dịch chống khủng bố, làm cho người Mỹ nhìn Hussein với Osama bin Laden là một, và tin rằng đánh Iraq là một bước tự nhiên khi muốn chống khủng bố của các nhóm Hồi giáo quá khích. Phía ông Kerry chưa thuyết phục được dân Mỹ điều ngược lại. Chúng ta biết ông Hussein không giúp gì cho tổ chức al Qaeda và không liên can gì tới vụ 11 tháng Chín. Nhiều người cho là cuộc chiến Iraq tạo ra thêm nhiều tay cảm tử khủng bố hơn trước. Nhưng chính phủ Bush đã thành công làm cho đa số người Mỹ không nghĩ như vậy. Các cuộc tranh luận trực tiếp giữa hai ứng cử viên là dịp chót để ông Kerry lật ngược thế cờ.

Một yếu tố có thể giải thích tại sao dân Mỹ đổi hướng nghiêng về ông Bush hơn, là chiến dịch vận động của ông Kerry rất yếu, không thuyết phục được người ta những lý do phải thay đổi người làm tổng thống dù đa số dân không hài lòng với bốn năm của ông Bush.

Trong tháng qua bộ tham mưu của ông Bush đã chủ động chiếm được các diễn đàn. Những đề tài được vô tuyến truyền hình, báo chí, dân chúng đem ra bàn đều là do phía ông Bush đưa ra, phía ông Kerry lùi vào thế bị động. Ông Bush đánh Iraq đến bây giờ không tiến cũng không lùi được, coi như bị sa lầy. Kinh tế hồi phục nhưng rất chậm chạp, số công việc làm còn mất nhiều. Tổng thống Bush là vị tổng thống duy nhất từ thời 1930 đến nay mà sau bốn năm cầm quyền số việc làm ở Mỹ giảm đi, mất hơn triệu rưỡi công việc. Nhưng dân Mỹ không còn nghe bàn bạc về các vấn đề đó mà lại chỉ thấy báo chí và vô tuyến truyền hình bàn về chuyện các lời tố cáo ông Kerry là đúng hay sai, hoặc lá thư viết về ông Bush không tuân lệnh cấp trên khi đi làm Vệ binh là thư thật hay thư giả. Ông Bush đi vận động thường chỉ nói một vài câu quả quyết, và lập đi lập lại. Ông tạo được hình ảnh một người lãnh đạo cương quyết. Trong khi ông Kerry ở thế thụ động và phải giải thích các ý kiến của mình một cách khó hiểu, không tấn công được vào các nhược điểm của ông Bush. Cho nên, từ tuần cuối tháng Chín, ông Kerry đã mở cuộc tấn công để tìm nắm thế chủ động, đã bắt đầu chỉ trích ông Bush về cuộc chiến tranh Iraq. Nhưng phía ông Bush luôn luôn tìm cách biến các cuộc tranh luận về Iraq thành tranh luận về chống khủng bố nói chung, vì nói tới khủng bố là dân Mỹ tin ông Bush an toàn hơn ông Kerry. Sự thật ở Iraq quân đội Mỹ càng ngày càng lúng túng, mà số người nổi dậy ngày càng đông hơn.

Sự thật chiến trường Iraq

Trong khi vận động tranh cử, Tổng thống George W. Bush nói chuyện với các Vệ binh quốc gia, ông tuyên bố là tại Iraq "Chiến lược của chúng ta đang thành công." Rất khó tưởng tượng được là quân Mỹ hiện đang thành công ở Iraq. Hiện có một chính phủ người Iraq. Nhưng chính phủ đó không kiểm soát được ngay thủ đô của họ, con đường Haifa do những người gọi chung là "Quân nổi dậy" làm chủ. Tại hàng chục thành phố khác thì quân Mỹ chỉ đi vào ban ngày, ban đêm bỏ ngỏ; riêng Fallujah thì cả ban ngày cũng không dám vào. Khi họ rút khỏi đâu là quân du kích chống Mỹ lại xuất hiện. Hai tháng trước ngày dân Mỹ bầu tổng thống, quân nổi dậy đã mở nhiều cuộc tấn công, riêng trong tháng Tám số quân Mỹ bị thương lên trên 1,100 người. Số tử trận đã lên trên 1,000, kể ngày từ đầu cuộc chiến, mà trong cuộc tấn công lật đổ ông Hussein chỉ có hơn 135 người Mỹ chết. Một báo cáo của Trung ương Tình báo Mỹ vào tháng Bẩy, mới được tiết lộ vào tháng trước, cho thấy tương lai rất u ám; tốt nhất có thể là tình trạng nổi dậy và khủng bố kéo dài không biết bao giờ dứt, và tệ nhất là xẩy ra nội chiến.

Chính phủ của thủ tướng Iyad Allawi do người Mỹ lập ra, phần lớn là người lưu vong trở về, quân đội cũng như lực lượng cảnh sát còn rất yếu. Mọi việc tùy thuộc vào quân Mỹ.Trong thực tế bây giờ Iraq có ba khu vực khác nhau. Những vùng phía Nam đa số theo phái Shi A sinh sống thì nhiều người ủng hộ chính phủ Allawi và kế hoạch bầu cử quốc hội vào tháng Giêng sang năm, trừ các người theo giáo sĩ al Sadr còn chưa dứt khoát. Dân Shi A với trên 60 phần trăm dân số sẽ chiếm đa số trong quốc hội sắp bầu đó. Vùng phía Tây Bắc thủ đó Baghdad đa số theo phái Sun Ni không muốn theo chính phủ ở Baghdad, vì họ chống Mỹ một cách kịch liệt hơn. Từ tháng Tư năm nay quân đội Mỹ đã bỏ ngỏ nhiều thành phố trong vùng Tam

giác Sun Ni này cho các nhóm quân nổi dậy kiểm soát, như Fallujah, Ramadi và Samara. Thử tưởng tượng vào năm 1964 mà Việt cộng kiểm soát những thành phố Tây Ninh, Thủ Dầu Một và Mỹ Tho chẳng hạn, tình trạng Iraq bây giờ giống như vậy. Khu vực thứ ba trên miền Bắc Iraq thì quân đội Kurd làm chủ, họ lo bảo vệ phần đất của họ, để chờ coi cuộc tranh hùng giữa hai phái Shi A và Sun Ni của người Á rập đi tới đâu. Người Kurd đồng ý một chế độ liên bang Iraq nhưng họ muốn bảo về quyền tự trị và quyền kiểm soát nguồn lợi dầu lửa.

Ba khu vực trên đang là nền tảng gây mầm cho sự phân ly trong xứ Iraq sau này, nếu quân Mỹ rút lui trước khi có một chính phủ đủ mạnh ở Baghdad. Từ tháng Bẩy, quân Mỹ hầu như chỉ muốn tránh đụng độ trong những tháng trước cuộc bầu cử tổng thống ở Mỹ. Ngay trong khối người Shi A, địa vị của ông Allawi cũng không đủ mạnh vì có những lãnh tụ chính trị đang cạnh tranh với ông ta, như giáo sĩ trẻ Moqtada al-Sadr được lòng rất nhiều người chỉ vì ông ta chống Mỹ mạnh mẽ nhất. Ông Allawi còn đứng vững là nhờ uy tín của Đại Giáo sĩ al Sistani, ông buộc những người theo ông Sadr phải ngưng bắn, yêu cầu quân Mỹ rút khỏi thánh địa Najaf. Nếu không có giáo sĩ Sistani thì ông Allawi chỉ còn dựa vào quân đội Mỹ mà thôi.

Người Mỹ huấn luyện một đạo quân 140,000 cho chính phủ Allawi, nhưng không biết lòng trung thành của những quân lính và sĩ quan đó có bền vững hay không. Kinh nghiệm qua các cuộc giao tranh ở các thành phố cho thấy có lúc cả tiểu đoàn quân đội Iraq tan rã ngay khi bị quân nổi dậy tấn công. Quân tan hàng không phải chỉ vì họ thiếu vũ khí, mà còn vì họ nghĩ đến tương lai. Họ phải tự hỏi mai mốt nếu quân Mỹ rút đi thì tình trạng của chính phủ Allawi sẽ ra sao.

Muốn cho quân đội và cảnh sát của chính phủ Baghdad mạnh lên thì phải cho thấy là chính phủ của họ có uy thế, có tương lai thật, chứ không phải chỉ sống dựa vào quân Mỹ. Vì vậy, cuối tháng Chín chính phủ Bush đã tổ chức cho ông Allaw sang Mỹ, được đọc diễn văn trước hai viện quốc hội Mỹ. Cả ông Bush lẫn ông Allawi đều hẹn sẽ tiến tới một cuộc bầu cử để chính quyền ở Baghdad có tính cách chính thống hơn, được thế giới công nhận. Chính quyền đó cần chứng tỏ có khả năng giữ trật tự và bảo đảm các dịch vụ cho dân.

Nhưng các đám quân nổi dậy sẽ không để yên cho chính phủ Allawi tiến hành việc tổ chức bầu cử. Hiện nay họ đã biến thành phố Fullajah thành một căn cứ địa, làm nơi chế tạo bom, huấn luyện quân cảm tử xuất phát từ đó, và giam giữ các con tin để bắt chẹt các nhà thầu ngoại quốc và các nước đang cộng tác với Mỹ. Có những nhóm ăn cướp chuyên nghiệp đi bắt cóc người ngoại quốc. Họ có thể tống tiền, đòi chuộc mạng thì thả. Có những hãng thầu ngoại quốc đã trả tiền chuộc các tài xế của họ rồi rút hết công nhân ra khỏi Iraq. Nhưng nếu các con tin này có giá trị chính trị cao thì những toán nổi dậy sẽ đứng ra mua các con tin đó với giá cao hơn, dùng làm con tin chính trị. Họ sẽ đòi hỏi chính phủ của những nạn nhân này rút quân hay rút chuyên viên kinh tế về mới thả. Trong đám các nhóm nổi loạn có Hội các Học giả Hồi giáo có chống lại chủ trương giết các con tin bị bắt cóc. Có nhóm Thánh chiến của Zarqawi thì coi việc giết những người theo Mỹ là bổn phận tự nhiên. Nhóm trước chỉ trích nhóm sau là dã man, sai luật Hồi giáo; nhóm sau đả kích nhóm trước là vô thần, phản đạo.

Tình trạng một nhóm bắt cóc hai người Mỹ và một người Anh giữa ban ngày ở trong khu được bảo vệ kiên cố nhất trong thủ đô Baghdad cho thấy chính phủ Allawi và quân Mỹ không giữ được an ninh cho chính thường dân Mỹ và đồng minh của họ. Sau đó hình ảnh hai người Mỹ bị giết được truyền đi trên internet rồi xác họ được tìm thấy ở không xa khu nhà họ ở. Điều này chứng tỏ quân Mỹ không bảo đảm được an ninh cho những người Iraq cộng tác. Nếu người dân Iraq thờ ơ không giúp quân Mỹ thì điều đó có thể hiểu được. Một năm rưỡi sau khi người dân Baghdad ra đường hò reo được giải phóng và hoan nghênh quân Mỹ, bây giờ giữa thủ đô cũng là một vùng bất an. Thành phố Sadr City với hai triệu dân ở bên ngoài Baghdad trở thành một lãnh địa độc lập do các toán Mahdi của ông Moqtada al Sadr kiểm soát. Những người dân Shi A trong thành phố này từng tích cực hợp tác với quân Mỹ, bây giờ họ cũng thờ ơ. Vì ngay hệ thống ống nước, điện, cống rãnh từ hơn một năm qua cũng không được sửa chữa, mỗi ngày chỉ có điện bốn giờ và sân nhà, đường phố cũng như sân nhiều ngôi nhà thì ngập nước cống. Sadr City là một khu vực toàn người Shi A, những người bị chế độ Hussein đàn áp, giết chóc hơn 20 năm, mà họ còn thờ ơ với quân đội Mỹ như vậy, các thành phố trong khu vực

người theo phái Sun Ni còn tệ hơn nữa. Mỗi lần máy bay Mỹ bắn phá các nơi bị coi là xào huyệt khủng bố thì thế nào cũng có những thường dân chết oan, tạo thêm một số người thù ghét Mỹ. Một năm trước đây bộ trưởng Quốc phòng Mỹ nói có chừng dăm ngàn người thuộc các nhóm khủng bố chống Mỹ. Hiện nay con số lên tới trên 20 ngàn. Với mỗi tay súng, còn có bốn tới năm người phụ lực trong việc thông tin, liên lạc, chuyển thương, tiếp tế, vân vân, trong đó có cả trẻ em và phụ nữ. Hai mươi ngàn tay súng đó đang bắt đầu phối hợp với nhau qua nhiều thành phố. Họ không chỉ tìm đánh vào các đội quân Mỹ mà còn nhắm vào những người cộng tác với chính phủ Allawi. Chắc họ không tin rằng quân Mỹ sẽ ở đó lâu dài. Họ chỉ cần phá không cho chính phủ Allawi được yên ổn mà tạo dựng một lực lượng quân sự để tổ chức bầu cử hợp thức hóa chính quyền lâm thời. Quân nổi dậy cũng biết rằng chiến tranh chỉ là phương tiện để đạt tới mục tiêu chính trị. Và họ dùng chiến tranh để nuôi dưỡng lực lượng, khiêu khích cho quân Mỹ đánh bom, gây căm thù trong dân Iraq và tạo cơ hội tuyển mộ thêm cho hàng ngũ du kích.

Quân nổi dậy mạnh hơn

Trước khi quân Mỹ tấn công Iraq, Tướng Eric Shinseki, tham mưu trưởng Lục quân điều trần trước quốc hội nói rằng cần phải có vài trăm ngàn quân để bình định xứ này. Các nhà lãnh đạo dân sự trong bộ Quốc phòng Mỹ chê ông tướng này là "không biết gì hết." Ông Shinseki đã phải từ chức. Bây giờ có 140,000 quân Mỹ ở Iraq và họ phải bỏ trống nhiều thành phố cho quân nổi dậy.

Nếu như chính phủ Mỹ biết nghe lời của các vị tướng có kinh nghiệm thì chắc Tổng thống Bush không bị vướng vào một cuộc chiến tranh không biết bao giờ chấm dứt ở Iraq. Người đầu tiên nên lắng nghe là Ngoại trưởng Collin Powell, một tướng bốn sao đã chỉ huy quân Mỹ với chức tham mưu trưởng trong cuộc chiến với Iraq ở vùng Vịnh năm 1990, 91. Chủ thuyết Powell về chiến tranh nhấn mạnh vào các điều kiện: Thứ nhất, chỉ tấn công nếu cần bảo vệ quyền lợi sinh tử của nước Mỹ. Thứ hai, chỉ đánh nếu dân chúng Mỹ ủng hộ. Thứ ba, phải dùng một lực lượng lớn gấp bội, áp đảo đối phương. Tổng thống Bush cho là Iraq có vũ khí giết người tập thể, có dính tới tổ chức al Qaeda nên phải đánh. Ông thuyết phục được dân Mỹ và quốc hội Mỹ ủng hộ cuộc chiến. Nhưng ông không nghe lời khuyên của giới quân sự mà nghe theo ý kiến các cố vấn ở bộ quốc phòng thuộc nhóm "tân bảo thủ." Quân Mỹ chiếm được Iraq dễ dàng quá mà không chuẩn bị gì cho thời hậu chiến. Những lý do gây chiến bây giờ không còn nữa. Không thấy vũ khí tập thể. Tổng thống Bush cũng công nhận ông Hussein không liên hệ gì tới vụ khủng bố 11 tháng Chín và nhóm al Qaeda. Bây giờ ông Bush chỉ nhấn mạnh đến một lý do khác là lật đổ Hussein để xây dựng một quốc gia Iraq dân chủ. Trong tháng Chín ông Bush ra trước Liên Hiệp Quốc lên tiếng ca ngợi "hai quốc gia dân chủ mới" là Afghanistan và Iraq, nhưng rất ít người hưởng ứng tin vui của ông. Nếu đầu năm 2003 mà Tổng thống Bush nêu lý do đánh Iraq để truyền bá dân chủ thì chắc cuộc tấn công đó không được người Mỹ ủng hộ. Vì dân Iraq bị Hussein đè nén cũng không phải là điều quan trọng đối với quyền lợi nước Mỹ. Trên thế giới có nhiều chế độ tệ không kém gì ông Hussein. Sau khi Mỹ lật đổ ông Hussein xong thì đến nay những nước Iran, Bắc Hàn cũng không vì thế mà thay đổi chính sách đối ngoại của họ. Riêng Iran thì rất có lợi khi kẻ thù của họ là ông Hussein bị đổ. Trong bài nói chuyện tại Liên Hiệp Quốc ông Bush không nhắc đến tên hai nước này, mặc dù hiện nay cả hai nước đều công khai nói họ đang thực hiện các chương trình tinh lọc chất phóng xạ có khả năng chế tạo bom; riêng Bắc Hàn nói họ đã có bom nguyên tử.

Bây giờ quân đội Mỹ trở thành đạo quân chiếm đóng một xứ mà họ không am tường, với những cộng sự viên mang từ ngoại quốc về không được dân Iraq tin tưởng. Quân đội Mỹ được chính phủ trao cho nhiệm vụ xây dựng một chế độ dân chủ làm kiểu mẫu cho cả vùng Trung Đông. Phe Tân Bảo thủ thường hô hào rằng nước Iraq hậu chiến sẽ được dân chủ hóa, giống như quân đội Mỹ đã làm ở Đức và Nhật Bản sau năm 1945. Nhưng Iraq không giống Nhật Bản hay Đức sau năm 1945! Bây giờ thì quân Mỹ đang sa lầy lo bảo vệ một chính quyền do họ dựng lên. Trong khi đó thì dân Iraq đang lo những vấn đề thiếu nước uống, thiếu điện, không ai đổ rác, và thanh niên không có việc làm. Trong tình cảnh đó, những nhóm chống đối bạo động nổi lên và quân Mỹ phải chống trả một cuộc chiến tranh du kích, mà họ không được huấn luyện để biết cách đối phó.

Không đánh, cũng không lùi

Gần đây khi quân Mỹ rút khỏi thành phố Samarra, các

đám quân nổi dậy từ thành phố Fallujah đã tiến vào Samarra, bắn súng chỉ thiên ăn mừng và từ đó họ ra lệnh cho chính quyền địa phương, những người được coi là thuộc chính phủ Iraq. Từ Fallujah, quân nổi dậy cũng tiến tới Ramadi, thủ phủ tỉnh Anbar, rồi lan ra kiểm soát các vùng chung quanh trong tỉnh này. Tỉnh Anbar nằm trong vùng Tây Bắc Baghdad, nơi tập trung những người theo phái Sun Ni, là khối dân cơ sở lực lượng của ông Hussein trước kia. Chính quyền các thành phố hiện mặc nhiên chấp nhận sống chung với các toán quân nổi dậy. Ông thống đốc tỉnh Anbar mới lên cầm quyền sau khi ông cũ từ chức, đã yêu cầu các sĩ quan Thủy quân lục chiến Mỹ chớ đến gặp ông ta, vì ông không muốn bị coi là quá thân Mỹ!

Một hiện tượng đáng lo ngại là các toán quân nổi dậy chống Mỹ ở Iraq đang bắt đầu phối hợp với nhau. Thành phố Fallujah đã trở thành một trung tâm chỉ huy hành quân của họ. Những nhóm này rất phức tạp và ở rải rác khắp nơi, chỉ giống nhau ở một điểm là chống Mỹ và muốn đuổi quân Mỹ ra khỏi Iraq. Trong số đó có những công an mật vụ cũ của chế độ Hussein, có những người chống Mỹ vì tự ái dân tộc bị xúc phạm, có những người Sun Ni cũng như người Shi A, có các toán ăn cướp và bắt cóc tống tiền không theo chủ trương chính trị nào cả, và có cả những người Á rập từ các nước khác vào Iraq. Trong nhóm những người cuối cùng này đã nổi bật lên một thủ lãnh là Ahmed Nazal al Khaleyleh, có bí danh là Abu al Zarqawi, sinh ở Zarqa thuộc xứ Joran năm 1966. Zarqawi vốn đã đi Afghanistan tham gia cuộc thánh chiến chống quân Nga, nhưng khi anh ta tới nơi thì quân Nga đã rút về nước. Anh tổ chức các cuộc ám sát ở Jordan, bị bắt bỏ tù, và trở thành một thủ lãnh ở trong tù vì anh thích chỉ huy và tính tình rất tàn bạo. Bây giờ người Mỹ tin là anh ta đang lẩn trốn trong thành phố Fallujah và đang trở thành một lãnh tụ có tiếng không thua gì Osama bin Laden tuy nhiên không có bộ tham mưu như bin Laden.

Những toán quân du kích chống Mỹ đã lan ra nhiều vùng thuộc tam giác Sun Ni, nay lan cả về phía Nam nơi người Shi A sinh sống. Hầu như mỗi nhóm đều tự động ra đời, có một người chỉ huy riêng, không ai bảo ai. Quân đội Mỹ mới thấy dấu hiệu các toán rời rạc này bắt đầu hợp tác chặt chẽ hơn trước; cũng như họ đã cộng tác với các nhóm chuyên ăn cướp và bắt cóc. Có những tay bắt cóc phi chính trị, bắt được các con tin rồi bán cho những tổ chức chống Mỹ lấy tiền hoặc khí giới. Cũng có những vụ bắt cóc có mục đích kinh tài, gây quỹ. Nhưng nhóm Thánh chiến của Zarqawi thì coi việc bắt cóc để giết người đã man là đủ. Trong năm qua có hơn một trăm người đã bị bắt cóc, đến cuối tháng Chín có 29 người bị giết, và khoảng 60 người được trả tự do.

Chính phủ Mỹ thì mới xin quốc hội được du di ngân khoản viện trợ cho Iraq. Số tiền hơn 18 tỷ biểu quyết năm ngoái hiện nay mới chi hơn một tỷ. Chính phủ đang xin bỏ bớt 2 tỷ mỹ kim trong các dự án dẫn nước cho các thành phố và hơn một tỷ mỹ kim tái lập hệ thống điện. Thay vào đó, sẽ tăng cường số chi tiêu cho việc thành lập quân đội và cảnh sát Iraq, và dành nhiều ngân khoản cho các nhà máy lọc dầu. Một số tiền khác sẽ được dùng để trả nợ giúp cho chính phủ Iraq, các món nợ các công ty Mỹ từ đời chế độ cũ. Cuối cùng phần lớn số tiền đó sẽ được trở về Mỹ, và chỉ có một phần là đem lại cho người dân Iraq.

Nếu Mỹ dọa rút khỏi Iraq

Nếu hai ứng cử viên tổng thống Mỹ đồng ý báo cho thế giới biết dù ai đắc cử tổng thống cũng theo một lịch trình rút khỏi Iraq, thì sao? Một quyết định chung như vậy sẽ làm cả thế giới rung chuyển. Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ và Âu châu sẽ lo không biết mai mốt nguồn tiếp tế dầu lửa của họ sẽ ra sao. Số tiêu thụ dầu lửa của Trung Quốc và Ấn Độ đang tăng lên 20 phần trăm mỗi năm. Âu châu và Nhật

Bản không có dầu thì không đào đâu ra, sẽ lệ thuộc vào Nga, một viễn tượng không thể an tâm. Khi quân Mỹ chuẩn bị rút, và có thể vài năm mới rút xong, các cường quốc kinh tế trên sẽ phải năn nỉ Mỹ rút chậm chậm, họ phải hứa sẽ giúp Mỹ giữ an ninh và tái thiết Iraq. Tại sao năm 1990, 91 Nhật Bản đóng góp hơn một phần ba chi phí chiến tranh ở Kuwait và Iraq? Không phải vì họ dư tiền hoặc thương yêu ông Tổng thống George H.W. Bush quá. Nhưng vì họ cần một nguồn tiếp tế dầu lửa đáng tin cậy. Khối lượng dầu lửa của Iraq không phải là mối lo, họ chỉ cung cấp 3 đến 4 triệu thùng trong số 80 triệu thùng tiêu thụ hàng ngày trên thế giới. Nhưng vấn đề chính là cả vùng Trung Đông sẽ bất ổn, Vịnh Ba Tư có thể tắc nghẽn. Nước Mỹ có dầu lửa nội địa, dầu lửa mua từ Venezuella, còn Nhật Bản thì không.

Nếu Mỹ dọa rút khỏi Iraq, chính phủ các nước Á rập và Hồi giáo ở chung quanh cũng rùng mình. Họ phải lo, không biết Iraq sẽ đi về đâu và sẽ có những vấn đề nào nẩy sinh ra vì tình trạng bất trắc đó. Nước Iraq có thể bị phân chia thành ba nước nhỏ, một nước của 15 triệu người theo phái Shi A, một nước có dăm triệu người theo phái Sun Ni và dăm triệu người Kurd thành một quốc gia khác. Cuộc nội chiến sẽ đổ máu, quân đội các nước Syrie, Thổ Nhĩ Kỳ, Jordan sẽ phải tiến qua biên giới bảo vệ những người cùng gốc với họ đang sống ở Iraq. Các nước Thổ Nhĩ Kỳ và Iran phải tiến quân vào Iraq, ngăn cản người Kurd không cho liên lạc và khích động hàng triệu người dân Kurd ở hai nước đó đòi tự trị.

Những quốc gia lo lắng khác là Á rập Sau đi, Kuwait, Jordan, Syrie. Vì các chế độ chính trị ở các nước đó đều rất mong manh. Họ chỉ lo dân chúng sẽ nổi lên nếu bị ảnh hưởng của quân du kích từ Iraq chạy qua, để lánh nạn hay để xâm nhập, gây loạn. Có thể tưởng là Iran được lợi vì có thêm một quốc gia cùng theo đạo Shi A bên láng giềng. Nhưng hai nhóm người Shi A đó cùng tông phái mà khác chủng tộc chưa chắc đã thương nhau, có khi lại tranh giành ảnh hưởng. Từ năm 1979 khi Giáo sĩ Ayatollah Khomeini thiết lập chế độ thần quyền ở Iran, thành phố Qom đã thành một trung tâm giảng dậy giáo lý, huấn luyện giáo sĩ của phái Shi A. Nhưng từ khi quân Mỹ lật đổ chế độ Hussein thì Qom bị lu mờ vì những trung tâm giáo lý ở Karbala và Najaf có uy tín từ nhiều thế kỷ xa xưa hơn, trở thành trung tâm tinh thần của người Shi A khắp thế giới. Hai nơi đó có mộ các vị Thánh tử đạo, Ali, con rể Đức Tiên tri Mohammed và Hussein, con trai của Ali. Giáo sĩ Ayatollah al Sistani ở Iraq cũng là một học giả có uy tín quốc tế. Dù ông từng tị nạn ở Iran dưới thời Hussein, chủ trương của ông khác với các học giả Iran, muốn tách chính trị ra khỏi tôn giáo. Nhưng nếu Iraq loạn, Iran lo nhất là vấn đề người Kurd. Nếu người Kurd ở Iraq lập quốc, thì họ sẽ khích động mươi triệu người Kurd khác ở các nước chung quanh, từ Iran qua Armenie, Thổ Nhĩ Kỳ, Syrie, tất cả đều nuôi giấc mộng lập quốc, như người Do Thái đã lập nước Israel, người Armenian đã có nước Armenie. Nếu người Kurd gây biến động thì các mỏ dầu lửa ở Iraq và Iran đều không được yên. Cho nên Iran cũng không muốn một nước Iraq chia làm ba mảnh. Thổ Nhĩ Kỳ cũng lo vấn đề người Kurd như Iran, chắc sẽ phải tiến quân vào phía bắc Iraq, lấy cớ bảo vệ người gốc Thổ trong vùng này, chống người Kurd đòi độc lập, nhân tiện chiếm các mỏ dầu lửa.

Nói Iraq chia làm ba nước là nói lạc quan. Nếu không có một đạo quân mạnh giữ vai trò trọng tài ở Iraq thì các nhóm dân quân, du kích xứ này sẽ làm thịt lẫn nhau và làm thịt cả dân. Tình trạng nội chiến sẽ kéo dài vì mỗi đạo quân đó đều được nguồn tiếp tế từ bên ngoài đổ vào. Israel có thể đứng ngoài nhìn nhưng thế nào họ cũng dựng lên hay nhúng tay vào giúp một nhóm dân quân thân với họ, trong khi nhìn người Á rập giết lẫn nhau. Người Israel đã từng giúp người Kurd từ thời họ đơn độc chống chế độ Hussein.

Cho nên nếu một chính phủ Mỹ sau này nói chuyện bắt đầu việc rút quân khỏi Iraq thì tất cả các nước chung quanh và những nước lớn tiêu thụ dầu lửa khắp thế giới phải khuyên can ngay. Liên hiệp Quốc sẽ phải can thiệp kêu gọi Mỹ khoan rút. Phải triệu tập một hội nghị quốc tế giải quyết vấn đề Iraq. Đó là một vấn đề của thế giới, đặc biệt là của vùng Trung Đông và vùng Vịnh Ba Tư. Nước Mỹ sẽ không cần năn nỉ ai hết, trái lại cả thế giới phải năn nỉ Mỹ có rút quân thì rút từ từ, để họ giúp thiết lập một chính quyền trung ương cho nước Iraq đã. Các nước khác sẽ phải giúp, có quân thì gửi thêm người, có tiền thì phải đóng góp, vì đây là một vấn đề chung chứ chẳng riêng nước Mỹ.

Thực ra Iraq không phải là một vấn đề của nước Mỹ. Năm 1991 cựu Tổng thống Bush 41

đã ngưng quân không tiến đánh Baghdad vì chuyện lật đổ ông Hussein hay không chẳng phải là chuyện quan trọng đối với nước Mỹ. Ông Hussein là một "thằng điên" nhưng thằng điên đó làm khổ các nước chung quanh nhiều lần, chính các nước đó phải giải quyết. Có Hussein ở đó thì ngăn chặn được tham vọng của các giáo sĩ Iran, ngăn ảnh hưởng của nhà độc tài Assad ở Syrie, buộc hoàng gia Á rập Sau đi phải bám lấy Mỹ để nhờ bảo vệ. Và cũng khiến nước bạn Israel của Mỹ phải biết điều với chính phủ Mỹ, không quá cứng đầu như chính phủ Sharon hiện nay ỷ y là được chính phủ Bush ủng hộ 100%.

Mỹ cần thay đổi chiến lược ngăn khủng bố

Vậy vấn đề lớn của Mỹ không phải Iraq thì là vấn đề gì? Đó là cuộc chiến chống khủng bố. Chúng ta đều biết, chính Tổng thống Bush 43 công nhận chế độ Hussein không thân thiện gì với tổ chức al Qaeda. Ngược lại, trước cuộc chiến tranh vùng Vịnh năm 1990 ông Osama bin Laden, một thần dân xứ Sau đi, đã xin với các ông hoàng xứ này cho ông ta lập một đạo quân tình nguyện đánh Hussein. Ông bin Laden lúc đó mới từ chiến trường Afghanistan trở về, không còn cuộc thánh chiến nào để theo đuổi, nhưng ông ta sẵn sàng kêu gọi hàng chục ngàn quân Á rập đã chiến đấu chống Nga ở Afghanistan tập họp lại đi đánh Iraq, khỏi cần nhờ đến Mỹ. Chính phủ Sau đi không dại gì rước cọp vào nhà nên từ chối. Vì các ông hoàng Sau đi đón quân Mỹ vào "thánh địa" mà Osama bin Laden trở thành một lãnh tụ thánh chiến. Bây giờ chúng ta cũng biết chế độ Hussein không có vũ khí nguyên tử hay vi trùng như cả thế giới lo sợ. Các nước Iran, Bắc Hàn, và nay cả Nam Hàn cho thấy họ có khả năng chế bom nguyên tử nhiều hơn Hussein. Thành ra có thể nói đánh hay chiếm Iraq không quan trọng, mặt trận quan trọng là khủng bố quốc tế của các nhóm Hồi giáo cực đoan.

Mà phong trào khủng bố quốc tế đang được khơi dậy dùng lý do tôn giáo, nhân danh Hồi giáo hô hào thanh niên Á rập chống lại các nước Tây phương theo Thiên Chúa giáo, khơi dậy cuộc chiến tranh thập tự quân từ ngàn năm trước.

Nhưng mục tiêu của lãnh tụ Osama bin Laden cũng như người đứng sau lưng ông ta là Bác sĩ Ayman Zawahiri người Ai Cập không phải là đánh các nước Tây phương. Có muốn đánh cũng không thể nào đánh, chiếm được. Họ chỉ muốn lật đổ các chế độ hiện có ở các xứ Á rập, từ Maroc, Tunisie sang Ai Cập, tới Sau đi, Liban, Syrie, và cả Pakistan. Họ cũng không quan tâm tới việc thành lập chính quyền ở các nước đó để cai trị, rồi phải lo chuyện cơm áo, công việc làm, điện nước, vệ sinh cho mấy trăm triệu dân Á rập. Họ muốn tái lập một vương quốc Hồi giáo như thời thế kỷ thứ bẩy, mọi người dân sống theo luật lệ của Đức Mahommed, gọi là một "ca líp phát," do giới giáo sĩ gọi là *ulema* hướng dẫn, dưới quyền một ca líp. Họ tưởng tượng sẽ tái lập một thế giới Hồi giáo lành mạnh, tinh thuần, tôn thờ Thượng đế duy nhất, không bị nhiễm độc bởi tôn giáo và văn hóa phương Tây mà họ coi là do quỷ sa tăng chỉ huy.

Năm 2001 Bác sĩ Ayman Zawahiri, trong lúc còn đang lẩn trốn ở vùng biên giới Pakistan, Afghanistan, đã phát hành một cuốn sách tuyên truyền mỏng nhan đề "Những Hiệp sĩ dưới Ngọn cờ Đức Tiên tri." Ông hô hào người Hồi giáo hãy tiến tới mục tiêu thành lập một *ca líp phát* như thời vàng son cũ. Nhưng ông ta cũng báo động các "chiến sĩ cảm tử vì tôn giáo" hãy coi chừng, đừng tách rời khỏi khối quần chúng Hồi giáo. Ngược lại, các tay cảm tử phải biết họ có bổn phận động viên quần chúng theo đạo Hồi vào mục đích tối hậu.

Cho nên muốn thắng trong cuộc chiến chống khủng bố thì chính phủ Mỹ phải biết họ đang đánh nhau với ai. Phải biết kẻ địch đang nhắm mục tiêu nào. Phải tách rời quần chúng Hồi giáo ra khỏi tầm ảnh hưởng của các lãnh tụ quá khích, nhất là quần chúng ở các nước Á rập. Muốn vậy thì cần bảo vệ an ninh cho chính quyền ở các nước Á rập trong khi buộc họ phải tiến hành những bước cải tổ về kinh tế cũng như chính trị. Nếu các nước Á rập giầu có hơn, đầy đủ công việc làm cho thanh niên, xã hội công bằng hơn và chính quyền bớt tham nhũng, bớt độc tài hơn, thì những lời kêu gọi của các lãnh tụ khủng bố sẽ không được ai nghe. Chính phủ các nước Á rập tự họ phải lo diệt trừ khủng bố, nếu họ muốn tồn tại. Nhờ họ diệt trừ khủng bố thì đỡ tốn tiền hơn là chính người Mỹ đi làm công việc đó, mà người Mỹ làm thì không đạt hiệu quả cao như họ. Công chuyện này phải thi hành trong một thế hệ mới hy vọng tạm ổn.

Nhưng ở nước Mỹ thì cứ bốn năm dân lại đi bầu một lần, cho nên các ứng cử viên cứ đem chuyện Iraq ra cãi nhau, làm như là số phận nước Mỹ tùy thuộc vụ ông Moqtada al Sadr, ông Allawi hay ông Chalabi, ai sẽ nắm nhiều quyền hành ở Iraq./.

NGÀY CÀNG NHIỀU NGƯỜI LÀM VIỆC "KHÔNG CÔNG"

THANH THẢO

Mấy năm nay nhiều kinh tế gia và những nhà lập pháp nhắc đến chuyện công ăn việc làm ở Mỹ bị "xuất cảng" ra nước ngoài tạo nên tỉ lệ thất nghiệp cao, theo thống kê gần nhất là vào khoảng 5.5%.

Việc "xuất cảng" công việc có thật vì nhiều công ty cần giảm chi nên chọn mở chi nhánh tại những quốc gia có mức lương công nhân trung bình rất thấp. Điều này khó tránh khỏi vì trong kinh doanh sự cạnh tranh buộc các công ty phải tăng thu giảm chi vào thời buổi khó khăn.

Tuy vậy có một lãnh vực cũng góp phần tăng tỉ lệ thất nghiệp cho thị trường nhân dụng Mỹ mà ít người chú ý. Đó là lãnh vực "tự làm lấy" tức là "Do It Yourself." Lãnh vực này đang phát triển và có cơ hội lấn chiếm ngày càng nhiều ngành nghề trong sinh hoạt thông thường tại Mỹ trong tương lai không xa.

Nhìn một cách khác, chịu nhận làm những hành động theo lối "tự làm lấy" chúng ta đã vô tình biến mình thành công nhân của các công ty cung cấp dịch vụ tự làm lấy này. Điều cần nhấn mạnh là chúng ta sẵn sàng làm công nhân không được trả lương! Sao lại có chuyện đó, chắc quí độc giả cũng phải thắc mắc. Có chứ! Và chuyện đó đang diễn ra hàng ngày.

Này nhé, đã bao lâu rồi quí vị không vào ngân hàng để gửi vào hoặc rút tiền từ trương mục của mình? Đa số những người không làm chủ công ty thương mại thường làm dịch vụ này tại các máy tự động đặt ngay ngoài cửa ngân hàng. Có nhiều người còn chọn gửi trực tiếp mức lương trên chi phiếu vào trương mục của mình từ công ty mình làm việc theo lối gọi là "direct deposit." Ngân hàng có những chương trình bồi hoàn cho thân chủ chịu gửi tiền lương trực tiếp kiểu này bằng việc miễn phí khoản giữ trương mục hàng tháng và biếu không chi phiếu cho thân chủ. Những dịch vụ tự mình làm lấy hoặc ủy thác cho công ty làm lấy giùm mình khiến quí vị trở thành nhân viên "không công" cho ngân hàng và tiết kiệm cho ngân hàng rất nhiều tiền đáng lẽ phải dùng để trả lương công nhân viên. Nếu không ngân hàng lấy đâu ra ngân khoản để "bồi hoàn" hoặc tặng không sản phẩm cho quí vị?

Rồi khi vào những tiệm tạp hóa lớn như Wal-Mart, hay các ngôi chợ lớn như Albertson, quí vị có chú ý thấy những quầy tính tiền không có người thu ngân không? Thay vào đó là những máy có "mắt điện tử" đọc mật mã trên các sản phẩm quí vị chọn mua, tính thành tiền, rồi cho phép quí vị tự trả bằng thẻ tín dụng hoặc thẻ rút tiền từ trương mục ngân hàng của mình. Quí vị còn có cơ hội xếp hết hàng hóa mình đã trả tiền vào bao đựng nữa chứ! Tất cả công sức của quí vị như vậy không được trả xu lương nào! Thảo nào mấy hàng tính tiền không người thu ngân này thường vắng người chọn.

Nhiều hệ thống siêu thị khác đã bắt đầu giới thiệu quầy tính tiền tự động kể trên và theo các phân tích gia có lẽ sau này đây sẽ là cách sinh hoạt thông thường (các thu ngân viên nên quan tâm học nghề đòi hỏi nhiều khả năng hơn việc tính tiền là vừa)!

Tại các phi trường hiện nay, việc in vé máy bay hiện nay được giao cho các máy tự động đặt ngay nơi soát vé và gửi hành lý. Để tiết kiệm tiền nhận đặt, in và gửi vé máy bay về nhà người mua, các công ty hàng không sử dụng dịch vụ mua vé trên mạng điện toán. Số tiền tiết kiệm tính trung bình là $8 Mỹ kim mỗi vé maý bay bán ra. Ngành hàng không dân sự hiện gặp nhiều trở ngại vì giá xăng tăng và sự cạnh tranh giảm giá gắt gao nên việc sử dụng vé máy bay "tự in lấy" là một giải pháp tốt. Theo dự trù vào cuối năm 2004 khoảng 33% công ty hàng không dân sự ước tính bán vé máy bay theo lối "tự làm lấy" cho phân nửa số hành khách.

Hành khách chỉ việc mang theo bản in có mật mã sẵn về chuyến bay của mình rồi dùng thẻ tín dụng hoặc bằng lái xe để máy điện toán nhận diện mình rồi tự in vé máy bay cho chính mình. Làm như vậy quí vị vô tình trở thành nhân viên "không công" của các hãng hàng không dân sự rồi đó, đúng không?

Sáng kiến biến khách hàng thành nhân viên không công cho một công ty nào đó không mới mẻ gì mà có từ hồi đầu thập niên 1900 lận. Theo tạp chí *The Economist* chủ nhân công ty Piggly Wiggly, ông Clarence Sanders, mở tiệm tạp hóa đầu tiên này vào năm 1916.

Thay vì làm theo cách bán hàng thời đó là mướn nhiều nhân viên rồi để những nhân viên này mang hàng hóa ra quầy tính tiền theo nhu cầu cho khách hàng đứng đặt tại quầy, ông Sanders đã áp dụng một sáng kiến "mới mẻ" thay đổi hẳn sinh hoạt của ngành bán tạp hóa và cho phép khách hàng quyền "kiểm soát" sự mua sắm của mình.

Sáng kiến của ông Sanders là cho phép khách hàng vào các quầy bày hàng tự chọn lấy sản phẩm mình muốn rồi tự đem ra quầy tính tiền để trả tiền hàng mình chọn. Khỏi mất công chờ đợi người mang hàng hoá cho mình, mà cũng khỏi phải dặn đi dặn lại nhớ lấy hàng hiệu nọ, hiệu kia nhé! (Quí vị nữ độc giả nào từng phải nhờ chồng hoặc con trai đi chợ mua giùm món hàng nào hiểu rõ nỗi bất mãn vì bảo đảm 95% sản phẩm mua giùm về nhà là hàng hiệu khác ý mình dặn, có khi còn đắt giá hơn nữa chứ).

Từ đó đến nay việc mua bán tự chọn đã tiến những bước rất dài nhờ vào kỹ thuật tân tiến của máy điện toán. Ngày nay hàng triệu người tự mua vé máy bay, xe lửa, tự mua sắm hàng hóa, mua vé xem phim hoặc các buổi trình diễn nghệ thuật, mua dịch vụ bảo hiểm hoặc kiểm soát chi thu tài chính... trên mạng điện toán. Những dịch vụ xưa kia cần phải có người nhận đặt hàng nay chỉ dựa vào một nhân viên chính, đó là người sử dụng dịch vụ và cũng là khách hàng, tức là quí vị đó. Người nhân viên "không công" này lại hăng hái nhận công việc mới đáng nói chứ! Nhiều người cho rằng chọn trả tiền tự động trên mạng điện toán hoặc tại các cửa tiệm tiết kiệm cho họ thời gian xếp hàng chờ đợi và họ cảm thấy thích thú được kiểm soát hết công việc nhàm chán hàng ngày này.

Các khách sạn, trung tâm giải trí và công viên toàn quốc Mỹ hiện đang nghiên cứu kế hoạch đặt quầy bán vé và tính tiền tự động nhằm giảm chi phí nhân viên. Bà Francie Mendelsohn thuộc công ty nghiên cứu và cố vấn Summit Research tại Rockville, tiểu bang Maryland cho rằng trong vòng ba năm tới đây những quầy tính tiền dịch vụ tự động toàn thế giới sẽ tăng đến 63% lên tổng số 750,000 quầy.

Nhưng không phải ai cũng thích làm nhân viên "không công." Nhiều người không quen sử dụng máy điện toán, không thích phải nghe các dịch vụ mua bán qua điện thoại theo lối điều khiển bằng máy điện toán phải làm sao? Xin thưa, quí vị sẽ là những người chịu thiệt vì từ chối làm công nhân không lương. Hoặc tiền quí vị phải chi ra sẽ đắt hơn cho các dịch vụ khi phải dùng đến công nhân thật (như trường hợp các ngân hàng tính tiền hàng tháng cao hơn cho những người gửi tiền vào trương mục bằng lối tiếp xúc với nhân viên ngân hàng). Hoặc quí vị đành chọn công ty khác có dịch vụ dùng nhân viên thật.

Một điều đáng buồn là trào lưu sử dụng dịch vụ tự làm lấy ngày càng phát triển, số công ty theo trào lưu này ngày càng tăng và vì thế sự chọn lựa ngày càng ít nếu cần thay đổi công ty. Hay nói một cách khác, chưa biết trong tương lai quí vị sẽ còn trở thành công nhân không lương cho bao nhiêu công ty nào khác?

LÃI SUẤT LIÊN BANG TĂNG TỐT CHO NỀN KINH TẾ?

Từ ngày Giám Đốc Quỹ Dự Trữ Liên Bang Alan Greenspan bắt đầu kế hoạch tăng lãi suất định kỳ vào ngày 30 tháng Sáu 2004 không ai thắc mắc lý do. Những phúc trình kinh tế trước đó cho thấy nạn lạm phát đang trên đà tăng và nền kinh tế nói chung đang trong thời kỳ phục hồi. Tổng sản lượng quốc gia hàng năm tăng 5.3% trong ba tam cá nguyệt liên tiếp và ngay cả thị trường nhân dụng cũng bắt đầu cho thấy sự phục hồi dù chậm chạp.

Nhưng đến nay nhiều kinh tế gia cho rằng kế hoạch thắt chặt tín dụng của ông Greenspan không còn lý do chính đáng vì tuy giá dầu thô có tăng đến 40% vào cuối năm ngoái, mức lạm phát đã ngừng tăng. Trong khi đó số người nộp đơn xin thất nghiệp trong tháng Tám 2004 tăng thêm 144,000 ngay sau số tăng 73,000 của tháng Bảy. Những lý do này khiến nhiều thành viên trong Ban Quản Trị Ngân Hàng Trung Ương cho rằng cần xét lại kế hoạch tăng lãi suất trong vòng hai tuần nữa. Còn ông Greenspan nghĩ sao?

Mặc những quan ngại của các kinh tế gia, ngày 8 tháng Chín 2004 Giám Đốc Quỹ Dự Trữ Liên Bang Alan Greenspan điều trần trước quốc hội rằng ông vẫn dự định tăng mức lãi suất trong buổi họp hai tuần sau đó. Ông Greenspan cho rằng mức lạm phát giảm tốc là điều đáng mừng nhưng cứ theo áp lực của sự phát triển kinh tế đều đặn thì nạn lạm phát chắc chắn phải tăng. Một trong những yếu tố dẫn đến lo ngại này là lương công nhân viên tăng.

Theo tạp chí *BusinessWeek* số phát hành ngày 20 tháng Chín 2004 hiện nay vị Giám Đốc Quỹ Dự Trữ Liên Bang tin rằng những phúc trình kinh

tế cho thấy kết quả trái ngược nhau và việc lạm phát giảm tốc là sự việc ngắn hạn. Theo ông Greenspan nền kinh tế Mỹ hiện nay đủ sức chịu đựng khoản lãi suất tăng thêm 0.25% nữa vì phúc trình kinh tế cuối tháng Bảy 2004 cho thấy mức chi dùng của giới tiêu thụ tăng cộng với số nhà bán ra vẫn tăng đều và giới đầu tư vào kinh doanh cũng tăng.

Dựa vào một phúc trình nhân dụng riêng biệt khác của chính phủ ông Greenspan còn công bố ông không tin lắm vào sự sụt giảm của thị trường nhân dụng trong thống kê trả lương công nhân viên mới nhất vì phúc trình này lại ghi nhận công việc làm của các công ty tư hữu tăng đáng kể trong tháng Bảy năm nay.

Ông Greenspan công bố ông đang áp dụng kế hoạch dài hạn nhằm đối phó với nạn lạm phát. Ông lo ngại lạm phát vì mức sản xuất đã bắt đầu chậm lại sau một thời gian tăng trưởng mạnh. Lương công nhân viên tăng cộng với chi phí bảo hiểm y tế tăng khiến nhiều công ty phải chi nhiều hơn cho lãnh vực nhân dụng. Sau hai năm giảm đều, chi phí nhân dụng trong những ngành ngoài tài chính đã tăng trong năm nay ở mức độ 2.6% trong tam cá nguyệt thứ nhì 2004.

Sở dĩ Quỹ Dự Trữ Liên Bang nhạy cảm đối với chi phí nhân dụng vì lãi suất liên bang hiện nay ở mức quá thấp. Cho dù đã được tăng ba lần trong năm nay, lần gần nhất vào ngày 21 tháng 9, 2004, lãi suất liên bang (mức lãi suất các ngân hàng thương mại tính toán khi cho nhau vay qua một ngày) hiện vẫn đang ở mức thấp kỷ lục là 1.75%.

Mức này còn rất xa mức lãi suất 4%, được kể là lãi suất bão hòa trong nền kinh tế vững mạnh.

Theo Ngân Hàng Trung Ương khi nào lãi suất liên bang còn nằm ở mức thấp hơn lãi suất bão hòa, những thay đổi dù rất nhỏ trong thời kỳ kinh tế phục hồi đều góp phần vào việc tăng trưởng kinh tế và tăng lạm phát.

Dù sao chăng nữa khó có ai không phục sự bình tĩnh và kế hoạch đáp ứng với những thay đổi của nền kinh tế rất đều đặn, nhẹ nhàng của cụ Alan Greenspan.

Mới trong mùa Xuân năm nay, cụ Greenspan đã mặc kệ những lời đề nghị tăng lãi suất liên bang nhiều và nhanh hơn kế hoạch Ngân Hàng Trung Ương đề ra vì nền kinh tế tăng trưởng mau quá. Cụ cứ tăng nhè nhẹ 0.25% là đủ giảm tốc nạn lạm phát rồi.

Và nay lại mặc cho những kinh tế gia lo ngại việc tăng lãi suất liên bang thêm sẽ làm trì trệ kinh tế vì nạn lạm phát không có dấu hiệu gia tăng thì cụ Greenspan lại bảo cụ cứ tăng nhè nhẹ thêm 0.25% cuối tháng 9 vừa rồi để đối phó với nạn lạm phát do chi phí nhân dụng tăng.

Cụ Greenspan cứ tiếp tục áp dụng kế hoạch tăng lãi suất êm ái và đều tay nhằm không tạo kinh ngạc cho thị trường. Và cho đến nay không mấy ai dám phủ nhận cách ứng phó của cụ Greenspan tốt cho nền kinh tế.

NHỮNG ĐỨA CON CẦU TỰ

TRẦN QUÁN NIỆM

Trẻ con ở Mỹ thật sướng. Được nuông chiều hết sức, không phải lê la bò, nằm dưới đất, bốc đất bốc cát đến nỗi bụng ỏng đít teo, thò lò mũi xanh. Đồ chơi không thiếu thứ gì. Mỗi năm ngày sinh nhật, cha mẹ cô dì chú bác tặng đủ thứ quà. Chơi chưa cũ đã đến Giáng Sinh, lại thêm một đợt quà khác. Đó là lúc nhỏ, đồ chơi còn rẻ. Lớn lên một chút bắt đầu đòi hỏi bố mẹ mua cho computer, rồi đồ chơi điện tử, toàn là những thứ đắt tiền. Thử tưởng tượng mỗi trò chơi điện tử giá $60. Mà đâu phải con nít chỉ chơi có một trò chơi. Chúng tiếp tục đòi mua cái mới. Nhà sản xuất liên tiếp tung ra thị trường, quảng cáo trên TV. Đứa này có, đứa khác đòi theo, và cha mẹ khó lòng nói không, nhất là tại những gia đình khá giả. Vài giá tiền, nghe thấy mà ghê. Giầy bata các hiệu nổi tiếng $100 trở lên một đôi, điện thoại cầm tay $300 một chiếc, rồi máy hình, Stereo, TV, đĩa nhạc, quần áo thời trang. Kể không sao cho xiết. Cha mẹ chiều con, muốn chúng bằng chúng bằng bạn, đòi gì mua cho thứ ấy, dù cha mẹ làm lụng đầu tắt mặt tối. 73% phụ huynh nói rằng ngày nay trẻ con để hết tâm trí vào việc mua và xử dụng các dụng cụ, đồ chơi, được quảng cáo mạnh mẽ và liên tục trên thị trường. Theo các cơ quan thống kê, hàng năm một đứa bé trung bình nhìn và đọc chừng 40,000 quảng cáo. Quảng cáo xuất hiện khắp nơi, tạo áp lực trên trẻ em để đòi hỏi cha mẹ phải chiều chúng, mua cho chúng những thứ mà bạn chúng có, hoặc hãnh diện là người đầu tiên có món đồ lạ mắt, đắt tiền, "gồ ghề" (cool).

Cái khổ của bậc cha mẹ ngày nay là quá nuông chiều con cái, không dám nói "không" trước những đòi hỏi của chúng. Trong xã hội nào cũng vậy trẻ em đòi gì được nấy, nhất là ở tuổi quá sớm, khi lớn lên, va chạm với cuộc đời, chúng dễ

thất vọng không biết cách đối phó, và hậu quả tất nhiên là dễ dàng thất bại trên trường đời. Con nhà nghèo, vật lộn với đời sớm, nên dễ biết được giá trị của sự làm việc, giá trị của đồng tiền, thương cha mẹ vất vả vì mình.

Với mùa tựu trường của niên học mới, ngân quĩ gia đình thêm hao hụt vì phải trang bị cho con cái những nhu cầu của một niên học. Học cụ cần thiết thì ít tốn kém, nhưng những món hàng xa xỉ (giống như bạn bè có) thì bộn bạc, nhất là đối với những gia đình bậc trung có con cái học cùng trường với các con nhà giầu xụ.

Giờ đây những nhà tâm lý học, những nhà giáo dục và các bậc phụ huynh cho rằng đã đến lúc nên dạy cho trẻ em mục tiêu quan trọng của đời người là cố gắng trong công việc, đừng vội hưởng thụ quá sớm, lương thiện và từ tâm. Muốn thế cần có sự hỗ trợ của xã hội chung quanh. Trong nhiều cộng đồng, phụ huynh thành lập từng nhóm nhỏ để cùng nhau hội ý, không gia đình nào chiều con quá mức, mua cho con những món đồ đắt tiền khiến bạn bè chúng ganh tỵ, đòi hỏi. Bà Masha Moritz, 54, sáng lập Mạng Lưới Phụ Huynh Hành Động tại Boulder, tiểu bang Colorado, khẳng định: *"Đành rằng cha mẹ muốn là người bạn tốt của con cái, nhưng khi cần thiết phải biết chứng tỏ uy quyền của mình. Chiều con quá đáng, trẻ con đòi gì được nấy, chúng sẽ không nhận được chân giá trị của sự làm việc và phần thưởng tương xứng của nó, không hiểu được rằng, phải làm việc, để dành mới có tiền mua một món đồ nào đó.*

Nhà tâm lý học Steinberg thuộc đại học Temple tại Philadelphia, cho hay: *"Không như người lớn, cảm thấy khó chịu, bực dọc khi bị bắt buộc không được làm việc này, phải làm việc kia, con nít vì chưa đủ sáng suốt kinh nghiệm để phân biệt sự vật chung quanh, chúng cần được cha mẹ ấn định cho một giới hạn, một hướng đi. Chúng sẽ cảm thấy yên tâm và tin tưởng hơn trong cách hành xử. Trẻ con học hỏi qua sự quan sát lối hành xử của kẻ khác, nhất là từ cha mẹ. Kinh nghiệm học được qua hành động của bố mẹ sẽ là vốn liếng quí báu giúp trẻ em xử sự đúng khi làm bố mẹ trong tương lai."*

Các nhà tâm lý và những người quan tâm đến nền móng gia đình trong xã hội Mỹ kết luận rằng, cha mẹ tại xứ này đang quên dần uy quyền của mình, không biết phận sự làm cha mẹ. Họ cần học tập để có thể cả quyết nói "không" trước những vòi vĩnh đòi hỏi không hợp lý của con cái.

Phong tục VN dạy con cái phải nghe lời bố mẹ hoặc người lớn trong gia tộc, cá không ăn muối cá ươn, con cãi cha mẹ trăm đường con hư.

Trong nền văn hóa Đông Phương, việc giáo dục con cái được thực hiện qua quan niệm trừng phạt: yêu cho roi cho vọt, ghét cho ngọt cho bùi, hoặc già đòn non nhẽ, đánh khoẻ phải kinh, hoặc miếng ngon nhớ lâu, đòn đau nhớ đời. Sang Mỹ, lối sống đã thay đổi, con cái đòi hỏi nhiều tự do như bạn bè Mỹ chung quanh, như môi trường học đường đã un đúc. Hội nhập đời sống mới, xã hội mới nhưng chúng ta không nên vội vàng buông bỏ tất cả các giá trị cũ trong việc giáo dục con em, mà cần châm chước, dung hòa. Việc dùng roi, vọt không áp dụng được nữa, nhưng không vì thế phụ huynh trở nên nhu nhược. Xã hội Mỹ đã đi quá đà, nay đang điều chỉnh lại để quay về các giá trị gia đình ngày trước.

Chuyện Nước Pháp

TỪ NGUYÊN

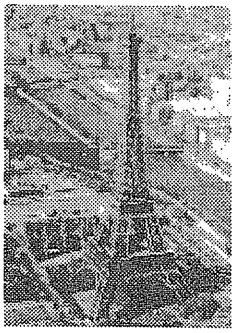

CHUYỆN THÔNG HÀNH, LOẠI MỚI

Đó là chuyện cả nước đang theo dõi, lo lắng. Thời sự tất nhiên còn nhiều chuyện khác. Đối với một số người, lạ thay, đó là chuyện thông hành, chiếu khán. Chuyện đã nói nhiều từ lâu, tới nay thì hạn kỳ còn không bao nhiêu ngày nữa.

Từ ngày 26.10, người muốn vào nước Mỹ phải có thông hành loại mới, đọc được trên máy, người Mỹ kêu là machine-readable passport, Pháp gọi là lecteur optique. Người chỉ có thông hành theo loại cũ, nghĩa là không đọc được trên máy, phải xin chiếu khán nhập cảnh, cũng như trường hợp của du khách hạng sang tới nước Mỹ bằng máy bay riêng.

Đa số người Pháp có công chuyện làm ăn ở Mỹ hay thường xuyên qua lại nước Mỹ đều đã có loại thông hành mới này, được Pháp cấp ra từ năm 2001. Những người có thông hành cũ hơn chỉ việc ra toà thị chính đổi lấy thông hành mới, lecteur optique. Giá tiền là 60 euro. Chừng 30 % du khách người Pháp vẫn chưa có thông hành

mới.

Đó là những người, vì lý do nào đó, như là muốn rắc rối cuộc đời, vẫn muốn giữ thông hành cũ. Trường hợp này, họ phải trả một giá rất đắt và chờ đợi lâu hơn để không biết chắc có được hay không. Khi không được, đương sự sẽ không biết lý do tại sao, vì tòa đại sứ Mỹ đã giao hẹn rồi, không cho, không giải thích.

Muốn có thông hành phải xin gặp nhân viên lãnh sự Mỹ, từ đây đến tháng 10 không còn hẹn được nữa. Thời gian chờ đợi để gặp nhân viên lãnh sự nhanh hay chậm tùy theo người xin nhiều hay ít, kiểu như Paris đông nhất, phải chờ đợi trung bình 41 ngày so với Luân đôn 31 ngày theo nhật báo *International Herald Tribune*. Trong khi La mã chỉ có 4 ngày, còn ở Tân Đề li, vào ngay.

Vẫn theo *IHT*, vấn đề chiếu khán đặt ra để bảo vệ an ninh cho nước Mỹ sau cuộc khủng bố ngày 11.9 đã làm Mỹ thiệt hại 26 tỉ $ từ tháng 7.2002 đến tháng 3.2004. Các công ty lớn thiệt hại nhiều hơn là những công ty nhỏ (79% công ty có trên 500 nhân viên, 81% công ty có từ 100-499 nhân viên và 54% công ty có từ 1-99 nhân viên than phiền về vấn đề chậm trễ trong việc cấp chiếu khán.)

MỘT THỜI ĐÃ QUA

Giáo dục của nước Pháp sẽ về đâu ? Sẽ trở lại với những năm 1950, vì đó là thời vàng son, theo đa số người Pháp. Thời đó, học trò dùng ngòi viết *sergent-major*, bình mực tím, có giấy thấm, tập vở giấy kẻ ô vuông, chưa có máy tính - còn kỹ luật thì khỏi phải nói.

Thầy, cô rất nghiêm khắc nhưng học trò cũng không vừa gì, nghịch ngầm như ma! Thế nhưng khi học xong chương trình tiểu học, học trò biết đọc, biết viết, biết tính toán, không như ngày nay, vẫn theo nhận xét của các nhà giáo.

Sở dĩ chuyện đó được nhắc nhiều trên báo chương, những nơi hội họp tại Pháp cũng vì những nhận xét về trình độ hiện nay nói chung là *bết bát* của các em học sinh. Bộ Giáo dục mới đây nhắc nhở giáo chức chú ý đến các môn rất là cổ điển: tập đọc, ám tả, văn phạm, ngữ vựng, chia động từ và tính nhẩm, trong chương trình giảng dạy. Bộ còn muốn đi xa hơn: đặt nặng môn công dân giáo dục và phục hồi uy quyền của trường học.

CẢNH SỐNG NỘI TRÚ THỜI 50

Chuyện đó được nhắc đến cũng vì loạt phim truyện được chiếu trên đài truyền hình M6 «*Les pensionnaires de Chavagnes*» (Những em nội trú trong tỉnh Chavagnes), trình bày cảnh sống của 24 thiếu niên nam, nữ trong ký túc xá của những năm 1950 tại vùng quê nước Pháp. Loạt phim khởi sự từ đầu tháng này, thu hút sáu triệu khán thính giả, một con số coi như là kỷ lục. 60% trong số đó là những em 11-14 tuổi.

Hai mươi bốn em nội trú đó, 12 trai, 12 gái tình nguyện (đóng phim) sống trong ký túc xá theo kiểu thời xưa trong bốn tuần lễ. Mặc đồng phục, con trai áo trắng quần xanh, tóc hớt cao ; con gái áo trắng váy xanh hay đen dài chấm gót, tóc thắt bím, cột nơ xanh, đỏ, giày đánh bóng. Buổi sáng một muỗng dầu gan cá morue (phải nuốt, cấm nhổ ra), vào bàn phải ăn hết phần ăn trong đĩa, không được cười giỡn trong lúc ăn, trong lúc học phải chăm chỉ, nếu không bị giảng luân lý tối ngày, bị phạt bằng thước kẻ, phạt cấm túc không được ra chơi, biên phạt 100 câu, làm tạp dịch trong lúc chúng bạn đi pic-nic, bị đưa ra hội đồng kỷ luật.

Vào đây các em bỏ lại thế kỷ 21 ở ngưỡng cửa. Những món không thể thiếu trong đời sống ngày nay được các em cất dấu thần sầu, đều dần dần bị khám phá sau những cuộc lục soát quy mô: Điện thoại cầm tay, máy nghe băng nhạc, son phấn, nước hoa, kẹo cao su, ngay cả đồ lót của các em... tất cả đều bị lột ngay từ ngày đầu.

ĐỒNG PHỤC CHO CÁC EM?

Trong loạt phim, ngày tám tiếng, các em học để thi bằng Cao đẳng tiểu học theo chương trình học của năm 1950. Sau bốn tuần học, hai em, một trai, một gái có số điểm thi cao nhất sẽ được thưởng phiếu mua (sản phẩm văn hóa) trị giá 2 000 euro. Lẽ dĩ nhiên các em sẽ trở thành thần tượng của chủ thuyết : phục hồi uy tín của học đường bằng kỹ luật nghiêm minh, chưa kể là có một tương lai trong nghề mới : đóng phim.

Một em trong nhóm phản ứng lại kế hoạch này như sau: Nếu thầy cô đối xử lịch sự, tử tế, chúng em học hành chăm chỉ, ngoan ngoãn. Bị đối xử nghiêm khắc một cách vô lối, chúng em phản ứng lại liền. Bạo lực đưa tới bạo lực.

Vậy mà một số người, phụ huynh hay giáo chức, còn đi xa hơn và đề nghị : các em mặc đồng phục, không được tutoyer (xưng hô thân mật, kiểu như mày tao) với thầy, cô giáo. Không biết có phải nương vào luồng dư luận đó hay không, một vài trường ở Paris bắt đầu cấm học sinh không được mặc áo hở hang, quần hở rốn, một thời trang hấp dẫn mới có của những năm 2003, 2004.

HIẾN PHÁP ÂU CHÂU: *OUI* HAY *NON*?

Hiến pháp mới của Liên Hiệp Âu Châu đã được thông qua mới đây trong một phiên khoáng đại nhưng để có hiệu lực, bản văn cần được mỗi nước chấp thuận. Dân trong mỗi nước được hội ý bằng cách nào là tùy quyết định của mỗi chính phủ, cách trực tiếp là bản văn sẽ đưa ra trưng cầu dân ý hay gián tiếp qua quốc hội phê chuẩn. Như đa số các nước khác, Pháp sẽ đưa ra trưng cầu dân ý tháng 9 hay tháng 10 năm tới.

Dù còn một năm nữa nhưng cuộc tranh luận đã bắt đầu trong nội bộ của các đảng phái chính trị, từ hữu sang tả. Chấp thuận hay bác bỏ, *oui* hay *non* đối với bản văn này? Tổng thống Chirac cho rằng đây là một «bản văn hoàn hảo, thích ứng với quyền lợi của nước Pháp, thích ứng với quyền lợi của Âu châu.» *Oui*. Những người ủng hộ Chirac trong đảng UMP, trong Quốc hội nói theo chiều hướng đó, kể cả người được coi là đối thủ của ông, Nicolas Sarkozy rắp tranh chức đảng trưởng UMP cũng nói *oui*.

Nhóm cực hữu của Jean-Marie Le Pen chống lại hiến pháp này, cũng như đảng Cộng sản Pháp, nói *non*. Còn lại là đảng Môi sinh (Vert) hay đảng Xã hội, nội bộ phân tán, có người theo, có kẻ chống.

Được báo chí nhắc đến nhiều nhất là những người của đảng Xã hội. Trong khi đa số lãnh tụ của đảng kể cả tổng bí thư Francois Holland vận động chấp thuận bản văn (*oui*), cựu thủ tướng Laurent Fabius, nhân vật số hai của đảng mới đây tuyên bố chống, nếu như không thỏa mãn điều kiện của ông, kiểu nói *non, sauf si*.

«Tôi đặt một điều kiện và chỉ một thôi cho tổng thống Pháp vì chính ông ta trách nhiệm trong lãnh vực này,» Fabius nói. «Đó là phải có một chính sách mới trong những tháng sắp tới đây.» Chính sách đó, như ông ta đã nhắc tới vài lần, là «tất cả cho việc làm và chống lại (kế hoạch của các công ty) dời xưởng đi nước khác.»

Ý kiến của Laurent Fabius bị báo chí, đảng phái chỉ trích. Tại sao lại đặt vấn đề với tổng thống Chirac? Noel Mamère, lãnh tụ đảng Môi sinh cho rằng Fabius tính toán theo nhu cầu của nội bộ của đảng Xã hội hơn là quyền lợi của nước Pháp hay của Âu châu. Thế nhưng *non, sauf si*... của Fabius cũng làm cho cả hai phe bối rối: liệu *non* của Fabius có lôi kéo đảng Xã hội theo không? Phe hữu lo lắng: xu hướng chống mạnh lên thì làm sao đây?

NGÀY TỰU TRƯỜNG NĂM 2004

Hơn 12 triệu trẻ em, sau mấy tháng nghỉ hè, ngày 2. 9 đã trở lại trường học. Tâm tình của các em, nửa buồn nửa vui. Những em lần đầu tiên đi học, níu áo mẹ không chịu tới trường vì đối với em, đó là một thế giới xa lạ. Tâm tình của người lớn những ngày rày phức tạp hơn vì đang bị chi phối bởi nhiều chuyện: đạo với đời, mạng sống của những nhà báo...

Vì đúng vào kỳ tựu trường năm nay, đạo luật thế tục hóa nền cộng hòa Quốc hội thông qua ngày 15.3 được áp dụng lần đầu tiên. Khăn quàng Hồi giáo, các dấu hiệu tôn giáo khác rõ ràng quá, không được đem vào học đường. Vấn đề đặt ra là làm sao các em theo đạo Hồi, quàng khăn là một điều bắt buộc, có thể đi học được mà không bị rầy rà. Ở giữa hai thái độ đó không có biện pháp nửa chừng. Thế nhưng trái với sự chờ đợi của cả thế giới, không có nhiều khó khăn xảy ra : một số em đã lấy khăn ra để vào lớp cùng chúng bạn.

Hai ngày trước ngày tựu trường, bộ trưởng Giáo dục dự tính tổ chức cuộc họp báo tuyên bố rõ lập trường cứng rắn của chính phủ trong việc áp dụng đạo luật ngày 15.3. Thế nhưng bộ trưởng Francois Fillon đã dời lại cuộc họp báo đó trong ít nhất 24 tiếng đồng hồ.

Lý do? Để không làm trở ngại cho việc vận động thương thuyết với những người đang bắt hai nhà báo Pháp đang hoạt động tại Iraq và hăm giết nếu như chính phủ Pháp không hủy bỏ đạo luật. Ông giải thích: Luật thế tục không phải nhắm vào Hồi giáo mà để bảo đảm cho tất cả các tôn giáo sống hòa đồng trong nền cộng hòa.

CHƯƠNG TRÌNH CẢI CÁCH

Kỳ tựu trường năm nay không chỉ có vấn đề khăn quàng Hồi giáo mà còn những đề nghị cải cách khác. Đề nghị về định hướng của học đường sẽ được nhóm nghiên cứu của Claude Thélot cầm đầu đúc kết vào ngày 12.10. Trên căn bản của những đề nghị đó, chính phủ sẽ đệ nạp một dự thảo luật chậm lắm là vào cuối năm nay.

Trong lúc chờ đợi, Bộ Giáo dục cũng đã đề ra một số tiêu điểm cho niên học tới, như là phục hồi uy tín của trường học, uy tín của giáo chức, trở lại một số phương pháp học cổ truyền trước đây có vẻ lơ là như : ám tả, tập đọc, luận văn, học thuộc lòng mẹo luật văn phạm, học tiếng (vocabulaire), v.v..

Phải biết giỏi về ngôn ngữ và công dân giáo dục là hai mục tiêu mà nhà trường phải đạt tới

cho được, đó là các ưu tiên của bộ Giáo dục ngày nay.

Toàn quốc có 68 590 cơ sở giáo dục trong đó 57187 trường mẫu giáo và tiểu học, 6987 trung học đệ nhất cấp, 2620 trung học (tới thi tú tài), 1716 trung học chuyên nghiệp, 80 trường cộng đồng. Nhà nước tiêu ra 76,6 tỉ euro cho ngành giáo dục: mỗi em học cao đẳng tốn kém 11450 euro một năm, trung học từ 7111 đến 9856 euro, tiểu học 4457 euro.

RỒI ĐÂY DU KHÁCH NGƯỜI HOA SẼ TRÀN NGẬP NƯỚC PHÁP

Chuyên viên ngành du lịch của Pháp sắp có thêm việc làm: du khách người Hoa sẽ tràn ngập nước Pháp hay ít ra, tại Paris trong những năm, tháng tới đây. Chính quyền Cộng sản Trung Hoa đã chấp thuận cho dân chúng, kể từ ngày 1.9.2004, được xuất ngoại với thông hành du lịch. Trước đây, muốn ra khỏi nước phải là kinh doanh hay vì lý do gia đình.

Nhóm đầu tiên mở đường cho giai đoạn mới này tới phi trường Roissy Charles de Gaulle chiều ngày 1.9 và sẽ ở lại Paris ba đêm. Để ghi dấu tính cách quan trọng của sự việc này, bộ trưởng đặc trách Du lịch của Pháp đã ra tận phi trường đón chào.

Mọi việc sẽ diễn tiến tốt đẹp. Du khách người Hoa chắc chắn là những người có tiền. Nếu chỉ lấy 1 hoặc 2% của dân số 1,3 tỉ người, ngành du lịch không đủ sức để phục vụ.

«Phải chờ đợi từ 800 000 đến 1 triệu thông hành du lịch trong năm 2005,» lời của Rosita Yiu, một trong những giám đốc của Tổ hợp quản lý các khách sạn Accor. «Trong mười năm tới, người Trung Hoa sẽ dẫn đầu số du khách tới thăm nước Pháp, hơn cả người Anh, Mỹ hay Nhật Bản,» lời của Paul Roll, tổng giám đốc Văn phòng Du lịch tại Paris nói với tờ báo Pháp *Aujourd'hui en France*.

Càng hứa hẹn hơn nữa là du khách Trung Hoa xài tiền nhiều hơn du khách từ các nước khác và xài tiền mặt vì đa số không có thẻ tín dụng. Không kể tiền khách sạn và vận chuyển, một du khách Trung Hoa tiêu ra 430 euro so với một người Mỹ trung bình từ 300 đến 350 euro.

Nhiều ngành hoạt động tại Pháp đã chuyển mình từ nhiều tháng nay để tiếp đón những người du khách mới này. Ít nhất 122 công ty du lịch hay tour-opérators Pháp được phép hoạt động của chính quyền Trung Hoa. Các khách sạn từ ba sao trở lên đang chờ đón họ tại Paris. Các cửa hàng bách hóa đã in sẵn chương trình bằng tiếng Hoa và tuyển thêm người nói tiếng Hoa để tiếp đón. Vì những người khách từ phương xa này đi từng đoàn không nói được ngoại ngữ.

Chương trình trung bình của một đoàn tại Paris là... hai ngày. Trong hai ngày, họ muốn được xem tất cả, hay hầu như là tất cả, những gì tượng trưng: Tháp Eiffel, Khải hoàn môn, công trường Concorde, điện Louvre và lâu đài Versailles. Và mua nhiều thứ đặc biệt tại Paris: nước hoa, đồng hồ, nữ trang, áo quần và rượu vang.

Nếu trước đây họ mua để làm quà cho số người đông đảo hơn, vì ít ai được xuất ngoại, thì nay số mua ít đi, dành cho gia đình thôi. Số tiêu ra cũng vào khoảng 300 mỗi người chưa kể những bữa tiệc trong quán ăn sang của Paris. Và hứa hẹn sẽ trở lại để thăm tiếp những gì được nhắc nhở mà chưa được xem.

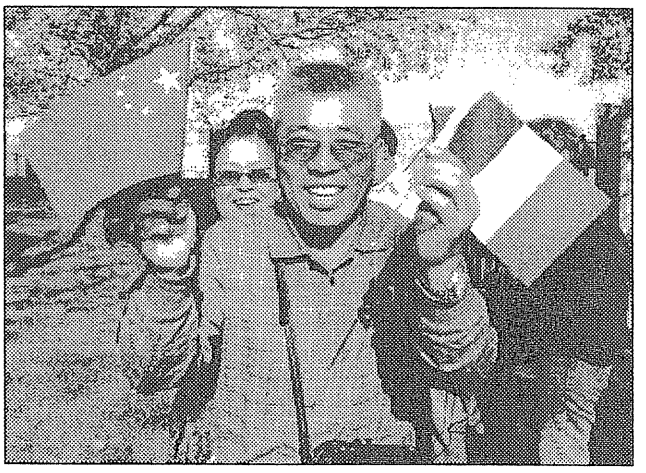

CHUYỆN XE HƠI – NĂM 2004

Một «biến cố» đối với những người mê – hay muốn tìm hiểu - xe hơi hay tự động xa. *Le Mondial de l'Auto 2004* trưng bày 497 kiểu xe của 26 nước trên thế giới vừa mở cửa tại Porte de Versailles phía nam Paris từ thứ bảy 25.9 cho tới ngày 10.10.

Hai năm một lần, hội chợ triển lãm này thu hút chừng một triệu rưỡi người đi coi. Đâu cần phải mua, đi coi cũng thích rồi, để biết mà góp chuyện về những cải tiến trong ngành này của năm... 2005. Dạo này, các công ty Pháp làm ăn khá hơn các công ty Đức, Anh, Ý... nên tình hình chung có vẻ hồ hởi.

Hơn 60 kiểu xe mới toanh, nghĩa là lần đầu tiên được đem ra trưng bày trong dịp

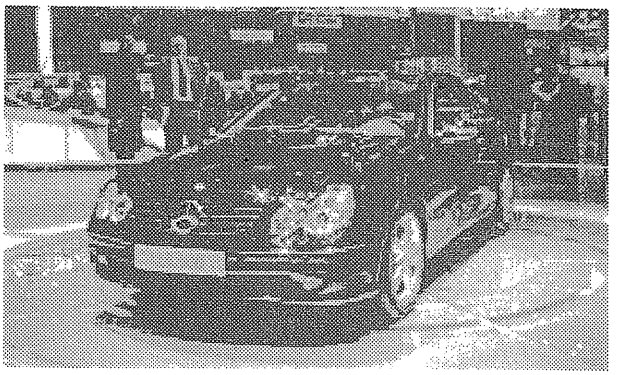

này. Có cả *monospace, concept cars, berlines* hay xe chạy trên bất kỳ đường đất nào... và có đủ cho tất cả mọi ý thích, nói theo lời của các nhà mại bản, đa số là những người xinh đẹp, ăn mặc diêm dúa bên chiếc xe bóng loáng đang chờ đợi bạn và chừng 6 000 nhà báo tới từ 70 nước.

Cái đinh của cuộc trưng bày này là những xe... sạch, trong cái nghĩa là không làm cho khí quyển bị ô nhiễm bởi bụi khói tuôn ra. Honda trưng bày kiểu mới Accord Hybride, Nissan đưa kiểu 4 x 4X-Trail chạy bằng pin nhiên liệu, Toyota bày ra kiểu Prius chạy bằng cả hai thứ xăng và điện đã được tung ra trên thị trường tại Mỹ cũng như tại Pháp.

PSA Peugeot Citroen lo lắng đến vấn đề tiết kiệm nhiên liệu đồng thời với chuyện hạn chế ô nhiễm, đưa ra chiếc C3 chạy xăng với máy *Stop and Start*, tự động tắt máy mỗi khi tới đèn đỏ hay bị kẹt xe. Kết quả: giảm ô nhiễm từ 10 đến 15% tùy theo trường hợp. 50 000 chiếc xe có trang bị máy này sẽ được tung ra từ đây cho đến năm 2006: C3 rồi tiếp theo là C 2 *mini-monospace*.

Xe chạy bằng điện cũng được chú ý, như chiếc Cleanova II của công ty Dassault chế tạo cùng với công ty Heuliez, Thụy Sĩ, có thể chạy 210 cây số trong thành phố. Các công ty này dự tính sản xuất 10 000 chiếc mỗi năm từ đây cho tới 2010. Các chuyên viên đưa ra con số: tới năm 2020 sẽ có 1 tỉ rưỡi chiếc trên đường phố thế giới so với con số hiện nay là 700 triệu chiếc. Pháp hiện có chừng 30 triệu chiếc xe lưu hành.

THÊM MỘT VÀI CHUYỆN MỚI

Bánh xe không cần có không khí bên trong: như vậy khỏi thắc mắc bơm cho căng chạy cho an toàn hay lủng ruột, xì hơi. Mang tên là Airless, không phải được căng phồng bằng hơi mà bằng một chất đặc biệt. Bánh sẽ lâu mòn và chạy êm hơn, hiện nay đang ở giai đoạn thí nghiệm.

Xe chạy bằng hơi đốt đang xài trong nhà. Do sáng chế của một người Pháp máy này chạy với Citroen C3 sẽ được tung ra thị trường ba tháng đầu năm tới.

Nido: Người Ý vừa cho ra một chiếc xe vừa thể thao vừa bảo đảm an toàn cho người lái. Xe tròn như hột vịt và nhỏ như chiếc Smart (của DaimlerChrysler) có vỏ bên ngoài rất cứng nhưng bên trong rất êm. Mang tên là Nido.

Những xảo thuật mới: điều khiển bằng lời nói, kèm với chìa khóa là ống thổi để biết lượng rượu trong máu, quá mức luật định không mở máy được, máy giới hạn tốc độ...

XE MỚI CHO «NHÀ NGHÈO»

Một chiếc không tìm thấy trong *salon de l'auto* mà lại được nói tới nhiều, xe của hãng Renault ráp tại một nước Đông Âu, Lỗ mã ni, tên là Dacia Logan. Vào giữa năm tới, công ty tung xe này ra thị trường Âu châu, nhất là Pháp, với giá 7 500 euro. So với các xe cùng loại, đây là giá thấp nhất dù giá xe đặt bán tại Lỗ mã ni và các nước «đang phát triển» chỉ là 5 000 euro (tính ra tiền của nước Lỗ 234 triệu *leu*).

Xe có đầy đủ bộ phận và tốt nữa, nếu không làm sao có thể dự tính sản xuất hằng trăm ngàn chiếc để bán cho 35 nước trên thế giới? Đồng thời, Renault sẽ mở xưởng ráp xe này tại Nga, Maroc, Colombia hay tại Iran. Lý do xe rẻ là nhờ dùng lại bộ phận trong những xe Renault ra đời trước đây.

Tờ báo *Aujourd'hui en France* làm một cuộc điều tra phóng sự để biết nếu mua xe tại Bucharest và chở về Paris cách xa 2 289 cây số thì sao? Cũng đáng đồng tiền bát gạo vì sau khi thanh toán tất cả các thủ tục chi phí hết 6200 euro, còn được 1 300 euro: Hơn một tháng lương tối thiểu tại Pháp.

Vấn đề là ngay tại nơi sản xuất, công ty cũng không có xe để giao ngay cho khách hàng. Từ 9 đến 13.9, có thêm 2 250 người đặt hàng cộng vào số 11 000 trong tháng 8. Tại Pháp, có nghiệp đoàn lên tiếng phản đối: đây là một hình thức dời xưởng ra khỏi xứ để có nhân công rẻ, rồi cạnh tranh với thị trường trong nước !

Dacia Logan này đã đề ra một ý niệm không phải của ngành sản xuất xe hơi. Ngành này luôn luôn cải tiến tăng gia những tiện nghi đôi khi phù phiếm (trang bị truyền hình, xi nê trong xe) trong khi Logan trở về với những tiện nghi tối thiểu. Hy vọng của công ty này là sẽ bán được những xe cao cấp mắc tiền hơn khi chủ xe ăn nên làm ra.

Trang Chuyện Phiếm

SONG THAO

HƯU

Hưu là một bước ngoặt tế nhị. Bởi vì, vừa qua ngã rẽ, đã lù lù một bức tường chắn ngang, chẳng nhìn thấy gì khác. Chúng ta đã chạm mặt một ngõ cụt. Có người lại đưa ra một hình ảnh khác. Hưu là một tình trạng đang từ một món hàng được bầy bán trên kệ, dưới ánh đèn sáng chói chang, bị đem cất vào nhà kho, chẳng ai nhìn nhõi đến, mặc bụi thời gian bám đầy, nằm cô đơn chờ tới lúc bị hư hỏng, vứt vào thùng rác!

Không, chúng ta chẳng bị bỏ bê một cách bất nhẫn như vậy. Xã hội cũng có nhìn nhõi đến những con người được xã hội "tri ân" sau vài chục năm miệt mài góp công góp sức xây đắp cho sự phồn vinh của nó. Nhìn tới nhưng không đủ. Đó là tiếng la của 73% các cụ ở Canada. Các cụ cho rằng tiền hưu không đủ sống. Cuộc thăm dò trên 1003 cụ vào tháng 3 năm 2004 của *Canadian Labour Congress* làm các nhà thăm dò choáng váng. Họ ngẩn ngơ trước kết quả. Lẽ nào như vậy! Chỉ mới hai năm trước đây, tỷ lệ này là 54%. Mức nhảy cách biệt 19% là một bước nhảy... lùi. Họ thử làm lại hai cuộc thăm dò nữa trong vòng năm tháng. Kết quả vẫn y chang như vậy. Xã hội có khe khắt với tuổi hưu không?

Chính phủ bảo không! Tiền hưu, tiền già vẫn cứ chi đều đều. Nếu hai thứ tiền này không đủ bảo đảm một cuộc sống tối thiểu thì đã có thêm tiền bù. Mạt ra cũng ngót nghét một ngàn đô mỗi tháng cho mỗi cụ. Một ngàn đô mỗi tháng cho đủ các thứ chi phí cho một cuộc sống về già, cần phải khéo co mới nối được hai đầu tháng lại với nhau. Các cụ nào có hưu bổng tư thì đỡ hơn. Nhưng các quỹ hưu bổng tư xem ra cũng bấp bênh lắm. Theo Hiệp Hội Kế Toán Chuyên Nghiệp Canada thì 59% các quỹ hưu bổng tư không có đủ tiền để trả. Quy số phần trăm này ra... cụ thể thì có 847 quỹ hưu tư bị khiếm hụt tới 160 tỷ đô! Tội thân già!

Tuổi nào là tuổi hưu? Trước 1975, ở Việt Nam, là 55 tuổi, sau định "đôn" lên 60 tuổi. Ngày nay, cũng ở Việt Nam, cô em gái tôi, giáo viên Trung Học, đúng 55 tuổi là cho mời về nhà... đuổi gà, mặc dù sức vẫn còn khỏe, lòng vẫn còn ham... phục vụ! Hưu như vậy, có sớm quá không? Nhưng ở trong một xã hội mà bốn chục tuổi đã toan về già rồi thì thêm vào khoảng thời gian lưu lạc của nàng Kiều nữa thì... già khằng rồi chứ còn gì nữa! Chàng Phó Kẽm, lúc thời thế đưa vào chức Chủ Tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương, danh xưng "cách mạng" của chức Thủ Tướng Chính Phủ, trong một cuộc họp báo đã vung vít cho là quá 35 tuổi là... hết xài! Vậy thì, sáu chục cái đông giá, ở Việt nam, già là cái cẳng!

Ta bắt đầu tính sổ
Lật từng trang từng trang
Mắt mờ như mù sương
Lòng ngậm ngùi hoài niệm
Tuổi trẻ ơi giã biệt
Tuổi thơ ơi xin chào
Tuổi già đến khi nào
Sáu mươi trang rồi đó.

(Trần Hoài Thư)

Tại Canada, cho tới hôm nay, tuổi hưu ai cũng biết là 65 tuổi. Tại Mỹ, trước đây cũng rứa, nhưng mới đây đã có thay đổi. Tuổi hưu đã được tăng lên. Những người sanh từ năm 1937 trở về trước, vẫn cứ 65 tuổi là có quyền ca bài nợ tang bồng trăng trắng vỗ tay reo. Những người sanh từ 1938 trở về sau, cứ mỗi tuổi xin chậm lại hai tháng hãy... ca. Như vậy, sanh năm 1938 phải 65 tuổi hai tháng, 1939 phải 65 tuổi bốn tháng vân vân... Tới 67 tuổi thì tốp cái vụ hai tháng. Tuổi hưu mới là 67 tuổi. Vậy mà các quỹ hưu hình như vẫn chưa bằng lòng. Họ đang đòi hỏi tăng lên nữa.

Phải tăng tuổi như vậy vì khối người hưu trí, theo lời Chủ Tịch Quỹ Dự Trữ Liên Bang Alan Greenspan, đang xiết chặt nền tài chánh quốc gia và làm tổn thương nền kinh tế xứ sở! Hai quỹ đang phải gồng mình gánh cho các... hưu sĩ là Quỹ An Sinh Xã Hội và quỹ *Medicare* đều đang... đau nặng. Quỹ An Sinh Xã Hội sẽ bội chi vào năm 2018 và bị cạn kiệt vào năm 2042. Quỹ *Medicare* sẽ bắt đầu bị thâm thủng từ năm 2019. Viễn ảnh tương lai coi bộ khá mù mịt khi vào năm 2035, khối dân số trên 65 tuổi sẽ tăng gấp

đôi, ảnh hưởng lớn tới sự thâm thủng ngân sách và công phá trên toàn bộ nền kinh tế Mỹ!

Nghe mà thấy lớn lối. Lớn như vậy, những bàn tay nhăn nheo làm được chi! Tuổi mòn, sức cạn, chuyện bôn ba coi như chuyện tầm phào, lo sao nổi. Để cho chính phủ lo. Dân hưu có lo được chăng là lo những chuyện thường ngày. Bởi vì tuổi hưu là một thành trì bỏ ngỏ cho lừa lọc, tật bệnh vô ra thong thả.

Trên một số xe hơi có tuổi chạy trên đường phố, người ta nhìn thấy một tấm bảng vuông vức như bảng số xe, gắn phía trước, nội dung rất... hờn giỗi! *Về hưu, không sổ băng, không địa chỉ, không điện thoại!* Diễn nôm ra thì là... mặc mẹ cuộc đời! Giỗi thì nói vậy chứ điện thoại khó mà bỏ được. Không có cái máy nói lấy chi mà ậm ừ cho hết ngày? Nhưng cái tóc còn là cái tội huống chi cái... a lô. Dân lừa đảo cứ nhắm mấy cụ hưu mà... hành nghề. Chuông điện thoại reo. Đầu giây bên kia là một nhân viên giao hàng của một cửa hàng lớn.

"Chào bà! Chiếc TV bà mua đã có rồi. Chừng nào chúng tôi có thể giao cho bà được?"

"Ông nói sao? Tôi có mua cái TV nào đâu?"

"Lạ nhỉ! Người mua là bà Tâm Nguyễn và số tiền đã tính vào thẻ *Visa* là 789 đô. Rõ ràng đây mà. Tên bà có phải là Tâm Nguyễn không vậy?"

"Ờ... ợ... Đúng. Nhưng thẻ *Visa* của tôi đâu có xài được tới số tiền đó!"

"Vậy à? Xin lỗi bà, bà Tâm Nguyễn. Phiền bà cho chúng tôi số thẻ để chúng tôi xóa món tiền này đi ngay lập tức. Xin lỗi bà."

"Vậy để tôi đi kiếm.... Đây, số thẻ của tôi là....."

Thế là rồi đời! Sẽ có những món tiền ma ... đổ bộ vào tấm thẻ đáng thương của cụ!

Một cú điện thoại khác.

"Chào ông! Ông Văn Đặng. Tên tôi là Joe và tôi có một tin mừng cho ông. Ông cảm thấy sao nếu ông trúng 50 ngàn đô? Mừng chứ ông nhỉ, phải tôi, tôi cũng mừng vậy! Ông có tên trong số những người có thể có may mắn trúng cuộc bắt thăm. Tôi gọi cho ông chỉ để báo trước cho ông và xác nhận địa chỉ rõ ràng để chúng tôi gửi chi phiếu. Ồ, xin lỗi ông, tôi có một cú điện thoại khác, ông giữ máy chờ tôi một chút nghe. Tôi sẽ quay lại nói chuyện với ông ngay!"

Ông Văn ôm điện thoại chờ. Rỗi rãi, lại thèm có người nói chuyện, chờ một chút ăn thua chi. Mười phút, hai mươi phút trôi qua. Phôn bỗng bị cúp. Hẫng một chút, rồi thôi. Chẳng nghĩ tới cú điện thoại của người lạ nữa. Mai mốt có khi họ sẽ phôn lại. Rồi ông Văn không nhận được tấm chi phiếu 50 ngàn đô mà là một tấm *bill* có số tiền khiêm nhượng hơn: 4 đô! Sao vậy? Bởi vì cái anh Joe quỷ quái kia gọi tới ông bằng số 1-900 hoặc 1-976, số mà người nhận điện thoại phải trả tiền!

Có những cơ sở thương mại quảng cáo hàng bằng cách bắt người nghe chi địa. Theo đúng luật lệ, họ bắt buộc phải thông báo trước với người bắt phôn số tiền phải trả cho mỗi phút, nội dung dịch vụ và tên cơ sở. Nhưng thông báo này chỉ dài có 18 giây. Nếu nghe ra, cúp phôn liền thì không phải trả tiền. Nhưng vừa bắt phôn lên, lớ ngớ nghe chưa rõ, thông báo đã hết, bị nghe quảng cáo mà phải móc túi chi tiền. Đau hơn hoạn!

Lại phôn! Người gọi tự xưng là kỹ thuật viên của một công ty điện thoại đang thử đường dây trong khu vực và cần giúp đỡ. Giản dị thôi! Người nghe chỉ việc quay số 90# rồi gác máy. Dễ ợt! Mất mát chi đâu! Vậy mà mất. Vì khi quay số 90#, người nghe đã mặc nhiên cho người ở bên kia đầu dây truy cập được đường dây của mình. Họ sẽ gọi viễn liên tía lia đi khắp nơi trên thế giới trong bao lâu họ muốn. Cuối tháng, *bill* điện thoại tới, nạn nhân mới ngã ngửa ra!

Mấy cụ về hưu là những con mồi ngon của những vụ lừa đảo điện thoại này. Bởi vì các cụ luôn luôn... ứng chiến 24/24, 7/7, lúc nào cũng có mặt. Già cả thường hay tin người, cứ tưởng ai cũng hân hoan giúp đỡ mình, khi tưởng được người khác giúp lòng vui như mở hội. Hóa ra mình chưa bị bỏ quên! Tính cả nể nên rất ngại chuyện cúp phôn, cứ hồn nhiên bị lừa! Tổ chức chuyên theo dõi các vụ lừa bịp bằng phôn *PhoneBusters* vừa đưa ra một con số đau lòng: 84% nạn nhân là các cụ trên 60 tuổi!

tôi ngồi ngắm cái lưng tôi
chong trên đường nắng, hình như đã còng
co tay, vét một vốc lòng
vãi quanh, tạ ngọn gió vòng vo bay
(Luân Hoán)

Còng lưng là một chứng bệnh của tuổi hưu. Chỉ có còng lưng thôi sao? Không, còn nhiều món ăn chơi khác. Lãng quên này, cái anh *Alzheimer's* ngày nay đã là một khuôn mặt quen thuộc, nhất là từ khi cựu Tổng Thống Reagan xuôi tay vì chứng quên lãng. Số bạn... đồng bệnh với vị cựu Tổng Thống này ở Canada nay đã lên tới 238 ngàn người. Nghễnh ngãng này, cứ hở với hả hoài làm con cháu phát chán.

Trên xe buýt, một bà già bảo anh chàng đang nhai kẹo cao su trước mặt:

"Thôi! Anh đừng hỏi tôi nữa. Tai tôi điếc đặc có nghe thấy gì đâu!"

Cũng trên xe buýt, một cô mặc váy ngắn bước lên. Không còn chỗ ngồi, cô nhìn quanh. Một chàng trai mời:

"Cô có thể ngồi trên đùi tôi!"

"Thôi! Tôi sợ làm gẫy cái tẩu thuốc lá của anh!"

Chàng trai chưa kịp phản ứng thì một cụ già khoảng 70 tuổi phều phào nói:

"Cô có thể ngồi trên đùi tôi vì tôi đã bỏ thuốc từ lâu rồi!"

Bỏ thuốc? Có thực chăng? Sao mời mọc nhau ân cần như vậy? Ông bạn vong niên của tôi, mức thất thập đã vượt qua, vẫn cười nói rổn rảng trong điện thoại. *Xin lỗi đi! Cái vụ đó cứ cắt da đầu gối mà còn chẩy máu là còn... xài được!* Bạn tôi nói đúng. Không phải cứ già là hết xài đồng hồ. Nhiều vị bát tuần mà vẫn cứ... mời em lên ngựa được! Dân gian vẫn có định kiến là già thì thận suy, cái vụ đó xin... cáo lỗi. Thận bị coi là thủ phạm, nhưng thận ta hay thận tây đây? Thì thận nào chẳng là thận, cứ gì thận tây hay thận ta! Không phải. Theo Đông y, thận là một hệ cơ quan có liên quan đến nước tiểu, sưng phù, yếu sinh lý, đau lưng. Thận, theo Tây y, là hai khối cật nằm sau lưng, hai bên cột sống, ngay dưới phổi, có nhiệm vụ chính là lọc máu, bài tiết nước tiểu để thải chất độc trong cơ thể ra ngoài. Nhiệm vụ thứ hai của thận Tây y là tiết ra chất *hématoprotéine* để kích thích xương tạo ra hồng huyết cầu và chất *rénine-angiotensine* giúp điều hòa huyết áp. Theo Tây y thì đau lưng ít khi do thận gây ra mà hầu hết, khoảng 98%, là do bệnh của cột sống, cơ lưng, rễ thần kinh cột sống gây ra. Còn cái vụ không vươn lên được phần lớn chẳng ăn thua gì đến thận cả! Nhiều khi đó là một thứ bệnh tâm lý.

Thành kiến xã hội về chuyện tính dục của người có tuổi vẫn còn tồn tại một cách nặng nề. Già rồi, con cái đã lớn, đừng làm trò khỉ, chúng cười cho! Tại sao sợ chúng cười? Có lẽ chúng ta đã bị một cú... *boomerang*. Bởi vì chúng ta đã giáo dục con cái quá khép kín, dậy cho chúng nghĩ rằng tình dục là một cái gì đó đáng xấu hổ, thay vì cần giúp chúng hiểu rằng tình dục chân chính và lành mạnh giữa hai vợ chồng, dựa trên tình yêu và sự tôn trọng nhau, sẽ đem lại nhiều tác động tích cực có lợi cho sức khỏe, giúp kéo dài tuổi thọ. Hơn nữa, khái niệm tình dục ngày nay không phải chỉ là cái vụ... ấy, mà còn bao gồm nhiều hành vi khác như ôm hôn, nắm tay, vuốt ve... đem lại sự thoải mái về thể chất và tinh thần cho những người yêu nhau.

Tôn giáo cũng bắt chúng ta khe khắt với chính chúng ta. Những người quá mộ đạo thường cho rằng tính dục chỉ nhằm mục đích sinh sản, làm sinh sôi nẩy nở loài người như ý của Thượng Đế. Hết khả năng sinh sản thì... nghỉ chơi! Tấy máy thêm là... mang tội! Nhưng Thượng Đế dựng nên con người, hết tuổi làm bố làm mẹ, sao không cho... rụng luôn cái khả năng... quà cáp cho nhau, mà cứ để cho người ta... đến hẹn lại lên? Đó phải chăng là ý Thượng Đế cũng muốn cho con người còn có thể biểu lộ lòng yêu thương nhau? Tuy nhiên, hưu rồi, cái vụ đó chưa hưu được thì cũng nên màn màn, chừng mực, điều độ, thuyền nương theo sóng, thì mới có lợi cho sức khỏe. Tuổi hưu, cái chũm cái chọe vẫn chưa hưu. Bắt nó hưu, tội!

Tội, như những ông tướng trong quân đội Hoa Kỳ. Vì quân đội thặng dư tướng nên Ngũ Giác Đài tìm biện pháp để khuyến khích các tướng về hưu sớm. Họ quyết định cho các tướng thuận về hưu, ngoài các bổng lộc như bình thường, còn được một khoản trợ cấp trả ngay một lần. Khoản trợ cấp đặc biệt này được tính như sau: họ được quyền chọn để cho đo giữa bất kỳ hai điểm nào trên thân thể, tính bằng phân. Cứ mỗi phân được trợ cấp một ngàn đồng. Có ba viên tướng làm đơn xin hồi hưu sớm. Người thứ nhất chọn đo khoảng cách từ đầu đến gót chân. Ông ta cao 1thước 90, vậy được hưởng số tiền 190 ngàn đô. Người thứ hai giơ cao tay lên trời và chọn đo từ đầu ngón tay giữa đến đầu ngón chân cái. Khoảng cách của hai điểm này là 2 thước 30. Ông nhận được 230 ngàn đô.

Tới lượt người thứ ba, ông chọn đo từ đầu mũi tới... mật khu! Mọi người cười thương hại. Đâu có xa bao nhiêu? Nhưng họ vẫn làm theo yêu cầu của ông. Khi bảo ông cởi quần để... đo đạc, mọi người ồ lên ngạc nhiên. Một người hỏi:

"Cái đó của ông đâu rồi?"

Viên tướng tỉnh bơ:

"Nó không nằm ở đây! Nó nằm ở bên Irak!"

09/2004

CẦY

Chó lúc sống gọi là con chó, lúc chết gọi là chó chết. Nhưng khi cái xác chó leo lên bàn nhậu thì cải danh thành cầy. Tại sao vậy? Các nhà ngữ học chắc không khoái món cầy nên làm ngơ về sự đổi tên này. Tôi thì ấm ức, muốn cho ra ngô ra

khoai, bèn đoán đại, trúng thì tốt không trúng cũng... huề! Ăn thịt chó có lẽ trong lòng vẫn cảm thấy cấn cái nên người ta... kỵ húy. Đổi ra cầy cho an tâm. Đến nhà văn Vũ Bằng, ca tụng hầu hết các món ăn Bắc Kỳ trong *Miếng Ngon Hà Nội*, ngòi bút ông thao thao những con chữ ngợi ca. Ngay cả đến những món không... qui ước lắm như hẩu lốn, lòng lợn, tiết canh, ông vẫn cứ phóng bút thoải mái. Vậy mà đến món thịt cầy ông bỗng khựng lại. Trong bài *Thịt Cầy*, ông mở đầu bằng những dòng rao nam rao bắc rất khổ tâm: *"Đã định không nói, nhưng không nói không chịu được. Ờ mà nếu ca tụng thịt cầy mà mang tiếng là thiếu văn minh thì mình cũng đành chịu cái tiếng thiếu văn minh vậy, chớ nói đến miếng ngon Hà Nội mà không nói đến thịt cầy, người ta quả là thấy thiếu thốn rất nhiều. Chỉ thiếu có một người, vũ trụ bao la hiu quạnh... Huống chi lại thiếu thịt cầy thì còn vui sống làm sao?"*

Tại sao đụng tới cầy lại khựng lại như vậy? Cũng như mấy quán bán thịt chó cũng chẳng dám nghênh ngang trương bảng hiệu để rõ là thịt chó mà núp dưới những cái tên chỉ phảng phất mùi rựa mận. Chỗ thì Cờ Tây, nói lái của chữ Cầy Tơ. Chỗ thì Mộc Tồn, diễn nôm ra là Cây Còn, đọc lái lại thành Con Cầy. Chỗ thì Lá Mơ, nói xa nói gần tới thứ rau chuyên trị thịt chó. Chỗ thì Sống Trên Đời, mon men từ câu thơ: *Sống trên đời ăn miếng dồi chó/ Chết xuống âm phủ hỏi có hay không?* Đại Hàn, một dân tộc cũng... chó hạng nặng, khi tổ chức Thế Vận Hội tại thủ đô Seoul, cũng bắt dân chúng giấu đi những tiệm bán thứ... quốc hồn quốc túy này. Ăn thịt chó là làm mất mặt nhau lắm sao?

Mùa đông năm 1967, tôi được mời tới dự một bữa ăn tại nhà một mục sư Tin Lành ở Hoa Thịnh Đốn. Ông mục sư này đã từng có thời tới rao giảng Tin Mừng tại Việt Nam, rất mến Việt Nam, đã tổ chức bữa ăn này nhân có tôi từ Việt Nam qua. Nếu chỉ có gia đình ông ấy với tôi thì bữa ăn đã rất Việt Nam. Nhưng để cho vui, ông mời thêm khoảng hơn một chục người Mỹ, bạn của ông. Bữa ăn quả thật vui, vui cho tới khi không biết có phải vì rượu vào không mà miệng ông lại phun ra... thịt chó! Ông khơi khơi kể là ông đã ăn thịt chó ở Việt Nam. Những cặp mắt xanh quanh ông bỗng như bị lửa đỏ. Tròng xanh tròng trắng cứ trợn trừng cả lên. Các bà lấy khăn ăn lên che miệng. Họ nhìn ông bỗng như xa lạ. Ông vẫn tỉnh bơ nói nói cười cười, lại còn khen thịt chó rất ngon. Có mấy bà đã dợm đứng lên. Mọi cặp mắt đổ dồn qua tôi. Như không phải nhìn một con người. Họ hỏi tôi để xác nhận có phải ở Việt Nam người ta ăn thịt chó thiệt không? Tôi lúng túng, không nhận thì không được, mà nhận thì, trong bối cảnh quá bất tiện này, mất mặt bầu cua quá! Tôi cứ giữa hai lằn đạn mà... ấp úng. Thì cũng có người ăn, nhất là ở thôn quê, nhưng chó ở Việt Nam không phải giống như chó ở Mỹ. Người ta ăn thịt chó Việt Nam chứ không ăn thịt chó Tây chó Mỹ!

Cái ấp úng của tôi cũng có... căn bản lắm chứ. Chó Tây chó Mỹ, ai thèm ăn! Vừa hôi, vừa lạt, vừa tanh, lại... ngoại lai. Lại phải viện tới tiên sinh Vũ Bằng. *"Cái giống chó 'bẹc giê', 'pê ki noa', cái giống chó 'bát sê' cũng như giống 'phốc', nói tóm lại tất cả các giống chó tây phương, cấm có ăn thịt được. Thịt cứ dai như chão rách, mà hôi quá ăn không ra cái 'thớ' gì. Chó ăn, phải chính cống là giống chó ta, không được lai căng một tí một li ông cụ."*

Chó ta, tuy vậy, không phải... cá mè một lứa đâu. Cũng có đẳng cấp đàng hoàng. Nhất bạch, nhị vàng, tam khoang, tứ đốm. Không hiểu mấy ông tổ sư... chó ngày xưa, khoa học đến đâu, mà lại nối được mầu lông chó với chất lượng thịt cầy? Nhưng trong giới sành điệu, bảng sắp hạng trên vẫn được tôn trọng từ đời này qua đời khác. Cứ như là kinh sách!

Cầy nguyên thủy chỉ có bốn món căn bản: luộc, nướng, rựa mận và dồi. Sau này, nhân loại tiến bộ, cầy cũng mon men leo lên bằng... bò. Bẩy món đầy đủ. Món nào cũng... nhức răng!

Bữa ăn thịt cầy gần đây nhất của tôi là đầu năm ngoái, 2003. Bữa đó, chúng tôi nhậu nơi nhà ký giả Hà Túc Đạo ở gần phi trường Tân Sơn Nhất. Bàn ăn la liệt đủ món... quê hương, kể cả món *hot* nhất lúc đó ở Sài Gòn là món cá điêu hồng. Mọi người đã đến đủ, chỉ chờ Văn Quang và Nguyễn Quốc Thái. Thời gian cứ ườn ẹo đi mà hai ông văn thơ này vẫn mù mịt tăm cá. Điện thoại di động. Cười hề hề bảo là sắp tới. Sau ba cú điện thoại dục dã, tới thật. Bị trách móc, Văn Quang giơ ra cái túi xách. Còn phải đi kiếm thuốc cho mấy ông Việt Kiều. Nguyễn Quốc Thái kể công. Tụi này phải đi tới nơi chân truyền nhất, loại xịn chính gốc! Mở ra. Cầy! Độc có hai món: luộc và dồi. Đầy đủ đoàn phụ tùng giềng, lá mơ, húng chó, mắm tôm pha chanh! Bữa đó tôi hơi xấu tính. Cứ nhè cầy mà tì tì với *Martell!* Sao mà... chó thế không biết! Ngon đâu mà ngon lạ ngon lùng. Món luộc đã nhức răng, món dồi thì

hết biết. Đúng là cứ hỏi... *có hay không*?

Để cho quý vị còn nghi hoặc đến cái khiếu sành ăn của Diêm Vương, tôi lại mời ông Vũ Bằng về giúp một tay... tả tình tả cảnh cái món xuống tới Âm Phủ mới tiếc hùi hụi! *"Sao mà có những người có óc vĩ đại lại đi nghĩ ra được cách làm được cái thứ dồi ngon lạ ngon lùng đến thế, một tổ hợp tiết tấu đến như thế, hở Trời? Gắp một miếng chấm muối chanh, rồi đưa cay một hơi rượu, ta thấy tất cả tiết, sụn, lá thơm và đậu xanh ở trong miếng dồi nâng đỡ nhau, đoàn kết nhau thành một khối bất khả chia lìa, không những thấy ngon lành cho khẩu cái mà thôi, nhưng lại còn làm cho ta mát gan nở ruột vì cái đẹp tinh thần do sự nhất trí tạo thành. Ai cũng đã ăn dồi lợn, và ai cũng ăn dồi của người Tây mà ta thường gọi một cách nôm na là "sốt sích". Bằng thế nào được dồi chó, phải không ông? Dồi chó làm khéo thì cái ruột phải ken kỹ cho mỏng như tờ giấy, đến lúc ăn vào nó cứ giòn tan, không mềm lừ những tiết như dồi lợn, mà cũng không bã như rơmi kiểu dồi tây; nhưng nó nhuyễn lừ đi, nhai kỹ lại hơi sừn sựt, bùi béo nhưng không ngấy, ngan ngát nhưng không nồng mùi tỏi."*

Luộc đã vậy, dồi đã vậy, cái món chả chó cũng... đê mê phát khiếp!

Ăn rồi xách nón ra về
Thấy hàng chả chó lại lê chân vào
Chả này bà bán làm sao?
Ba đồng một gắp lẽ nào chẳng không
Dối rằng lại nghĩ đến chồng
Gần đến cánh đồng ngả nón ra ăn!

(Ca dao)

Chả chó là cái chi chi mà cô thôn nữ đi chợ, lê lết đủ thứ hàng quà, bụng căng mà trông vẫn thấy thèm, nói là mua về cho chồng, nhưng mới tới giữa đường đã ngả nón ngồi phệt bên đường mà... đớp! Chả chó, chân dung nó như thế này. Giềng già, mẻ, mắm tôm trộn vào với nhau. Thịt chó, cắt thành từng miếng bằng đốt ngón tay, vừa nạc vừa mỡ, bỏ vào thứ... hợp chất lừng lừng trên, bóp cho đều, để vài tiếng đồng hồ cho ngấm. Xiên vào thành từng xiên. Rồi nướng. Than phải là than tàu, lúc nào cũng quạt liền tay cho đỏ, thịt xèo xèo cháy, mỡ nhỏ xuống than bốc khói thơm lên quyện vào thịt. Mùi thơm nướng theo làn gió làm khổ những cánh mũi, làm ứa nước miếng. Ăn một miếng chả chó chấm với muối tiêu, cắn một miếng ớt, quên hết trời trăng!

Rựa mận lại là một... chiêu khác! Cũng mắm tôm, gừng già, mẻ trộn với nhau. Thêm hành, muối vừa đủ. Cho thịt cầy vào bóp kỹ, để chừng một tiếng đồng hồ rồi ninh. Trước khi ninh trộn thêm tiết chó vào. Ninh cho tới khi quánh lại *"đưa bát rựa mận lên ngang mặt, nheo một con mắt lại mà không thấy nổi lên những rằn ri của bẩy sắc cầu vồng, thế là chưa biết nấu"* (Vũ Bằng). Cái thứ hợp chất đan kết với nhau một cách chặt chẽ này mà ăn với bún, bẻ thêm một miếng bánh đa nướng thì... tuyệt cú mèo!

Cầy, nó chẳng tha những chiếc áo thầy tu. Lỗ Trí Thâm trong Thủy Hử, dù có bị đời bỉ thử là "sư hổ mang" cũng cứ... cầy. Một ông hổ khác, ông Thiên Hổ, bút danh của cha Nguyễn Quý Lãm, Chủ Nhiệm nhật báo Xây Dựng của Sài Gòn trước 75, cũng... cầy như ai. Trong *Hồi Ức Bốn Mươi Năm Làm Báo*, nhà báo Nguyễn Thụy Long tiết lộ: *"Những bữa cơm trưa ở tòa soạn báo thường có món thịt chó, tôi không ăn được bèn biến, nhưng có hôm cha cũng dụ tôi ở lại được, ăn cơm với chả chiên, nhưng rồi tôi cũng khám phá ra món ấy là món chả chó!"*

Ở hải ngoại, chúng ta cũng... tu. Tu giữa đời! Chó quẩn quanh đầy dẫy bên cạnh, như những cậu ấm cô chiêu, nhưng cầy thì tuyệt nhiên mất bóng. Nhiều người nhớ cầy nên... vọng tưởng, thịt heo một miếng làm tạm... giả cầy. Giả cầy dĩ nhiên không phải là cầy, cái thứ thịt dắt răng ba ngày vẫn còn thơm! Vậy mà ông bạn tôi ở Mỹ, cầy thiệt trăm phần trăm mới tài chứ! Cú phôn với giọng nói đẫm nước miếng báo cho tôi biết là trong tủ lạnh nhà ông đang nằm nguyên một cái đùi chó. Thứ thật một trăm phần dầu. Ỡm ờ cho sốt tiết bạn bè một đỗi rồi chàng mới bật mí. Nguyên là cô con dâu người Đại Hàn về chơi Đại hàn, khi trở lại Mỹ, không biết bằng cách nào mà dấu nguyên được một đùi chó trong hành lý để làm quà cho ông bố chồng theo đạo... dựa mận! Bạn tôi cất vào trong tủ lạnh, bảo quản còn hơn giữ cái thân mình, mỗi lần... lên cơn chỉ dám dè xẻn xẻo ra một chút cho đỡ... tương tư. Khi rựa mận, lúc chả chìa, khi luộc, lúc nấu măng. Ăn xong lại... a lô cho bạn bè chúng thèm chơi!

Thượng điền tích thủy hạ điền khan! Chúng ta đang ở hạ điền, bỏ ra một xín, vù một cái là tới thượng điền. Có mà khối! Chó tràn lan. Và rẻ rề! Rẻ nhất trong các thứ thịt. Khu ông Tạ, "nghĩa địa" chó từ những ngày di cư, vẫn cứ tấp nập dân làng... chó. Thịt cầy ở đây thuộc trường phái cũ, rất cổ điển. Món nào món nấy còn... khăn vấn áo the! Muốn theo thời một chút, chịu khó chạy lên đường Ba Tháng Hai, gần nhà thờ Vinh Sơn. Món

dựa mận ở đây... số một! Hẻm Cống Quỳnh, cạnh nhà sách Thanh Niên, là địa chỉ của món chó... xô bồ. Xô bồ đây là nói về dân nhậu. Thượng lưu có, hạ lưu có, trung lưu cũng... lưu lại. Nhiều dân nhậu cho rằng ăn thịt chó phải xô bồ, tuệnh toạng như vậy mới đúng... chó. Chứ cứ đút đầu vô tiệm thịt chó máy lạnh bên hông Sở Thú, gần cầu Thị Nghè, sạch thì có sạch, sang thì có sang, nhưng không có không khí. Cũng quanh quẩn bên cầu Thị Nghè, có chó... ôm. Không phải ôm chó đâu. Tây đầm chi đâu mà bầy đặt! Đây là nơi có thịt chó trên bàn, thịt người bên cạnh. Hai thứ đều thơm nhưng mỗi mùi thơm một cách khác. Thứ thơm của thịt chín và thứ thơm của thịt... sống!

Hà Nội... Chó! Hay là Hà Nội Phố?

Nhật Tân phố chó

Quảng Bá phố phò!

Phò không ăn nhậu gì tới chó. Nó là thứ thức ăn của... chim. Chó mới là thứ thức ăn của người. Vậy đi ăn thịt chó thì chớ tới Quảng Bá, cứ Nhật Tân mà thẳng tiến. Đã có thời nơi đây có xấp xỉ ba chục tiệm thịt chó nhưng nay thì chỉ còn khoảng một chục. Nếu được mách bảo trước nên tới quán Anh Tú thì... nhức đầu. Vì ngày nay quán danh Anh Tú đã bị lạm dụng. Anh Tú Béo, Anh Tú Xịn, Anh Tú Nhà Kính, Anh Tú Nhà Lá, Anh Tú Rởm.... Biết anh nào mới là Anh Tú chính cống? Mỗi Anh Tú, cũng như những anh hàng xóm Hồ Kiểm, Trần Mục, A Trang..., là một căn nhà được làm theo kiểu nhà sàn, lợp mái cọ, ngồi ăn trên chiếu trải trên sàn nhà. Ăn thịt chó kiểu này, mỏi chân lắm!

Ngày xưa, muốn ăn thịt chó, người ta chẳng phải mỏi chân ra tiệm. Người ta giết chó nuôi trong nhà. Con chó mực trong truyện ngắn *Cái Chết Của Con Mực* của Nam Cao là một chú chó già, ghẻ lở, có nhiều tật xấu. Người ta đã định thịt nó nhiều lần nhưng nó vẫn được hưởng... án treo! Khi Du trở về, số phận nó hầu như đã được định. Du là chủ cũ, đi xa lâu ngày, nay trở về, thấy con chó cũ ra mừng thì thương, nhưng nó ghẻ lở gớm ghiếc quá làm chàng không dám ve vuốt như ngày chàng còn nhỏ, thường chơi đùa với con mực. Những ngày sau đó, trong đầu Du cứ lởn vởn nửa thương con vật trung thành cũ, nửa ghê tởm cái nhơ nhớp của nó. *"Sau cùng thì chàng bực mình: chàng nhận ra rằng một con chó đã làm mất sự bình tĩnh của tâm hồn chàng. Và đột nhiên chàng muốn giết con Mực lắm. Chàng muốn có đủ can đảm để giết người. Phải dám giết mà không run tay khi cần phải giết. Còn làm được trò gì nữa nếu chỉ giết một con chó mà tim cũng đập?"*

Lòng đã quyết, khi thấy con Mực ngủ bên bờ dậu, Du rón rén cầm cái gậy bước tới định đập chết con Mực. Nhưng chàng như cảm thấy ngạt thở, lòng quả quyết tiêu tan hết. Khi con Mực giật mình thức giấc, chàng hoảng hốt vụt mạnh. Con Mực rống lên một tiếng và chạy trốn trong vườn. Cả đêm đó, Du thấy toát mồ hôi và nhất định không giết con chó nữa.

"Nhưng gần sáng chàng còn đương mơ mộng, thì đã nghe tiếng Hoa gọi cuống cuồng lên. Con vật khốn nạn không biết mỏi mệt thế nào mà ngủ quên đi ngay ở giữa sân để đến nỗi bị Hoa úp được... Hai ba người nắm vào hai đầu gậy tre ngáng sẵn bên cạnh thúng rồi Hoa mới hé miệng thúng lên. Thấy sáng con Mực nhô ra ngoài cái mõm ướt thở phì phì. Hoa nhích lên tí nữa nhưng một cái đầu gối đã tì sẵn trên thúng. Mực lách cả cái đầu ra. Cái gậy đè mạnh xuống. Con vật khốn nạn không còn kịp kêu. –Đè chặt, thật chặt, đừng buông nó ra nó cắn đấy! Du kêu lên như thế nhưng tiếng chàng đã run run. Con chó phì ra một cái nữa: hơi thở mới thoát ra một nửa bị tắc. Cái gậy đè sát đất. Mắt nó trợn lên. Lòng đen ươn ướt cứ đờ dần rồi ngược lên lẩn một nửa vào mí trên. Lòng trắng đã hơi đục. Lúc Hoa trói xong cả chân trước, chân sau và buộc mõm rồi thì con chó đã mềm ra không còn cựa cậy nữa. Du nghẹn ngào nén khóc..."

Những ngày còn nhỏ ở Hà Nội, tôi đã có lần mục kích ông hàng xóm làm thịt con chó nuôi trong nhà. Ông âu yếm gọi nó lại. Nó vẫy đuôi nhưng chân còn ngại ngùng. Hình như linh tính báo cho nó điều chẳng lành. Nhưng rồi nó cũng rón rén bước lại, thè lưỡi liếm chân ông. Ông bỗng bóp cổ con chó, cột chặt bằng sợi dây thép, xiết cổ cho tới lúc lưỡi nó thè ra. Tôi nhìn kỹ vào mắt con chó tội nghiệp. Thấy vẻ ngạc nhiên hơn là oán thù. Có lẽ nó ngạc nhiên vì sự đổi thay của người chủ mà nó vẫn phục tòng. Cho tới khi nhắm mắt!

09/2004

TÓC

Khoảng thập niên 60, nhiếp ảnh nghệ thuật Việt Nam thắng lớn. Những huy chương vàng huy chương bạc kéo nhau ùn ùn về tay những Nguyễn Cao Đàm, Phạm Văn Mùi, Thái Đắc Nhã... từ các cuộc triển lãm ảnh quốc tế khắp nơi. Trong nhiều lý do của sự được mùa này, mái tóc của

các thiếu nữ người mẫu có lẽ là một trong những lý do nổi bật. Cứ tưởng tượng một mái tóc mượt mà, đen tuyền, trải ra như một dòng suối huyền trên những tấm ảnh đen trắng. Thấy đã mê. Mái tóc huyền đó lại đi với chiếc áo dài trắng, vạt áo bay bay trong dáng đi, vạt áo e ấp trong dáng ngồi, lại kèm thêm chiếc nón lá hờ hững bên cạnh. Ăn đứt!

Rồi một chiều nắng nhỏ
Mái tóc thề rưng rưng
Ôi mái tóc thề rưng rưng nàng trao người gởi tặng
Ôi mái tóc huyền mơ xanh màu thầm lặng
Nàng dùng chôn tiếng khóc
Nàng dùng chôn tuổi ngọc
Nàng dùng chôn cuộc đời theo nắng
nhỏ chơi vơi

(Từ Thế Mộng)

Mái tóc thề là mái tóc hớp hồn. Nó có chỗ, rất nhiều chỗ, trong thơ, trong nhạc, trong văn, trong tranh, trong ảnh. Nó mang theo cái tươi mát, trinh trắng, hồn nhiên, trẻ trung, hiền dịu, tha thướt, thơm tho. Nó là nỗi nhớ khôn nguôi.

Nhớ người mái tóc mênh mông
Mông lung vô lượng vun trồng cỏ cây
Chóc chim về múa tháng ngày
Cuồng ca túy vũ năm dài theo năm
Nhớ người suốt một nguyệt rằm
Mười phương chín dấu tơ tằm nghìn yêu

(Bùi Giáng)

Mấy tháng nay, một mái tóc khác cũng của Việt Nam đang làm chấn động làng... tóc thế giới. Mái tóc dài 6 thước 20 của ông Nguyễn Văn Hay, cư ngụ tại ấp Hòa An, xã Mong Thọ, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Mái tóc này đang là mối đe dọa cho một mái tóc Thái Lan. Theo *website* của sách Kỷ Lục Thế Giới *Guinness,* một cuốn sách chưa bao giờ chấp nhận cái gì... nhì cả, thì mái tóc đang giữ kỷ lục thế giới về chiều dài là mái tóc của ông Hoo Sateow, cư ngụ tại Chieng Mai, Thái Lan. Nó dài 5 thước 15. Vậy thì ăn nhằm gì với mái tóc của ông Nguyễn Văn Hay của chúng ta! Còn thua tới 1 thước 5 phân lận! Nếu những chuyên gia của *Guinness* không ăn gian hoặc không nghếch mặt làm ngơ thì mai mốt, chắc chắn Việt Nam chúng ta sẽ có thêm một kỷ lục *Guinness* khác sau những kỷ lục về bánh chưng, bánh dầy, giò chả gì đó. Kỷ lục này sẽ oai hơn vì tóc là thứ quốc tế, ai cũng có, chứ không phải là thứ... chuyên ngành Việt Nam, thế giới chẳng tìm đâu ra!

Mái tóc của ông Nguyễn Văn Hay làm... ngơ ngẩn các ông phó cạo, những ông chuyên đè đầu đè cổ thiên hạ. Xem như nghề nghiệp của họ là thừa thãi. Bốn chục năm rồi, mái tóc của ông chưa hề biết mùi tông đơ. Sự thể khá lạ lùng. Sau khi lấy vợ được vài năm, có được đứa con đầu lòng, mỗi lần ông cắt tóc là sinh bệnh, chẳng làm ăn gì được. Ông xin phép vợ để... cúp cúp tóc. Vợ dễ dãi gật đầu. Vậy là sinh ra mái tóc dài nhất thế giới. Đội trên đầu mái tóc dài 6 thước 20, coi bộ khá bất tiện. Ông Hay bảo có hề chi, chỉ khó chịu chút đỉnh khi đạp xe đạp bị gió ngược. Còn thì cũng... thường thôi. Lúc ngủ ông để mái tóc nằm một bên trông giống như một con trăn lớn; khi thức dậy, ông khoanh tròn bó tóc trên đầu rồi dùng chiếc khăn bó chặt gọn gàng; khi ngồi tĩnh tâm, ông để búi tóc khoanh tròn trên đùi; khi tắm, ông bó chặt tóc trên đầu. Còn khi gội đầu? Trong bốn chục năm qua, ông chỉ gội đầu có vài lần. *Bây giờ qua quyết định không gội nữa. Mà chú em tiếp xúc với qua, thấy tóc qua đâu có hôi, cũng không có chấy rận chi cả!*

Vậy là tóc ông sạch hơn tóc chị Hoài trong tùy bút nổi tiếng Tóc Chị Hoài của Nguyễn Tuân. Tóc chị Hoài, dài chỉ một sải rưỡi tay, đôi khi còn phải chải chấy. Nhưng tóc chị Hoài chắc chắn phải đẹp hơn tóc của ông Nguyễn Văn Hay, tuy ngắn hơn. "*Chị Hoài nằm xuống để cho tôi được thấy rõ mớ tóc. Chị vốn tự biết rằng tất cả cái đẹp ở người chị đều kết tụ vào một mớ tóc mây. Chị Hoài có một lối nằm nghiêng mặc cả áo dài mà tôi tin rằng không thiếu phụ nào ở cái thời này bắt chước được. Nằm rất nũng nịu mà không hớ hênh, cũng như đã nhiều lần, chị làm dáng, làm đỏm mà vẫn không ra ngoài nết đoan trang, buồn mà không tẻ, vui mà không ồn, và lúc phải thô thì không tục. Có cái tài nhất là chị Hoài mỗi lúc vừa nằm xuống rất nhẹ nhàng thì cả một mớ tóc trần quấn rất chắc ấy đổ tung xuôi xuống như một trận mưa rào đen nhánh. Rồi mớ tóc mây dài như một sải rưỡi ôm lấy gáy, ấp lấy bả vai. Cái người nào trong suốt một đời người mà không được ngắm một mớ tóc cho tử tế, thì cái thẩm mỹ quan của người ấy còn lung lay lắm, chưa lấy gì làm định... Trong phòng, không một tiếng động. Tôi giở sách ra đọc. Cứ hết mỗi trang, ngước lên, tầm mắt tôi lại hạ đúng vào cái mớ tóc soai soải. Hai ngón tay tháp bút chị Hoài đang vuốt xuôi những sợi tóc và giả vờ tuốt trứng chấy, lúc thưa, lúc mau. Tôi không nói gì. Người chị đẹp đang xoay mặt vào phía trong ấy cũng không nói gì. Chỉ có tôi đang nói chuyện với một mớ tóc mây. Chỉ có hai ngón tay chị Hoài đang nói chuyện với*

những sợi chỉ tơ thâm một mớ tóc sõa."

Tóc dài như tóc chị Hoài ngày nay coi bộ khó kiếm. Cái "đám thanh xuân" quanh chúng ta hầu như đều... xuống tóc. Cắt xoẹt một cái là tha hồ làm tội tóc. Kiểu nọ kiểu kia, bôi xanh bôi đỏ, gian truân cho tóc lắm. Lấy tóc làm chuẩn, chẳng thấy được người. Vì lần này gặp, tóc khác. Lần sau gặp, tóc khác. Tóc không còn là nét yêu kiều riêng của từng người mà đã thành một thứ... quần chúng. Cũng như cái mặt đã qua các... Viện Thẩm Mỹ! Cứ như các chị em song sanh. Sau một chuyến đi Cali về, thằng con tôi thắc mắc. *Con chẳng nhận ra được bác nào với bác nào cả. Mặt mũi bác nào cũng giống nhau!*

Uốn tóc là cái mốt. Tóc mà cứ... thiên nhiên thì quê tới mấy cục. Nhưng coi chừng, có những người chẳng nên uốn tóc. Như các phụ nữ mang thai hoặc mới sinh trong vòng nửa năm chẳng nên giao du với các tiệm uốn tóc. Trong thời kỳ làm mẹ này, trạng thái sinh lý cơ thể, và cả các chất nội tiết trong người đều khác lúc bình thường. Tóc thường giòn, yếu, rất dễ gẫy hoặc rụng. Nếu uốn tóc, và ngay cả sấy tóc nữa, những hóa chất độc hại và sức nóng sẽ làm tổn thương tóc và da đầu. Tóc dễ bị gẫy, rụng hàng loạt, chất tóc không giữ được xanh đen, óng mượt nữa.

Những người chuyên làm việc ngoài trời trong một thời gian dài hoặc thường xuyên phơi đầu ra nắng gió, cũng chẳng nên uốn tóc. Các tia tử ngoại trong ánh nắng gắt của mùa hè dễ làm tổn hại chất tóc, làm cho tóc trở nên khô, giòn, dễ gẫy, dễ rụng. Về mùa đông, giá rét dễ làm cho các huyết quản trong da đầu luôn ở trạng thái co lại, không cung cấp đủ chất dinh dưỡng. Việc dùng hóa chất và nhiệt độ để uốn, sấy tóc sẽ làm tổn hại tóc hơn.

Những người mới chữa khỏi bệnh truyền nhiễm trong vòng hai tháng cũng rứa. Lúc này, tình trạng sức khỏe toàn thân tương đối kém, đầu tóc cũng ở trong tình trạng dinh dưỡng kém hơn bình thường, chất tóc khô cằn. Nếu uốn sấy, tóc sẽ càng nhanh chóng gẫy rụng, biến màu, biến chất.

Những người đã rụng tóc nhiều do bệnh tuyến giáp, nội tiết mất điều hòa, thiếu chất sắt hoặc bị khối u buồng trứng... thường rất dễ rụng tóc hàng loạt. Nếu uốn hoặc sấy tóc, không những có hại cho tóc mà còn có hại cho cả sức khỏe.

Tóc như một thứ thân thuộc, là một phần của con người. Nó là một dấu ấn cho cái tôi riêng rẽ. Cái răng cái tóc là gốc con người. Các cụ đã dậy như vậy. Sởn tóc đi, như cảm thấy lấn cấn. Cứ như đã mất một phần thân thể. Ngày xưa, đó là một thứ hình phạt. Các cô gái chửa hoang thường bị làng bắt vạ, gọt đầu bôi vôi. Ngày nay, các tù nhân nhiều nơi còn bị cạo đầu trọc lốc. Trông rất ra dáng... tội phạm!

Ngày nhập Trung Tâm 3 Tuyển Mộ và Nhập Ngũ, tôi cứ trì hoãn chạy quanh mãi chẳng chịu để cho cái tông đơ đi ba đường trên đầu. Nhìn những mớ tóc của bạn bè rơi rụng xuống sàn từng mảng, lòng tôi cứ thấy khó chịu. Tới lúc chẳng thể chần chừ được lâu hơn nữa, tôi đành phải ngồi vào chiếc ghế không lưng dựa, không tấm gương trước mặt, tai nghe tiếng lách cách của tông đơ rào rạo nhai tóc mà nghe như tiếng lục lạc ma quái trong đầu. Nhìn từng chùm tóc ngã xuống người, nước mắt muốn ứa ra. Chiếc đầu trọc lốc sau đó hóa ra lại tiện trong đời sống quân trường. Chẳng mất công gì cả. Cứ xối nước thoải mái lúc tắm táp, cứ tự do lau chùi khi mồ hôi vã ra trong những buổi tập, cứ mặc sức chui vào lau lách, húc vào đất cát. Nhiều khi, trong cái bận rộn không kịp thở của những ngày lính tập, tôi chẳng nhớ là tôi có một cái đầu nữa!

Cái đầu trọc lông lốc bình vôi có lúc trở thành mốt. Nhất là từ khi ông tài tử lầm lì Yul Brynner đóng phim bằng cái đầu gáo dừa. Đóng phim, bỏ túi bạc triệu, thì lý chi tới ba sợi tóc lẻ tẻ. Như cô đào Demi Moore, khi cần cái đầu trọc lốc trong phim bèn mời tóc đi chỗ khác chơi liền một khi. Đó là... hy sinh vì nghệ thuật. Danh thủ quần vợt Agassi đi từ mớ tóc... thề ra sân phải cột lủng lẳng cái đuôi tới cái đầu không tóc giơ tay xoa

nhẵn thín. Tại giải Túc Cầu Thế Giới Euro 2004 vừa qua , hai chàng Henrik Larson và David Beckham chơi hai cái đầu trọc lốc trong khi chàng Totti của đội cầu Ý lại độc đáo với kiểu kết tua rất công phu. Thanh niên ngày nay, nhiều người cho tóc tai thay đổi theo mùa. Mùa đông tóc dài, mùa hè tóc... zéro. Tóc dường như bị coi thường. Có lẽ bởi vì tóc mọc lên một cách... nhưng không, chẳng tốn tiền tốn bạc gì cả chăng?

Chẳng nên quyết đoán hồ đồ như vậy! Có những người phải bỏ tiền ra để mua tóc mà chưa chắc đã... tóc tai. Đó là các vị bị bệnh hói. Thấy người ta có tóc, mình mênh mông biển không, bức xúc lắm chứ! Có ông chỉ lai rai năm ba sợi lấy có cũng mân mê chải chuốt. Lỡ rụng một sợi tóc tiếc hùi hụi như mất một sợi vàng. Không có tóc cũng... ngộ nhận chua chát lắm. Trông như chồng chất thêm tuổi trên đầu. Một ông bạn tôi có cái phi đạo mỗi ngày mỗi dài thêm, đã vượt trên mặc cảm, giễu. *Thì máy bay mỗi ngày mỗi lớn, mỗi mạnh, phi đạo cũng phải dài ra theo chứ!* Một nhân vật nào đó, tôi không nhớ tên, khi bị mọi người châm chọc cái đầu láng coóng, cũng giễu. *Tôi thấy tôi hơn mọi người. Vì sớm tối tôi có tới hai cái mặt để rửa!* Trong làng báo Saigon trước 75, ký giả Tô Văn là người có cái đầu nhẵn thín. Đồng nghiệp của ông đã... đồng dao: "Đầu Tô Văn, mông Thẩm Thúy Hằng." Toàn những chuyện giễu rất thương tâm. Nhưng chưa thương tâm bằng chuyện giễu sau:

Một anh hói suốt ngày bị đồng nghiệp trêu vì cái đầu nhẵn bóng của mình. Trong giờ nghỉ, một cậu nhân viên trẻ liều lĩnh xoa đầu anh, nói:

" Tôi có cảm giác như đang rờ vào mông vợ tôi vậy!"

Chàng hói sờ lên đầu mình và công nhận:

"Cậu nói đúng! Giống thật!"

Đầu hói làm chi cho hết hói được không? Thuốc dân gian xưa bày là cứ lấy vỏ bưởi, bóp mạnh cho xịt nước vào đâu thì râu tóc mọc tới đó. Vỏ bưởi, vốn trông đã trần trụi, khó nhờ cậy được lắm. Văn minh hơn, có thuốc bôi đâu mọc đấy. Quảng cáo rêu rao như vậy, còn mọc được hay không thì hạ hồi phân giải. Văn minh hơn nữa là cấy tóc. Cấy tóc như thế nào, kết quả ra sao, tôi mù tịt. Vì tôi thuộc hạng cứ tháng tháng phải trả tiền cho thợ hớt tóc mà đầu vẫn cứ xum xuê rậm rạp. Nhưng trong số những người quen, tôi thấy một vài ông đang thưa thớt tóc bỗng thấy đầu đen nháy, chải chuốt điệu nghệ. Hẳn là mọc hay không... tùy người đối diện!

Khoa học ngày nay đã đi xa hơn là cấy tóc. Họ *clone* tóc. Nhưng các ông bà... đói tóc đừng vội mừng. Phải ngóc đầu chờ tới 10 năm nữa mới có cơ *clone* tóc. Sự thể như thế này. Ông Kevin McElwee, Tiến Sĩ ngành "hair biology," thuộc Đại Học British Columbia ở Vancouver, Canada, vừa bay qua Bá Linh để trình bày công cuộc khảo cứu của ông tại Đại Hội Các Hội Nghiên Cứu Về Tóc. Theo nghiên cứu của ông thì phần chân tóc nằm trong da là một nhóm những tế bào. Nếu người ta cô lập được những tế bào này và nhân bản chúng lên trong phòng thí nghiệm rồi trồng lại vào đầu, chúng sẽ tạo ra được những chân tóc mới và sản xuất ra những đám tóc mới. Nếu lý thuyết này áp dụng có kết quả thì chỉ khoảng 10 sợi tóc có thể sản xuất ra vài triệu tế bào, đủ để tạo ra vài ngàn sợi tóc. Đây là một tin mừng cho quá nửa các ông trên 50 tuổi bị tóc nghỉ chơi và khoảng 20% quý bà bị bệnh rụng tóc. Các nhà khoa học đã cho biết kết quả trong phòng thí nghiệm rất khả quan nhưng cũng còn cần thêm 10 năm nữa để nghiên cứu thêm, làm thí nghiệm lâm sàng và thử nghiệm điều chỉnh trước khi... mở phòng mạch!

Từ nay tới cái ngày... huy hoàng đó, chúng ta vẫn có thể xí xọn được bằng cách chơi một bộ tóc giả. Tóc giả khó đẹp vì nó... giả. Nhưng tiền nào của đó. Đắt tiền hơn thì vẫn cứ coi được hơn. Còn tùy cặp mắt!

Một cô giận dữ xông vào văn phòng một bệnh viện tư, quát tháo ầm ỹ. Bác sĩ trực nhã nhặn hỏi cô có chuyện gì mà ồn ào lên vậy. Cô đập bàn.

"Có ai đó ở đây đánh cắp bộ tóc giả của tôi trong khi tôi đang mổ mắt ngày hôm qua!"

Bác sĩ lại ôn tồn.

"Tôi chắc chắn với cô là không ai trong kíp mổ của tôi lại làm một việc tồi tệ như thế. Mà tại sao cô lại nghĩ là bộ tóc giả của cô bị lấy cắp ở đây?"

Cô gái vẫn bực bội.

"Sau ca mổ, tôi thấy mình đang đội trên đầu bộ tóc giả rẻ tiền và xấu xí vô cùng!"

Bác sĩ tiếp tục ôn tồn.

"Tôi nghĩ... Điều đó có nghĩa là ca mổ cho cô đã thành công!"

Những ngọn tóc nơi chứa phần nhạy cảm
Bụi thời gian từng lớp phủ trắng dày
Phần em thích ngày xưa giờ thê thảm
Như trái táo tầu bán ngoài chợ nhăn nheo
(Quan Dương)

Này ông Quan Dương, có phải ông đang nói về tóc không đấy?

08/2004

Website: *www.songthao.com*

Bà Nhất Linh Nguyễn Tường Tam

BÙI BÍCH HÀ

(Bài nói chuyện nhân dịp ra mắt tuyển tập Nhất Linh, Người Nghệ Sĩ-Người Chiến Sĩ, tại nhật báo Người Việt, quận Cam, ngày 22/8/2004).

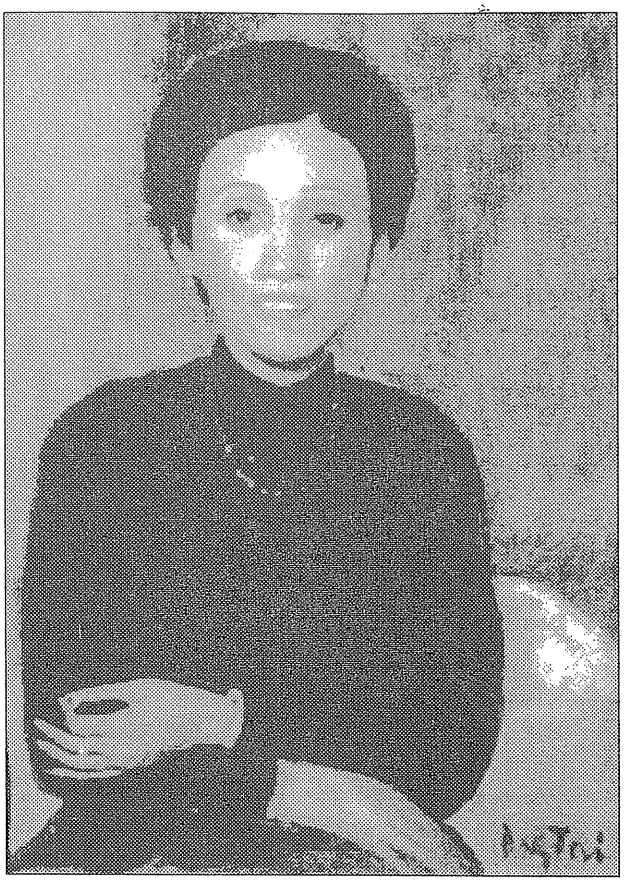

Chân dung Bà Nhất Linh Nguyễn Tường Tam qua nét vẽ của họa sĩ Nguyễn Gia Trí năm 1952 tại Sài Gòn

Trong trí tưởng tôi như một độc giả con nít những năm 40, thiếu nữ những năm 50 và trẻ tuổi những năm 60, Nhất Linh trong Tự Lực Văn Đoàn cùng những vị cầm bút thời của ông là những nhân vật gần như huyền thoại, chỉ hiện hữu bằng tài năng, thanh danh và tác phẩm, không bằng nhục thể có thể nhìn thấy hay tiếp cận, như những con người bình thường khác xung quanh tôi.

Giữa năm 1963, tuy đã tốt nghiệp đại học, đi dạy, đã bước vào một cuộc hôn nhân khó khăn và đang sinh sống tại một tỉnh lỵ trù phú gần cực nam miền nam Việt Nam, tin nhà văn Nhất Linh Nguyễn Tường Tam tự vẫn để phản đối sự bất công chuyên chính của chính quyền đương thời tới với tôi là một nỗi buồn lặng lẽ. Dường như một phần của ông, cái hồn Tự Lực Văn Đoàn mà tôi gắn bó mật thiết thời còn đi học, trước đó, đã được tôi chôn cất kỹ trong hoàn cảnh làm vợ không có chỗ nào dành cho văn chương của tôi. Nay ông thực sự ra đi, là một tên tuổi chính trị lẫy lừng, một tư cách chính trị hiếm hoi, khuôn mặt này của ông, dẫu thế, hoàn toàn xa lạ trong cảm thức của tôi. Có vẻ như thế hệ chúng tôi, nhút nhát, lãng mạn, nên yêu thích cái đẹp trừu tượng, thậm chí trừu tượng hóa mọi vẻ đẹp của

đời sống để thấy chúng tinh khiết, linh thiêng, và như thế, chúng càng đẹp hơn, an toàn và bền bỉ hơn.

Phải đợi đến bây giờ, những năm đầu thế kỷ 21 và do tạp chí Thế Kỷ 21 đề xuất, chúng tôi mới có dịp nhìn lại thần tượng Nhất Linh của chúng tôi suốt hơn nửa thế kỷ vừa qua.

Điều khám phá đầy ngạc nhiên và thích thú là khi nhìn ông như một con người bằng xương, bằng thịt, từng sống, từng cảm xúc như bất cứ ai với trái tim mỏng manh, với tấm linh hồn dễ bị thương tích, tôi nhận ra cả những liên hệ đời thường xung quanh ông, sinh động và phong phú, tôi nhận ra bà Nhất Linh, anh Nguyễn Tường Triệu, anh Nguyễn Tường Thiết.

Tuy nhiên, bữa nay, trong khuôn khổ thời gian hạn hẹp của buổi giới thiệu tuyển tập Nhất Linh, Người Nghệ Sĩ-Người Chiến Sĩ, do nhà Thế Kỷ phát hành, chúng tôi chỉ xin được nói về bà Nhất Linh, khuê danh Phạm Thị Nguyên.

Có một câu truyền khẩu rất phổ thông, đã trở thành khuôn sáo, khi người ta muốn đề cao vai trò của những bà vợ đảm đang, mẫu mực, đứng sau lưng người chồng thành công, làm điểm tựa vững chắc cho người đàn ông ấy. Cho dù không đón nhận câu xưng tụng này như một bông hồng hoa mỹ mà xã hội cài lên ngực áo hay như một tuyên dương muộn màng, mang tính phủ dụ, dành tặng các vị nữ lưu giúp chồng làm nên sự nghiệp, tôi chắc mọi người đều sẵn sàng nhìn nhận thực tế trong những đóng góp thầm lặng của nữ giới đối với chồng con họ. Trên dòng lịch sử văn học - chính trị của chúng ta, những đóng góp này rất lớn, tỷ lệ nghịch với con số nhân lực đóng góp vì tài năng, đức độ vốn không nhiều trong cõi nhân sinh. Bà Nhất Linh là một trong những bà vợ hiếm quí này.

Ở trang 9 tập sách ra mắt hôm nay, chúng ta có bức vẽ chân dung bà Nhất Linh do danh họa Nguyễn Gia Trí (và cũng là bạn chí thiết của gia đình Nguyễn Tường) thực hiện năm 1952 tại Sài Gòn. Ngoài y phục, cách trang sức điển hình của nữ giới trung lưu đất Thăng Long những năm năm mươi trở về trước: áo nhung, chuỗi ngọc, hoa tai, nhẫn, vòng, bà có khuôn mặt trái soan, nét cương nghị nhờ ở chiếc cằm vững chãi, vầng trán rộng. Đôi môi bà không đậy kín hàm răng khá đều đặn, khiến cho bà tuy không cười nhưng nụ cười dường như phảng phất, của một tâm hồn bình an, một tấm lòng rộng mở. Dưới hàng lông mày bán nguyệt thanh tú, đôi mắt bà to, tròn, ánh nhìn êm ả, buồn mà không ảm đạm. Bà chít khăn nhung, đường ngôi rẽ lệch, cùng với hàm răng không nhuộm của bà, là dấu hiệu mở đầu cho phong trào manh nha đổi mới của nữ giới Hà Thành thập niên 30-40, đồng thời với chiêng trống cổ võ canh tân của nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Để tìm hiểu thêm về bà, để có một cái nhìn gần gũi hơn, sống động hơn về bà, khác với nhìn từ một bức vẽ chân dung dù là qua nét cọ tài hoa của nhà danh họa Nguyễn Gia Trí, mời quí vị nghe thi sĩ Anh Thơ mô tả bà như sau: "Hôm đến nhà Nhất Linh, tôi tưởng tượng vợ ông là cô Loan (trong Đôi Bạn), một cô Loan ngây thơ, xinh đẹp. Nhà của nhà văn phải là một khu vườn rộng, mang đầy hương sắc thôn quê và cô Loan áo trắng đang hái rau ngót dưới trời mưa. Nhưng ngược lại, nhà Nhất Linh lại là cửa hàng buôn bán đủ cả cau tươi, cau khô và cô Loan là một bà tuổi đã nạ giòng, mặc quần áo đen, dáng vẻ tất bật của một người đàn bà vất vả, phải tự lo lắng nhiều cho gia đình..." Đoạn cuối bài phóng sự, nữ sĩ Anh Thơ viết thêm về bà sau khi nghe bà tâm sự về chồng con, như sau: "Đôi mi dài óng ả của bà rung động trước cặp mắt to long lanh. Tôi nhớ mãi đôi mắt ấy. Đôi mắt có vẻ chịu đựng mọi hy sinh vì người thân yêu của mình. Đôi mắt của một người đàn bà Việt Nam cũ kỹ, tảo tần, không ý thức được rằng những việc mình làm đã đóng góp cho sự nghiệp của chồng không nhỏ."

Mặc dầu công lao của những bà vợ như bà Nhất Linh, của những bà vợ kém may mắn hơn vì các ông chồng họ không nổi tiếng bằng ông Nhất Linh nhưng họ, một cách nào đó, cũng đã hy sinh, những công lao ấy luôn được văn học cùng người đời ca ngợi, mặc dầu nay những người đàn bà ấy hoặc đã nghìn thu yên nghỉ, hoặc nếu còn sống, ngoảnh nhìn lại chặng đường gian khổ đã qua, họ cũng đủ tự hào và vui lấy mình, thế nhưng tự đáy lòng một phụ nữ học đòi chữ nghĩa, hiện sống ở đầu thiên niên kỷ thứ ba như tôi, vẫn cứ có chút gì bất nhẫn, ngậm ngùi về sự bất công nếu như đời những người đàn bà kia chỉ là một chuỗi ngày dài hy sinh và chịu đựng.

Trong ý nghĩ với rất nhiều rung động của tôi khi thử đi tìm một cách giải thích khác, tôi vui mừng thấy bà Nhất Linh được hưởng nhiều hạnh phúc hơn chúng ta tưởng.

Trước hết, nếu cuộc hôn nhân của ông bà hoàn toàn do số phận quyết định, cha mẹ đôi bên mối manh, dạm hỏi linh đình (trả lời phỏng vấn Anh Thơ) thì mặt tích cực của sự kiện này là bà không

mang nhiều ảo tưởng khi bước vào cuộc đời làm vợ. Ngay lập tức, bà nhận lấy trách nhiệm gánh vác giang sơn nhà chồng, với khả năng và phẩm giá ngang tầm vai trò của mình, một tay bà "quán xuyến tất cả mọi công việc giao tế, phân xử tranh chấp trong gia đình, họ hàng nội ngoại, ảnh hưởng của bà rất mạnh trong dòng họ" (Nguyễn Tường Thiết, *Tâm Tình của Người Con*). Bà nhận sự phân chia trách nhiệm giữa vợ chồng một cách giản dị, "sách báo là việc của đàn ông, đàn bà mình ngó vào làm gì" thế nhưng khi vì một lý do nào ông ngừng viết, bà hiểu ngay ông đang có vấn đề khúc mắc. Bỏ cả việc buôn bán, bà từ HàNội đi Hương Cảng. "Có chị trên núi, không khí nơi đây như tươi lên đôi chút. Chị Tam kín đáo săn sóc anh, luôn tìm cách nhắc lại thời anh làm báo, viết sách. Chỉ những khi đó, như một phép lạ, nét mặt anh vui, ánh mắt tươi sáng... Chị Tam mua một chiếc ghế vải, có thể ngồi hay nằm tựa và chiếc bàn nhỏ, kê trong hang đá, rồi gọi nơi đó là nhà mát... Anh có thể ngồi suốt ngày trong hang đá, viết, viết và viết... Đến mùa hàng cau khô, chị Tam phải về Hà Nội. Anh Tam phần nào đã tạm ổn định tinh thần, viết lại và viết rất đều tay cuốn Xóm Cầu Mới, khiến chị yên tâm" (Nguyễn Thị Vinh, *Nhất Linh và Xóm Cầu Mới*). Như vậy, không phải là bà không ngó vào việc sách báo của ông, chỉ là bà biết khi nào thì cần ngó vào. Chỉ một cái "biết" này thôi đã làm cho bà trở nên riêng biệt. Ngoài tư cách làm vợ với ít nhiều hệ lụy, bà có thêm tư cách làm người bạn tri kỷ của chồng, biết hiện diện, biết vắng mặt đúng lúc, biết làm nguồn cảm hứng, làm ngọn gió cho cánh diều bay bổng, không làm giây nhợ buộc chân người.

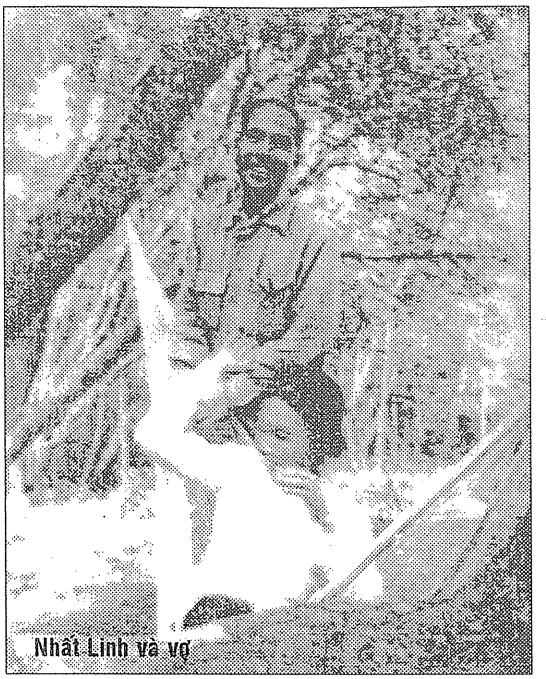
Nhất Linh và vợ

Và, Nhất Linh, linh hồn tuyệt hảo của những tác phẩm TLVĐ, ông còn là người đàn ông như mọi người đàn ông khác, hơn cả những người đàn ông khác vì ông có tài, lại hào hoa, phong nhã. Trên những trang sách ông viết, theo nhận định của nữ sĩ Anh Thơ, "tình yêu vượt xa những chuyện tả tình yêu tầm thường của các nhà văn khác, Dũng yêu Loan nhưng lại yêu cuộc đời hoạt động hơn là say mê lạc thú gia đình," liệu ngoài đời, ông có yêu vợ bằng cái tình vượt xa sự tầm thường như Dũng yêu Loan không? Một tình yêu được xếp hạng thứ tự ưu tiên như thế, liệu có tồn tại đẹp đẽ như trong tiểu thuyết không? Kể cả nữ sĩ Anh Thơ, bà đã công khai bày tỏ sự nghi ngờ thoáng qua khi đặt câu hỏi: "Nhất Linh có nhiều cô bạn trẻ đẹp thế này thì ông có còn yêu bà không? Hay bà chỉ được ông coi là cái kho tiền để ông lấy của mà làm việc?"

Tôi tin rằng bà Nhất Linh đã được chồng yêu bằng cái tình yêu vượt xa sự tầm thường thông tục khi chính bản thân bà cũng vượt xa sự tầm thường thông tục để tan hòa chính mình vào các ưu tiên của chồng, xóa bỏ được ranh giới gai góc của sự chọn lựa để lựa chọn nào của chồng cũng có bà ở trong: "Còn các cuộc lạc quyên lo nhà cho dân nghèo thì bây giờ mới bắt đầu. Mà mình đứng lên hô hào người ta thì mình phải bỏ vốn trước đã. May mà nghề buôn cau của tôi cũng dễ kiếm lãi, mới giúp được nhà tôi có tiền mà lo các thứ." Rõ ràng bà không chỉ là cái kho tiền của ông, bà còn là cái kho của những thứ quí giá khác: sự hiểu biết, niềm tin đặt vào công việc chồng làm và lòng thiện.

Vì vậy, không chỉ yêu, ông còn cực kỳ trân trọng khi nghĩ về bà. Hãy nhìn những giòng chữ ông dập xóa nhiều lần chỉ để viết một lời đề tặng cuốn Xóm Cầu Mới cho vợ: "Tặng N. người đàn bà yêu quí đã khuyên tôi bỏ hết chính trị, trở lại đời văn sĩ và nhờ thế, cuốn Xóm Cầu Mới này mới ra đời..." Rồi ông sửa lại, không đành viết tắt tên bà với một mẫu tự N, lần này ông viết cả chữ Nguyên, như một cách gọi minh thị và âu yếm, để nghe cái tên ấy dội lại trong tâm hồn ông với tất cả yêu đương. Ông cũng xóa bỏ mấy chữ người

"đàn bà yêu quí," như thể cách xưng tụng khuôn sáo này không xứng đáng với tầm vóc của bà, không giãi bày được hết cảm xúc trong lòng ông nên ông sửa lại: người rất thân yêu. Rồi ông cũng xóa mấy chữ " bỏ hết chính trị" vì bà có bao giờ muốn ông phải từ bỏ điều gì đâu dẫu chỉ là tìm cách khuyến dụ! Con đường chông gai nào ông đi, cũng có dấu chân bà lặng lẽ theo cùng.

Thế kỷ 15, trong La Chanson de Roland, trước khi vĩnh viễn nhắm mắt lìa đời giữa khe núi mờ sương, người hiệp sĩ thất trận cúi hôn lên mặt đất, mặt hướng về hoàng cung, thu hết tàn lực thổi hồi kèn tạ tội với quân vương, không một chút băn khoăn tưởng nhớ tới người đàn bà đợi chờ. Thế kỷ 20, người đàn ông, người chiến sĩ Việt Nam hào hùng Nguyễn Tường Tam, trong giây phút quyết định ra đi, đã cẩn thận gửi tới người bạn đời của ông những giòng di chúc về "mối tình đẹp đẽ của đôi ta trong bao năm," lời cám ơn về niềm hạnh phúc tràn đầy họ đã cho nhau đến mức "không còn ao ước gì hơn." Trước sau, dù xa, dù gần, dù đã năm, bẩy mặt con, dù thăng trầm chìm nổi bao phen, ông luôn yêu bà như một người tình. Ông không cần trối trăn thêm gì nữa. Ông biết tình yêu trong lòng ông, trong lòng bà, của lòng họ từng dành cho nhau, chỉ một điều quan trọng ấy sẽ đủ sức giúp bà chu toàn những gì cần chu toàn trong quãng đời còn lại của bà.

Lựa chọn nói về bà Nhất Linh như tôi vừa mạo muội trình bày, trước hết, vì tôi cực tin vào vẻ đẹp của tình yêu, nói chung. Ở đỉnh cao của nó, tình yêu khơi gợi và làm triển nở năng lực tinh anh nơi mọi người. Sau nữa, đọc thêm nhiều tài liệu xung quanh cuộc sống của ông bà Nhất Linh, tôi thực sự tâm cảm và ngưỡng mộ. Sự thể nhập vào nhau của hai ông bà trọn vẹn quá, lý tưởng quá, họ đem thêm cho nhau nhiều thứ và không lấy đi của nhau bất cứ cái gì. Trên bước đường ngang dọc, rất dễ có những hoàn cảnh tế nhị xảy tới cho một người đàn ông vốn tự do như mây trời, "hết đi tây du học, đi Pháp chữa bệnh, lại đi Tầu làm cách mệnh, đi Đà Lạt chơi lan, một hai năm, ba bốn năm mới về nhà" (Trương Bảo Sơn, *Những kỷ niệm riêng với Nhất linh Nguyễn Tường Tam*) thế nhưng, tựu chung, cuộc sống tình cảm riêng tư của ông thật trong sáng, như nhận xét rất đáng tin cậy của nhà văn Nguyễn Thị Vinh: "Đâu chỉ có văn chương trong sáng không thôi, mà cả cuộc đời anh Tam đã ánh lên sự sáng trong." Đọc Bác Hòa Hàng Cơm hay Cậu Ấm Đi Bắn Vịt Trời, độc giả thấy ông có biệt tài mô tả sự cám dỗ về thể xác giữa người đàn ông và người đàn bà, sự sa ngã tưởng chừng trong gang tấc nhưng sự tránh né được chỗ ấy, vực sâu ấy, dưới ngòi bút của ông, còn tài tình hơn nhiều, khiến ta liên tưởng tới một người uống rượu mà không để cho mình say, biết trước rằng khi tỉnh, phải dọn dẹp những thứ tanh tưởi đã nôn ra: "Thà bỏ qua một cái thú trong chốc lát về nhục dục còn hơn mất một chỗ hút thuận tiện và lâu bền" (*Cậu Ấm Đi Bắn Vịt Trời*). Là một nghệ sĩ chân chính, ông yêu mê cái Đẹp và thể hiện nó một cách thuần khiết trong mọi hoàn cảnh sống. Nhà văn Trương Bảo Sơn, trong bài *Những kỷ niệm riêng với Nhất Linh Nguyễn Tường Tam*, đã ghi lại như sau: "Ông yêu lan đến độ bưng cả chậu lan Thanh Ngọc lên giường ngủ chung và tặng lan hai câu thơ

Sắc trong Thanh Ngọc, hương thơm mộng
Một thoáng mơ tiên, thoảng xuống trần."

Nếu quí vị đọc lại trích đoạn *Cậu Ấm Đi Bắn Vịt Trời*, đoạn vợ chồng cậu Ấm đùa bỡn với nhau, đối thoại thật thông minh, tình tứ và duyên dáng, rồi nhìn vào bức hình chụp ông bà Nhất Linh bên giòng suối Đa Mê (trang 96) tôi tin chắc quí vị cũng sẽ cảm nhận như tôi, ảnh và truyện phản chiếu nhau khá rõ. Dường như ngòi bút ông, tâm thế ông, chỉ hoàn toàn thoải mái khi nó bay lượn, vẽ ra khuôn mặt hạnh phúc trong khung cảnh gia đình, với người đàn bà rất thân yêu, rất tin cậy của ông chứ không ở đâu khác, cũng không với một ai khác.

Có lẽ phần đông các bạn gái trẻ thời nay sẽ phát biểu là họ không còn chấp nhận cách sống của những bà vợ thời bà Nhất Linh nữa. Tôi ngờ rằng bản chất tình yêu thời nào cũng thế, chỉ có cách biểu lộ thay đổi tùy thuộc sự lý luận của từng người thường có xu hướng chạy theo trào lưu và sự định hình của xã hội. Nói đến biểu lộ là nói đến lựa chọn, tách mình ra khỏi trào lưu hay sự định hình ấy. Mỗi lựa chọn, tiếc thay, luôn có một tỷ lệ rủi may. Cái rủi, đã đành không ai lường trước được nhưng cái may, mừng thay, có sẵn trong trái tim trong trẻo của những ai nhìn thấu suốt mình, thấu suốt người và thấu suốt cả càn khôn. Tôi tin rằng với trái tim trong trẻo, tấm lòng quảng đại, sự may mắn luôn ở cùng bà Nhất Linh trong suốt cuộc đời làm vợ chân cứng, đá mềm của bà để ngày hôm nay, đứng đây, ngồi đây, kẻ hậu sinh như tôi thật sung sướng được soi chiếu từ bà những kinh nghiệm xử thế vô giá.

Quận Cam tháng 8/04.

MỘT CHUYẾN ĐI

THIÊN HƯƠNG

Từ lúc máy bay cất cánh, cô gái ngồi bên cạnh tôi cứ mãi thở dài. Thức ăn người chiêu đãi viên đưa đến cô cũng không buồn đụng đến. Đôi mắt cứ thẫn thờ nhìn qua khung cửa sổ. Tôi khẽ hỏi: "Em không ăn sao, sáng nay đi sớm chắc đâu kịp ăn sáng hả." Cô quay lại nhìn tôi, ứa nước mắt nhẹ lắc đầu, rồi lại gục đầu xuống đôi bàn tay. Tôi lặng nhìn cô ta khóc, nhìn cách ăn mặc khá đỏm dáng và thanh lịch, tôi chắc cô cũng thuộc hàng khá giả và có học. Không phải thuộc nhóm người mỗi khi về thăm nhà, đi máy bay mà ăn mặc như đi dự dạ hội, vàng vòng đeo đầy người còn hơn đi dự đám cưới. Những ngón tay của cô trơn tru, không sơn quét, mái tóc thẳng buộc túm gọn gàng. Tôi khẽ thở dài, không biết cô bạn cùng chuyến gặp chuyện gì đau lòng quá vậy.

Ông khách Úc ngồi bên tay phải đang hỏi cô chiêu đãi viên một lon bia Úc, mà sao cô ta cứ ngẩn ngơ không hiểu ông nói gì, tôi dịch hộ. Ông Úc phía sau cũng than phiền với cô là sao hỏi whisky thì lại đem ra cho người khác mất. Cô ta cũng cứ ngơ ngẩn chẳng hiểu ông ta nói gì, tôi lại một lần nữa làm thông ngôn bất đắc dĩ. Những chuyến bay của Vietnam Airlines lâu lâu lại như vậy, có một số nhân viên phi hành nghe tiếng Anh rất dở, hay chẳng chuyên tâm chú ý nghe? Nhiều khi khách Việt nam nói tiếng Việt mà còn bị lơ là chẳng nhớ, có lẽ bảy phần mười là con ông cháu cha nên lên máy bay vẫn muốn làm cha và ông của hành khách. Có điều vì là chuyến bay thẳng, chỉ bay trong vòng tám tiếng nên khách vẫn đông nườm nượp. Và dầu sao, lên máy bay này cũng cảm thấy ấm cúng hơn khi đi các máy bay của các hãng hàng không ngoại quốc khác.

Cô bạn đồng hành vẫn ngồi yên lặng lẽ, như đắm chìm vào một thế giới xa xăm nào đó. Tôi thấy lo lo cho cô, nhưng không tiện hỏi, đưa mắt nhìn vu vơ xung quanh. Tiếng nói chuyện bằng tiếng Việt ồn ào nghe khá vui tai, tạo một cảm giác quen thuộc. Những người lớn tuổi có mặt trên máy bay, hình như ai cũng cảm thấy vui vẻ và háo hức. Đây là cái háo hức được thấy lại quê cũ sau những ngày tháng quá rảnh rang đến độ chán chường ở hải ngoại. Dạo này trên đường phố gần các chợ Việt nam, xuất hiện rất nhiều các bà già, ngồi trên một cái ghế nhựa, bán các thứ để trong xe đẩy như xôi, chè, đậu hũ chiên, các bó hành, rau sống, các túi ớt nhỏ, v.v... có lẽ cắt từ vườn nhà. Bán không phải vì thiếu thốn, ở xứ Úc này, trợ cấp xã hội dư giả cho người già, nhưng có lẽ họ bán cho vui, để có thêm đồng tiền rủng rỉnh đi về Việt Nam cho bà con họ hàng. Có lẽ không nước nào trên thế giới có số người già trở về Việt Nam nhiều như ở Úc, nơi mà chỉ cần tám tiếng máy bay là về tới nơi. Đa số các người già Việt Nam tị nạn tại Úc không phải lo về sinh kế, họ có thể về Việt nam ở liền một hơi sáu tháng mà tiền trợ cấp cứ đều đều vào nhà băng tháng hai lần. Ăn ở đã có con cái bảo bọc, tiền tiêu có nhà nước cấp, sức khỏe có nhà nước lo

vẹn toàn. Vậy thì cứ ung dung, mỗi năm về Việt Nam một, hai lần. Đã có con cái đưa ra phi trường, rồi một nhân viên Hàng không Việt Nam đã có mặt ở đó, khỏi cần thông dịch. Lên máy bay thì nhân viên nói tiếng Việt, ở phi trường không cảm thấy lạc lõng, không sợ bơ vơ. Vậy thì chấp nhất làm gì những lỗi lầm của các phục vụ nhỏ nhặt trên máy bay khi lòng đang phấn khởi vui như sắp Tết.

Mấy ông Úc phía trước và phía sau lại loay hoay, loay hoay. "I can't hear", "Me neither". Tôi cũng thử cái head phone của mình, hình trên TV thì có, mà âm thanh thì không. Mấy người ngoại quốc lao nhao, hình như cả khoang không ai nghe được cái gì . Người chiêu đãi viên bình thản như không: "Có lẽ máy hư chị ạ." Thế là xong, đúng là cứ tự nhiên như người Hà Nội. Có lần được ăn cả thức ăn thiu, cũng vẫn câu trả lời êm như nhung: "Chắc nhiệt độ hôm nay nóng quá." Có lần cả một chuyến máy bay chỉ có hai toilets có thể sử dụng được. Còn bốn toilets khác mở cửa ra là trên bồn cầu đã chễm chệ một bao rác to tướng. Và vẫn câu trả lời thản nhiên của đám nhân viên phi hành: "Rác nhiều quá không có chỗ để chị ạ." Có phải chỉ vì mình Hàng không Việt Nam độc quyền đường bay thẳng nên coi hành khách như pha: *"Ta phục vụ thế đấy, chê thì đi hãng khác đi. Đi hãng khác để đổi chuyến hai, ba lần, thủ tục check in/out hai, ba lần, thời gian kéo dài gần gấp đôi, cái nào hơn."* Thôi thì cắn răng ngồi tám tiếng cho xong, được cái này mất cái kia, đừng được voi đòi tiên, khó tính quá làm gì. Thành ra nếu có bật đèn gọi chiêu đãi viên mà không có ai tới thì cũng nên nhẫn nại, đèn bật quá hai mươi phút thì tự động tắt, tiền điện đã covered trong vé máy bay, có gì mà ngại. Thấy nhân viên phi hành nào đi qua, có muốn hỏi khăn, hỏi nước mà được đem đến thì hôm đó coi như may mắn cực kỳ. Nếu buồn thì đi vào các khoang dành cho các nhân viên phi hành nghe họ rôm rả nói chuyện với nhau vui như Tết, và xin chớ làm phiền cắt đứt câu chuyện đang vui của họ. Cắt đứt lời nói chuyện của người ta là bất lịch sự đấy, những người đã ở ngoại quốc lâu phải biết điều đó chứ. Nhưng cũng có khi gặp những nhân viên phi hành phục vụ hành khách trên mức đòi hỏi. Một lần đi máy bay lúc còn cho phép hút thuốc trên máy bay từ ghế số 32 trở xuống, tôi ngồi ghế số 32. Người hành khách phía trên là người ngoại quốc, ông ta hỏi cô chiêu đãi viên xem ông được hút không? Cô ấy trả lời không được. Rồi cô ấy tự động đi xuống bảo tôi đổi chỗ cho ông ta để ông ta có thể hút thuốc. Dĩ nhiên là ông ta đâu yêu cầu điều đó, và dĩ nhiên tôi không thể theo lời yêu cầu của cô đổi chỗ để ngồi hít khói. Cô này thật đáng được ông khách ngoại quốc tuyên dương.

Nhưng nói cho cùng ngay ở nước ngoài, vào một số tiệm ăn Việt Nam, thái độ phục vụ khách hàng của các nhân viên cũng khác hẳn khi khách là ngoại quốc. Người ngoại quốc vào, đặt thực đơn một chút thức ăn đã ra. Người Việt Nam ngồi chờ dài cả cổ. Vào những tối cuối tuần, thong thả ăn chậm một chút đã được nhà hàng ra nhắc khéo đứng lên nhường chỗ cho khách khác, trong khi những bàn khách ngoại quốc thì thấy họ cứ điềm nhiên, ung dung hưởng một bữa ăn nhàn nhã. Tại sao lại có hiện tượng kỳ thị như vậy khi chính chúng ta cùng là người Việt với nhau. Tại sao phải sợ những người ngoại quốc như vậy, tôi cũng chẳng hiểu nổi. Ừ, nhưng sao tự dưng lại hay nghĩ lung tung, hình như càng lớn tuổi, cái trí óc lại càng lãng đãng, cứ nhảy chuyện nọ sang chuyện kia.

Tôi quay sang cô gái ngồi bên cạnh, cô có vẻ mệt mỏi, tôi hỏi cô xem có cần nước uống không, cô gật đầu. Cầm lấy ly nước từ tay tôi, cô khẽ nói lời cám ơn, rồi uống từng ngụm nhỏ. Tôi khẽ hỏi: "Em về Việt Nam thăm nhà hả, có chuyện gì không mà sao khóc hoài vậy?" Cô ứa nước mắt rồi như nỗi buồn trong lòng u uất quá, cô nói thật nhỏ: "Em về tìm chồng em." Tôi tròn mắt ngạc nhiên. Cô khẽ kể, qua Úc đã hơn mười năm, bươn chải cho đến lúc làm chủ được một shop bán quần áo. Ngày ngày ra shop, nuôi ba đứa con ăn học, chồng không đi làm, ở nhà thư thả đọc sách, trồng hoa, cuộc đời đã tưởng đâu yên ả. Mấy năm sau này, tiền bạc dư dả, chồng rảnh rang đi về Việt Nam thăm nhà vài lần một năm. Mới đây, nghe nói ông già chồng bệnh, ông chồng về thăm đã hơn hai tháng, tiền bạc ôm theo cũng bộn. Tới tuần rồi, nhận điện thoại từ nhà chồng yêu cầu gửi tiền về cho nhà, cô mới ngã ngửa. Ông bố chồng chả bệnh hoạn gì cả, ông chồng về Việt Nam chả biết ở đâu. Nhờ bạn bè dò tìm mới biết ông đang thuê nhà ở với một cô gái chỉ hơn 20 tuổi. Cô vội vã nhờ bạn bè trông shop, gởi con và bổ về Việt Nam tìm chồng...

Tôi nghe mà chỉ biết im lặng nhìn những hàng nước mắt của cô xót xa. Những chuyện như vậy giờ hình như nhan nhản. Đó cũng là một trong những lý do khiến những chuyến đi về Việt Nam

của tôi mất đi nhiều hứng thú. Còn gì vui khi trở lại một nơi mà những hình ảnh êm ái nên thơ bị đồng tiền làm cho nhơ bẩn, một nơi mà giá trị tinh thần đã xuống dốc từ lúc nào và cuộc sống trở nên vô cùng chụp giật. Mọi người sống vội vã, hưởng thụ vội vã, nhìn về một tương lai ngắn hạn hơn là dài hạn.

Nhớ trước đây khi ra thăm miền Bắc, tôi được biết hoàn cảnh những người đàn bà trong lúc ông chồng đi làm xa, gánh hết giang sơn nhà chồng, tảo tần nuôi bố mẹ, em chồng, con cái. Đến khi ông chồng trở về, đem theo vợ bé, bố mẹ chồng cưng con nín lặng, đuổi nàng dâu trưởng ra sau vườn với lũ con để lấy nhà chính cho con trai và nàng dâu mới ở. Những câu chuyện như vậy xảy ra đã gần như bình thường trong đời sống, và những người đàn bà trong cuộc chấp nhận nó như là một định lý của cuộc đời.

Một buổi chiều năm 89, khi đứng đợi phà ở bến phà Bính, cô bạn Úc cùng làm việc chung đã nói với tôi:

- Sao tao ghét đàn ông Việt nam quá?

Trả lời cái nhướng mày của tôi, cô bạn nói

- Mày nhìn mà xem, nãy giờ tao đếm 57 người đi từ bến phà lên và những người quanh các quán gần đây. 39 người đàn ông, hoặc chễm chệ trên xe máy, xe đạp, hoặc vắt vẻo hút thuốc, uống nước trà, tán dóc trong các quán. Còn lại là toàn đàn bà, hoặc gánh gồng, hoặc ngồi bán quán. Tao bảo đảm với mày bà nào cũng phải nuôi hoặc bố mẹ chồng, em chồng, con cái và nuôi cả mấy cái ông chồng để mấy ông có thì giờ rảnh rang như vậy.

Dù tôi có cãi lý thế nào, lý lẽ của tôi cũng quá sức yếu ớt trước những con số hùng hồn như thế kia, và nhất là vì những hình ảnh ấy diễn ra ở khắp nơi. Từ những bà cụ già bước không nổi với một rổ con con bán các thứ vặt vãnh trên hè phố đến những người đàn bà gánh gồng, một bên thúng là đứa con thơ, bên kia là mấy bó rau nhúm nhó. Biết tới bao giờ, những người đàn ông Việt Nam mới gột bỏ hẳn được cái ý thức ta luôn là Boss đã bám sâu trong tâm não.

Có một lần, trên phà, gặp một người đàn bà trẻ dắt hai đứa con gái sinh đôi rất xinh, tôi thích thú nhìn hai đứa bé: "Chị thích quá, sinh được hai cháu xinh quá." Mới thế mà người đàn bà đã bật khóc: "Xinh thì làm gì hả chị, em chỉ thèm con giai thôi." Chưa kịp hỏi cô đã kể: "Anh ấy bỏ em đi lấy vợ khác kiếm con giai rồi." Gia đình ở đây chỉ được sanh hai con, sanh thêm thì mất việc, nên ông chồng "đành" ly dị vợ để có thể lấy vợ khác kiếm con trai cho vừa lòng bố mẹ và vừa lòng ông ta. Nghịch lý đã trở thành định lý mất rồi, biết nói làm sao.

Rồi sau này ở khắp nơi, các quán ăn nhậu, các chốn ăn chơi mọc lên như nấm; các ông ra ngoài làm ăn là thế nào cũng phải đón đưa ăn nhậu. Vợ con thui thủi ở nhà để chồng đi giao tiếp bên ngoài, tình trạng một cảnh năm ba quê của các ông trở nên phổ biến. Rồi các ông Việt Nam ra nước ngoài trở lại quê hương. Các người đàn bà Việt Nam đi ra ở ngoại quốc tưởng đã thoát được cảnh tượng một chồng hai vợ nhưng lại có một số người bắt đầu lâm vào những tình cảnh này. Khi những ông chồng áo mão xênh xang về đến quê nhà, bạn bè, họ hàng săn đón, đưa đi chơi chỗ nọ chỗ kia, rủ rê vào những chỗ ăn chơi tươi mát. Ở đấy, dù bao nhiêu tuổi vẫn được các cô gọi là anh ngọt như đường phèn. Cái cảnh thanh tịnh ở nước ngoài trở nên quá sức *boring*, người vợ ở nước ngoài bỗng trở thành một cái ách nặng nề trên cổ. Ở nước ngoài người phụ nữ bao nhiêu công việc, thời giờ đâu săn sóc các ông tận tình, các ông về quê nhà tránh sao khỏi sa ngã. Và như thế lại thêm một định lý trở nên định luật.

Tôi ái ngại nhìn cô bạn đồng hành:

- Rồi mấy hôm nay em liên lạc được với anh ấy chưa?

- Dạ em có số mobile, em có nói chuyện.

- Anh ấy nói sao?

- Anh ấy nói có chuyện gì đâu, đừng nghe người ta đồn bậy, về Sài Gòn anh ở với người bạn cho vui, về nhà chật chội, nóng nực.

- Anh ấy biết em về Việt nam không?

- Hôm em nói là về, anh ấy bảo đừng về làm chi, vài tuần nữa anh ấy về.

- Rồi hôm nay anh ấy biết em về không?

- Dạ biết, anh ấy bực lắm, nói em là đừng có về, mà nếu về thì về ở nhà, coi như thăm gia đình chứ chẳng cần kiếm anh ấy làm gì. Để anh ấy đi chơi cho thỏa thích đã, một năm ở nhà với vợ con mấy tháng, còn mấy tháng phải để cho anh ấy tự do.

Tôi nghe mà cũng không biết nói làm sao. Cô gái lại nức lên khóc:

- Chị bảo em giờ phải làm sao.

Tôi cắn nhẹ vành môi nín lặng. Biết khuyên cô thế nào bây giờ. Chẳng lẽ bảo cô ta là người như vậy bỏ quách cho xong. Nhưng nói cho cùng, các ông Việt Nam hình như vẫn sống theo lối cổ. Ông nào cũng muốn mình làm chủ gia đình, được

vợ con nể sợ. Chồng cô này chỉ ở nhà, trông vào đôi tay làm ăn của vợ, tự nhiên ông ta cảm thấy thiếu thốn, cái *self esteem* mạnh quá nên khi về Việt Nam, được một người đàn bà khác nể sợ, cảm phục, chiều chuộng, dù chỉ là vì đồng tiền do vợ mình làm ra, ông ta cũng cảm thấy thoải mái vì tự ái được ve vuốt. Cũng không hẳn ông ta chán ghét vợ con, nhưng ông ta muốn được tôn thờ và nể trọng. Cô gái có vẻ hiền nhưng chắc chắn với một cái shop phải trông coi, ba đứa con phải đưa đón, cơm nước, việc nhà, việc shop, cô không thể lo lắng chiều chuộng chồng ngọt ngào như các cô gái ở Việt Nam đối với ông ta khi ông ta trở về với đô la rủng rỉnh, và hứa hẹn cái viễn ảnh được bảo lãnh sang Úc. Bây giờ điều tốt nhất để khuyên cô nắm giữ ông chồng mình, là đợi ông ấy trở về, đặt ông ta trở lên lại ngai vàng để tôn thờ và chiều chuộng, mong rằng tự ái ông ta lại được ve vuốt, và ông ta lại trở lại với vợ con. Nhưng liệu cô có thực hiện được không, khi công việc hàng ngày đầy ắp thời khóa biểu và những mệt mỏi trong đời sống khiến cô ta cũng đang tha thiết cần một sự chia sẻ và nâng đỡ? Và khi một người đàn ông đã có những nghĩ suy như vậy, ông ta có bằng lòng với khung cảnh hiện tại khi biết là nếu mình ôm nửa gia sản về bên kia, sẽ có bao nhiêu cô gái trẻ đẹp mời gọi, dù biết chỉ vì đồng tiền nhưng đồng tiền đó đã nâng giá trị của ông ta lên. Tội gì ở ngoại quốc làm một cái bóng khi có thể về nước làm một hoàng đế không ngai. "Thà một phút huy hoàng rồi chợt tắt, còn hơn buồn leo lét suốt năm canh." Nhưng mà như thế thì còn gì hai chữ tình nghĩa và thủy chung. Một chị bạn ở đây đã hằn học nói: "*Sao các ông không bỏ chúng tôi lúc chúng tôi chỉ ngoài 20 để chúng tôi còn kiếm chồng khác. Bây giờ chúng tôi già thì các ông bỏ, các ông về Việt Nam lấy vợ trẻ dễ quá mà, còn tụi tui lấy ai.*" Nghe thấy cả hai bên cùng có lý. Nhưng mà bây giờ, ngồi cạnh cô gái này, tôi biết tôi phải tìm một câu nào đó để khuyên giải cô ta, nhưng khuyên làm sao tôi cũng chẳng biết. Thiệt tình tôi cũng chẳng tìm ra được câu nào để khuyên cô. Chẳng lẽ khuyên cô bỏ luôn, rồi cũng chẳng lẽ khuyên cô nên áp dụng cách chiều chuộng tối đa để níu lại ông chồng cô, khi chính tôi cũng thấy chuyện này cũng khó thể thực hiện được thì làm sao có thể thuyết phục người...

Tôi chỉ cho cô gái ngả chiếc ghế ra phía sau để ngả người cho thoải mái, hai chị em im lặng một lúc, cô ngủ thiếp đi vì mệt, còn tôi lại cứ loay hoay với những ý nghĩ đối nghịch trong đầu. Người đàn ông Úc bên cạnh lại nhờ hỏi dùm cô chiêu đãi viên là vì máy bay cất cánh trễ, chuyến bay này xuống phi trường trùng giờ với chuyến bay sắp tới của ông, làm sao ông làm thủ tục transit cho kịp. Cô ta nói là chuyến kia sẽ đợi ông ta. Cứ thế tôi làm thông dịch dùm cho ông nên thời giờ qua cũng mau. Ông này về Việt Nam mỗi năm cũng vài lần, coi bộ mê Việt Nam dữ quá. Mà công nhận, sau khi chu du các nước khác mới thấy dân Việt Nam quá sức dễ thương và hiếu khách, hèn chi Tây Việt gì cũng ham về nước cả. Ở Việt nam đường phố luôn nhộn nhịp đông đúc, đi tới đâu cũng thấy nở nụ cười, trong lúc ở nước ngoài, mỗi người là một thế giới riêng biệt, nên vào những mùa đông, trời đã lạnh hình như lại lạnh thêm vì thái độ buốt giá của những người xung quanh.

Nhớ lại đám đồng nghiệp cùng qua Việt Nam làm một thời gian. Về nước đến hơn một nửa gia đình tan rã. Lý do rất dễ hiểu, đến Việt Nam, hưởng qui chế người làm việc nước ngoài, nhà cửa được cấp, xe được cấp, có tài xế, nhà hai, ba người giúp việc. Tiền lương, phụ cấp lại cao, nghỉ mát hàng năm. Hết hạn, về nước, thời tiết đã lạnh lẽo, tiền lương thấp hẳn sau khi mất các trợ cấp, công việc nhà vợ chồng phải chia nhau ra làm. Đời sống vật chất trở nên nặng nề và khó khăn hơn trước rất nhiều, và thế là vợ chồng bắt đầu lục đục rồi tan rã. Một số thì các ông chồng bỏ vợ

để bảo lãnh các cô thư ký ngọt ngào như mật, trẻ trung, học thức, rất thông minh, rất dịu dàng, vô cùng tế nhị và đầy thông cảm với ông xếp bận rộn của mình. Hình ảnh phụ nữ Việt Nam dưới mắt các ông ngoại quốc trở nên tuyệt vời diễm ảo, trong khi dưới mắt các bà vợ của các ông ấy thì hình ảnh các cô gái Việt Nam lại trái ngược hoàn toàn. Còn tôi thì sao, tôi nghĩ thế nào về các cô gái này, đáng ghét hay đáng thương khi họ cũng chỉ muốn tìm một lối thoát cho mình và cho gia đình của họ. Họ có ích kỷ không khi quay lưng lại với những giọt nước mắt của những người vợ bị chồng phụ. Nhưng họ cũng có ích kỷ đâu khi phải lấy những người chồng xa lạ, có khi lại rất lớn tuổi. Mười phần trăm lấy vì yêu thương và chín mươi phần trăm lấy để có tấm giấy thông hành ra ngoại quốc. Lấy chồng ngoại quốc để đổi thay số phận cho mình và cho gia đình, và để cũng *fashioned* như người ta khi lấy ngoại quốc đã trở thành thời thượng. Làm sao trách những cô gái này và cũng làm sao trách được các ông kia khi những người vợ ngoại quốc này đã luôn nghĩ mình là Lady First, và tự họ đã làm cho các ông chồng của họ chán ngán.

Tôi cũng biết có những cô gái Việt nam rất nghèo khổ. Bạn trai sống và lớn lên trong cùng một khu phố, có được một việc làm trong các công ty ngoại quốc, có khi chỉ là gác cửa, hay lái xe. Các cậu này đi làm đem tiền giúp bạn gái đi học Anh văn, vi tính, giới thiệu bạn gái vào làm cùng sở. Đến khi các cô vững rồi, như những con chim cánh đã bắt đầu cứng cáp, sẵn sàng chắp cánh bay đến những khung trời sáng sủa hơn, bỏ mặc bạn trai của mình với những công việc tầm thường của họ. Những kỷ niệm của cuộc tình ngày xưa giờ chỉ để thả theo gió bay. Nhưng làm sao trách được khi các cô còn nặng gánh cha mẹ, anh em, và các kỷ niệm ấy cũng là những hình ảnh xa xót của cảnh nghèo nàn thiếu thốn.. Biết trách ai bây giờ, chỉ biết nghĩ đến cái cuộc sống chông chênh khi mọi kim chỉ nam hình như đều quay lệch về phía kim tiền óng ánh.

Máy bay đang giảm dần cao độ. Từ phía dưới đã xuất hiện dòng sông Cửu Long, rồi những cánh đồng, rồi những khu nhà cửa san sát. Hành khách đã bắt đầu nhấp nhổm khi bánh máy bay bắt đầu chạm đất. Buồn cười, đã bao nhiêu chuyến bay mà hình như chuyến nào cũng vậy. Cũng những hành khách đó, những khuôn mặt đó, lúc ở phi trường Bangkok, Singapore, Malaysia, Sydney, Melbourne, Taiwan, Hongkong thì rất từ tốn, trật tự bước chân lên máy bay, mà sao cứ tới gần phi trường Tân Sơn Nhất hay Nội Bài là như thành những người khác, hối hả, chụp giật, dù Việt hay ngoại quốc. Máy bay chưa ngừng hẳn đã vội vã lấy hành lý, vội vã chen đẩy để ra khỏi máy bay cho nhanh.

Lần này, máy bay đậu sát cánh cửa mở vào khu làm thủ tục, hành khách không phải chuyển qua xe buýt; số khách cũng vắng nên cảnh tượng chen chúc cũng đỡ phần nào. Tôi đi cạnh cô bạn đồng hành. Mới về nước lần đầu nên cô khá bỡ ngỡ. Kiểm lại cho cô các giấy tờ cần thiết, tôi bảo cô đứng trước làm thủ tục nhập cảnh, khi nào xong qua cửa đợi, đi cùng với tôi để đi lấy hành lý. Nhìn dáng cô ngơ ngác đến tội nghiệp. Những người đàn bà Việt Nam, qua xứ sở mới, dù cố gắng đến đâu, thành công trong thương trường đến đâu, vẫn là một công cụ trong tay người chồng, người con. Thoát ra khỏi cái vòng trói buộc của chồng con, họ chợt trở nên hụt hẫng và bơ vơ ghê gớm. Tôi cũng là một người đàn bà, liệu tôi đã thoát khỏi cái vòng muộn phiền nghiệt ngã ấy chưa?

Người nhân viên nhập cảnh uể oải nhìn tấm hộ chiếu và giấy tờ. Nhìn cung cách chậm chạp của anh ta, tôi chợt nghĩ hay tại mình không bỏ vào trong hồ sơ tờ năm hay mười đô để anh ta làm nhanh hơn. Đã lâu lắm rồi tôi không có thói quen bỏ tiền vào giấy tờ khi làm thủ tục nữa. Chẳng biết mình làm như thế là đúng hay sai, thỉnh thoảng vẫn nghe những mẩu chuyện nói rằng một nhân viên muốn vào làm trong phi trường không những phải quen biết mà còn phải có lệ phí lót tay sáu ngàn đô Mỹ, rồi phải đóng thuế mỗi ngày cho một ai đó, và số tiền đó chỉ bảo đảm cho một công việc trong vòng sáu tháng. Nghe cũng thấy cam go, làm thế nào lấy lại được vốn và có lời thiệt cũng nhức đầu nếu chỉ gặp những người như tôi, chả có gì để mà giấu giếm.

Qua khỏi khâu nhập cảnh, tôi nói cô bạn đợi để vào mua mấy cây thuốc lá miễn thuế về làm quà. Thuốc lá ở Việt Nam rẻ kỳ lạ so với Úc và Mỹ, hình như chỉ khoảng nửa giá. Cô bạn cũng theo vào, tôi lấy hai cây thuốc ra bàn tính tiền, cô bạn lấy tới bốn cây, cô cười: "Thấy rẻ em lấy một số về làm quà, mấy hôm lu bu đâu có mua quà cáp gì về cho gia đình." Cô bán hàng hỏi rất kỹ: "Chị đi mấy người, nếu một người, chị chỉ mua được hai cây thuốc lá thôi." Rồi các hoá đơn, hộ chiếu cô photocopy lại, cô cũng viết luôn cả vào tờ khai hải quan một mã số gì đó. Có lẽ tại

thiên hạ thấy thuốc lá rẻ nên mua nhiều quá chăng.

Chúng tôi ra băng lấy hành lý. Hàng hóa xuống cũng khá nhanh. Từ lúc xuống máy bay tới lúc này chưa đầy hai mươi phút mà đã thấy hành lý của tôi nhấc ra khỏi băng từ lúc nào. Thủ tục hải quan cũng mau lẹ. Bên ngoài, đám người đi đón người nhà nhốn nháo hai bên hàng rào ở lối ra. Cô bạn ngơ ngác nhìn quanh rồi bảo tôi: "Anh ấy không ra đón em rồi chị ơi, giờ em làm sao?" Tôi bảo cô để tôi đi taxi cùng cô về nhà chồng của cô trước rồi tôi sẽ về nhà tôi sau. Cô mừng quýnh gật đầu. Trời ơi, một cô chủ shop lanh lợi như thế mà vào lúc này sao không khác gì gái quê ra tỉnh. Tôi thật xót xa cho cô.

Mấy người lái taxi, cò taxi chạy lại "Hai cô về đâu, mười đô thôi." Tôi lắc đầu, dạo này taxi nhiều, cạnh tranh dữ dội, đón taxi ngay ở lối ra luôn luôn phải qua trung gian. Đi bộ thêm vài bước, taxi đầy ở ngoài, lên xe trả tiền theo máy bấm cây số khỏi nhức đầu, khỏi mặc cả, khỏi sợ bị tính mắc rẻ, xuống xe muốn đưa tips bao nhiêu thì đưa.

Chúng tôi lên xe, cậu lái taxi còn trẻ. Các người lái taxi ở Sài Gòn phần lớn có ăn học vì các hãng đòi hỏi phải biết tiếng Anh để nói chuyện với khách ngoại quốc. Đa số ăn mặc gọn gàng sạch sẽ và nói chuyện rất nhỏ nhẹ, lịch sự và hiểu biết. Ở Sài Gòn hiện nay có rất nhiều hãng taxi nên tình trạng cạnh tranh giúp cho sự phục vụ khách hàng ngày càng cải tiến. Nhưng taxi ở đây nghe nói cũng có loại của tư nhân, máy chạy cây số đã chỉnh lại cho chạy nhanh hơn, tiền sẽ tính nhiều hơn, nhưng dù sao dựa trên máy dù máy dởm cũng đỡ phiền phức hơn qua những người cò cốt. Nghe cũng buồn nhỉ.

Cô bạn xin tôi số điện thoại và cho tôi số của cô. Anh lái xe vui vẻ hỏi: "*Hai cô về đây làm ăn hả? Ở Việt nam bây giờ làm ăn nếu có vốn sướng hơn ở ngoại quốc nhiều đó cô.*" Tôi cười: "*Muốn làm ăn có lời ở đây phải lanh, phải quen biết, phải liều em ơi. Cô không có cả ba thứ đó nên thôi làm ở ngoại quốc rồi về đây ăn coi bộ có lý hơn.*" Cậu lái xe cũng cười theo. Cô bạn cũng nhếch miệng cười, cái cười hiếm hoi từ lúc tôi gặp cô tới giờ làm khuôn mặt cô sáng hẳn lên. Cô này cũng thuộc loại xinh đẹp mà sao ông chồng có thể bỏ bê được. Đúng là các ông chỉ ham của lạ và mê của ngọt.

Đường phố Sài Gòn mới hơn một năm tôi chưa trở lại mà đã thay đổi quá nhiều. Nhịp độ xây dựng của thành phố nhanh đến chóng mặt. Các con đường ngập tràn cửa hàng, cửa hiệu. Các tiệm ăn mọc lên như nấm. Số lượng xe xích lô giảm đi một cách đáng kể. Xe chạy đã cả mười lăm phút tôi mới thấy có một cái xích lô. Không biết những người làm nghề này làm sao sinh sống. Bóng các người ăn xin nằm vạ vật ngoài đường cũng không nhìn thấy. Anh lái xe nói dạo này thành phố gần như đã hết cảnh ăn xin. Âu cũng là một hiện tượng tốt. Tôi sợ cảnh đi vào tiệm ăn, vừa ăn xong đã có những đứa bé chạy tới bê tô phở thừa trút vào những ống lon dơ bẩn, làm bữa ăn vừa xong trở nên nặng nề, và người ăn cảm thấy thật tội lỗi khi đã có thể vui trước những cái đau khổ, đói rách của những người đồng chủng. Tôi cũng sợ cảnh đi tới đâu, luôn có những cánh tay chìa ra xin tiền, không cho thì áy náy, cho một người thì cả một đám người từ đâu ùa đến làm bỏ chạy không kịp. Những hình ảnh ấy đã làm những ngày ở Việt nam mấy năm trước trở nên u ám sầu bi chi lạ. Rồi cảnh những đứa bé chỉ vài tháng vứt ở góc đường, với một đứa bé lớn hơn gầy ốm nằm úp mặt bên cạnh, một tay ôm đứa bé kia, một tay là cái rổ đựng tiền. Không cho thì cầm lòng không đặng, mà cho thì biết là mình đang tiếp tay cho những kẻ nào đó đứng sau lưng dàn ra những cảnh đau thương. Nghe nói đã có những người đầu nậu, đưa cả một làng vào ở lây lất ở Sàigòn, sáng thả người ra ăn xin, chiều gom người lại thu hết tiền. Nghe thật thê thảm, cũng may những hiện tượng này nghe nói đã không còn nữa, nếu không những ngày sắp tới của tôi ở đây lại thêm những giờ trằn trọc khó ngủ và ray rứt.

Trên đường phố cũng không thấy ai mặc áo bạc màu hay rách rưới. Tương đối đa số ăn mặc rất gọn gàng, sạch sẽ. Số người ăn diện theo mốt thời thượng như anh lái xe thì vào buổi chiều chưa xuất hiện. Thường phải khi thành phố lên đèn, thiên hạ mới túa ra đường đi ăn, đi chơi buổi tối.

Tới nhà chồng cô bạn đồng hành, căn nhà ở khu phố tương đối tươm tất, hẻm rộng, có đám trẻ đang chơi dưới hàng cây, thấy các em ăn mặc cũng rất gọn gàng và sạch sẽ. Cuộc sống vật chất hình như đã có vẻ khá hơn. Cô bạn cám ơn tôi và đi theo đám người nhà chạy ra tận xe đón vào nhà. Xe đưa tôi về nhà, cái ngõ nhà tôi cũng đổi khác hẳn đi với rất nhiều nhà mới đang xây cao nghễu nghện. Tôi không hiểu sao những gia đình thấy không giàu gì lắm mà có thể xây nổi những căn nhà lớn như vậy. Đúng là không phải việc của mình mà vẫn tò mò và thắc mắc. Con đường

bên ngoài đã được mở rộng, gần như nhà nào cũng mở hàng quán. Buổi chiều, các quán ăn, quán nhậu đã đầy người.

Những ngày sau đó, tôi bận rộn đi thăm những người quen, hết người này kéo đi ăn lại đến người kia. Các quán ăn nhậu ở Sài Gòn mở ra khắp nơi. Các siêu thị nườm nượp người. Đi trên các phố lớn như Đồng Khởi, Nguyễn Huệ hay vào các nhà hàng lớn, các hàng quán ở quận một, quận ba, đa số là người Bắc sau 75. Không hiểu sao người ta có thể giàu nhanh lên như thế. Tuy nhiên, cũng có một số người Bắc ở các làng quê mới vào làm các nghề vặt vãnh như chạy xe thồ, bán bắp, bán xôi. Nhưng nhóm này chiếm tỉ lệ rất ít. Các sạp trong chợ phần lớn chủ là người sống ở miền Nam từ trước 75.

Có một lần tôi ghé hàng chén bát trong chợ Bến thành. Cô bán hàng ăn mặc rất giản dị, nói tiếng Pháp trôi chảy, giọng rất đầm với một cô khách người Pháp. Thật lấy làm tiếc cho một người học hành như thế giờ chỉ quây quần với đám chén bát bán trong chợ. Nhưng dù sao, thu nhập của các quán hàng trong chợ cũng rất cao. Tốt nghiệp đại học không có việc làm đầy dẫy, tỉ lệ kiếm được việc làm thu nhập vài trăm đô một tháng rất ít. Ra chợ bán, có thể kiếm vài trăm đô dễ dàng. Vậy thì có ngại ngần gì khi ra chợ làm chủ shop của mình, nhìn vào thì thấy vất vả một tí nhưng tương đối tự do, công việc lại vững vàng. Cơm trưa chỉ việc ngoắc tay đã có người bưng ngay đến, buổi trưa thưa khách, có thể ngồi vắt vẻo cho người làm móng tay, móng chân, hay nhờ người trông hàng để chạy đi tắm hơi, massage mặt, gội đầu, v.v... Buổi xế có thể vừa ăn vặt vừa tán dóc với các bạn hàng bên cạnh, hay rảnh rang đọc một vài cuốn sách.

Nói đến thú đọc sách, lúc trước vẫn nhớ đám đồng nghiệp ngoại quốc rất phục dân Việt Nam khi đất nước coi như không có người mù chữ, khi họ đi trên đường, gần như hầu hết những người bán hàng, từ tủ thuốc lá lề đường, đến các xe bán hàng, ai nấy nếu rảnh là lại chúi đầu vào một tờ báo hay một quyển sách. Các đứa bé bán vé số, bán đồ lưu niệm dọc đường phần đông đi học một buổi, một buổi đi bán. Chẳng cha mẹ nào để con cái thất học dù nghèo khổ đến đâu chăng nữa, dù biết có hết lớp mười hai cũng chưa chắc đã có một chỗ ngồi trong đại học, dù biết có tốt nghiệp đại học cũng dễ gì kiếm ra một việc làm tương xứng với khả năng. Cái truyền thống của dân tộc hình như vẫn trọng cái chữ và mảnh bằng dù biết nhất sĩ nhì nông, hết gạo chạy rông, nhất nông nhì sĩ. Nhưng lúc đó hãy hay, bây giờ còn cha còn mẹ, còn có thể đi học thì hãy cứ đi học cái đã.

Những ngày ở đây, tôi có cái thú lang thang đến các tiệm sách. Ngoài cửa hàng sách Nguyễn Huệ hai tầng lầu rất lớn, các cửa hàng sách khác cũng rất lớn. Sách bây giờ đầy ra, đủ thể loại, in theo đủ mẫu mã. Từ kiếm hiệp, truyện dịch, truyện Việt Nam dài, ngắn, các tác phẩm khảo cứu, nhạc, truyện thiếu nhi, truyện tranh, v.v... như rừng vậy. Mấy năm trước, vào hiệu sách nói với các cô cậu bán sách giới thiệu hộ ít quyển sách hay để mua thật dễ dàng. Các cô cậu này nhìn phần lớn có vẻ là học sinh vừa tốt nghiệp trung học hay sinh viên đại học nên có vẻ đọc nhiều. Nhưng bây giờ thì các cô cậu có vẻ lúng túng vì số lượng sách ra quá nhiều, và thị hiếu của khách hàng cũng muôn màu muôn vẻ. Các cô cậu ấy chỉ có thể nói: Cuốn này thấy bán rất chạy, cuốn kia của một nhà văn rất nổi tiếng, v.v... Cẩn thận hơn, có cô cậu còn nói: "Cuốn này bán chạy lắm nhưng không biết có hay không vì cuốn này được báo giới thiệu nên người ta hỏi nhiều." Trong các cửa hàng sách, ngoài sách còn có thể tìm thấy băng, CD, DVD, các đĩa thu software lậu, các dụng cụ văn phòng phẩm, các đồ lưu niệm, thôi thì đủ thứ trên đời.

Trên khu bán sách cho thiếu nhi, nhìn như thư viện vậy, các em bé ngồi đầy dưới sàn đọc sách. Nhìn thấy thật thương và ứa nước mắt. Nhưng nói cho cùng, sách thì nhiều quá, in rất đẹp, đủ thể loại, thư viện thì không có, các em thích đọc sách chỉ có thể vào tiệm sách ngồi trên sàn bên cạnh các kệ sách để mà đọc. Dù sao cha mẹ các em cũng may mắn là con cái không lêu lổng. Và các em này chắc gia cảnh cũng khá hơn nhiều em bé vẫn đi vào các tiệm bán vé số hay đánh giầy.

Rời tiệm sách tôi lang thang ra khu Huỳnh Thúc Kháng mua DVD. Thôi thì đủ loại. Các người mua hàng ngồi trên những ghế thấp, lựa dĩa từ các túi xách đặt trên các bàn nhỏ trước mặt. Khách cần loại DVD nào là có ngay người chạy đi đâu gần đó lấy về những túi xách nhỏ đầy nhóc những DVD không hộp cho khách lựa. Họ không để nhiều trong cửa hàng có lẽ sợ bị công an ụp vào bắt thình lình. Cô bán hàng nói: Chị mua đợt này xui tại nguồn hàng từ Trung Quốc qua mới bị bắt nên hàng không có nhiều. Giá một DVD chưa tới hai đô Mỹ, giá CD chỉ khoảng 50 cents. Nhưng

CD gốc giá chính thức chỉ khoảng hai đô Mỹ, chả dại gì mua CD copied về cái nghe được cái không. CD, VCD sao lại trong nước chất lượng không tốt bằng DVD copied ở Trung Quốc. Tuy nhiên ở một số nơi vẫn có DVD sao lại trong nước từ những DVD đã được sao từ Trung Quốc mang về. Mua loại này đem về có thể không xem được hay dĩa bị đứng, nhảy hình, rất khó chịu.

Đi mua hàng ở Việt Nam hiện nay khá thoải mái, các cửa hàng dịch vụ quá nhiều nên cạnh tranh nhau. Giá bán cho Việt kiều và dân trong nước không còn chênh lệch nhiều nữa. Lâu ngày người dân đã hiểu là những người Việt kiều cũng phải làm ăn khó khăn và chật vật ở xứ người, chứ không phải đồng tiền của họ là từ trên trời rơi xuống. Hơn nữa, trong nước lúc sau này sản sinh ra một giai cấp rất giàu, vì buôn lậu, vì hối lộ, vì gặp thời cơ trúng lớn, v.v... Những người này hạ vị trí Việt kiều xuống rất nhanh. Vào những cửa hàng ăn chơi, mua bán hàng hoá cao cấp, những người này vung tiền đô la như nước. Việt kiều về nhiều quá, nên Việt kiều có đi đường cũng chẳng ai thèm ngó. Tuy nhiên, vào các cửa hàng, một số nhân viên phục vụ có vẻ vẫn thích Việt kiều vì có lẽ đa số Việt kiều ăn nói lịch sự hơn những người mới nhờ thời thế mà lên. Rất nhiều siêu thị mọc lên, bán đủ loại hàng, giá cả bấm sẵn, khỏi lo vấn đề mặc cả. Các nhân viên ở đây cũng mặc đồng phục, đeo bảng tên. Vào các cửa hàng ở Đồng Khởi, thương xá Tax, các người bán hàng hay nói tiếng Anh, có lẽ họ tưởng tôi không phải Việt Nam chăng vì các bà Việt Nam đi một mình thường không vào những khu này, giá mắc nhiều so với ngoài chợ.

Một buổi sáng tôi bước vào thương xá Tax, mua một tủ đựng nữ trang nhỏ. Đi tìm vòng vo, các cô bán hàng chỉ lên lầu ba. Lên đó, thấy một cửa hàng để mảng giấy lớn: "Bán đúng giá niêm yết." Tôi mừng quá, vậy là khỏi phải qua khâu mặc cả, cái mà tôi vẫn sợ nhất. Cầm lấy cái tủ nhỏ xíu bằng gỗ vừa ý, thấy giá để 465 000VND (khoảng 30 đô Mỹ). So với giá ở ngoại quốc thì không mắc, cô bé bán hàng khoảng mười mấy tuổi, nhìn thật xinh xắn và thùy mị, nhẹ nhàng nói: "Cô lấy thì con bớt cho cô năm chục ngàn." Tôi cười vì thấy coi bộ những chữ trên tấm bảng trước cửa đã có vẻ hơi lạc điệu, coi bộ có màn mặc cả rồi, tôi khẽ lắc đầu quay đi, cô bé bán hàng níu lại, cặp mắt ngây thơ van nài: "Mới sáng ra cô trả dùm con một hai tiếng mở hàng đi cô", tôi cười trả đại "ba trăm ngàn thôi." "Ba trăm con bán không được, không đủ vốn cô ơi". Tôi vội quay đi, nhưng cô bé níu lại và ngọt ngào chèo kéo. Dứt bước ra đi không nổi với giọng nói ngọt như mật và cái nhìn ngây thơ của cô, tôi ôm cái hộp đi với cái ba trăm tám chục ngàn, biết là mình mua hớ mà chẳng biết hớ bao nhiêu. Sau mới biết ở chợ Bến Thành cái hộp này giá khoảng một trăm hai chục ngàn. Vậy là mắc hơn gấp ba, dù biết là mình sẽ mắc bẫy mà vẫn mắc bẫy như thường, một cái bẫy ngọt ngào, như vậy thì đừng trách gì các ông.

Nhớ lại cách đây vài tháng, cậu cháu trở về

LÊ THỊ KIM

Đừng Như Sương Khói

Có tia mắt nhìn hẹn đợi
Theo em khắp nẻo đường đi
Nhắc bước chân em vội vội
Giục em nhớ nẻo đường về

Có tia mắt nhìn thủ thỉ
Qua rừng qua núi qua sông
Xui bước chân bồi hồi tới
Mặc trời nắng gió bão giông

Có tia mắt nhìn sóng dậy
Bỗng dưng lạ quá ai ơi
Sao em nghe lời người ấy
Cỏ hoa quên lối thường ngày

Biết người có như sương khói
Tình yêu thả giữa mông lung
Em về ươm đời mộng ước
Mở ra trắng bàn tay không

Lời tình đâu là vị đắng
Chùm hoa bỗng rớt trong chiều
Lời tình vị trà ướp mật
Xin đừng theo gió bay xa

sau khi qua làm ở Việt Nam một năm, hai vợ chồng bắt đầu xào xáo vì một lá thơ gửi sang: "Anh ơi, anh nói với chị là em hiền lắm, em chịu nhịn, và bằng lòng làm bé, anh nói với chị để bảo lãnh em qua." Cái hiền chết người này làm hai vợ chồng cậu cháu cãi nhau hàng ngày, ai bảo cô vợ dữ quá, người ta chịu nhịn mà cô không chịu nhịn thì làm sao...

Các cửa hàng massage, tắm hơi, sửa sắc đẹp, cắt tóc cũng mọc lên như nấm. Giá cả tuy rẻ hơn so với nước ngoài nhưng so với người trong nước vẫn còn cao vọt. Khách hàng của các tiệm này đa số là các khách nước ngoài, các vị có quan, có chức hay có tiền. Còn đa số các người đi làm sống vì đồng lương chắc chẳng ai vào đây. Vào đây các cô gái ăn nói rất nhỏ nhẹ, ngọt ngào dù khách hàng là nam hay nữ, vì đa số sống nhờ tiền lương thì ít, mà nhờ tiền bo (tiền tips) thì nhiều. Vào đây, nếu dự trù chi phí khoảng một trăm rưỡi ngàn, chi phí này sẽ lên gấp đôi, gấp ba dễ như không khi các cô ngọt ngào giới thiệu thêm các dịch vụ khác. Các cô gái làm ở đây còn rất trẻ, chỉ trên dưới hai mươi. Có một số từ tỉnh lên, làm việc và ăn ở luôn tại chỗ làm. Đa số các cô ngoài giờ làm việc, trải thời giờ trong các tiệm internet. Cô nào cũng thích chat, để biết đâu có cơ hội quen được một Việt kiều về làm lễ cưới đón đi.

Các quán internet mở khắp nơi, đầy các ngõ hẻm, giá chỉ từ bốn đến sáu ngàn một giờ (khoảng 30 cents), nên lúc nào cũng đông khách. Buổi tối thì hình như không thể nào kiếm ra một máy trống, từ sinh viên học sinh đến các cô công nhân, thợ cắt tóc, v.v... Ở đây dạo này còn bán các thẻ gọi điện thoại qua internet giá rất rẻ, bảy chục ngàn đồng gọi được hai ba tiếng. Lại đây thấy các cô bỏ hàng giờ ra thủ thỉ với các anh bên nước ngoài. Nhiều cô nhìn vóc dáng rất tội nghiệp, không biết sẽ có bao nhiêu cô may mắn được các anh về bảo lãnh đem qua khi nhìn thấy tận mặt. Dù sao, những giờ chuyện trò đó cũng là những niềm vui của các cô. Sau khi rời máy, các cô lại trở về với công việc thấp hèn của mình, đời sống cực khổ nhưng với lòng tràn trề hi vọng và thoải mái vì đã sống trong những phút đầy ắp mơ ước ngọt ngào. Đời sống cơ cực quá nên một ngày có được vài tiếng đồng hồ sống trong ảo tưởng, cũng là một điều hay, và biết đâu may mắn có thể đến với các cô. Biết đâu, ừ nhỉ, biết đâu đấy, tôi thật lòng cầu nguyện điều hay sẽ tới với các cô gái này.

Các quán café cũng mở ra vô số, nhiều quán trang bị rất đẹp. Có quán còn chia ra nhiều khu, khu dành cho những cặp tình nhân với cây cảnh và nhạc nhẹ, khu có những dòng thác, dòng suối, khu có ca nhạc sống, và khu có cả các trò chơi điện tử cho trẻ em. Vào những quán café này thấy như mình đi vào thế giới khác, hồn mềm đi một chút, nhẹ đi một chút giữa cái nóng bức của Sài Gòn, vào để tránh ánh nắng chói chang, mịt mờ bụi và khói xe. Nhưng cũng đau lòng khi thấy sao mình xa cách quá với những người đang bán rong ngoài kia, tuy nhiên tiếng nhạc cũng làm dịu lòng đi được một chút.

Các nhân viên bán hàng trong các tiệm phần lớn đều có đồng phục. Các tiệm sang thì các cô cậu bán hàng ăn mặc đỏm dáng và bảnh bao, con trai mặc quần tây, áo sơ mi ủi thẳng thớm, có khi có cả veste nữa; các cô gái hoặc mặc áo dài hay áo đầm rất xinh xắn. Còn ở các tiệm ăn nhỏ thì đa số cũng có mặc đồng phục gồm một cái Tshirt in nhãn hiệu nhà hàng. Ở nhiều tiệm ăn, còn có một số các cô gái mặc váy ngắn, Tshirts mang logo của các hãng bia, đem bia mời khách uống.

Giá quần áo rẻ nên tương đối ai cũng ăn mặc tươm tất. Đàn bà con gái Sài Gòn khá thích ăn diện. Đa số đều làm móng tay, móng chân, trang điểm kỹ càng khi ra đường. Trên đường, các cô, các bà đi xe gắn máy thường đội nón, che mặt, mang găng tay rất kỹ để bảo vệ da. Ngay các người đạp xe ba gác, xích lô hay chạy xe thồ cũng ăn mặc không đến nỗi tồi tàn. Ở các đầu đường, đầu hẻm nào cũng thường luôn luôn có năm ba chiếc xe gắn máy đợi khách. Xe taxi thì chỉ nhấc điện thoại năm ba phút là có xe tới ngay. Các người bán hàng rong, rau cải ăn mặc cũng tương đối gọn gàng không luộm thuộm rách rưới. Tuy nhiên nhìn những người buôn bán dọc đường, hay chạy ngoài chợ, người nào nhìn cũng thấy có vẻ mệt mỏi, héo úa và hốc hác, tương phản hoàn toàn với đám thực khách đi vào các hiệu sang, hồng hào sang trọng và mập mạp. Ngay cả những cô cậu bán hàng ở các cửa hàng này nhìn cũng rất lịch sự và tươi đẹp.

Dân chúng tuổi ba mươi trở lên ở đây rất chịu khó giữ gìn sức khỏe. Trẻ thì sáng sớm đã theo các lớp thể dục thẩm mỹ, nhịp điệu. Lớp trung niên hay người cao tuổi thường ra công viên theo các lớp tập dưỡng sinh, múa gậy, thái cực quyền, khí công, yoga. Buổi sáng sớm, các con đường dọc theo công viên, bờ sông đã nhiều người đi bộ. Ở các công viên đã nhộn nhịp các nhóm tập thể dục. Tới gần tám giờ sáng các đám người tập

mới rã hết.

Buổi tối, là giờ đi chơi của đám choai choai. Đường phố đầy xe. Các cô cậu nhà giàu phóng ào ào trên các loại xe gắn máy mắc tiền, áo quần rất thời trang. Con trai quần jeans, Tshirts loại hàng hiệu. Con gái thì ăn mặc cũng theo các kiểu thời trang mùa hè ở ngoại quốc. Nhiều cô mặc hở nguyên lưng, váy rất ngắn nhìn rất mất mẻ. Các tụ điểm văn nghệ, các quán nhạc sống, tiệm café, rạp hát, tiệm ăn, tiệm kem nghẹt khách. Ngoài bến tàu, các tàu lớn cũng sáng choang đèn. Một số tàu vừa làm tiệm ăn, vừa chạy dọc trên sông từ bảy đến chín giờ tối.

Đám thanh niên ở đây nhảy đầm rất giỏi, tôi có nghe, có đọc về những tiệm nhảy nơi thanh niên dùng thuốc lắc nhưng chưa đến bao giờ. Chỉ nhớ lại và thấy buồn cười khi những năm trước về đây làm việc, mỗi lần sở có hội hè, functions, đám local staff nhảy rất đẹp trong khi mình thì ngồi trơ như phỗng vì không biết nhảy. Dân ở nước ngoài gì mà quê hầy, thua xa dân bản xứ.

Thành phố nhộn nhịp đến khoảng hơn chín giờ tối thì bắt đầu thưa vắng. Ở một số con đường của thành phố giờ này bắt đầu xuất hiện những cô gái ăn sương, níu kéo các xe gắn máy đàn ông chạy một mình. Lúc nào thấy bóng công an, bóng các cô gái chạy thoăn thoắt vào các ngõ tối. Ban đêm cũng là lúc các xe đổ rác, quét đường làm việc. Các công nhân làm vệ sinh mặc đồng phục xanh thẫm, đeo khẩu trang, quét đường bằng những chổi lúa, lùa rác vào những xe ba gác, rồi đổ những đống rác này vào một góc đường nào đấy cho xe rác lớn tới mang đi. Thành phố đã không còn những đống rác cao nghễu nghện như trước, cũng là một điều hay.

Thành phố về đêm, trong các ngõ nhỏ vẫn thấp thoáng bóng các em bé đi rao mì xực tắc. Tiếng gõ, tiếng rao buồn thảm thỉnh thoảng lại lẫn vào tiếng rao bánh chưng bánh giò của những người đàn ông lầm lũi đạp xe đạp len lỏi từng con hẻm nhỏ. Ngoài đường xe cộ thưa nhưng vẫn có những cửa hàng mở cửa. Có những khu phố hàng ăn nhộn nhịp suốt đêm. Những người chạy xe thồ vẫn đậu xe đầu những ngõ đón khách suốt đêm.

Những ngày ở Sài gòn của tôi đã trôi qua như thế, ăn những món ăn hương vị đã không còn đậm đà như trong trí tưởng lúc ở nước ngoài, đi mua bán lặt vặt, thăm gặp những người quen biết, những bạn bè cũ. Có những người mới vài năm giàu lên không thể ngờ. Có những người vẫn đeo đẳng những cuộc sống buồn tẻ và chán nản, nhưng nhìn chung cuộc sống có khá hơn vài năm về trước dù cũng còn vất vả. Trong xã hội bây giờ có một số người giàu không thể tưởng nhưng đa số còn khó khăn và có những người rất là thiếu thốn. Nhìn các bé gái trong lòng tôi thấy rưng rưng, xã hội vật chất quá cám dỗ, nếu gia đình không khá giả, giáo dục không kỹ càng, chỉ cần quen biết vài bạn bè xấu là sa ngã quá dễ dàng. Các bé trai cũng vậy.

Các bạn tôi than, bây giờ giữ con mệt quá, phải cho đi học thêm đủ thứ, nếu không vào lớp không theo kịp chương trình. Thày giáo nào cũng dạy tư, nếu học trò không học thêm vào lớp chẳng biết đường nào làm bài tập và bài thi. Bạn bè thì lại cứ lôi kéo vào những trò chơi xấu, con cái sểnh ra một chút là hư ngay. Lúc trước báo có đăng một gia đình đưa đón con đi học rất kỹ, bà mẹ đã té xỉu khi công an đến còng tay đứa con trai vì nó theo bạn bè giật đồ của người ta. Bạn tôi cũng kể có đứa con còn học tiểu học về nói chuyện là để chọc cô giáo, một đám chung nhau tiền ra mua Seduxen (loại thuốc ngủ chứa diaz-epam), một viên có hai ngàn, chia nhau đứa uống vài viên, để cô giáo vào lớp thấy cả đám học trò đang ngủ vật vã. Bạn khác lại kể, sợ lắm, con mới học lớp sáu, mà có đứa bạn vào lớp rút ra mấy tờ một trăm đô Mỹ rủ rê cả bọn đi nhảy đầm, đứa nào không đi thì bị chê quê. Cứ thế, không theo bạn bè thì bị trêu chọc, theo bạn bè thì hư lúc nào không biết.

Mỗi lần ra đường trở về tôi lại đâm ra chóng mặt vì bụi, vì nắng và vì nhịp điệu sống thay đổi quá nhanh của thành phố, vì cái khoảng cách giữa người thật giàu và thật nghèo đã trở nên quá lớn.

Thành phố Sài Gòn như một con xúc xắc quay vòng nhiều mặt trong ngày ở những thời điểm khác nhau. Ở một thành phố dân số lên đến hơn bảy triệu, sức sống ngồn ngộn, nhưng như một bộ máy quá tải, không đáp ứng nổi tiến độ phát triển quá nhanh của cuộc sống nên chắc chắn phải có rất nhiều những chông chênh. Bên bóng những ngôi nhà cao nghệu vẫn còn những người lao động thấp thoáng đâu đó, đem hình bóng nhoà nhạt của mình làm bước đệm cho những người có quyền chức đi lên. Bên những ánh đèn lấp lánh đêm thâu vẫn còn bao nhiêu những thanh niên trẻ lao mình vào cái sáng loáng của ánh đèn như những con thiêu thân. Bên những ngọn đèn heo hắt trong ngõ nhỏ, trong những ký túc xá sinh viên vẫn còn bao học sinh, sinh viên miệt mài học để mong kiến thức của mình sẽ đóng góp

được một chút gì cho gia đình, cho bản thân và cho xã hội, dù biết rằng xác suất thành công rất thấp nhưng vẫn cố gắng hết mực để biết đâu có cơ hội vươn lên. Bên những người giàu có luôn dư thừa những bữa tiệc xa xỉ vẫn còn những người chạy gạo từng bữa, vẫn còn những người bệnh không thuốc không thang. Thành phố vào giờ cao điểm vẫn nườm nượp nhiều hình ảnh lẫn lộn của những chiếc xe hơi bóng lộn, những chiếc xe gắn máy ồn ã, những chiếc xe đạp và ba gác cọc cạch, và những người buôn thúng bán bưng.

Tôi đã ở trong lòng Sài Gòn, với những sáng nắng, những buổi chiều mưa. Lang thang từ những con đường lớn đến những ngõ nhỏ tối tàn. Bước chân nhỏ nhoi không đi qua hết nổi một phần mười thành phố nhưng cũng đủ để nhìn thấy phần nào những muôn màu muôn vẻ cuả cuộc sống ở đây.

Cô bạn gặp trên máy bay thỉnh thoảng lại gọi điện thoại than khóc, rồi những tiếng động cơ, tiếng người nói, tiếng buá đập, cưa máy từ các nhà đang xây trong ngõ suốt ngày làm tôi cũng mệt nhoài.

Ở được một tuần, tôi rời Sài Gòn trở về Đà Lạt, nơi tôi đã sinh ra và lớn lên, nơi tôi luôn mong ước trở về nhưng mỗi lần trở về lại rưng rưng nước mắt khi những người thân xưa cũ nay đã hoặc mất đi hoặc dời đi sinh sống nơi khác.

Đường đi thật là xa lạ, từ ngã tư Hàng Xanh, đến xa lộ Biên Hoà, những tên đường lạ hoắc, lại cũng đã vài lần thay tên làm tôi không thế nào nhớ nổi. Cố hình dung con đường hồi xưa, mỗi sáng đi xe buýt từ trường Khoa học lên khu Sinh lý Sinh hoá ở Thủ Đức mà không thể nhận ra. Cố tìm lại cái khúc rẽ vào trường từ xa lộ mà không thể nào nhìn ra được. Xe đi qua Rừng Lá, Dầu Giây, rừng cao su, cảnh vật cũng xa lạ không ngờ. Cảnh trí thay đổi quá nhanh hay tại trí nhớ của tôi đã bắt đầu trở nên mụ mẫm. Định Quán vẫn còn đây với những tảng đá chồng chất, nhưng sao đã mất cái cảm giác choáng ngợp thuở xưa lúc còn là cô gái bé tí theo cha về Sài Gòn. Lúc ấy, mỗi tảng đá như ẩn chứa cả một thế giới kỳ bí. Bây giờ mỗi tảng đá như nằm chơ vơ, vô hồn vô cảm.

Hai bên đường dầy đặc nhà cửa, chỗ nào cũng thấy xe gắn máy chạy nhan nhản. Các cửa hàng mọc đầy. Xe lên đến đèo Bảo Lộc, cái cảm giác nhẹ nhàng ngày xưa như đang trở lại, khi xe vòng lên những đường đèo xanh um bầu lá, thỉnh thoảng có tiếng thác róc rách bên đường, thỉnh thoảng lại ẩn hiện rặng núi xanh ngắt. Tôi lại được trở về, dù chỉ trong thoáng chốc với những hình ảnh của ngày xưa.

Càng gần Bảo Lộc, càng ngửi thấy mùi trà thơm ngát. Các tiệm trà đều mở thêm hàng café hay hàng ăn để hấp dẫn du khách. Xe ngừng ở tiệm trà Đỗ Hữu ăn trưa. Xuống xe đã nhìn thấy những quán bán sầu riêng, bơ, chôm chôm và bắp luộc. Bắp ở Việt Nam sao vẫn dẻo và thơm ngon. Năm ngàn bốn cái, rẻ không ngờ nhưng những người đi cùng xe còn mặc cả, bốn chiếc ba ngàn thôi. Tôi nhìn thúng bắp, lại một màn tính nhẩm để không hiểu sao nó có thể nuôi sống cho một gia đình.

Ăn xong, xe lại chạy qua những đồi trà bát ngát xanh. Nhà cửa hai bên đường cũng mọc lên san sát, có những ngôi nhà xây dựng rất đẹp, rất bề thế và kiểu cách.

Chạy được khoảng hơn một tiếng, xe ngừng ở một tiệm bán trà khác. Ở đây bán đủ loại trà, khách được uống café và trà miễn phí. Các cô gái ở đây còn rất trẻ, chỉ khoảng dưới hai mươi. Đa số xa nhà, ăn ở ngay tại chỗ làm. Lúc trả tiền, có người cho tiền tips các cô, các cô bé không dám lấy. Người đàn bà có lẽ là chủ tiệm miệng mồm nhanh nhẩu: "*Các anh cho tiền bo, tụi nó không dám lấy đâu. Các anh bắt tụi nó bò thì tụi nó bò cho các anh coi chứ cho tiền bo thì không dám lấy.*" Vài người khách sững người trước câu nói này. Tôi không dám nhìn những cô bé đó, lặng lẽ đi vội ra xe, nghe một nỗi chua xót và căm giận không biết từ đâu ập tới. Ngồi trên xe mãi, hình như tôi vẫn thấy mình còn đang run rẩy, câu nói không biết là đùa hay thật của người đàn bà làm cảnh vật hình như càng u ám. Mưa bắt đầu lất phất ngoài cửa kính, và hình như mặt tôi cũng nhòe nhoẹt nước mắt.

Hai bên đường, nhà cửa cũng vẫn san sát, nhưng thấy dân ở đây có vẻ nghèo và hiền hơn dân Sài Gòn. Quanh vùng Bảo Lộc, Ma Đa Gui (chiến khu D cũ) đa số là người ngoài Bắc sau 75. Công nhận những người dân Bắc thật giỏi, vào khu kinh tế mới Bảo Lộc hơn mười năm, từ tay trắng, các gia đình này đã trở nên giàu có không ngờ. Trong khi đám dân trong Nam không khá lên bao nhiêu nếu tính theo tỉ lệ. Có người cũng nói là số dân từ Bắc vào lên nhanh nhờ họ có thần có thế, có quyền có chức nên xin giấy tờ gì cũng lọt, và lại có kinh nghiệm đã sống trên đất Bắc; nhưng nếu nói một cách công bằng, thì chắc cũng nhờ một phần vào tính tháo vát, siêng

năng và cần kiệm của họ. Có một vài hãng tơ lụa làm từ dâu tằm nhưng đã đóng cửa. Tôi lại chua xót nghĩ tới cảnh hàng ngàn công nhân đã bị mất việc, không biết những cô gái dệt lụa bây giờ đã trôi nổi về đâu.

Dù cây cối ở các đồi, các con dốc đã bị chặt bỏ rất nhiều, nhưng Đà Lạt vẫn còn những con đường và cảnh hồ rất đẹp. Sáng sớm, bóng dáng các em nữ sinh mặc áo dài trắng, áo len xanh trên đường nhìn dễ thương chi lạ, làm hiện về cả một quá khứ ngọt ngào của những ngày ngây thơ xưa cũ. Con gái Đà Lạt vẫn má hồng, mắt đen, da trắng, mái tóc mượt mà , ăn nói ngọt ngào hiền hậu. Hèn chi tỉ lệ lấy Việt kiều khá đông. Các anh Việt kiều chưa vợ, lên đây gặp các cô gái xinh xắn, mộc mạc xiêu lòng cưới về nước khá nhiều. Dân Đà Lạt đa số vẫn còn giữ được nếp sống xưa, con gái đi học về lo việc nhà, quây quần với gia đình, ít chơi bời đàn đúm.

Người Đà Lạt vẫn như xưa, nhẹ nhàng và hiền hòa, chợ Đà Lạt vào sáng sớm vẫn đầy những người bán rau cơ cực. Trời rét, những người này quấn mấy lớp khăn nhìn vẫn nghèo và khổ. Gương mặt mệt mỏi và xanh xao vì thiếu ngủ, thiếu ăn. Các người chạy xe thồ nhìn cũng không được tươm tất như những người cùng chạy xe thồ ở Sài Gòn. Dân ít, nên kiếm được đồng tiền cũng khá vất vả. Vậy mà nhịp độ xây dựng trong thành phố cũng phát triển kinh người. Giá đất tăng vọt trong vài năm nay, những ngôi biệt thự vẫn xây dựng thật lộng lẫy bên cạnh những ngôi nhà đã bắt đầu đổ nát. Những người có công việc làm tương đối ổn định hơn nhưng cuộc sống cũng lắm gam go. Ở chợ các em bé đánh giầy và bán xổ số cũng khá đông. Nhiều em nhìn chỉ bé độ bốn, năm tuổi, một buổi đi học, một buổi đi bán. Không biết bán được bao nhiêu. Một gánh rau xà lách khoảng hơn hai mươi kí lô, bán một ngàn đồng một kí, nguyên gánh rau chỉ bán được hơn một đô, không hiểu họ có thể làm sao nuôi sống được cả một gia đình. Những người chạy xe thồ cũng nói một ngày kiếm một hai chục ngàn (khoảng trên một đô) cũng không dễ gì.

Ấy vậy mà sao cuộc sống lại vẫn cứ trôi đi. Những buổi chiều trời êm, trên ngọn đồi gần sân vận động đối diện hồ Xuân Hương, tấp nập người ra thả diều. Những con diều đủ màu vẫn phất phới dâng cao, mặt hồ vẫn phẳng trong xanh, mây trắng vẫn bồng bềnh và hoa cỏ vẫn tươi tốt. Cuộc sống vẫn hiền hòa thanh thản trong lúc tôi mãi ngồi khóc mướn thương vay.

Có những tối ngồi ở Thủy tạ, nhìn sóng dập dềnh, nhắm mắt nhớ lại những khung trời xưa cũ. Bên tai tiếng đàn chát tai của ban nhạc dân tộc chơi đủ loại bài hát. Tiếng đàn bầu, đàn tranh, guitare hỗn độn xen lẫn nhau, đã chẳng hoà quyện được mà lại như đối nghịch ồn ã làm nhà hàng Thủy tạ mất đi cái bản sắc nên thơ của nó. Nhưng có lẽ nhờ những ồn ào đó mà nhà hàng trở nên đông đảo với số khách đến ăn và nghe loại nhạc này. Nếu để đèn mờ, nhạc nhẹ như ngày xưa, biết đâu đã thành một nhà hàng vắng vẻ và có thể đã đóng cửa không chừng. Cuộc sống đã thay đổi, thì tâm tình, thị hiếu làm sao giữ được nguyên vẹn như xưa.

Buổi tối nhiều quán café mở khắp nơi, nhưng sau chín giờ đã bắt đầu hết khách, một vài chỗ còn mở khuya với số khách thưa thớt trên đầu ngón tay. Đà Lạt vẫn chẳng phải là một nơi chốn ăn chơi. Đêm chạy xe trên những con đường thật yên ắng, nghe rõ cả tiếng sương rơi và tiếng gió cựa mình, để hồn lắng đi một chút và thấy là Đà Lạt trong một góc cạnh nào vẫn còn đẹp lắm.

Rời Đà Lạt, trở lại Sài Gòn, vẫn còn cái cảm giác ngột ngạt như ngày xưa khi xe qua khỏi cái râm mát của đèo Bảo Lộc để đi vào không khí nóng nực, bụi bậm của miền Nam.

Hai tuần đã trôi qua, tôi sửa soạn rời thành phố, cô bạn gặp trên máy bay đã nhắn sẽ về cùng ngày vì cô ta đã đổi vé lại. Đón cô cùng ra phi trường, cô khóc: "Chị ơi, anh ấy giờ không chịu về, anh ấy bảo em muốn ly dị thì ly dị, tiền bạc chia ra cho anh ấy về đây sống, chị bảo em phải làm sao?"

Làm sao ư, tôi cũng chẳng biết phải làm sao, tôi đã sắp lên máy bay, sắp rời cái thành phố mà ở đó có rất nhiều những nụ cười, những tiếng khóc, những khuôn mặt lạnh lẽo và những khuôn mặt mệt mỏi chán chường, cũng có một số ít các khuôn mặt phủ phê thỏa mãn, với thật nhiều những cảnh đời đa dạng. Ở đấy, chắc cũng có rất nhiều người đang tự hỏi họ sẽ sống ra làm sao đây. Làm sao tôi có thể trả lời, chỉ biết nhắm mắt nghe hai mi nằng nặng. Với cô gái mới quen, chắc tôi phải cho cô một lời khuyên, gắng tìm cho cô một lối thoát, chắc chắn là như thế, nhưng lúc này đây, tôi chẳng biết nói gì. Đầu óc lơ mơ, nghĩ đến một chuyến trở về rồi lại ra đi, hay ngược lại, tôi đã làm một "chuyến ra đi" từ xứ Úc bình yên, và giờ đây là chuyến trở về? – tôi thật cũng chẳng biết. Lúc này đây, tôi chỉ biết mình đang ứa những giọt nước mắt khóc theo cô bạn mới quen. Và Sài Gòn ơi, chào nhé...

Tháng tám 04

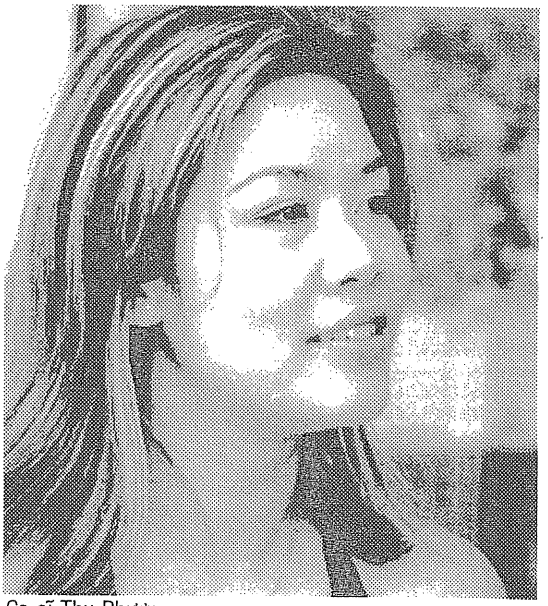

Ca sĩ Thu Phương

CA SĨ THU PHƯƠNG VÀ CẢM THỨC TỰ DO

THIỆN GIAO

Thu Phương được xem là một trong những ca sĩ hàng đầu Việt Nam hiện nay. Sau 18 tháng lưu diễn tại Hoa Kỳ, Thu Phương quyết định định cư hẳn tại Hoa Kỳ và không trở về Việt Nam nữa. Quyết định lưu lại Hoa Kỳ được công bố chính thức bằng một cuộc họp báo trước đầy đủ giới truyền thông Việt Ngữ tại Quận Cam. Có nhiều nguồn dư luận và phản ứng khác nhau về quyết định của ca sĩ Thu Phương. Bài dưới đây thuật lại buổi nói chuyện với cô về cuộc sống của cô trước và sau ngày công bố một trong những "quyết định lớn trong đời," cho thấy phần nào diễn tiến nội tâm của một người khi ý thức về tự do thành hình.

Quyết định ở lại Mỹ đã đến với Thu Phương như thế nào? Từ bao giờ và với lý do nào? Những câu hỏi có thể có nhiều hơn một câu trả lời. Chúng ta không thể biết được đích xác. Ngay cả Thu Phương, trung tâm điểm của câu chuyện, cũng không thể nào biết đích xác.

"Phương không thể nhớ được chính xác thời điểm đi đến quyết định quan trọng nhất trong cuộc đời mình." Phương cho biết. "Sang đây, giống như những ca sĩ khác, Phương dự định hát rồi sẽ trở về lại Việt Nam. Thế rồi, những gì Phương đã thấy, đã gặp, đã nghe, đã biết... tất cả những gì hình thành một kinh nghiệm mới, đã dẫn tới quyết định mà Phương đã chịu đựng suốt 18 tháng qua." Phương bắt đầu tự nhiên hơn, khi kể về "cuộc hành trình" của mình. Có lẽ, lâu lắm rồi, Phương mới cảm thấy tự nhiên trang trải lòng mình. Điều này cũng dễ hiểu, 18 tháng qua, mỗi lời nói, mỗi hành động liên quan đến quyết định của Phương luôn được nhìn dưới những góc độ khác nhau. Hôm nay, Phương nói chuyện trong tư cách một người bạn.

Quyết định đi đến tự do của Phương thành hình từ vô thức, được thúc đẩy bởi bản năng hướng thiện, của con người, của human being.

Khó có thể cảm nhận được giá trị của tự do khi chưa một lần được sống trong tự do. Nhưng sâu kín nơi tâm thức của con người, giá trị tự do và ý thức hướng đến tự do luôn tiềm ẩn. Giá trị và ý thức ấy không khác nhau nơi mỗi con người. Phương sinh ra, trưởng thành và thành đạt nơi đất nước mà Phương không cảm thấy tự do bị tước đoạt. Phương "ngỡ" mình tự do cho đến khi tự thân cô trải qua những kinh nghiệm mới, nơi đất nước Hoa Kỳ. Những kinh nghiệm mới về tự do nơi Phương không được chỉ dẫn bởi bất cứ ai, nó được dẫn hướng bởi bản năng sâu thẳm nhất nơi Phương. Quyết định lưu lại Hoa Kỳ thành hình như một quá trình, từ vô thức.

"Phương trưởng thành tại Việt Nam, đã sống trong lòng chế độ ấy. Nếu phải dùng một chữ, có thể nói Phương là một quan chức của chế độ ấy, là ca sĩ duy nhất nằm trong 'biên chế,' Phương đã nhìn thấy tất cả sự giả dối và thiếu trách nhiệm của những con người trong guồng máy ấy." Phương hồi tưởng lại kinh nghiệm của những năm tháng làm "quan chức" trong guồng máy văn nghệ Việt Nam. "Mỗi người chỉ lo cho quyền lợi riêng của mình. Vì vậy, họ nhắm mắt làm ngơ cho tất cả những chuyện tiêu cực. Sống trong một xã hội như vậy, con người luôn luôn cảm thấy mệt mỏi. Phải lo toan và phụ thuộc vào những tranh chấp quyền lợi." Vì lệ thuộc vào quyền lợi, người ta "quên sống" tự do, và quan trọng nhất, người ta quên đi những giá trị sống cao đẹp và có ý nghĩa khác. Đối với Phương, đó là sự ràng buộc ghê gớm nhất, vì nó kiềm tỏa khả năng sáng tạo của người

nghệ sĩ. Phương là một nghệ sĩ. Hơn thế nữa, cô đang là một trong những ca sĩ hàng đầu Việt Nam.

"Phương bắt đầu ý thức giá trị tự do trong thời gian lưu diễn tại Hoa Kỳ." Phương tâm sự. "Trước khi sang đây, Phương không hề tính toán ở lại." Nhưng sự giao thoa với xã hội mới, văn hóa mới và những giá trị mới đã dần dần đánh động nơi Phương về những gì cô chưa bao giờ trải qua. "Giống như một thứ kinh nghiệm. Mà kinh nghiệm là thứ không phải để học. Kinh nghiệm là phải sống qua." Những giá trị mới, cùng trực giác bén nhạy của một nghệ sĩ, đã "đánh thức" Phương ra khỏi giấc ngủ dài với ảo tưởng của kinh nghiệm.

Phương đã đạt được kinh nghiệm ấy. Và cô đi đến quyết định sau cùng: Ïịnh cư tại Mỹ. Một quyết định đã đưa Phương đi vào 18 tháng "không thể nào quên" của đời sống cô.

"Tuổi 30 không còn trẻ đối với một ca sĩ. Vậy mà bây giờ Phương mới thấy mình có hoài bão." Phương sôi nổi hơn khi câu chuyện chuyển dần ra khỏi những phức tạp của 18 tháng qua. "Bây giờ Phương mới thấy trong đời mình còn nhiều việc để làm, để mơ ước. Những năm tháng sống trong nước, Phương chẳng bao giờ ý thức được rằng cuộc sống mình sẽ có nhiều hoài bão." Mơ ước và hoài bão là dấu hiệu của một cuộc sống được ý thức cùng trách nhiệm cá nhân. Mơ ước không thể có trong một xã hội thiếu tự do, khi con người bị ràng buộc, khi ý thức công dân bị xói mòn. Và trên hết, hoài bão là dấu hiệu của một con người có suy nghĩ độc lập. Chỉ tự do, đúng nghĩa và không mang màu sắc, mới có thể làm nền tảng cho những suy nghĩ độc lập.

Im lặng giây lát, Phương thốt lên, khẳng định nhưng nhẹ nhàng và dễ dàng như một người từng trải nói về kinh nghiệm vừa trải qua: "Phương nghĩ, tuổi trẻ Việt Nam chưa bao giờ cảm nhận tất cả ý nghĩa của hai chữ Tự Do." Tự do như một trạng thái mang ý nghĩa sâu thẳm nơi bản năng con người.

Bây giờ, Phương đã quyết định định cư hẳn tại Hoa Kỳ. Nói đúng hơn, Phương không còn chọn lựa nào khác. Dư luận báo chí tại Việt Nam đã tỏ rõ thái độ của chính quyền Việt Nam đối với Phương. Mười tám tháng "không thể nào quên" đã kết thúc, và nó đánh dấu một sự mở đầu khác: Sự hòa nhập vào xã hội mới.

"Phương muốn bắt đầu sự hòa nhập bằng những gì nhẹ nhàng nhất. Những hành động của Phương có thể gây ngộ nhận. Hãy đánh giá Phương qua tấm lòng của Phương, theo đúng nghĩa đen của hai chữ 'tấm lòng.' Phương nói về buổi ra mắt CD đầu tiên của mình từ sau ngày tuyên bố định cư tại Hoa Kỳ. Ïược biết, thu nhập từ CD đầu tiên này sẽ được dùng vào các mục đích từ thiện và cũng để cảm ơn bạn bè và thân hữu đã giúp thực hiện CD này.

"Số ca sĩ tham dự không đông. Chỉ một số ít rất thân thôi. Phương tham lam lắm, muốn dành phần lớn chương trình cho mình." Phương mỉm cười giải thích về sự "tham lam" của mình. "Những phiền phức đã qua. Theo một nghĩa nào đó, cuộc sống của Phương đã bắt đầu ổn định. Chương trình âm nhạc này là một câu chuyện kể về cuộc đời Phương. Ïi từ thời thơ ấu đến nay..." Phương bắt đầu cuộc sống mới bằng cách nhìn lại quãng đời cũ. Theo cô, buổi trình diễn cũng chính là một buổi kể chuyện. Người kể chuyện là Phương. Còn người nghe, những thính giả, chính là những người yêu mến Phương và cho cô một cảm giác được thừa nhận. "Ở Việt Nam, Phương hát cho hàng ngàn người. Bên này, Phương hát cho một ngàn người nghe, nhưng Phương có cảm giác được gần gũi khán giả hơn." Những khán giả Việt Nam, những người thuộc cộng đồng mới mà Phương bắt đầu hội nhập, đã trở thành nguồn cảm hứng nghệ thuật cho Phương. "Sự ủng hộ của cộng đồng và thính giả đã là một trong những động lực chính giúp Phương vượt qua giai đoạn khó khăn." Cô nói về những năm tháng vừa qua. "Phương đã vấp, nhưng không ngã. Và những thính giả trong cộng đồng đã là chiếc dù che bóng mát trong những giây phút khó khăn nhất của cuộc sống mình."

Sau tất cả những gì đã xảy ra, Phương bắt đầu tin vào định mệnh. "Những lúc khó khăn nhất, Phương không còn biết nên phải làm gì. Những chuyện lớn và những chuyện nhỏ bắt đầu trở nên rối bời..." Khi "không còn biết phải làm gì," tuyệt vọng, con người có khuynh hướng buông xuôi và chấp nhận bất cứ hệ quả nào. Những kết thúc "có hậu" của 18 tháng qua đã vượt qua khỏi tầm với của Phương. Cô gọi đó là "định mệnh" của cuộc đời cô. "Phương tin vào định mệnh, không phải trong 10 hay 20 năm sau của cuộc đời mình. Ngày mai thức dậy, những gì xảy ra cho mình, có lẽ, cũng không phải là chuyện ngẫu nhiên."

Trong giới hạn của ý thức, sự tận lực trên hành trình đi tìm tự do đích thực của cuộc sống đã quyết định không ít đến định mệnh của Phương. Sự tận lực ấy, được xây dựng trên hoài bão của những con người có suy nghĩ độc lập.

Có sự độc lập nào không đặt nền tảng trên tự do?

Tĩnh vật Nguyễn Trọng Khôi

(Nhân xem phòng tranh của Nguyễn Trọng Khôi được tổ chức tại thành phố Newton, tiểu bang Massachusetts, Hoa Kỳ từ 2 đến 29/7/2004)

TRẦN DOÃN NHO

"Cái gây ấn tượng cho chúng tôi nhiều nhất, đó là có nhiều loại tranh khác nhau trong lần triển lãm này (...) Chắc chắc đây là một trong những lần triển lãm thành công nhất năm nay của chúng tôi. Chúng tôi rất phấn khởi khi thấy ông đã bán được rất nhiều tranh."

Đó là lời phát biểu của Beth Purcell - giám đốc giao tế và chương trình của thư viện công cộng thành phố Newton, tiểu bang Massachusetts - với tờ báo địa phương "The Daily News Tribune" số ra ngày 26 tháng 7/2004, nói về cuộc triển lãm tranh tháng bảy vừa rồi của họa sĩ Nguyễn Trọng Khôi. Đây là lần triển lãm đầu tiên trong vòng hai năm nay của Nguyễn Trọng Khôi. Lần trước, anh triển lãm tại Waltham. Đúng như nhận định của Purcell, so với những những lần trước, cuộc triển lãm lần này của Nguyễn Trọng Khôi thu đạt nhiều thành quả cả về phương diện tiếng vang lẫn tài chánh. Trong 43 bức trưng bày, anh bán được tất cả 14 tấm, đủ thể loại.

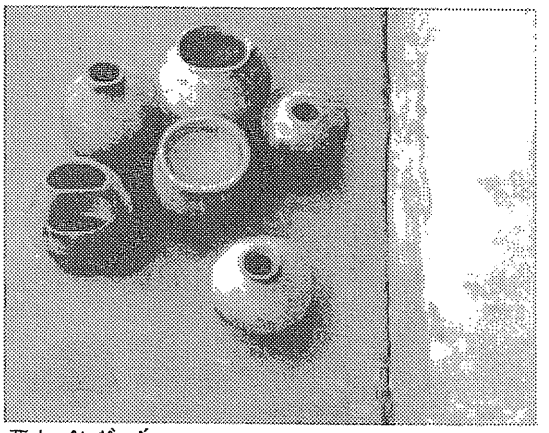

Tĩnh vật đồ gốm

Tờ "The Daily News Tribune" đã cho đi một bài viết khá trân trọng về phòng tranh của anh với hai bức hình chụp anh đứng trong phòng triển lãm. Xin trích một đoạn khác trong bài báo: "Khi ông bắt đầu vẽ, Nguyễn nói ông không bao giờ biết tác phẩm rồi ra sẽ như thế nào khi hoàn tất. 'Khi tôi bắt đầu vẽ, tôi không chọn trước màu sắc. Tôi quyết định mọi điều bằng cảm hứng', ông cho biết. (...) Một trong những bức tranh treo trong phòng tranh chia làm hai phần. Một bên là một hòn bi giống như những hòn bi mà Nguyễn nhớ là thường chơi hồi còn nhỏ. Bên kia là một người đàn ông, ăn mặc theo kiểu cổ truyền Việt Nam, ngồi trên một chiếc thuyền. 'Tôi muốn vinh danh đất mẹ của tôi. Mấy năm vừa rồi, tôi suy nghĩ rất nhiều về quê hương tôi,' Nguyễn nói."

Số khách thưởng ngoạn ghé lại khá đông. Sổ lưu niệm ghi lại rất nhiều cảm tưởng của khách, hầu hết là khách Mỹ. *"Very provocative & interesting, especially variety in style," "Evocative, skillful, movingly 'true',"* ...Nhiều khách ca ngợi tranh tĩnh vật của anh: *"Outstanding still lifes. Wonderful, great talent!", "Wonderful stones! Amazing work!", "Wonderful display of still life drawings," "I love the still life of the green apples the best. Awesome, gorgeous!", "Such beautiful painting, especially love the still lifes,"* vân vân.

Newton là một thành phố nhỏ, dễ thương, cách xa Boston chừng 15 phút lái xe. Thư viện công cộng Newton nằm trong một khu khá yên tĩnh. Cảm giác đầu tiên khi đi vào phòng tranh là ta đang bước vào một nơi thân quen, gần gũi. Phòng tranh nhỏ nhắn, gọn gàng vừa đủ để chứa gọn 43 tấm tranh. Nói chung, tranh anh mang ra trưng bày lần này khổ nhỏ, gọn. Có tấm chỉ lớn bằng trang giấy thông thường. Đã thế, chỉ có hai loại tranh: phong cảnh và tĩnh vật. Nhìn thoáng một lượt, ai cũng có cảm giác thoải mái. Một góc quảng trường quen thuộc, mặt tiền của một ngôi nhà thờ cổ với cánh cửa đóng kín, một khu vườn cây đầy nắng sáng, một góc vườn sau đẫm chiều vàng, khu rừng thu... Đặc biệt là rất nhiều những đồ vật thân thuộc trong đời sống hàng ngày chung quanh ta. Đó là một thế giới nhỏ bé nằm quanh đời sống mỗi người. Đơn giản, dễ hiểu, rất bạn bè. Tôi muốn nói đến tranh tĩnh vật.

Tôi hỏi anh: Trong lần triển lãm mấy năm trước tại Nesto Gallery, The Harvard Graduate School of Education và Waltham, phần lớn tranh anh mang ra trưng bày đều là những tranh trừu tượng. Lần triển lãm này, tranh chỉ có hai loại: phong cảnh và tĩnh vật, nhất là tĩnh vật. Có sự thay đổi trong quan niệm sáng tác hay anh chìu theo thị hiếu của người thưởng ngoạn?

Nguyễn trọng Khôi: *Như đã nhiều lần tôi trình bày, hiện nay tôi vẫn đang theo đuổi hai thể loại, đó là Hiện thực và Trừu tượng nhưng không đặt trọng tâm vào một đề tài nào. (Thí dụ như chỉ vẽ về đồ gốm....) Tôi không chủ trương chạy theo thị hiếu trên thị trường, vì tôi không muốn tự đánh mất mình. Tôi trưng bày tranh ở thư viện Waltham như một cách làm quen với địa phương mình sinh sống. Với diện tích 6 x 12 feet tôi chỉ treo được khoảng bảy tấm tranh nhỏ. Không có chủ định tổ chức như một "Exhibition" thực sự.*

Nếu xem tranh trừu tượng cho ta cái cảm giác phiêu lưu vào một vùng đất vô định, đầy bí hiểm, trắc trở (và lắm khi vô niệm) thì xem tranh tĩnh vật cho ta cái cảm giác đơn giản, đạm bạc y như được trở về lại một góc nhà thời thơ ấu, tìm thấy lại những vật quá đỗi thân tình, quá đỗi kỷ niệm: cái chổi, chai rượu, bình hoa, trái cây, cuốn sách, rồi nào là những chai, lọ, thẩu, khạp, đá sỏi, hoa trái. Đó là những thứ đắc dụng trong đời sống nhưng chúng bình thường quá, thân quen quá đến nỗi hầu như bị bỏ quên, nhất là khi đời sống càng ngày càng bị vây bủa bởi những tiến bộ kỹ thuật. Quanh ta, chúng luôn luôn có đó, lặng lẽ, an phận, tưởng như đời đời vẫn thế. Lúc cần, ta dùng chúng. Dùng xong, quên. Chúng ta nâng niu cái *computer*, nâng niu cái truyền hình chẳng hạn, nhưng mấy ai nâng niu cái lọ, cái chai hay trái táo, trái chuối. Ta ngắm hoàng hôn, ngắm trăng lên, nhìn trời mây, xem truyền hình, đọc sách... mấy ai đi ngắm nghía những ống điếu, cái tách, lọ hoa, cái khạp cũ hay những viên sỏi nằm lăn lóc một góc phòng.

Trong văn chương, thế giới đồ vật thường là thế giới bị bỏ quên. Người ta chăm chút diễn tả những trạng thái tâm lý này nọ, chăm chút tả cảnh, tả người. Mấy ai chăm chút tả trái cam, bình hoa, nói gì đến tả mấy cái thẩu, cái lọ, khúc củi khô hay vài viên sỏi. Thì cũng phải thôi. Bản thân chúng có vẻ như không có mấy văn chương, nên khó lòng gợi trí tò mò của người đọc. May là có hội họa. Và may là có tranh tĩnh vật. (Cũng cần lưu ý: trong tiếng Anh, tranh tĩnh vật là *still life*, số nhiều là *still lifes*, để phân biệt với *lives* dùng trong các nghĩa khác). Dẫu vậy, từ xưa, ở Âu Châu, người ta không mấy xem trọng lối vẽ này. Xuất phát từ thời Phục hưng (Renaissance) như một loại vẽ riêng biệt, chúng bị xem là tầm thường. Những người vẽ tĩnh vật được nhìn như những người lính chân đất trong đạo quân nghệ thuật, thiếu tính sáng tạo, chỉ lấy cái khéo tay làm đầu. Nhưng đến thế kỷ thứ 17 thì lối vẽ này lại được giới thưởng ngoạn ưa chuộng và nhờ thế, trải qua một thời kỳ vàng son suốt thế kỷ thứ 17 đến đầu thế kỷ 18, đặc biệt là ở Netherlands (Hòa Lan), nhờ các chuyển biến về kinh tế đưa đến sự thay đổi trong cách thưởng thức nghệ thuật. Thời kỳ này, xuất hiện một giai cấp trung lưu giàu có, gồm nhiều người biết sưu tập các tác phẩm nghệ thuật. Họ muốn chứng tỏ rằng đầu óc thẩm mỹ không chỉ là độc quyền của những người thuộc giai cấp quý tộc, tức là thành phần thượng lưu trong xã hội. Những người mới nhô lên này thưởng ngoạn nghệ thuật theo cách của họ. Họ ít quan tâm đến các hình tượng tôn giáo mà chú trọng đến những sự vật trần tục, tầm thường, cụ thể trong đời sống hàng ngày. Do đó mà có từ *stilleven*, tiếng Hòa Lan, có nghĩa là *still life*, tranh tĩnh vật.

Tranh tĩnh vật là những bức tranh vẽ những vật bất động (inanimate objects) gồm những vật dụng trong đời sống gia đình hàng ngày như hoa, trái cây, rau quả, đồ sành sứ, đồ gốm đủ loại như chai, lọ, thẩu... với một sự sắp xếp cân đối về màu sắc, ánh sáng và bố cục. Tuy là bất động nhưng chúng nhắc nhở chúng ta về sự chóng qua, về tính cách phù du của đời sống. Hầu như họa sĩ nào, không ít thì nhiều, đều có vẽ tranh tĩnh vật. Paul Cézanne, một danh họa Pháp chẳng hạn, là người nổi tiếng nhất trong các tranh tĩnh vật. "Cézanne đã tạo nên một sinh vật từ một tách trà, hay nói đúng hơn trong một tách trà, ông thực hiện sự tồn tại của một điều gì sống động. Ông đã nâng cao tranh tĩnh vật đến chỗ tĩnh vật không còn phải là cái gì bất động nữa. Ông vẽ chúng như vẽ con người bởi vì ông được trời ban cho cái khả năng nhận biết được đời sống bên trong của mọi vật."[1] Đó là nhận định của họa sĩ Nga Wassily Kandinsky (1866-1944) về tranh tĩnh vật Cézanne.

Tùy theo trường phái, mỗi họa sĩ có một cách vẽ tranh tĩnh vật khác nhau. Tháng 11 năm 2001, Viện bảo tàng nghệ thuật Boston (Museum of Fine Arts) đã tổ chức một đợt triển lãm toàn tranh tĩnh vật gọi là "Impressionist Still Life" với 92 bức

gồm tranh của nhiều họa sĩ nổi tiếng của hội họa thế giới, từ Manet, Gauguin, Monet đến van Gogh, Cézanne, Degas, Renoir, Courbet, vân vân. Các tác phẩm trưng bày được mượn từ các bộ sưu tập cá nhân cũng như công cộng vòng quanh thế giới, cho thấy một sự phát triển và chuyển biến của tranh tĩnh vật từ chủ nghĩa hiện thực của Courbet đến những tác phẩm sau cùng của Cézanne vốn báo trước cho khuynh hướng lập thể sau này của Braque và Picasso.

Trở lại với tranh Nguyễn Trọng Khôi. Gần hai phần ba trong số 43 bức tranh là tranh tĩnh vật. Như chủ đề được đặt cho lần triển lãm này, *"Reflection from life"* - suy gẫm từ đời sống - anh đã tìm cách đưa đời sống vào những sự vật vô hồn. Chai, lọ, thẩu, ống pipe, đá... là những cái gì quá thông thường, tầm thường nữa là khác. Chúng nằm đâu đó quanh ta, nhưng chẳng bao giờ ta để ý. Ở đây, qua cách xử dụng ánh sáng, màu sắc và bố cục của người họa sĩ, chúng trông lạ hẳn. Chúng trở nên sang. Chúng hiện hữu. Chúng bày tỏ.

Tôi hỏi anh: Theo tôi biết, tranh tĩnh vật chỉ là một cách mô phỏng hoàn toàn hiện thực. Vẽ càng giống với vật chừng nào thì tốt chừng đó, phải không? Vậy theo anh, đâu là tính sáng tạo trong các tranh tĩnh vật của anh?

Nguyễn trọng Khôi: *Thật ra không phải vậy. Tĩnh vật cũng là vật mẫu, như người hay cảnh trí... Vẽ giống hay không giống tùy thuộc cách trình bày. Nó giống như một câu nói, cũng bằng đó chữ nhưng có thể trở thành thế này thế kia tùy theo người nói. Cũng bằng đó trái cam, có khăn trải bàn và một vài bình gốm... chúng ta xem đó như một mẫu để vẽ, thế nhưng Cezanne và Monet hay Renoir hay Picasso lại vẽ hoàn toàn khác nhau. Khác nhau bởi mỗi người có một lăng kính riêng. Sự sáng tạo trong tranh tĩnh vật hay bất cứ ở một loại tranh nào đó ở chỗ họa sĩ có thực sự xúc động, có tìm thấy những yếu tố để biến những sự vật thành một đời sống qua lăng kính của mình hay không.*

Tôi hỏi: Khác với người, các đồ vật thì tự nó không có tâm hồn, không có những biểu cảm tâm lý. Và khác với phong cảnh, chúng chỉ là những vật đơn giản, không nhiều chi tiết. Vậy xúc động đến từ đâu?

Nguyễn Trọng Khôi: *Tâm hồn của vật thể được nhìn thấy qua sự rung động của con người. Tâm hồn của sự vật đôi khi còn gắn liền với lịch sử, văn hóa của con người và tích lũy những tinh hoa của con người. Nhờ con người mà vật thể có tâm hồn. Nói chung, con người đã ban cho vật thể một tâm hồn. Còn xúc động thì đến từ sự nhìn nhận cái đẹp. Không nhận ra được vẻ đẹp của sự vật sẽ không thấy xúc động. Khi sự vật được đem vào tác phẩm, tự nó đã có đời sống và tự nó chi phối những người chấp nhận nó.*

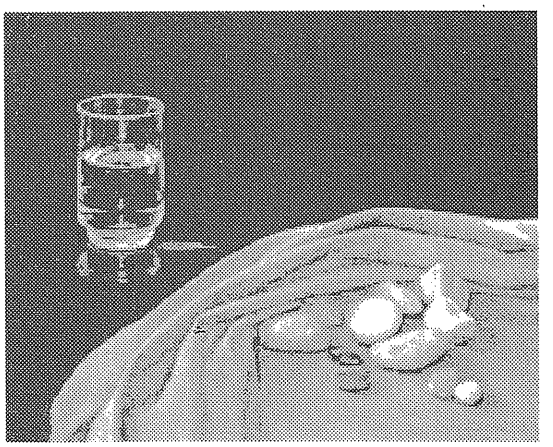

Nước và đá cuội

Quả vậy, từ những vật tầm thường, người họa sĩ cho chúng không gian, cho chúng thời gian. Không những cho chúng một chỗ đứng, chỗ nằm mà còn cho chúng một vị trí gắn liền với cuộc sống. Từ đó, chúng quan hệ với nhau và quan hệ với "cuộc đời." Những hòn sỏi "nằm" bên cái ly nước, bên cạnh những chiếc thẩu, một chai rượu "đứng" bên cạnh cuốn sách cũ, cái thẩu nhỏ "ngồi" bên cái thẩu lớn, cái ống điếu "nằm" bên cuốn sách và hòn sỏi... Không gian thật đơn giản: một góc phòng, một kệ đá, một chiếc bàn nhỏ, một góc nhà ẩm thấp, một nền nhà cũ kỹ, loang lổ, một cái tường gạch... Sống động nhất là ánh sáng. Trong tranh tĩnh vật, rõ ràng là ánh sáng đóng một vai trò chính yếu. Nó cho sự vật cung cách tồn tại. Nó quét lên chúng dấu ấn thời gian. Nó chiếu rọi xuống những ngóc ngách ẩn dấu của sự vật. Nếu ánh sáng trong bức số 13 với bình rượu nguyên, mấy cuốn sách cũ, mặt bàn bóng loáng... cho ta cái cảm giác sang cả hay bức 34 với cốc nước trong vắt nằm bên cạnh chiếc khăn với một nhóm sỏi sạch trưng cho ta cảm giác tinh khiết, trong trẻo, thì bức 13 và 28 - nhất là bức 28 - cho ta cảm giác một cái gì u uất, buồn thảm, một cái gì tàn tạ, bị bỏ quên. Ở đây, ánh sáng như tình cờ lọt qua một liếp cửa khép hờ tạo nên một màu "đỏ chạch," làm nổi bật lên những nếp nhăn, những gờ, những vết sần sùi, lốm đốm trên những chiếc thẩu hay những vết nhăn nhúm trên viên sỏi. Ly nước, với bông hoa nằm trong

một chiếc khăn vàng nhợt nhạt bên cạnh mấy viên sỏi lẻ loi trong bức 31 đổ bóng xuống mặt bàn cho ta cảm giác bâng khuâng, trong lúc bức 33 với con kỳ lân đất và những trái lựu đỏ lại cho ta cảm giác cổ xưa, y như dấu tích còn sót lại của một ai đó đã khuất.

Hãy nhìn tấm tranh 29: một "bầy" đồ gốm khá đa dạng: bình, lọ, thẩu tụ lại với nhau. Chúng chia sẻ một không gian buồn: cái nền nhà cũ, rạn nứt, phôi pha. Cái nhỏ, cái lớn, cái méo, cái tròn, có cái bị móp, để bày ra một khoảng trống. Buồn cười nhất là mấy cái "miệng." Chúng há ra, mỗi cái bày tỏ một "thái độ" khác nhau. Một bày tỏ vô vị, nhạt nhẽo, nhưng nghệ thuật. Tấm 31 khác hơn. Có vẻ lãng mạn. Bông hoa, chiếc bình nhỏ, mấy viên sỏi lặng lẽ. Tất cả đổ bóng trên mặt bàn màu vàng nhạt. Đơn giản và đạm bạc. Một bàn tay ai đó đã khẽ khàng cắm một bông hoa rồi lặng lẽ... ra đi chăng?

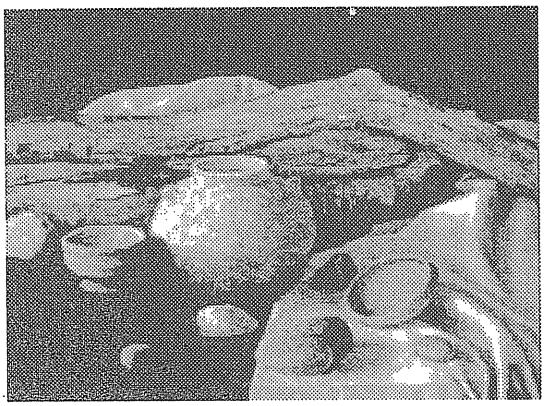
Tĩnh vật với lọ gốm

Tôi hỏi: Tôi thích các tranh tĩnh vật. Vì tuy tĩnh, nhưng chúng mang nhiều ý nghĩa, đôi khi còn ý nghĩa hơn các tranh trừu tượng, dù trong các tranh trừu tượng, người nghệ sĩ thường nỗ lực nhiều hơn, tìm tòi nhiều hơn. Đó là về mặt người xem tranh. Riêng anh, anh có nhận xét gì về điều đó?

Nguyễn Trọng Khôi: *Mọi sự vật được trình bày trên tác phẩm đều bắt nguồn từ rung động. Thêm một thí dụ hết sức dung dị: khi tôi vẽ những viên đá cuội, trước hết chỉ có tôi thấy những yếu tố nào gợi cho tôi những cảm xúc. Khi tác phẩm hoàn thành, người xem được truyền những cái đẹp mà trước đó không bao giờ nghĩ tới, hay lúc xem tranh bỗng nhiên bắt gặp một đồng cảm, cơn xúc động được nhân lên.*

Loại tranh vẽ từ vật mẫu trong phần diễn tả có lợi điểm hơn vì họa sĩ biết mình bắt đầu từ đâu. Tranh trừu tượng bắt đầu từ chỗ không có gì, nhưng lại lợi hơn tranh vẽ có vật mẫu ở chỗ rộng đường, không có giới hạn. Tranh vẽ theo vật mẫu thường được đông đảo giới thưởng lãm thích thức khắc ở chỗ công phu khéo léo hay những ý tứ được họa sĩ lồng vào. Thật ra đây mới chỉ là phần thân xác. Tranh trừu tượng thường bị suy diễn, áp đặt những liên quan hình ảnh mà bản chất thể loại không có. Người ta ít để ý đến không gian được trình bày như một thế giới riêng, một thế giới mới.

Ở phòng vẽ của Nguyễn Trọng Khôi (đúng hơn là cái ga-ra xe), bên cạnh không biết cơ man nào là giấy, bìa, màu, kềm, dao, kéo, tranh lỡ dở, bút, vải, khung... là đủ thứ vật mẫu mà anh "sưu tập": đá, sỏi, ống điếu, ly, tách, chậu, thẩu, lọ, chai, sách cũ, hoa. Nhiều cái sét, rỉ, vỡ, sứt, bụi bặm bám đầy. Mỗi lần đến uống rượu với anh, tôi thấy chúng nằm đó, một đống vô nghĩa. Bây giờ ở đây, chúng biến dạng. Thì vẫn là chúng. Cũng hình dáng đó, cũng những cái miệng, cái quai, cái gáy, cái nắp đó, cũng những viên, những hòn, cái to cái nhỏ, cái tròn cái méo đó. Nhưng chúng đâm ra khác. Y như chúng có giấu đàng sau một cái gì.

Tôi hỏi: Nhiều tranh tĩnh vật của anh vẽ, khách thú vị nhất là sự "rất giống" với sự vật. Có gì mâu thuẫn giữa chuyện vẽ "rất giống" với "biến chúng thành đời sống qua lăng kính của mình?"

Nguyễn Trọng Khôi: *Như đã trình bày ở trên, giống hay không giống không quan trọng. Cái quan trọng là anh có sáng tạo được một không gian, trong đó chứa những cảm xúc của anh để có thể tạo nên mối giao cảm đến người xem. Điều hấp dẫn người thưởng lãm nhanh chóng trước khi vào thế giới của anh để chiêm ngưỡng, đó là hình thức thu hút. Trong tác phẩm vẽ với vật mẫu chúng ta đặt ra một nghi vấn về sự giống hay không, như vậy trong tác phẩm vẽ trừu tượng sẽ nói sao về sự giống?*

Tranh tĩnh vật thường được vẽ mô phỏng từ vật có thật, từ những vật dụng mà ai cũng có thể đôi ba lần bắt gặp. Nhưng anh thấy hình như chúng nói gì đó rất nhiều. Đó là do cảm xúc truyền đi từ những tiêu điểm mà họa sĩ đặc tả trên tác phẩm. Những nhận thức vô hình đã gây hiệu quả đến người thưởng lãm. Vì vậy phần chúng ta có thể nhìn thấy như trái cam, viên đá cuội... nó vẫn là

những sự vật sờ mó được.

Phần kia là phần chính của hội họa. Hội họa là trừu tượng.

Tôi hỏi: Nói vậy có nghĩa là anh cho rằng, dù cách gì đi nữa, hội họa rốt cuộc vẫn là trừu tượng.

Nguyễn trọng Khôi: *Đúng vậy! Tinh thần của hội họa là trừu tượng còn dùng hội họa để vẽ những gì lại là điều khác.*

Tôi hỏi: "Những tiêu điểm mà họa sĩ đặc tả trên tác phẩm," anh muốn nói đến cái gì?

Nguyễn trọng Khôi: *Thật đơn giản. Tiêu điểm chỉ là những chỗ cần chú tâm để vẽ hay những hướng chính yếu của sự vật mà họa sĩ tìm thấy trên vật mẫu hay trên phong cảnh. Một tác phẩm không chỉ quan trọng có ánh sáng mà thôi. Tác phẩm hội họa được thành hình ít nhất với ba yếu tố: ánh sáng, màu sắc và bố cục.*

Hỏi: Ánh sáng và màu sắc thì OK, nhìn vào là hiểu được ngay. Nhưng bố cục trong một bức tranh tĩnh vật là thế nào? Đó là quy luật hay sáng tạo?

Nguyễn Trọng Khôi: *Bố cục hiểu theo nghĩa chính xác của nó. Đó là sự sắp đặt vật mẫu, bài trí sao cho đẹp mắt tùy vào cách nhìn của họa sĩ. Trong cảnh trí thiên nhiên, bố cục đã có sẵn. Tuy nhiên vẫn đòi hỏi họa sĩ phải tìm ra góc độ đẹp. Người ta có đặt ra vài tiêu chuẩn cho bố cục căn bản như : bố cục trung tâm, bố cục zích zắc, bố cục cân đối và không cân đối.... Ngày nay nhiều họa sĩ đã phá bỏ những cách bố cục căn bản đó để đi tìm cho mình một bố cục riêng. Trong hội họa, không đặt quy luật bố cục nào cho tác phẩm. Nhưng nó thật sự cần thiết để tạo hiệu quả không gian cho tác phẩm. Bố cục nằm trong sự sáng tạo của họa sĩ.*

Một trong những nét tiêu biểu trong tranh tĩnh vật Nguyễn Trọng Khôi là tính cách bị bỏ quên của các đồ vật. Chúng nằm lạc lõng ở một góc phòng, góc tường hay trên nền nhà loang lổ. Chúng hư hỏng, vô dụng.

Tôi hỏi: Một số tranh tĩnh vật của anh vẽ những đồ vật (có vẻ) như bị bỏ quên. Điều đó có ý nghĩa gì?

Nguyễn Trọng Khôi : *Những vật như bị bỏ quên. Cụm từ này tự nó đã gây nên xúc động. Những đồ vật tôi vẽ là những vật đã từng có thời gian, nghĩa là nó cũng đã có những số phận khác nhau. Có những đồ vật có số phận như con người theo thời gian rồi tan loãng vào hư vô. Có ngậm ngùi trong quá trình tồn tại. Có hư hao trong cuộc sống nổi trôi. Tôi tìm thấy những nét đẹp trong sự trui rèn của cuộc đời. Một viên đá cuội đứng giữa khoảng không mênh mông như một bi kịch tráng lệ. Tôi yêu cuộc sống đã đi qua. Cuộc sống đi qua là một kỷ niệm không tìm lại được. Trong lòng chúng ta thường dấy lên xót xa về những mất mát. Tuy nhiên bản chất phiền muộn đó bỗng nhiên trở thành những nỗi nhớ êm đềm, theo ngày tháng, chúng được gạn lọc biến dần thành cái đẹp nằm trong tiềm thức. Hãy để một vật mẫu lên bàn. Ngắm nó với cái nhìn thân thiện. Đừng dùng cây cọ của Cézanne, của Paul Gaugin, của Van Gogh hay của Picasso. Hãy dùng chính cây cọ của anh để vẽ vật mẫu bằng tất cả đam mê, thích thú. Như thế anh đã thổi vào vật mẫu một sự sống rồi.*

Tôi hỏi: Có lẽ vì thế mà nhà danh họa Edouard Manet (1832-1883) phát biểu về tranh tĩnh vật: "Với trái cây hoặc hoa, một họa sĩ có thể diễn tả tất cả những gì anh ta muốn."[1] Có gì quá đáng trong nhận xét đó, theo anh?

Nguyễn Trọng Khôi: *Một nhận xét bình thường, theo tôi. Thế giới của Edouart Manet là thế giới của an nhàn, đầy đủ thảnh thơi. Phần lớn tác phẩm của ông lấy những đề tài chan chứa niềm vui hạnh phúc. Rất ít tác phẩm mang tính chất khốc liệt như đã có lần ông vẽ về cuộc xử bắn những người Spanish (năm 1867) mà ông cảm tác từ tác phẩm "Third of May" của Goya (năm1814). Tĩnh vật hoa trái là một đề tài bình dị. Đứng trước một mẫu tĩnh vật, bạn sẽ không phải đắn đo, suy nghĩ. Ở đó có đầy đủ những yếu tố như màu sắc, đường nét và ánh sáng để hoàn thành tác phẩm.*

Nguyễn Trọng Khôi nói đúng. Bình dị! Tranh tĩnh vật đưa ta về lại những góc nhỏ khuất lấp, đơn giản. Nơi ta có thể tìm thấy mỗi một sự vật đều có gắn liền với bản thân chúng ta. Y như một phần của chúng ta. Thân thiện, ấm cúng, quấn quýt. Nơi ta có thể bắt gặp lại chút hồn nhiên của cuộc sống mà bao đa đoan danh phận đã cướp mất hồi nào.

Cám ơn những hoa, trái, những thẩu, những lọ, những chai, những khạp, những viên sỏi. Cám ơn những tầm thường, những vô danh đã góp phần làm nên từng phiến nhỏ cuộc đời để có lúc hồi đầu tưởng nhớ. Dù chỉ để... rồi thôi!

(8/2004)

1 A painter can express all the things he wants with fruit or flowers

2 *"C'zanne made a living thing out of a teacup, or rather in a teacup he realized the existence of something alive. He raised still life to such a point that it ceased to be inanimate. He painted these things as he painted human beings, because he was endowed with the gift of divining the inner life in everything" (http://www.artlex.com/ArtLex/s/still-life.html)*

Đi Tàu

PHẠM XUÂN ĐÀI

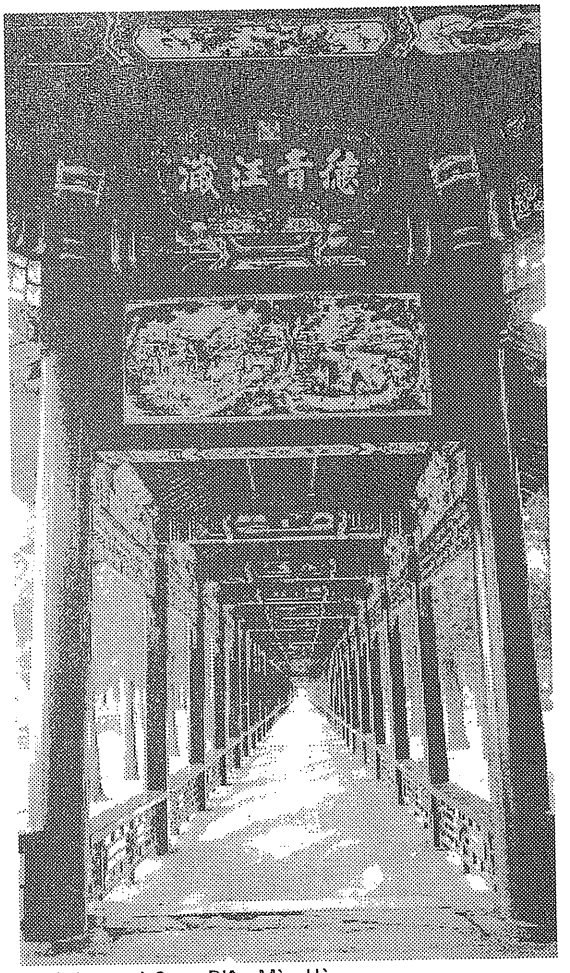

Hành lang tại Cung Điện Mùa Hè

(Tiếp theo. Xin xem từ Thế Kỷ 21 số 184)

Cấm Thành

Ngày đầu tiên ở Bắc Kinh chúng tôi được hướng dẫn đi thăm Cấm Thành và Cung Điện Mùa Hè. Vì Thiên An Môn nằm ngay trước Cấm Thành nên nó có trong danh sách viếng thăm, tôi nghĩ nếu nó nằm ở một nơi biệt lập, chắc người ta đã "lờ" đi. Gọi là Cấm Thành vì từ nhiều thế kỷ trước, dân chúng không được vô thành này. Cũng có tên là Tử Cấm Thành, tôi đoán vì thành được sơn màu đỏ tía (chữ Tử ở đây có nghĩa là đỏ tía). Nằm ở trung tâm thành phố Bắc Kinh, thành này mới được xây dựng từ năm 1406 đời nhà Minh, và trải qua hai triều Minh và Thanh đã có 24 vị Hoàng đế Trung Hoa trị vì ở đây. Cung điện cất trong khuôn viên thành, trên một diện tích 720,000 mét vuông, gồm 8707 phòng ốc, được xem là một kiến trúc xưa bằng gỗ lớn nhất, được giữ gìn hoàn hảo nhất còn tồn tại trên trái đất cho đến ngày nay.

Đến gần cổng nhìn lên bức tường thành đồ sộ màu đỏ mặt tiền của Cấm Thành mới thấy cái lớn lao của thành quách cung điện Trung Hoa. Tự nhiên lúc đó hai chữ "Thiên Triều" hiện ra trong óc tôi, như là chỉ hai chữ đó mới diễn tả được những gì mình đang thấy trước mắt. Tại sao lại hai chữ đó? Có lẽ tôi còn mang tâm tư của tổ tiên của tôi, hàng ngàn năm thần phục nền văn minh Trung Hoa, tuy đã ý thức rằng "Nam Quốc sơn hà Nam đế cư" và giữ gìn nó một cách hữu hiệu, nhưng Trung Hoa vẫn là nước lớn làm mẫu mực về mọi mặt cho một "An Nam" bé tí teo nằm cheo leo ở biên giới phía nam. Nền văn minh cổ của Trung Hoa quá rực rỡ khiến những nước nhỏ láng giềng như Hàn Quốc, Nhật Bản, Việt Nam không thể không nhìn vào để tìm thấy nơi đó là chỗ dựa tinh thần cho mình, và gọi chính quyền của nó là Thiên Triều với tất cả ý nghĩa của sự ngưỡng phục. Đứng trước Cấm Thành, nhớ lại thành Huế của mình, hay ngay cả hình ảnh hoàng cung của Nhật tại Tokyo, thấy nhỏ xíu như đồ chơi.

Bước vào bên trong, qua hết cung điện nọ đến cung điện kia, "qua những sân cung rộng hải hồ" * lòng càng lúc càng khiếp sợ cái lớn lao của nước Tàu. Nước Tàu lớn, cơ quan đầu não của nó cũng phải lớn, đã đành, nhưng khi đi gần những chi tiết xây dựng cao, to, cầu kỳ thì thấy ngợp, cái cảm giác tiểu quốc, phiên bang trong người mình lại nổi dậy. Mỗi cung điện có tên, một công dụng và ý nghĩa riêng, dựa trên triết học Trung Hoa về Trời, Đất và Con Người, được xây dựng trên một đường thẳng từ ngoài vào, uy nghi, kính cẩn, đúng với vai trò của "con trời" xuống trị vì thiên hạ. Từ ngoài vào trong tôi nhớ đã gặp Thái Hòa điện, nơi đặt ngai vua và tổ chức các đại lễ, Trung Hòa điện ngay sau điện Thái Hòa là nơi vua làm việc, rồi đến Bảo Hòa điện là nơi vua

thết tiệc. Đó là khu chính, dành cho việc triều đình và lễ nghi, gọi là khu ngoài. Khu trong (nội khu) nằm về phía bên trái của đường thẳng các điện chính, dành cho tư thất của nhà vua, hoàng hậu và phi tần.

Nhưng khu tư thất của nhà vua thì lại không lớn lao tương xứng với những nơi thiết triều hay làm các loại nghi lễ. Dĩ nhiên nơi ở thì phải thân mật, ấm cúng hơn, nhưng tôi vẫn có cảm tưởng nó tủn mủn, lặt vặt và bề bộn như các tư thất khác của người Tàu. Đồ quý giá thì dĩ nhiên nhiều, rất nhiều, nhưng thư phòng, rồi phòng ngủ của hoàng đế nước Tàu tôi thấy chẳng "vua chúa" chút nào: chật hẹp, thậm chí cả tối tăm và cái giường ngủ thì đặt tại một góc mà tôi cho là thiếu không khí để thở. Dĩ nhiên cái không gian sống của mỗi một người chỉ có ý nghĩa khi người ấy đang sống ở đó, nó thích hợp với phong cách cá nhân và truyền thống của họ, và chỉ như thế họ mới cảm thấy hạnh phúc. Tù trưởng một bộ lạc trong rừng núi thì phải nằm trên một cái nhà sàn, bên cạnh một bếp lửa đầy cả tro than, có thể trang bị thêm mấy cái ống vố hút thuốc và một hũ rượu cần. Hoàng đế nước Pháp trong điện Versailles thì phải sống trong khung cảnh cao rộng vàng son lộng lẫy. Và hoàng đế Trung Hoa thì ở đây, trong khu vực riêng thuộc Tử Cấm thành, phải đi qua một cái cổng cong cong, một khoảnh sân be bé để vào nhiều dãy nhà hơi thấp, hơi tối đầy nhóc đồ đạc quý giá. Có vẻ sự chặt chẽ trong kiến trúc tại đây là nhằm vào vấn đề an ninh cho ông vua. Chỗ ở của vua không được nằm trong một không gian "loãng," trong đó sự bảo vệ buộc phải trải rộng ra, mà nên được tổ chức thật chặt trong một cấu trúc nhà cửa càng thu gọn càng tốt.

Vườn thượng uyển là một nơi lứa tuổi thiếu nhi thuộc nhiều thế hệ thả trí tưởng tượng của mình đi lang thang nhiều nhất. Vì chỉ nghe tả trong sách nên mỗi người tưởng tượng ra vườn thượng uyển một cách, nhưng cách nào thì đó cũng là nơi vô cùng đẹp đẽ, đầy cả "kỳ hoa dị thảo." Và dĩ nhiên trong đó luôn luôn có những nàng công chúa rất đẹp, rất tươi dạo chơi. Vườn thượng uyển của cung cấm Tàu mà tôi đi qua thì không giống như tôi đã tưởng tượng trong tuổi thơ: nó hẹp quá, và màu sắc nó u ám quá, khác với cảnh một khu vườn rộng mênh mông muôn hồng ngàn tía với nhiều ngóc ngách bí ẩn từng nằm trong trí tưởng của tôi. Ở đây, trong một diện tích hạn chế của thành quách và cung cấm, thượng uyển chỉ là một khoảnh đất rộng vừa phải, trên đó đặt nhiều tượng cùng các vật trang trí, nhiều hòn giả sơn mà ngày tháng đã mặc cho chúng một bộ áo màu sắc rất buồn bã, và một số cây cối kỳ dị. Đây không phải một chỗ đầy thơ mộng và lộng lẫy như mình tưởng khi còn nhỏ, đây chỉ là nơi triển lãm những kỳ công về tài khéo – của con người và của thiên nhiên. Những hòn giả sơn mang đến chốn cung cấm một chút núi non sông nước ở ngoài xa kia, nhưng đó chỉ là những cảnh giả tạo mà con hổ nhớ rừng của Thế Lữ đã lắc đầu chê bai kịch liệt, và chắc hẳn không thiếu những nàng cung nữ thời xưa cũng chán ngán những cảnh này khi nhớ đến quê nhà trời cao sông rộng của một thời thơ ấu. Những cây cối kỳ dị là sản phẩm đặc biệt của thiên nhiên mà con người tìm thấy, rồi mang về đây, giá trị ở chỗ lạ và cầu kỳ hơn là mỹ thuật. Những nét vặn vẹo kỳ quái của thân của cành chỉ để "làm trò lạ mắt thứ đồ chơi," thỏa mãn cái tinh thần sở hữu rộng lớn của Thiên triều, bao nhiêu cống vật quý hiếm của thiên hạ đã đổ về để tô điểm cho cái thị hiếu đã nhàm chán mọi thứ của những người cái gì cũng đã có. Tội nghiệp cái thằng bé con là tôi năm sáu chục năm về trước nâng niu trong trí tưởng tượng một vườn thượng uyển thơ mộng đẹp đẽ là thế, nay vỡ mộng. Tôi đã không hiểu rằng trong nhóm chữ "kỳ hoa dị thảo" đã chứa hai chữ *kỳ* và *dị* rồi, ở đó đâu có chỗ cho cái đẹp đơn sơ và trong sáng của một đứa bé con! Nhưng nghĩ cho cùng, bây giờ, đây chỉ là một khu vườn chết, nó chỉ là khu trưng bày chứ không phải nơi thưởng ngoạn của những người từng sống với nó, hàng ngày nhìn ngắm thưởng thức vẻ đẹp đổi thay của nó. Hai điều đó khác nhau nhiều lắm. Bây giờ cả khu vườn chỉ là một bức tranh tĩnh vật. Trong thời của nó, nó là một thực thể sống, được tiếp nhận, ve vuốt, mến yêu bởi biết bao nhiêu con người quý phái, tự nó phải bộc lộ cả hương sắc của mình ra. Tôi đến đây chỉ để xem những gì còn sót lại của lịch sử, những cái xác đã khô cứng không còn sắc hương. Các cảm nhận của tôi với các di tích này cũng chỉ là các cảm giác rơi rớt của một người đời sau, muộn màng và thô kệch, bởi linh hồn của sự sống thật nơi đây đã không còn nữa. Tôi không có nổi những cảm xúc của Xuân Diệu

Tiếng đàn thầm dịu dẫn tôi đi
Qua những sân cung rộng hải hồ,
Có phải A Phòng hay Cô Tô
Lá liễu dài như một nét mi...

có khả năng làm sống lại tình cảm cung cấm của đời xưa – chỉ các thi nhân có được sức mạnh

ấy. Khi đứng giữa vườn thượng uyển của hoàng đế Trung Hoa, lòng tôi vẫn không có được trạng thái "tương tư nâng hồn lên chơi vơi" chỉ vì cái khô cứng của chung quanh, và có lẽ của cả tâm hồn tôi.

Cung Điện Mùa Hè

Nhưng Cung điện Mùa hè của Từ Hi Thái Hậu so với vườn thượng uyển thì thực là một trời một vực, như từ cái thực rộng lớn đến với cái giả cỏn con. Nằm ở phía tây bắc Bắc Kinh, cách trung tâm thành phố chỉ 15 cây số, khu này được xem là một công viên cổ nổi tiếng nhất của Trung Hoa. Từ năm 1153, đời nhà Tống, đã có xây một hành cung tại đây, nhưng đến năm 1888, Từ Hy Thái Hậu mới khởi công xây dựng cả vùng rộng lớn gồm dãy đồi Trường Thọ và hồ Côn Minh này thành một quần thể đặt tên là Cung điện Mùa hè. Thật ra chữ 'cung điện' không hàm hết được cảnh trí, tình cảm và tầm cỡ của vùng nghỉ ngơi vương giả này, nhưng nhóm từ Cung Điện Mùa Hè từ lâu đã được hình dung là cả một vùng nước non rộng lớn ở đây, và đã phá vỡ hết các ý niệm về chính trị, về tổ chức đầu não của Thiên Triều với các quan niệm triết lý đã được đóng khung bằng những hình tượng cụ thể của quần thể cung điện nơi Cấm Thành. Vâng, phá vỡ hết. Ở đây là lãng mạn và tâm linh, là hồn con người phóng ra khỏi phiền trược thế gian để đạt những giây phút xuất thần với thiên nhiên, thậm chí với hư vô. Hoàng đế ở giữa lưng chừng đồi, nhìn xuống một cái hồ rộng mênh mông đến mút mắt. Cả một khu vực thiên nhiên rộng lớn gồm cả dãy đồi, cả cái hồ đều thuộc phạm vi Cung điện Mùa hè. Nếu Cấm Thành hoàn toàn là công trình nhân tạo, ngay cả chỗ "tươi mát" nhất là vườn thượng uyển, thì ở đây thiên nhiên là cái chính, các yếu tố nhân tạo chỉ là để tạo tiện nghi một cách điểm xuyết để con người thoải mái đắm mình vào thiên nhiên này. Các kiến trúc tuyệt đẹp ở đây tô điểm nên những nét vô cùng vương giả, nhưng cùng lúc cũng tạo nên một sự hòa hợp bậc thầy giữa một vùng thiên nhiên như tranh vẽ. Ở đây con người "thoát tục" thôi nghĩ về chính trị, về quyền lực để mở cánh cửa tâm hồn mình về một hướng khác. Ngôi chùa Lạt Ma trên đỉnh núi với chóp

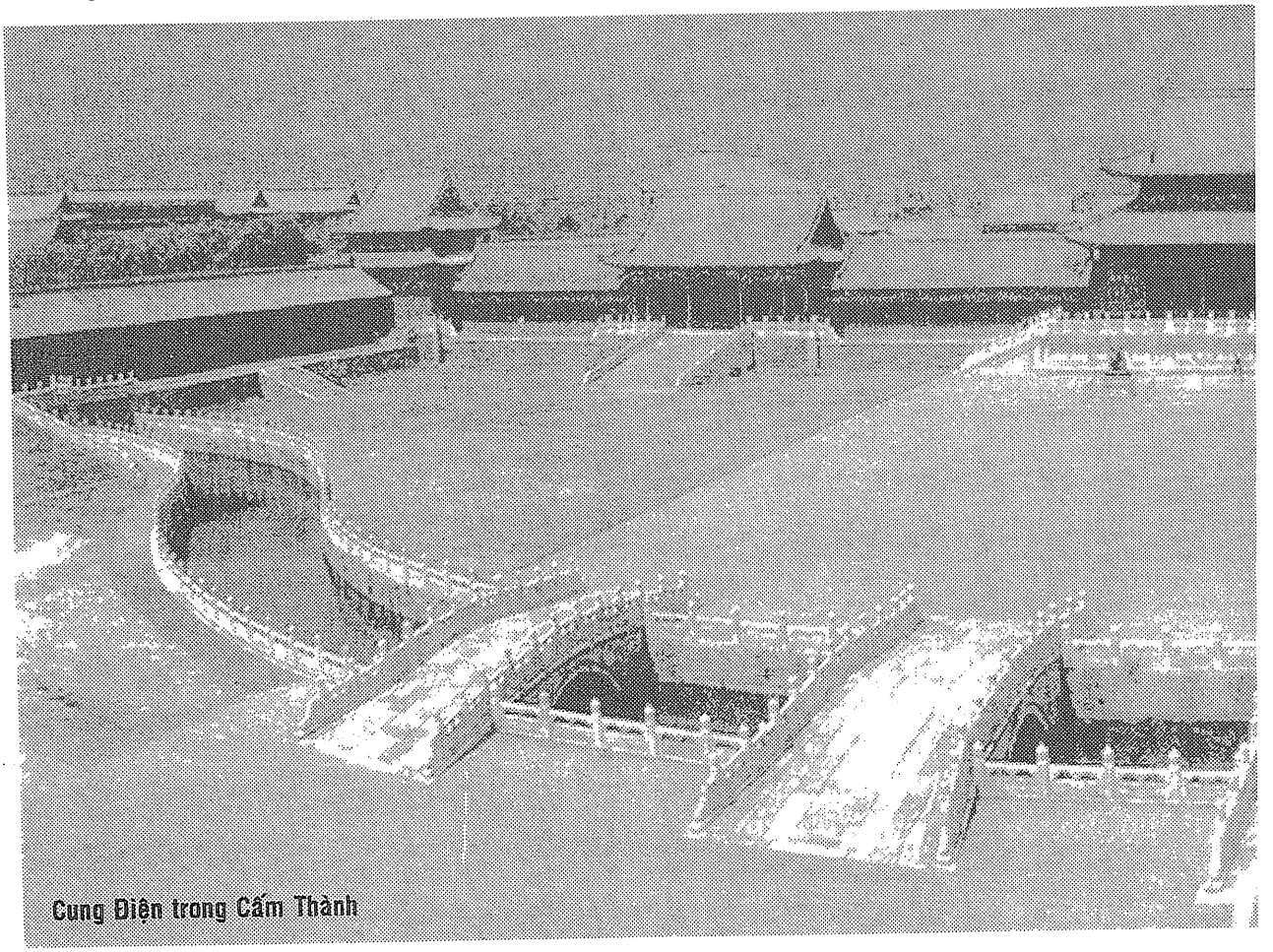

Cung Điện trong Cấm Thành

vàng son ngự trị cả một vùng như là một lời nhắc nhở và mời gọi về một cảnh giới, một thứ hạnh phúc không giống với những gì người ta lăn lộn hằng ngày giữa chốn triều đình. Sơn và thủy luôn luôn là hai yếu tố hỗ trợ nhau để tạo nên vẻ đẹp, và hình như chỉ trong khung cảnh ấy con người mới có thể bồi đắp thêm những nét trữ tình, lãng mạn nhất của mình.

Dãy hành lang ven hồ dài một cây số dùng để đi bộ trong những ngày mưa, được trang trí bằng 40,000 bức họa về đủ các sự tích thần tiên hoặc lịch sử của Trung Hoa, là một kỳ công của ý tưởng kiến trúc và mỹ thuật. Cô hướng dẫn du lịch đưa cả đoàn đi dọc theo hành lang, chốc chốc dừng lại để giới thiệu một bức tranh mà cô lựa chọn trong vô số bức dọc đường đi. Điều tôi ngạc nhiên là tất cả các bức ấy đối với tôi, hoặc có thể với bất cứ người Việt Nam nào, đều không xa lạ, thoạt nhìn qua là tôi đã biết đó là sự tích gì khỏi phải nghe cô hướng dẫn giải thích dài dòng. Thì đó là hình vẽ cảnh Hội Đào Viên của Lưu Quan Trương trích trong truyện Tam Quốc, cảnh con khỉ Tôn Hành Giả tại Hoa Quả Sơn hay thầy trò Tam Tạng đi thỉnh kinh từ truyện Tây Du, các anh hùng Lương Sơn Bạc đứng giữa núi non ao hồ của Thủy Hử, Ngưu Lang và Chức Nữ mỗi người ngồi một bên cái cầu Ô Thước, hay là cảnh ông Lão Tử cưỡi lừa... Các tranh vẽ này làm tôi liên tưởng đến những xe mì ở Sài Gòn trước đây, cũng thường được trang trí bằng tranh sự tích vẽ trên các tấm gương, mà khi ngồi chờ chú ba Tàu nấu mì, tôi thường tò mò xem. Đề tài cũng in hệt như ở đây, cũng Quan Công mặt đỏ cầm Thanh Long đao cưỡi ngựa xích thố, Tôn Hành Giả đằng vân trên mây... Văn hóa Tàu hay thực, chốn cung đình cao sang hay nơi chợ búa dân giã cũng bấy nhiêu chuyện, lặp đi lặp lại không biết chán từ thế hệ này qua thế hệ khác với một lòng tự hào không suy giảm, và vẫn được thưởng thức dài dài. Cứ nhìn cô hướng dẫn du lịch say sưa giới thiệu các tác phẩm ấy mới thấy người Tàu vẫn còn mê các dấu tích văn hóa ấy lắm. Đó là một nền văn hóa của quá khứ, toàn là sự tích... Tôi tự hỏi cho đến bao giờ thì các đề tài này được thay thế hoặc được thêm vào bằng các sự tích mới, chẳng hạn như cuộc trường chinh của Mao Trạch Đông, hay

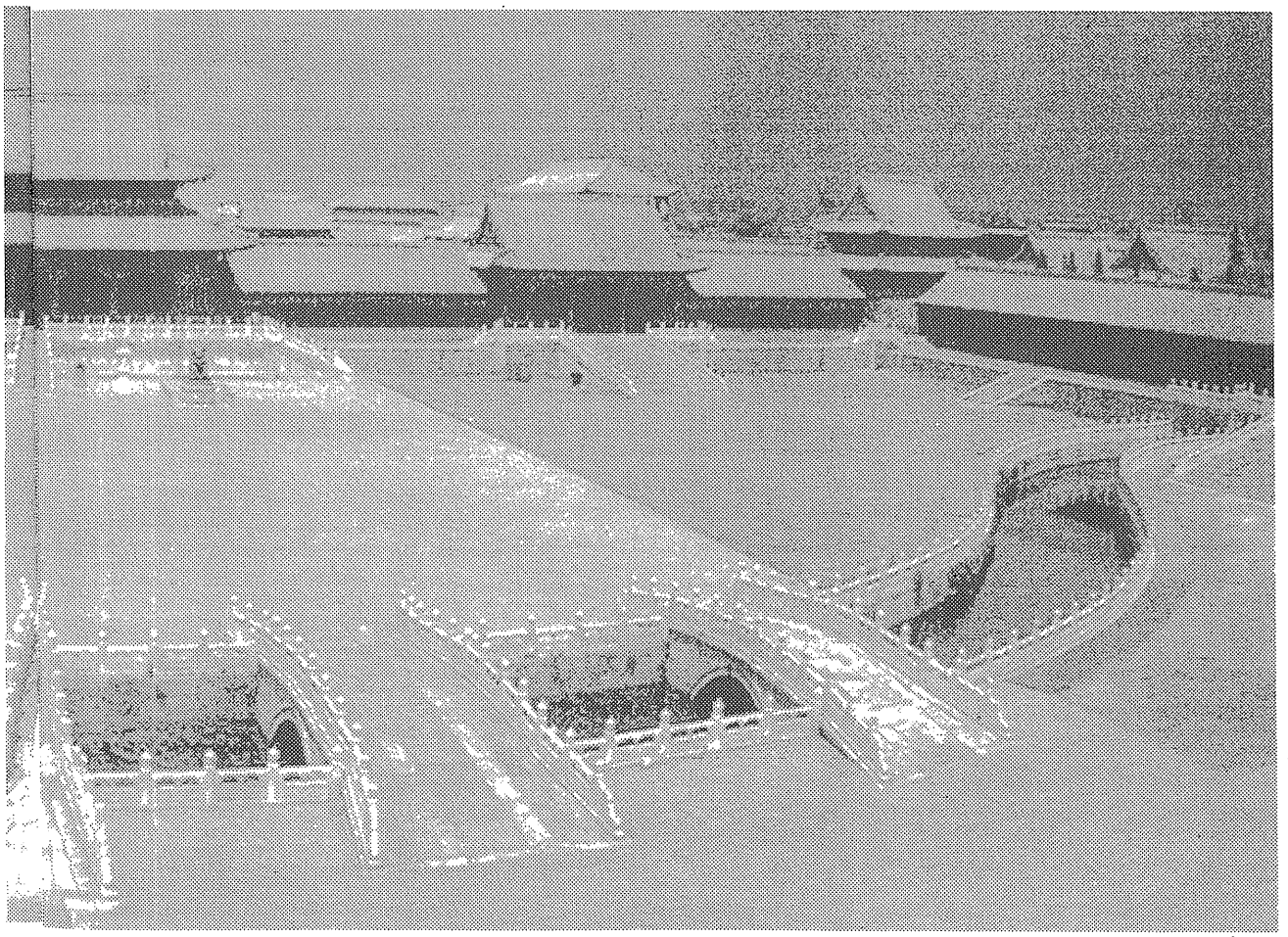

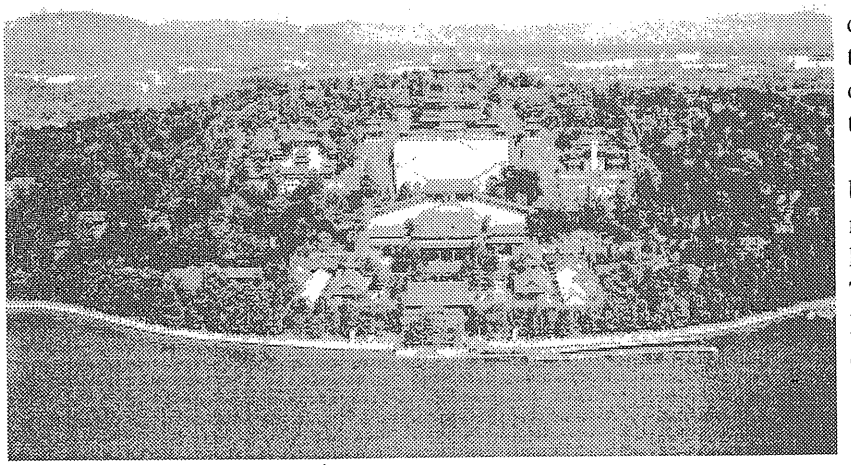

Cung Điện Mùa Hè, trên cao nhất là Chùa Lạt Ma

là các hoạt động ghê gớm của Vệ Binh Đỏ?... Làm thế nào một sự kiện chính trị, quân sự hay văn học được tuyển chọn để thành một đề tài cổ điển trong nền văn hóa Trung Hoa, được vẽ thành tranh, được dựng tuồng hát, và cứ thế sống mãi đời này qua đời khác?

Nhưng hỏi như thế về văn hóa Tàu, tôi không thể không có những tự vấn về văn hóa Việt Nam. Người Việt Nam biết và thích thú về nhiều sự tích của Tàu, nhưng lại không mấy ai để ý đến sự tích Việt Nam. Sự tích Việt Nam hầu như không đáng kể trong dân gian nếu so với sự tích Tàu.

Đến đây tôi thấy rõ rằng, về quá khứ nước Tàu thì kiến thức một người Việt Nam trung bình như tôi với kiến thức một người Tàu trung bình cũng không khác nhau là mấy. Trong đoàn của tôi có ông Hoàng, một người Mỹ gốc Hoa hiện sinh sống tại New York đưa người con gái mới đậu bác sĩ về Tàu thăm quê cha đất tổ, lấy làm ngạc nhiên sao sự tích nào của Tàu tôi cũng biết một cách rành rẽ như vậy. Tôi chỉ dám giải thích với ông là tại hồi nhỏ tôi mê đọc... truyện Tàu, chứ không dám đề cập đến chuyện Việt Nam đã bị Bắc thuộc một ngàn năm, và một ngàn năm kế tiếp sau đó thì việc xây dựng chính quyền, giáo dục, sách vở, thi cử, chữ viết... đều nhất nhất theo Tàu. Tôi cũng không dám kể cho ông Hoàng biết là hồi tôi còn nhỏ, khi cầm trên tay bất cứ một mảnh giấy gì có chữ nho – một toa dầu Nhị Thiên Đường chẳng hạn – mà ông nội tôi nhìn thấy, thì lập tức ông tôi ra lệnh đem cất hoặc đem đốt đi chứ không được đem ra chơi và vứt bừa bãi những miếng giấy có "chữ ta," chữ của thánh hiền. Vâng, vào một thời điểm cách đây chưa xa lắm, vào nửa đầu thập niên 1940, thế hệ người già vẫn coi chữ Tàu là chữ ta, có lẽ để phân biệt với "chữ tây" có thể bao gồm luôn chữ quốc ngữ mà chúng ta dùng bây giờ.

Người Việt Nam hiểu biết văn hóa Tàu, về những nét cơ bản không khác gì một người Tàu. Tôi tự hỏi giữa tôi và ông Hoàng – sang Mỹ từ khi còn nhỏ – khi đến thăm nước Tàu, thì tâm trạng và cảm tưởng có khác nhau nhiều không? Với ông Hoàng, cũng chỉ có thể dùng chữ "đến nước Tàu" giống như tôi, chứ không nên dùng chữ "về," vì nước Tàu đối với ông cũng xa lạ không kém gì tôi. Ông là một người có văn hóa, đọc sách Tàu nhiều, và tôi thấy trình độ hiểu biết về lịch sử và văn học Trung Hoa của ông cũng na ná như tôi, đại khái thuộc các triều đại cai trị nước Tàu từ thượng cổ đến bây giờ, biết rành các mẩu chuyện trong Tam Quốc, Tây Du, có thể đọc vanh vách một vài bài thơ Đường... Một lần nói chuyện với nhau về chùa Hàn San, cả ông và tôi đều buộc miệng đọc bài thơ Phong Kiều Dạ Bạc của Trương Kế, ông đọc theo giọng Tàu của ông và tôi theo kiểu Hán Việt của tôi, hai người song ca cho đến hết bài thì cùng bắt tay nhau cười ha hả. Đó là cái cười thống khoái của tình cảnh "tha hương ngộ cố tri" – đúng thế, dù là kẻ Tàu người Việt nòi giống khác nhau nhưng rõ ràng cả hai chúng tôi có chung một quê hương, quê hương tâm thức, nơi đó thơ, văn, triết học Trung Hoa đã góp phần xây dựng nên tâm hồn và phong cách của mình.

Cái hành lang hun hút đầy cả tranh sự tích Trung Hoa trong vùng Cung điện Mùa hè có khả năng làm sống dậy con người xưa cũ, con người tiềm thức ẩn tàng trong tôi, mà thời cuộc đảo điên của Việt Nam bao năm qua cộng với cuộc sống ngay trong lòng xã hội Tây phương tưởng đã xóa đi mất rồi. Ông Hoàng đi tìm thăm và đã gặp quê hương của tổ tiên ông, trong lúc tôi cũng tìm thấy một loại quê hương khác do tổ tiên tôi để lại, nằm trong chỗ tế vi nơi các tế bào thần kinh của tôi.

(Còn tiếp)

** Câu thơ trong bài Nhị Hồ của Xuân Diệu*

CÂU CHUYỆN ÂM NHẠC

VŨ NGỌC ÁNH

(Xin đọc từ số 184)

Năm 1950, tôi bỏ Phát Diệm đi Hà Nội vừa đi học, vừa đi dạy và vừa viết sách. Vì quá bận bịu nên chuyện văn nghệ văn gừng đối với tôi lúc đó chỉ là thứ yếu, mặc dầu vẫn tiếp tục đi lại chơi bời ăn nhậu và đấu láo với các ông Lan Sơn, Đinh Hùng, Sao Mai, Trương Linh Tử, Nguyễn Duy Diễn, Nguyễn Lộc, Thượng Sĩ, Vũ Bằng, Mạnh Quỳnh, Sỹ Tiến, Bùi Xuân Phái v.v. nên lúc rảnh rỗi thường chỉ biết nghe Ngọc Bảo, Minh Đỗ, Ánh Tuyết và cô ca-sĩ chanh cốm mới nổi tiếng có tên là Tâm Vấn, trên Radio mà thôi, và một hai năm sau có dịp được nghe thêm ban Thăng Long của gia-đình Phạm Duy. Nhân nhắc tới Phạm Duy tôi thiết tưởng cũng nên ghi lại một vài kỷ-niệm có liên-quan tới họ Phạm, mặc dầu tôi không phải là chỗ bạn bè thân tình với nhà viết nhạc V.N. nổi tiếng nhất nước này.

Vào một buổi chiều mùa hè năm 1950, trong khi một số anh em chúng tôi theo thường lệ ngồi uống bia và đấu láo tại bờ hồ thì Trương Linh Tử bỗng từ toà báo anh làm việc nhào tới (tòa báo ở Hàng Trống, do một ông Tây lai làm chủ-nhiệm), nhớn nhác cho chúng tôi biết tin Phạm Duy đã "zinh tê": "Các ông biết chưa, sau bố già Đoàn Phú Tứ đến lượt bố trẻ Phạm Duy đem cả bầu đoàn thê-tử 'zinh tê' rồi." Nghe tin này chúng tôi hết sức sửng sốt và hình như ai nấy đều cảm thấy buồn buồn. Cũng như đa số văn nghệ-sĩ và trí-thức Hà Nội lúc đó, tuy ghét cộng-sản nhưng đối với công cuộc kháng chiến chống Pháp chúng tôi hình như vẫn có cái mặc cảm của những kẻ bỏ cuộc. Thượng Sĩ giận quá tục-tĩu phát biểu: "Đ. m., chúng mình bỏ về đã vậy (?), thằng Phạm Duy vốn được 'ngoài ấy' nuông chiều là như thế mà cũng chuồn về đây sao? Chuyện nó bỏ đi đối với kháng chiến chẳng khác gì như mất đi một sư-đoàn đấy các ông ơi!" Nói rồi anh vẫn tiếp tục lẩm bẩm: "Thằng cha Phạm Duy này bậy thiệt! Bậy thiệt!" Theo tôi nghĩ, ý anh định nói là hai chữ "phản bội" chứ không phải là hai chữ "bậy thiệt" nhưng có lẽ vì tự thẹn sao đó nên không dám nói lên đấy thôi, mặc dầu xưa nay Thượng Sĩ nổi tiếng là ăn nói dữ dằn, bạo mồm bạo miệng và thẳng thừng, nhất là trong các cuộc bút chiến. Thi-sĩ Lan Sơn rít một hơi ống pipe rồi chép miệng triết lý vu vơ: "Chuyện đời là như vậy." Không biết "chuyện đời là như vậy" của nhà thi-sĩ sắp sửa về chiều nhưng vẫn còn rất ướt át này có ý nghĩa gì?

Mấy ngày sau đó, tôi có việc phải trở về Phát Diệm. Khi tàu Hà Nội cập bến Nam Định thì tàu từ Phát Diệm cũng vừa lên tới. Trong số hành khách tàu Phát Diệm tôi nhận thấy có Phạm Duy, Hoài Trung và Hoài Bắc. Gặp nhau chúng tôi nói chuyện sơ sơ, Phạm Duy cho biết bà mẹ vợ, chị em Thái Hằng và Thái Thanh vẫn còn ở Phát Diệm.

Về tới Phát Diệm tôi mới vỡ nhẽ là khi vào tới Cồn Thoi, hình như nhờ một người nào đó giới-thiệu, Phạm Duy tìm tôi không gặp (tôi lúc đó đã bỏ đi Hà Nội, nhưng tiệm bán xe đạp của tôi ở Cồn Thoi lúc đó vẫn chưa dẹp) nên người giúp việc đưa cả gia-đình Phạm Duy về nhà Ông ngoại tôi tá túc tới gần một tháng, mọi sự từ nơi ăn chốn ở cho tới việc xin các giấy tờ đều do ông cậu tôi (cố giáo sư Nguyễn Duy Diễn) giúp đỡ.

Hai chục năm sau, trong một dịp tôi tổ chức bán đấu giá để gây quỹ cho Tổ-chức Dân vận (Vietnam People-to-People Organization) tại khiêu-vũ trường Queen's Bee với Khánh Ly làm MC, Phạm Duy đảm nhận phần âm-nhạc và nhân dịp này anh ra mắt lần đầu tiên ban nhạc "The Dreamers" của các con anh. Đây là lần đầu mà cũng là lần cuối cùng có sự cộng-tác giữa Phạm Duy và tôi. Có một điều đáng để ý là hai sự việc kể trên đều là những khúc quẹo đáng ghi nhớ trên đường đời của gia-đình họ Phạm và đều có dính líu đến những người Phát Diệm. Tới đây coi như đã hết chuyện về họ Phạm, tôi xin lỗi vì cái dấu ngoặc quá dài này. Tuy nhiên khi nói tới Phạm Duy mà không nói tới nhạc của Phạm Duy là một thiếu sót lớn. Rất tiếc là tôi không có cơ hội nghe nhiều nên không biết phải nói thế nào cho phải. Nhưng tôi vẫn nghĩ rằng anh là người đã đóng góp nhiều nhất trong sự hình thành và phát

triển nhạc mới Việt Nam với những tác-phẩm thiệt xuất sắc, đầy tình tự dân tộc.

Sau 1954, khi di cư vào Nam, ngoài nhạc Việt, nhờ Radio và loại đĩa nhựa mỏng tôi có dịp được thưởng thức các loại nhạc Jaz và Pop Mỹ của thập niên 50. Đó là những năm thanh bình, vô tư và hạnh phúc nhất của lịch sử Hoa-kỳ, không giết người, không bắt cóc con nít, không ma-tuý, không có bệnh Aids quái gỡ, không có muỗi sông Nile, ban đêm con gái nhà lành có thể khơi khơi ra đường mà không sợ bị hiếp hay bắt cóc, gặp bất cứ chiếc xe nào chỉ cần ngoéo ngón tay là có thể đi nhờ tới nơi tới chốn, nên âm nhạc dân gian trong thời kỳ này nghe thiệt êm đềm, vui tươi, tình tứ và tràn trề hạnh phúc. Đó cũng là thời hịnh hành của các đại ban (big bands) Glen Miller, Artie Shaw, Harry James, Benny Goodman, Count Basie, Louis Amstrong, Ray Anthony và các ca sĩ Bing Crosby, Perry Como, Frank Sinatra, Dean Martin, Alberta Hunter, Ella Fitzgerald, Jo Staffort, Rosemary Clooney, Patti Page, Peggy Lee v.v. Mặc dầu mới sau chưa đầy một thế-hệ mà những tên như Lyn Renaud, Joséphine Baker, Anne Brown, Ethel Waters v.v. của thập niên 30, kể cả thần tượng Tino Rossi, với những bản nhạc thời-trang sôi nổi một thời, nay đã là dĩ vãng xa xưa và mờ nhạt như những tấm ảnh cũ kỹ bạc màu.

Sài Gòn lúc đó cũng bắt đầu bán khá nhiều đĩa nhạc cổ điển, đặc biệt là những đĩa nhạc dương cầm của Rubinstein, trung hồ cầm của Pablo Casal và vĩ cầm của Issac Stern mà tôi đã từng nghe tiếng từ lâu. Nhờ đó mà tôi đã có thể dần dần trở về với cái thú tìm hiểu và tập nghe nhạc cổ điển. Trong những năm đầu của thập niên 60, ngoài những buổi hoà nhạc của ban nhạc hòa tấu của trường Quốc gia Âm nhạc tại thính đường đường Nguyễn Du, tôi nhớ có hai ban đại hòa tấu ngoại quốc tới trình diễn tại Sài Gòn. Lần thứ nhất, vào khoảng 1961 là một ban nhạc Mỹ (rất tiếc là đã quên tên) chơi tại Thảo cầm viên, trên một một sân khấu dã chiến với một hệ thống âm thanh đặc biệt dành cho các ban nhạc hòa tấu cổ điển, tương tự như sân khấu các nhạc hội bỏ túi ngoài trời của Hoa Kỳ. Tuy rất thích thú vì là lần đầu tiên được nghe nhạc cổ-điển "sống" do một đại ban trình diễn, nhưng nếu hỏi ban nhạc chơi hay ở điểm nào, tôi thiệt không biết trả lời thế nào, vì kiến thức của tôi về nhạc cổ điển lúc đó chỉ là một con số zero.

Lần thứ hai là một ban đại hòa tấu Ý chuyên về loại nhạc Renaissance, chơi tại rạp Rex vào một buổi trưa. Vì chuyên chơi loại nhạc Renaissance và Baroque của Ý nên ban nhạc có thêm một vài loại nhạc cụ cổ như clavecin (harpsichord) và một thứ đàn tương tự như viola. Rạp tuy không thích hợp, thính giả lại ồn ào, và mặc dầu hệ-thống âm thanh rất kém nhưng tiếng nhạc tương đối nghe rõ và đỡ loãng hơn buổi hoà nhạc ngoài trời ở thảo cầm viên cách đó mấy năm. Tuy trình độ nghe nhạc còn thấp kém, nhưng tôi nghĩ rằng ban nhạc này chơi thiệt hay. Không hiểu tại sao ban hoà tấu này chỉ chơi có một buổi rồi bỏ đi ngay chiều hôm đó.

Ngoài ra, đã lâu lắm, có lẽ vào khoảng 1960 hoặc 61, có một buổi trình tấu tại rạp chiếu bóng Majestic trên đường Tự Do của một nữ vĩ cầm gia rất trẻ người Pháp mà vì quá lâu ngày tôi không nhớ tên. Cô vilionist này được giải Prix de Rome và ghé qua Sài Gòn nhân dịp cô đi trình diễn vòng quanh thế-giới. Cô này nổi tiếng một thời bên Pháp, nhưng về sau không thấy ai nói gì đến cô nữa.

Âm nhạc Việt Nam trong cuộc đời tôi

Mỗi kỷ niệm trong cuộc đời chúng ta thường gắn bó với một bản nhạc nào đó, có thể là một bản nhạc cổ điển, có thể là một bản nhạc thời trang. Tôi có một người bạn mỗi khi nghe bản Plaisir d'amour anh dường như muốn khóc vì bản nhạc này gợi cho anh một mối tình buồn ngày xưa. Anh Nguyễn Khắc Cung mỗi lần nhớ tới bà mẹ mới qua đời thường chơi bản Souvenir. Riêng tôi, mỗi khi nghe lại những bài hát của Tino Rossi như Marinella, Les Beaux Jours, Tant qu'il y aura des étoiles, Guitare d'amour v.v tôi bỗng nhớ tới tuổi hoa niên, những năm tháng và đợi chờ thiệt dài những tập chuyện kiếm-hiệp ba xu, các nhật báo Đông Pháp, Trung Hòa và Trung Bắc Tân văn, các tuần báo Loa, Phong hoá, Ngày Nay, Tiểu thuyết thứ Năm và Tiểu thuyết Thứ bảy v.v. Mỗi khi nghe Rosemary Clooney, Patti Page, Perry Como, Nat King Cole, nhất là khi nghe những bài như Tenderly, Mona Lisa, Too young, Tennessee Waltz v.v. tôi nhớ tới những năm thanh bình của thập niên 50, cuộc đời lúc đó thiệt bình yên, thiệt giản-dị và dễ dàng. Bản To begin the beguine nhắc nhở những ngày vợ chồng chúng tôi sắp làm đám cưới. Những bản nhạc như Tristesse, Sérénade, Ave Maria, Swanee River, Exodus, Stormy weather v.v. đều có liên quan đến một kỷ-niệm nào đó trong đời tôi. Đêm 29

tháng Tư 75, ngồi trong phòng lái tàu HQ 8 nhìn Saigon bốc cháy đỏ rực trời, nghĩ tới mẹ, vợ và một số người thân còn kẹt lại tôi bỗng nhiên nhớ tới phim Dr. Djivago và bản nhạc chủ đề "Somewhere my love" của cuốn phim này. Riêng bài Swanee River (Foster), một bài hát đã biến thành dân ca Hoa-kỳ, có lẽ người Việt không ai biết tới, nghĩ cũng thực kỳ cục và lẩm cẩm, mỗi lần nghe tôi liền nhớ tới những năm thế chiến 2 và một người bạn thân: Lê Bá Kông, nay đã là người thiên cổ. Năm đó (1940), anh Kông cùng gia-đình chạy giặc Nhật từ Hồng-kông về Việt Nam. Bài Suwanee River là bài hát tiếng Anh đầu tiên tôi thuộc bập bẹ nhờ Lê Bá Kông dạy tôi phát âm. Tôi thuộc và yêu thích hai bản Ave Maria (một của Schubert, một của Gounod phỏng theo một điệu nhạc của Bach) cũng là nhờ một đĩa nhựa do Tino Rossi hát Lê Bá Kông mang từ Hongkong về (1940, theo tôi được biết, hồi đó ở Việt nam không ai có đĩa hát này). Ngày lễ cưới con trai thứ hai tôi ở nhà thờ đường Taft (Orange), bài Ave Maria của Schubert đã được một nữ ca-sĩ Mỹ giọng soprano trình bày thiệt là tuyệt diệu. Thằng nhỏ cao hứng nói với tôi: "Con ước khi nào con chết cũng sẽ có được một người hát bài Ave Maria thực là hay như vậy trong tang lễ của con." Tôi giận quá mắng con: "Hôm nay là ngày vui mừng của con, sao con ăn nói vơ vẩn như vậy?" Con tôi bị bạo bệnh qua đời cách đây mấy năm. Không có ca sĩ giọng soprano để hát bản Ave Maria tiễn đưa con tôi, nhưng trước khi hạ huyệt cháu, cả gia-đình tôi đã cùng nhau mếu máo hát một cách thiệt tha-thiết và chân thành: "Ave Maria, Gracia plena..." Cho tới ngày hôm nay, mỗi khi nghe bản Ave Maria tôi không thể không mủi lòng nhớ tới đứa con trai xấu số của tôi. Chắc các bạn còn nhớ giai-đoạn triệt thoái Ban-mê-thuột, Truyền Hình Việt Nam đã lấy bản nhạc Exodus dùng làm nhạc đệm cho các bản tin về cuộc triệt thoái. Tới khi sang Hoa Kỳ, mỗi lần nghe bản Exodus tôi không thể không nhớ tới cuộc triệt thoái đầy kinh hoàng trên quốc-lộ 14 và những ngày bi thảm cuối cùng của Sài Gòn.

Cách đây mấy năm, nhờ có hai ông bạn Nguyễn Trọng Liệu và Trần Văn Ân tôi được mời tới tham dự buổi ra mắt tác-phẩm của một vị cựu thẩm phán (rất tiếc là tôi không nhớ tên) tại thính đường nhật báo Người Việt. Tuy là một luật gia nhưng ông cựu thẩm phán lại viết sách đề cập tới một vấn đề hoàn toàn văn nghệ với cái tựa đề (nếu tôi không nhầm): "Mười bản nhạc Việt Nam hay nhất." Rất tiếc là tôi chưa có dịp được đọc cuốn sách, nên chưa hiểu tác-giả căn cứ vào đâu mà quyết đoán và đánh giá mười bản nhạc đó. Nhưng dẫu sao thì ông cựu thẩm phán dường như cũng là người sành điệu lại có kiến thức về âm nhạc, chúng ta có thể tạm tin ở sự phê phán của ông. Hơn nữa, về phương diện nghệ-thuật, mỗi người mỗi ý, tư tưởng và cảm quan khác nhau, thiệt là khó nói. Có những tác-phẩm người đương thời chê bai đủ điều, nhưng người đời sau lại hết mực tán thưởng. Ngược lại có những tác-phẩm nổi tiếng như sóng cồn nhưng chỉ được một thời gian, sau đó bị quên lãng hoặc bị người đời sau chê bai đủ điều. Ngay như Opera của Ý vốn rất được thiên hạ tôn sùng, nhưng lại bị Debussy chê bai, mạt sát hết chỗ nói.

Vì sự hiểu biết của tôi về âm nhạc nói chung, âm nhạc mới Việt Nam nói riêng rất là giới hạn, nên xin thú thiệt là không dám đánh giá kiểu trên đây. Tuy nhiên, đối với riêng tôi, có năm bản nhạc Việt mà tôi sắp đề cập sau đây đã để lại trong lòng tôi những kỷ niệm thực sâu xa.

Trước hết là bản "Tiếng đàn" của Lê Thương. Vào khoảng 1937 hay 38 gì đó, có một lần thân phụ tôi đi Hà Nội về hát cho Mẹ tôi nghe một bài hát tiếng Việt tựa đề là "Tiếng đàn âm thầm" (?),nói là do một người tên là Lê Thương mới đặt ra. Bố mẹ tôi đều khen bản nhạc chẳng những hay mà còn có tính cách Á-đông. Cho tới nay, tôi chưa có dịp nghe và xét kỹ lại bản nhạc, nên không rõ bản nhạc thực sự có giá-trị không. Tuy nhiên, một món ăn lạ có thể không hẳn là tuyệt hảo, nhưng hợp với khẩu vị, tất nhiên sẽ rất được ưa chuộng và tán thưởng. Riêng tôi, vốn quen nghe và hát những bài hát Tây, khi nghe bố tôi hát bài "Tiếng đàn" tôi xúc động đến tê tái . Thực vậy, mỗi khi nghe nhạc mà bị xúc động mạnh tôi thường có cảm giác tê tái như vậy, tê tái đến lạnh sống lưng, sởn da gà, trào ra nước mắt mà không hay. Âm điệu buồn buồn của bài hát làm tôi bỗng tưởng nhớ tới những cái gì mang mang ở đâu đâu. Phải chăng "những cái gì mang mang ở đâu đâu" đó là tinh-thần dân-tộc vẫn hằng tiềm tàng trong tâm hồn con người Việt Nam của tôi. Sau đó ít lâu, tôi được nghe thêm một bản nhạc khác cũng của Lê Thương tựa đề hình như là "Trên sông Kinh Châu." Khi đó có lẽ tôi đã hơi quen rồi nên không thấy cảm động như lần đầu nghe bản "Tiếng đàn."

Tiếp đó mấy năm sau (1941), vào một buổi tối mùa Đông mưa phùn và lầm lội, tại Hội quán

Hàng Quạt (Hà Nội), nhân dịp một buổi họp đại-hội của Hội Truyền bá Quốc-ngữ, Đặng Thế Phong trình bày tác-phẩm mới nhất của anh: "Con thuyền không bến." Bản nhạc đã được toàn thể hội trường tán thưởng một cách thực là nồng-nhiệt. Riêng tôi, tôi hết sức xúc động. Có lẽ một phần cũng là do tâm-lý dây chuyền của quần chúng. Theo ý tôi lúc đó, "Con thuyền không bến" quả thực đã đánh dấu một bước tiến dài của nhạc mới Việt Nam. Và điểm này đã là nguyên nhân của sự xúc động và hào hứng của tôi. Sau buổi họp, tôi cố la cà ở lại để có dịp nói chuyện với Đặng Thế Phong. Có người hỏi đùa họ Đặng: "Con thuyền không bến của anh thực sự là con thuyền nào đây?" Đặng Thế Phong chỉ nhũn-nhặn cười trừ không trả lời. Anh Nguyễn Hữu Đang lúc đó là Tổng thơ ký của hội lớn tiếng đoán mò: "Tôi biết! Con thuyền không bến của anh Phong là con thuyền Việt Nam chúng ta hiện nay đấy thôi." Trên con đường hàng Quạt vắng lạnh và sền sệt bùn đen vì mưa phùn, hình ảnh con thuyền vô chủ Việt Nam lênh đênh không bờ bến và tiếng hát thiệt buồn của Đặng Thế Phong lởn vởn như quyện với nhau trong đầu óc tôi. Đêm đó, tôi trằn trọc thao thức mãi không sao ngủ được.

Anh Đang không biết có phải là một con người cộng-sản hay không, nhưng tính tình dễ thương, giữ chức bộ-trưởng Văn-hoá trong chính-phủ Việt Minh đầu tiên, rất được Hồ Chí Minh tin cậy. Về sau hình như anh bị thất sủng để rồi sau cùng bị đào thải. Ngày nay, mỗi khi nghe lại "Con thuyền không bến," tôi không thể không nhớ tới những cảm xúc và hình ảnh mà bản nhạc đã để lại trong lòng tôi: hình ảnh Đặng Thế Phong gầy gò ôm cây đàn Guitare hát giữa đám đông tuổi trẻ trong hội quán Hàng Quạt, hình ảnh con thuyền Việt Nam của Nguyễn Hữu Đang, hình ảnh những thằng học-trò lầng nhầng chúng tôi lúc đó vẫn còn mặc áo dài đen, quần trắng vải trúc bâu, ngày ngày lê guốc lộc cộc hoặc đạp xe đạp cà tàng đi học các trường Thăng Long, Gia Long, Pasteur, Bưởi, Đỗ Hữu Vị, Puginier v.v. Hình ảnh các thày Toản, thày Đường, thày Sủng, thày Chính, thày Chương, thày Khang, thày Nghị, thày Sáu, thày Tường v.v..., hình ảnh Hà Nội của những ngày xa xưa cách đây trên dưới sáu mươi năm với những tên phố Tây gợi lên trong lòng người Hà Nội cũ biết bao kỷ niệm như Rue du coton, Rue de la soie, Rue du chanvre, Rue des éventails, Rue Paul bert, Avenue Duvillier, Cité Immobilière v.v...

Bài hát Việt thứ ba chinh phục tâm hồn tôi là một bản nhạc có lẽ không ai có thể ngờ tới. Một bản nhạc mà hầu như mọi người Miền Nam tự-do đều ghét cay ghét đắng. Tôi nói vậy, chắc quý vị đã đoán ra được phần nào. Đúng vậy, thưa quý vị, đó là bản "Tiến quân ca"của Văn Cao, tức quốc ca của Cộng-sản Việt Nam.

Tôi còn nhớ như in buổi tối hôm đó, buổi tối ngày 18 tháng 8, 1945, một buổi tối thực oi-ả nóng nực, tôi cùng một số bạn bè giải chiếu ngoài hiên hóng gió, đọc báo và bàn luận về những tin nóng bỏng liên quan tới thế-giới và đất nước: Hoa-kỳ vừa mới thả bom nguyên-tử trên đất Nhật cách đó mấy hôm, Nhật-hoàng đã xin đầu hàng, "đồng chí" Nguyễn Ái Quốc từ Trung Hoa đã về tới chiến-khu Thái Nguyên, và anh em chúng tôi được báo chuẩn-bị "cướp" chính quyền. Giữa lúc đó anh Nguyễn Ngọc Huyễn (giám-đốc và phát-ngôn viên của Bộ Thông tin trước 75) hớt-hải đạp xe đạp từ chiến-khu Rịa mang về một bài hát tựa là "Tiến quân ca," nói là phải tập để hát vào ngày mai vì nó sẽ có thể là bài quốc ca mới của Việt Nam. Tôi cấp tốc hát thử trước rồi tập cho anh em hát ngay sau đó. Bài ca thiệt đơn giản, nét nhạc cũng như lời ca rất thường, không có gì đặc biệt , nhưng không hiểu tại sao, càng hát chúng tôi càng thấy thấm thía, thấm thía đến ngẹn ngào, tưởng như không thể tiếp tục hát. Một phần lớn có lẽ do hoàn cảnh sôi động lúc đó. Riêng tôi hát mà nước mắt như muốn trào ra. Mấy tháng trước chính-phủ Trần Trọng Kim sau khi sửa lại ít lời đã lấy bài "Tiếng gọi sinh-viên" của Lê Hữu Phước làm quốc ca. Vì đã quá quen thuộc với bài hát, quen thuộc đến nhàm chán, nên ngay từ buổi đầu chúng tôi đã chẳng có cảm-giác gì đối với bài "Này công-dân ơi!" nếu không muốn nói là không có mấy thiện cảm. Đối với tôi, bài "Tiến quân ca" giống như một mối tình đầu bị phản bội, và cũng chỉ vì yêu nên sau này tình thành hận. Ngược lại, bài "Tiếng gọi công dân" giống như một cô hàng xóm vô duyên cha mẹ lấy cho, tuy chẳng có mấy cảm tình, nhưng sau bao năm chăn gối, hoạn nạn, vui buồn, sống chết có nhau, dù không có tình cũng có nghĩa. Quan-niệm của riêng tôi về mấy bài quốc ca Việt Nam là như vậy, chẳng biết các bạn đọc nghĩ sao?

Nói như vậy không có nghĩa là tôi không có một chút kỷ niệm sâu sắc nào đối với bản quốc ca của Việt Nam Cộng hòa. Ít nhất thì cũng có hai lần bài "Tiếng gọi công dân" đã làm tôi xúc động mãnh liệt. Lần thứ nhất là vào dịp Tết Mậu Thân là cái Tết quân cộng sản bất ngờ đánh vào

tất cả đô thị miền Nam. Sáng sớm ngày mồng Ba tết, Thượng nghị viện được triệu tập họp phiên bất thường và phiên họp ngày hôm đó đã được bắt đầu bằng bài quốc ca. Toàn thể các anh em nghị sĩ chúng tôi, từ người cao niên nhất là cụ Võ Văn Chuyện đến những người trẻ nhất như Nguyễn Phượng Yêm, Trần Ngọc Nhuận v.v. đã cùng nhau sát cánh hát bài quốc ca của Miền Nam chúng ta một cách thiết cảm động và chân thành. Trong hoàn cảnh này, thú thiệt tôi không thể nào cầm được nước mắt. Lần thứ hai, trên boong chiến hạm HQ 8 và nếu tôi không nhớ nhầm, hôm đó ngày 5 tháng 5, 1975. Bình minh trên đại dương thiệt đẹp và rực rỡ, biển lặng như mặt hồ, và đoàn tàu di tản chúng tôi bắt đầu tiến vào hải-phận Phi-luật-tân. Trước khi tiến vào vịnh Subic, hải-quân Mỹ yêu cầu hết thảy các chiến hạm Việt Nam phải hạ cờ vàng ba sọc đỏ và triệt để giải giới. Khi làm lễ hạ cờ, hết thảy mọi người trên tàu đã vừa khóc vừa hát bài quốc ca của Miền Nam Tự do. Chúng tôi ai nấy đều đinh ninh rằng đây là lần cuối cùng trong cuộc đời chúng tôi được cùng nhau hát bài "Tiếng gọi công dân" để giã từ lá quốc kỳ thân yêu, nên càng cảm thấy buồn tủi và chua xót.

Tiếp đến cũng lại là một sáng-tác của Văn Cao, có lẽ không riêng tôi mà có thể nói rằng ai ai thời đó cũng yêu thích. Đó là bản "Thiên Thai". Về phương diện kỹ-thuật sáng tác, nếu tôi không lầm, bản "Thiên Thai" có nhiều khuyết-điểm, và nếu đem so-sánh với một số bản nhạc Việt hay ra đời trước đó hoặc sau này, công bình mà nói, "Thiên Thai" kém xa. Cái lợi điểm của Thiên Thai là đã ra đời trong một hoàn-cảnh đặc-biệt, cái hoàn-cảnh của một nước Việt Nam vô cùng bất ổn, dân chúng đều có cảm tưởng như đương ngồi trên lò thuốc súng, ai nấy đều lo lắng không biết thời cuộc sẽ đi về đâu (cuối 1945 tới cuối 1946), và người ta bắt đầu chán ngấy những hành khúc và bài ca cách mạng như "Chiến-sĩ anh-hùng" (Văn Cao), "Du-kích quân" (Đỗ Nhuận) v.v. Thực vậy, sau khi đã quá nhàm tai với những bài hùng ca đầy lời lẽ sắt máu, lần đầu nghe Thiên Thai tôi có một khoái cảm đặc-biệt và từ đó rất yêu bản nhạc. Ngày nay, mỗi lần có dịp nghe lại bản Thiên Thai tôi thường vẫn bồi hồi nhớ tới những tháng ngày nào trên 50 năm về trước, có lẽ đó là những tháng ngày tương-đối hạnh-phúc cuối cùng của cả một dân-tộc trước khi lao đầu vào một cuộc chiến-tranh huynh-đệ tương-tàn khủng khiếp nhất trong lịch-sử dân-tộc chúng ta.

Sau hết là một bản nhạc gần đây. Nói là gần nhưng thực ra cũng đã trên 30 năm rồi và hồi đó có lẽ nữ ca sĩ Khánh Ly mới trên dưới 20 mà thôi. Tôi nhắc tới Khánh Ly là vì bản nhạc là một trong những sáng tác đầu tiên của Trịnh Công Sơn do Khánh Ly "lăng-sê". Người ta nói như vậy thì tôi cũng biết vậy vì từ khi di cư vô Nam, như đã trình bày ở trên, tôi thường quá bận bịu, hết dạy học lại đến viết sách, nghỉ viết sách là phải đi nhà in sửa morasse v.v., (xin đọc thơ Nguyên Sa bài "Nguyễn Duy Diễn chết", cảnh của tôi thời đó cũng tương tự như vậy) nên không có thì giờ nhiều để theo dõi các hoạt động văn-nghệ.

Năm đó (hình như là 1965), chiến-tranh Việt Nam đã bắt đầu chuyển sang giai-đoạn gay go và đẫm máu. Một buổi tối tôi đi thăm bố mẹ tôi. Lúc sắp ra về, vốn biết tôi thích nhạc, một chú em tôi mời tôi nán lại để nghe một bản nhạc Việt rất lạ chú vừa mới thâu băng. Tôi nể lời ngồi xuống chờ nghe, không lấy gì làm hào hứng cho lắm. Tiếng người nữ ca-sĩ vừa mới cất lên được mấy câu đầu, thực trẻ, hơi mạnh, trong như thuỷ-tinh, sắc và lạnh đã làm tôi phải chú ý tới ngay. Nét nhạc đơn-sơ, nhẹ nhàng, kiểu ballad, nghe thực buồn, với lời ca sống sượng đến ngỡ ngàng nhưng khả dĩ gợi nên được những hình ảnh hiện-thực bi thảm, bản nhạc quả có sức làm xúc động người nghe nhất là khi được trình bày bởi một giọng ca rất thích-hợp và gợi cảm, có sức quyến rũ và ám ảnh một cách khó tả. Tôi hỏi chú em tôi thì được biết bài hát là của Trịnh Công Sơn , người hát là Khánh Ly, một cô ca sĩ trẻ mới ra lò ở Dalat. Trước đó tôi chưa hề bao giờ được nghe ai nói tới Trịnh Công Sơn và Khánh Ly, nhưng ngay từ mấy câu đầu, bản nhạc đã làm tôi xúc động, đồng thời mang đến cho tôi rất nhiều mối cảm nghĩ về chiến-tranh, về dân-tộc, về định mệnh con người. Kể ra một bài hát ngắn mà có thể tạo nên nhiều ý-nghĩ và tâm tình như vậy quả là khác thường.

Chắc các bạn muốn biết tên bài hát này. Thú thiệt, tôi không biết tên bài này là gì. Sau khi nghe bản nhạc , một phần bị xúc động, phần khác vì bận suy nghĩ lan man, tôi ra về không kịp hỏi tựa đề của nó. Nhưng cũng từ đó, tôi không bao giờ muốn hỏi hoặc nghe lại bản nhạc mặc dầu trong thâm tâm có lẽ tôi cũng rất thích. Chẳng những thế, tôi cũng không muốn nghe thêm bất cứ một bản nhạc nào khác của Trịnh Công Sơn. Phải chăng tôi sợ đối đầu với sự thiệt, một sự thiệt có lẽ rất khó nuốt trôi đối với một người quốc gia chống cộng như tôi lúc đó.

Mấy năm sau, tôi cùng với một số anh em thành lập tổ-chức Dân Vận Quốc-ngoại (Vietnam People-to-People) với mục-đích vận-động dư-luận quần chúng trên thế-giới ủng-hộ chính-nghĩa của Miền Nam tự-do. Đứng trước sự-kiện Cộng-sản Quốc-tế mỗi năm đổ ra 2 tỷ Mỹ-kim (tương đương với khoảng 20 tỷ đô-la thời nay) để cùng nhau tuyền-truyền cho Bắc Việt và Mặt Trận Giải-phóng Miền Nam, yểm trợ các phong-trào Mỹ phản chiến và đào ngũ, Hoa Kỳ và Thế-giới Tự-do hầu như ngậm miệng buông xuôi, chính-phủ Miền Nam Tự do cũng không hề có một phản ứng tích cực nào, việc làm của chúng tôi kể ra như muối bỏ bể. Vì quá nóng lòng, nên chúng tôi nghĩ dù ít dù nhiều, thà làm hơn không làm. Do đó, sau bao khó khăn, cản trở và tỵ hiềm, với sự ủng hộ về tinh thần và tài-chánh rất hạn hẹp của một số thân hữu như các anh Trần Chánh Thành (lúc đó giữ chức Ngoại trưởng), Phan Huy Quát, Đặng Văn Sung, Trần Quốc Bửu, Chương Văn Vĩnh v.v. chúng tôi quyết định cử phái-đoàn ban Tình Thương đem chuông đi đấm nước người để tranh đấu dư-luận và thiện cảm quốc-tế cho Miền Nam tự-do.

Nhờ có nhiều phương tiện do Cộng-sản quốc-tế cung-ứng nên các phe tả ở các nước đã thành công trong việc vận-động báo chí viết bài đề cao các nghệ-sĩ và tài tử phản chiến như Bob Dylan, Jane Fonda, Carole King, Cher v.v. Trịnh Công Sơn và Khánh Ly cũng được họ kéo vào "phe ta". Trong một bài báo đăng trên tờ Le Monde, (xin chú ý, đây không phải là một tờ báo của phe tả mà là tờ nhật báo bảo thủ có tín nhiệm nhất tại thủ đô Paris) tác giả (tôi quên tên) ca ngợi Trịnh Công Sơn, gọi anh là Bob Dylan của Việt Nam. Khi đề cập tới sự tán thưởng nồng-nhiệt của giới trẻ và sinh-viên Việt Nam đối với những cuộc trình diễn của Khánh Ly bài báo cho rằng đó là biểu hiệu công khai tinh-thần chống đối sâu rộng của giới trẻ phản chiến Việt Nam.

Cũng chính vì những chuyện như trên, tôi quyết định đưa Trịnh Công Sơn và Khánh Ly theo phái đoàn với mục-đích dĩ độc trị độc, bằng cách chứng tỏ: đấy các ông coi, Trịnh Công Sơn và Khánh Ly thuộc phe chúng tôi chứ đâu có thuộc phe Cộng-sản như báo chí các ông đã nói láo khoét. Phản chiến thì đâu cũng có. Chính chúng tôi là những nạn nhân trực-tiếp của chiến tranh, nên không ai hiểu và ghét chiến-tranh bằng chúng tôi và chính những tác-phẩm của Trịnh Công Sơn đã phản ảnh khía cạnh tâm lý đó. Chúng tôi bất đắc dĩ phải chiến đấu để tự vệ và tranh đấu cho Tự do và sự sống còn của chúng tôi đấy mà thôi.

Rất tiếc là tên củaTrịnh Công Sơn bị gạt bỏ khỏi danh sách phái đoàn, Phủ Tổng-thống chỉ cho phép Khánh Ly đi mà thôi. Lúc đó Hoà-đàm Ba-lê đương tiếp diễn, nên trọng tâm của chuyến đi này là Pháp, đặc-biệt là Paris, nơi tập trung khối Việt Kiều đã bị Cộng-sản làm ung thối từ lâu. Khi phái-đoàn tới Paris trình diễn, tòa Đại-sứ cũng như phái-đoàn V.N. tại hội-nghị hòa-đàm rất phấn-khởi. Sau một số thành phố lớn của Pháp, phái đoàn đi một vòng qua Anh, Thụy-sĩ, Đức và Bỉ. Vì tài-chánh eo hẹp, mặc dầu khi tới Paris được Đại sứ Nguyễn Đăng Lâm hồ hải châm thêm 5000 USD, phái-đoàn ban Tình Thương không thể đi nhiều hơn, dù biết rõ đi tới đâu cũng sẽ thu được rất nhiều thiện cảm từ mọi phía, dân địa-phương cũng như kiều bào, kể cả những người thân Cộng.

Cũng nhờ những chương trình trình diễn của ban Tình Thương mà tôi biết thêm là ngoài loại nhạc phản chiến tôi vốn không có hứng muốn nghe Trịnh Công Sơn có những tác-phẩm trữ tình thiệt hay. Tôi rất thích những bản như Mưa hồng, Diễm xưa hồi đó đã được Khánh Ly trình diễn một cách khá xuất sắc. Nhưng điều đáng nói nhất về Trịnh Công Sơn và Khánh Ly vẫn là vấn đề những tác phẩm phản chiến. Người khen, kẻ chê, người chống đối, kẻ bênh vực, vấn đề đã được đưa ra để mổ xẻ và tranh cãi rất nhiều từ bao nhiêu năm rồi. Nay thì Trịnh Công Sơn đã nằm yên dưới lòng đất Mẹ mà anh đã suốt một đời yêu thương và ca ngợi, thái-độ, tác-phẩm và hành-động của họ Trịnh khi còn sống thế nào mọi người nay có thể tự do tha hồ phê phán. Riêng tôi, mặc dầu chỉ có nghe một vài bản nhạc gọi là "phản chiến" buổi đầu của Trịnh Công Sơn do Khánh Ly hát, tôi nghĩ rằng, trên một mức độ nào đó, những bài hát bi thảm của Trịnh Công Sơn cộng với tiếng hát mê hoặc của người "thương nữ"* có cái tên là Khánh Ly đã ảnh-hưởng khá nhiều đến tâm lý một số anh em trong quân đội và nhân dân miền Nam Việt Nam, hoặc nói một cách khác cho rõ ràng hơn, đã một phần nào ảnh hưởng đến tinh thần dân chúng Miền Nam và kết quả cuộc chiến. Nói như vậy, không biết có phải là tôi đã đề cao một cách quá đáng khả năng và ảnh hưởng của hai người này hay không. Và hơn nữa, tôi cũng không rõ đó là một sự chê bai, trách cứ hay là một ngụ-ý khen tặng. Rất có thể cả hai đều có. Tuy nhiên, tôi nhận thấy rõ một điều là hình như

bà con ở cả "hai bên" đều yêu mến Trịnh Công Sơn, nhất là sau khi Trịnh Công Sơn đã nằm xuống. Đối với Khánh Ly, người đã cộng tác với tôi một cách thực chững chạc và đứng đắn trong việc thành lập ban Tình Thương và phái-đoàn Dân vận, hình như sự mộ mến của thính giả, nhất là những người trung trung hoặc già như chúng tôi, vẫn như bao giờ. Đã từ lâu lắm, có lẽ đã hơn 30 năm qua rồi, tôi không có dịp nghe Khánh Ly hát, có lẽ tiếng hát của Khánh Ly không còn tính chất tươi trẻ như ngày nào, nhưng sự quyến rũ đến mê hoặc lòng người khi Khánh Ly trình bày những bản nhạc xa xưa của Trịnh Công Sơn tôi hy-vọng vẫn nguyên vẹn còn đó.

Vì không có dịp đi dự các nhạc hội hay lai vãng các phòng trà hay tiệm nhảy nên xin thú thực là tôi chẳng biết được bao nhiêu về nhạc mới Việt Nam. Đối với các ca sĩ và nhạc sĩ Việt Nam tôi càng mù tịt hơn nếu không muốn nói là tôi thực sự quê mùa và dốt đặc. Ngoài Khánh ly, Thanh Lan, Nguyễn Đức Quang, đôi song ca Lê Uyên Phương v.v. mà tôi thường có dịp được nghe khi những ca sĩ này hoạt động cho ban Tình Thương, giỏi lắm thì tôi cũng chỉ nhận được phần nào tiếng ca duyên dáng và trong sáng của Thái Thanh, nồng nàn của Lệ Thu, rất kỳ dị và khó hiểu của Thanh Thúy, trẻ trung và nồng nhiệt của Elvis Phương v.v.. Nói tóm lại một số nhỏ ca sĩ thuộc lớp đàn anh nay đã nghỉ hát hoặc sửa soạn về hưu. Có lẽ tôi thấy cần phải kể thêm Mai Hương và Kim Tước là những giọng ca có thể nói là khá thích hợp với loại nhạc classique légère hoặc những tác phẩm Việt chịu ảnh hưởng loại nhạc này, tức loại nhạc tôi thích nghe nhất. Ngày xưa ở Sài Gòn thỉnh thoảng tôi vẫn mở đài nghe ban "Tiếng Tơ đồng." Gần đây tôi mới biết Kim Tước, cô bé có nốt ruồi duyên dáng ngày xưa, là con gái quý của anh chị Cử (chị Cử là em của Đỗ Đình Toại, chị của Đỗ Đình Thiều và Minh Đỗ, thuộc dòng họ Đỗ Đình, một dòng họ có rất nhiều văn nhân, tài tử ở miền Bắc ngày xưa) những người bạn tôi biết cách đây trên nửa thế-kỷ.

Nói đến các nhà soạn nhạc, ngoài Lê Thương, Đặng Thế Phong, Phạm Duy, Trịnh Công Sơn v.v. mà tôi đã nói qua ở trên, tôi chỉ còn nhớ một số bạn bè và một mớ cây cổ thụ thời tiền chiến như Thẩm Oánh, Dương Thiệu Tước, Nguyễn Xuân Khoát, Văn Cao, Tô Vũ, Tử Phác, Duy Linh, Chung Quân, Cung Tiến, Nguyễn Văn Đông, Hùng Lân, Đoàn Chuẩn, Nguyễn Hiền v.v. mà thôi. Riêng Tử Phác, chúng tôi chỉ gặp nhau có một lần, nhưng không hiểu tại sao tôi vẫn còn nhớ mãi buổi gặp gỡ rất xa xưa và tình cờ này. Vào một buổi chiều mùa đông 1947, Tử Phác đi công tác khu Tư về ghé qua Phát Diệm. Không biết do ai giới thiệu, anh tới thăm tôi. Tối hôm đó chúng tôi nằm chung một chiếc võng nói chuyện văn nghệ tới hai ba giờ sáng (hồi đó tôi có cái tật là mỗi khi tiếp các bạn thân thường cùng ngồi hoặc nằm chung một chiếc võng để hàn huyên hoặc tán gẫu). Khi bàn về chủ trương nghệ-thuật, như phần đông văn nghệ sĩ kháng chiến lúc đó, Tử Phác chủ trương "nghệ-thuật vị nhân sinh" và đường lối "xã hội hiện thực." Anh trình bày chủ trương của anh một cách khá hăng say và rành mạch, đôi khi thấm thía đến cảm động, nhất là khi anh đề cập tới dân tộc và thân phận con người. Tôi trước sau như một, nhất định chỉ có một chiều: nghệ thuật là nghệ thuật, un point, c'est tout! thành ra tới tận khuya đêm đó không ai chịu khuất phục ai. Sáng hôm sau anh xin đi thiệt sớm, hẹn khi nào có dịp sẽ cùng tôi tiếp tục tranh luận. Đã 55 năm qua, tôi không có dịp gặp lại anh, và ngoài "Khúc hát quay tơ" không biết anh có sáng tác thêm được những cái gọi là "xã hội hiện thực" hay "vị nhân sinh" gì đó không.

Vào những năm 44, 45 Thẩm Oánh có lẽ là người sáng tác nhiều nhất. Nhạc của anh thuộc hầu như đủ loại nhưng nhiều nhất có lẽ là những bài thuộc loại ái-quốc và thanh niên nhằm mục-đích đáp ứng với nhu cầu của thời cuộc, nên thường khô khan, thiếu tính chất "ướt át" của những bản nhạc lãng mạn. Nhưng có lẽ cũng vì thế mà anh có một chỗ đứng riêng biệt. Riêng tôi, tôi rất quý con người của anh, một người đàn anh rất đường hoàng, không kênh kiệu, dễ thương, và nhất là có công nhiều trong việc thành lập hội Khuyến Nhạc Hà Nội và phong trào nhạc Việt.

Nếu tôi không lầm thì nhạc mới Việt Nam hiện nay đã trở thành một thứ kỹ nghệ khá sung mãn nhờ các kỹ thuật điện toán tân kỳ của thời đại mới hiện nay. Số lượng tác-phẩm mới cũng như các nhà soạn nhạc và ca sĩ xuất hiện mỗi ngày trên thị-trường nhiều đến nỗi những người mộ điệu trung trung hoặc tuổi tác cỡ trên dưới 70 như chúng tôi không biết đâu mà mò. Vì không dám múa rìu qua mắt thợ, hơn nữa cũng không biết được bao nhiêu mà nói, nên tôi xin phép được miễn nói thêm về âm nhạc Việt nam mới hiện nay trong bài này./.

Cú Đấm

VƯƠNG ĐÌNH THANH

Tôi còn nhớ một chuyện, chẳng vui cũng chẳng buồn mà có thể gọi là trớ trêu. Đó là chuyện tôi dạy võ cho một công an Việt Cộng miền Nam, để hạ đo ván một công an Việt Cộng miền Bắc. Dạy trực tiếp mà coi như dạy hàm thụ, vì chẳng thực hành bao nhiêu, lại phải dạy cấp tốc. Mới nghe tưởng như chỉ có trong chuyện kiếm hiệp.

Số là sau khi miền Nam sập tiệm, tất cả quân, cán, chính Việt Nam Cộng Hòa phải tập trung cải tạo, nghĩa là đi tù mút chỉ, không biết ngày ra tù, vì tất cả bị kêu án ba năm tập trung cải tạo, nhưng sau ba năm vẫn ở tù tiếp, có người trên chục năm tù.

Tôi cũng như nhiều sĩ quan khác trong tù, thường bị chuyển trại hoài. Tôi gần như đi hết các trại trong miền Nam: Phú Quốc, Suối Máu, Cà Tum, Xuyên Mộc...

Chuyện nầy xảy ra ở trại Xuyên Mộc, năm đó khoảng 1980.

Trại tù nào cũng thế, hàng rào kiên cố, công an gác khắp nơi. Trại có nhiều dãy nhà, mỗi dãy có nhiều lán. Mỗi lán chứa độ một trăm hai mươi (120) tù. Đi lao động về là cửa nhà tù đóng và khóa lại. Mỗi ngày như mọi ngày. Buổi sáng công an mở cửa nhà tù. Sau khi làm vệ sinh cá nhân, tù tập họp ở trước sân trại, ngồi chờ đi lao động. Khi ra cổng, bao giờ cũng có vài cán bộ đứng trên bục điểm số xuất trại. Khi đi vào rừng để lao động thì có hai công an đi theo. Một công an mang súng AK (tiểu liên) gọi là bảo vệ (cảnh vệ), theo tù để trấn áp nếu tù nổi loạn hay trốn trại. Một công an đeo súng ngắn, gọi là quản giáo, lo đốc thúc tù làm việc. Chiều về, ngồi xếp hàng cho cán bộ điểm danh rồi vô lán, cửa khóa lại.

Bấy giờ đội của tôi do cán bộ quản giáo B. phụ trách. Cán bộ quản giáo nào, trước khi phụ trách đội lao động đều phải nghiên cứu hồ sơ từng người tù một. Vì thế, ngoài bãi lao động, cán bộ quản giáo thường gọi từng người tù đến để hỏi lý lịch, lên lớp, nghĩa là tuyên truyền rồi động viên kèm theo hăm dọa tù phải yên tâm học tập, lao động tốt để thành người tiến bộ và sẽ được cứu xét cho về sum họp với gia đình. Chủ trương thì như vậy, nhưng thực tế thì cán bộ thường gọi những người tù nào khéo nói chuyện để hỏi han linh tinh những chuyện bù khú, chuyện ăn chơi trước bảy lăm ở miền Nam, vì tò mò và để giết thì giờ. Vì đa số công an đều rất trẻ, là những người sống sót sau chiến tranh. Họ xuất thân từ vùng quê, tâm hồn chất phác, chưa bị nhồi sọ thù hận nhiều, nên bề ngoài thường hùng hổ nhưng vẫn còn bản chất con người trung thực. Dĩ nhiên những cán bộ lớn tuổi trong ban giám thị trại thì khỏi nói, nhất là những cán bộ công an chuyên nghiệp (không phải từ bộ đội chuyển ngành). Họ thường tìm mọi cách hành hạ tù, từ thể xác đến tinh thần, để chứng tỏ "lập trường" với đảng, với cấp trên.

Tôi thường bị cán bộ quản giáo B. kêu hỏi đủ thứ chuyện. Cho đến một hôm, cán bộ B. hỏi tôi.

- Anh là thầy dạy võ?

- Vâng! Tôi dạy Thái Cực Đạo, Nhu Đạo và Vovinam.

- Là thầy dạy võ, anh thấy võ nào hay nhất?

- Thái Cực Đạo, nhưng cần phải có phòng tập, cần thảm...

- Tôi muốn anh dạy võ cho tôi.

- Khó lắm! Học võ phải khoa chân múa tay... Ở đây đâu có làm như vậy được.

- Tôi muốn tập võ. Anh dạy tôi được không?

- Nhưng cán bộ học võ để làm gì?

Cán bộ B. tâm sự với tôi như thế nầy.

- Tôi là dân Đức Hòa-Đức Huệ (tỉnh Hậu Nghĩa, trước bảy lăm), theo cách mạng nên làm công an nhân dân và được về trại nầy cùng với vài người bạn. Trại nầy đa số là Bắc Kỳ. Chúng tôi được tụi nó dạy võ gọi là võ Triều Tiên. Tôi

và mấy người bạn (Nam Kỳ) bị chúng đánh hoài!

- Nhưng ai đánh cán bộ?

- Thằng dạy võ cho trại.

- Ông ta già hay trẻ? Đánh cán bộ như thế nào?

- Nó chạy đến là thộp ngực đánh liền. Tụi tôi không đỡ được! Tụi tôi bàn nhau tìm cách trả thù. Tụi nó khoe công an miền Bắc đều tập võ Triều Tiên.

- Cán bộ cho tôi biết họ đánh như thế nào? Họ dùng tay nào thộp ngực? Tay nào đánh và đánh vào đâu?

- Nó dùng tay trái thộp ngực, tay phải đánh rất lẹ vào mặt.

- Họ có dùng chân không?

- Không. Tôi không thấy, nhưng nó đánh xong, tụi tôi ôm mặt, thì nó đứng cười và còn thách đánh nữa.

- Tôi hiểu rồi. Từ nay tôi sẽ chỉ cán bộ cách đỡ và đấm. Nhưng cái khó là nói làm sao cho cán bộ hiểu, vì không thể ra đòn thế ở đây được, người ta sẽ thấy!

- Anh cứ nói, tôi có thể hiểu được.

- Nếu có thắc mắc, cán bộ hỏi lại nghe!

Tôi giải thích cho cán bộ B.

- Đối phó với một huấn luyện viên võ thuật không phải dễ, trình độ tối thiểu phải ngang với anh ta. Mà cán bộ chỉ mới tập võ nên tôi sẽ hướng dẫn cán bộ cách phản đòn khi cán bộ bị thộp ngực và đánh vào mặt.

Tôi chỉ hướng dẫn cho anh ta một đòn duy nhất là đòn đấm. Tôi dặn.

- Điều cần nhất là phải thật bí mật, không cho đối phương biết mình đang tập đòn đó, dù khi họ lôi mình ra để dợt cũng vậy.

Tôi âm thầm hướng dẫn cán bộ B. cách đấm cho đúng phương pháp, và anh ta cũng âm thầm tự tập chỉ một đòn đó. Được hơn hai tuần, tôi đề nghị cán bộ B. cho tôi thấy cú đấm của anh ta ra sao. Hôm sau, ra bãi lao động, cán bộ B. đưa tôi con dao và đưa vô rừng với lý do đi bứt mây, song. Khi đến chỗ vắng, tôi biểu diễn đấm cho anh ta coi và anh ta cũng đấm cho tôi thấy. Tôi sửa lại cách đấm cho thật đúng và cắt nghĩa rõ cách vận lực, cách giữ cái tâm cho thật bình tĩnh, cách nhắm vào mục tiêu... Chúng tôi trao đổi nhau một cách hấp tấp vì sợ người khác thấy được. Cả hai chúng tôi còn thêm một hồi hộp nữa là không hiểu khi đụng độ, huấn luyện viên võ thuật có ra đòn thộp ngực và đánh vào mặt như mọi khi và anh cán bộ B. ra chiêu đó có đúng như lúc tập không?!

Tuần sau, chúng tôi lại vô rừng để tôi kiểm tra xem cú đấm của anh ta như thế nào? Tôi thấy anh ta có khiếu học võ nên tiến bộ rõ rệt. Vì tôi chỉ nói và giải thích mà anh ta lãnh hội được thì thực đáng khen. Có lẽ vì nung nấu ý chí trả thù nên anh ta rất hăng hái trong việc tự tập luyện. Anh ta hậm hực.

- Tôi muốn phục thù gấp vì bạn tôi vừa bị nó đánh nữa.

Tôi khuyên là cú đấm anh ta chưa đủ lực, không thể đối phó với một huấn luyện viên võ thuật được.

Một tháng hai tuần trôi qua. Tôi ngỏ ý muốn biết cú đấm anh ta đến đâu rồi. Chúng tôi lại vô rừng bứt mây, song. Lần nầy, quả thực cán bộ B. đã đạt được trình độ cần thiết để sử dụng cú đấm. Nhưng để chắc ăn hơn, tôi khuyên anh ta phải tập luyện thêm nữa cho đòn quyết định đó thêm mạnh và chính xác. Đến tuần lễ thứ tư của tháng thứ hai, chúng tôi lại vô rừng để anh ta làm thử cho tôi xem. Tôi đã tạm yên tâm nên nói với cán bộ B.

- Khi bị thộp ngực, cán bộ đừng đỡ mà chỉ chú trọng dồn hết lực vào cánh tay và đấm thật nhanh và mạnh vào mặt họ. Dù trúng hay trật, sau đó, cán bộ phải vùng bỏ chạy ngay. Vì họ phản đòn thì cán bộ lâm nguy. Nhớ là phải thật bình tĩnh, nhắm ngay mặt họ mà đấm hết sức mình và bỏ chạy. Mà nếu bị kẹt, phải chiến đấu, cán bộ cũng chỉ một đòn đó mà tung ra. Nhào vô thật sát đối phương và cứ nhắm vào mặt đối phương mà đấm mãi. Họ có nhảy lùi cũng phải nhào theo mà đấm, vì nếu cán bộ rời họ ra, chỉ một bước thôi là họ sử dụng đòn chân, đá cán bộ ngay. Phải nhớ như thế. Đừng sợ! Chúc cán bộ thành công.

Kể từ ngày giờ đó tôi mất ăn, mất ngủ. Tôi không quan tâm đến chuyện anh cán bộ B. có phục thù được hay không. Tôi cũng không quan tâm đến chuyện kỳ thị Nam Bắc, mà tôi trách mình quá bộp chộp. Cái đai Đệ Tứ Đẳng Thái Cực Đạo (bấy giờ tôi chỉ mới Đệ Tứ Đẳng Huyền Đai), cái đai Đệ Nhị Đẳng Nhu Đạo, cộng với trình độ Vovinam mà tôi học được ở thầy Nguyễn Văn Hách... cộng thêm cái danh hiệu huấn luyện viên võ thuật cho Hiến Binh Quốc Gia, huấn luyện viên võ thuật cho Cảnh Sát Quốc Gia (VNCH)... Tất cả những thứ đó tôi đều giao hết cho anh cán bộ công an B.(miền Nam), trẻ tuổi, (chẳng biết gì về võ thuật) với chỉ có hai tháng học chỉ một cú đấm, đem ra thi đấu với huấn luyện viên võ

thuật võ Triều Tiên miền Bắc.

Nếu anh ta đấm trật hoặc đấm không hiệu quả!?... Mà người ta lại biết rằng tôi đã huấn luyện cho anh ta... Chỉ mới nghĩ đến thôi, mà tôi đã rũ liệt tay chân như người xưa bị phế võ công rồi vậy!

Thời gian cứ yên lặng trôi một cách khủng khiếp. Tôi vẫn đi lao động như thường lệ và cán bộ B. vẫn không thấy nói gì cả. Tôi vẫn không hiểu chuyện gì đã xảy ra? Hay chưa xảy ra?

Cho đến một hôm, vào buổi sáng. Cửa nhà tù mở cho tù đi lao động. Tất cả tù ùa ra đi làm vệ sinh. Cán bộ B. thấy tôi thì đến gần, nói nhỏ giọng.

- Lát nữa đi lao động, khi ra cổng, anh để ý trên bục cán bộ điểm số xuất trại. Anh thấy thằng nào mặt bầm tím là nó. Tôi đã đấm nó đấy!

- Sau đó cán bộ có bỏ chạy không? Có bị huấn luyện viên tấn công lại không?

- Không. Vừa đấm xong, tôi định bỏ chạy, nhưng thấy nó loạng choạng, tôi dộng thêm một cú nữa. Nó nằm dài dưới đất. Nó khinh địch nên bị bất ngờ...

Nghề võ cũng như đá gà. Con gà nào bị thua đau một trận là thành gà rót. Hễ gặp lại đối phương, (gà đã đá mình thua đau) là mất tinh thần, chưa đụng độ đã quạt cánh bỏ chạy. Vả lại cán bộ B. suốt trong hai tháng mà chỉ luyện có một đòn tay duy nhất, tôi nghĩ nếu anh ta tiếp tục tự luyện tập, cộng thêm cái khiếu võ thuật, tất hiệu quả còn cao hơn nữa. Nếu anh huấn luyện viên võ Triều Tiên đó đủ can đảm thách đấu, chưa chắc cán bộ B. đã thua. Trình Giảo Kim ngày xưa bên Tàu chỉ biết đánh có ba búa mà ra trận là thắng.

Tuy nghĩ thế nhưng sự thực tôi không rõ sau đó những gì sẽ xảy ra cho cán bộ B. Có một lần, sau khi tôi ra tù, về nhà ở Sài Gòn, cán bộ B. có đến nhà tôi xin chứng nhận là tôi có dạy Thái Cực Đạo cho anh ta, đạt đai xanh. Có lẽ anh ta cần giấy chứng nhận có nghề võ để làm hồ sơ đi đơn vị khác tốt hơn. Như qua "Đội Săn Bắt Cướp" ở thành phố chẳng hạn...

TRẦN BANG THẠCH

EM VÀ NẮNG VÀ MƯA VÀ TÔI

NẮNG XƯA

nắng từ cuối dãy hành lang
nắng qua cửa lớp, nắng quàng tóc em
lòng tôi nắng cũng vừa lên
nắng lau nước mắt, nắng mềm áo tơ

trong tôi con nắng bây giờ
cũng là nắng cũ Cần Thơ thuở nào

MƯA CŨ

tan trường không áo che mưa
để phai má thắm, để mờ nét môi
nầy tim tôi với tình tôi
hãy che mưa gió suốt đời nhe em

cơn mưa buổi đó còn nguyên
em còn nguyên đứng bên thềm ướt mưa

ĐƯỜNG TIM

theo em mấy chục con đường
em loanh quanh lượn phố phường đông vui
một con đường giữa tim tôi
sao em không chịu dạo chơi một vòng?

TRĂNG

dù em là Nguyệt hay trăng
ngàn năm em vẫn là Hằng Nga tôi
cao sang em ngự cõi trời
tôi tên lục tử suốt đời say trăng

THANH TUỆ VÀ AN TIÊM

PHẠM PHÚ MINH

Trong tháng Tám vừa qua, ông Thanh Tuệ, giám đốc nhà xuất bản An Tiêm tại Paris, Pháp Quốc, đã đột ngột qua đời tại Quận Cam, Nam California, khi ông từ Pháp sang đây để lo việc ấn hành sách cho nhà xuất bản của ông. Ông là một người của sách vở, tuy không phải là một người sáng tác hay biên khảo nhưng những tác phẩm ông để lại cho đời thật là nhiều. Từ bốn mươi năm qua, ông chính là người phát hiện ra những giá trị của sáng tác và biên khảo của biết bao nhà văn, nhà thơ, nhà nghiên cứu Việt Nam, đưa chúng đến với người đọc với một tấm lòng trân trọng và trìu mến. Chính công việc và cung cách xuất bản sách của ông đã cho thấy ông là một người nghệ sĩ thứ thiệt, một nhà văn hóa nhiệt tình với đất nước. Có thể nói Thanh Tuệ là sách, sách là Thanh Tuệ, và chữ sách ở đây phải được hiểu theo nghĩa tốt đẹp nhất, thanh tao nhất mà từ xưa đến nay nhân loại đã dành cho thứ sản phẩm văn hóa này.

Một người thích sách vở sống vào giữa thập niên 1960 tại Sài Gòn thì không thể không để ý đến một nhà xuất bản mới ra đời cũng trong khoảng thời gian này, là nhà xuất bản An Tiêm. Thời đó, sau khi có sự thay đổi chính quyền ở miền Nam thì tình hình báo chí sách vở trở nên tự do thoải mái hẳn lên, khiến người ta háo hức đi tìm những giá trị mới. An Tiêm góp phần của mình với những sách chọn lọc, in ấn mỹ thuật, khiến độc giả cảm thấy giá trị của mình như được nâng lên cao hơn khi cầm trên tay cuốn sách của An Tiêm.

Thanh Tuệ là cha đẻ của An Tiêm.

Ông vốn gốc người Bình Định, sinh năm 1936 tại Đơn Dương, Đà Lạt. Ông họ Trương, tên Phú, khi thành tu sĩ có pháp danh là Thanh Tuệ, nhưng về sau, tên Thanh Tuệ thành một cái tên thông tục, ngay cả khi ông không còn là tu sĩ nữa. Mồ côi mẹ sớm, lúc nhỏ ông được đưa lên ở một chùa tại Đà Lạt, rồi vào Sài Gòn tu ở chùa Vạn Hạnh. Ông khởi sự vào nghề xuất bản khi làm việc với nhà xuất bản Lá Bối năm 1964.

Năm sau, 1965, ông đứng ra thành lập nhà xuất bản An Tiêm với số vốn lúc đầu là 5000 đồng tiền miền Nam thời ấy, một số tiền khiêm tốn hình như trị giá khoảng chưa tới một lượng vàng. Và cuốn sách đầu tiên do An Tiêm xuất bản là *Khung Cửa Hẹp* do Bùi Giáng dịch từ cuốn *La porte etroite* của André Gide. Như vậy Bùi Giáng là người "mở hàng" cho nhà An Tiêm, và duyên nợ giữa Thanh Tuệ và Bùi Giáng còn gắn bó mãi mấy chục năm sau. Và cũng trong thời gian từ một tu sĩ dấn bước vào một nghề kinh doanh thế tục này, ông

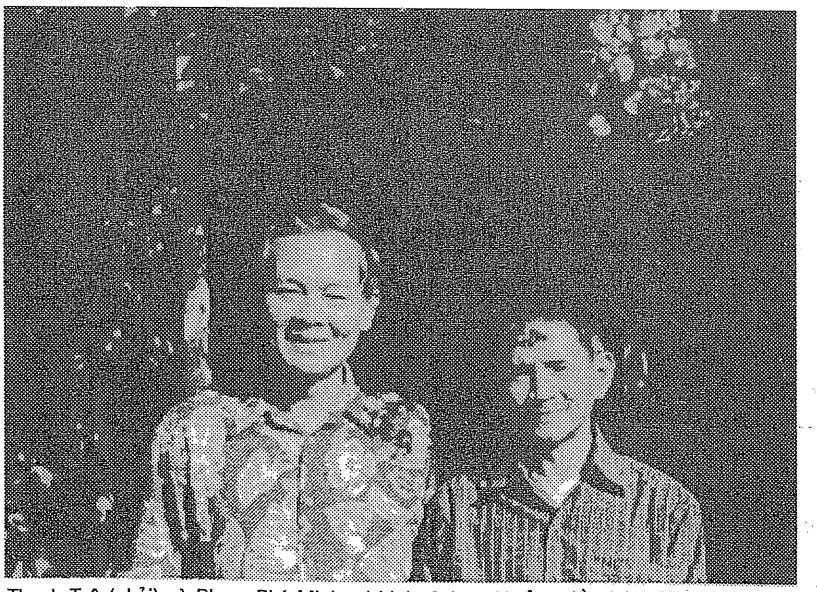

Thanh Tuệ (phải) và Phạm Phú Minh tại Little Saigon khoảng đầu tháng Tám, 2004

Thanh Tuệ cũng rời bỏ đời tu sĩ bước luôn vào đời thường.

Về buổi đầu của nhà xuất bản An Tiêm, nhà văn Mai Thảo có ghi lại như sau:

"Nhiều buổi chiều Sài Gòn, tôi chẳng còn có thể nhớ đích xác vào những năm nào, đâu như 1962, đâu như 1965 (nếu sai, nhờ hai anh Cung Tiến, Phạm Công Thiện nhớ lại dùm cho), tôi thường được mời tới những họp mặt có ăn nhậu trên căn lầu ngăn nắp, thoáng mát của thầy Thanh Tuệ ở đường Lý Thái Tổ. Mỗi họp mặt với Thanh Tuệ, hồi đó là giám đốc của nhà xuất bản An Tiêm và còn là nhà sư trẻ tươi tắn chưa cởi áo hồi tục, thường vì một cuốn sách. Một cuốn sách mới, vừa in xong chưa ráo mực. Và trước khi gởi sách vào nắng mưa đời, họp mặt An Tiêm với thân hữu là một tiệc rượu lạc thành cho sách." (Một vài kỷ niệm với Bùi Giáng, tạp chí Văn số 26 tháng 8-1984).

Quan hệ giữa nhà xuất bản An Tiêm, hay đúng hơn của Thanh Tuệ với giới cầm bút hồi đó, sao mà văn nghệ, sao mà trong sáng đáng yêu. Cả người viết, cả người phổ biến cái viết ấy ra đều chung một ham thích, ấy là cái hay cái đẹp của văn chương tư tưởng, chẳng qua phải phân công người làm việc này người làm việc khác thế thôi. Mai Thảo còn nói rõ hơn cái biệt nhãn của Thanh Tuệ đối với Bùi Giáng, ngay lúc khởi đầu:

"... Tôi chỉ kể tới Bùi Giáng, bởi suốt thời kỳ đó, có thể nói, thầy Thanh Tuệ vì một tấm lòng liên tài đặc biệt, chỉ mê thích thơ văn Bùi Giáng, chỉ in Bùi Giáng, dành trọn phương tiện cho ưu tiên xuất bản Bùi Giáng trước mọi tác giả khác. Và giai đoạn có thể gọi là Bùi Giáng này, An Tiêm đã in đêm in ngày, in mệt nghỉ, vì những năm tháng đó chính là những năm tháng đánh dấu cho thời kỳ sáng tác kỳ diệu sung mãn nhất của Bùi Giáng..."

Nói như Mai Thảo, sự ra đời của nhà An Tiêm hình như cốt để "đón bắt" lấy Bùi Giáng vào đúng thời kỳ sung sức nhất của ông, như là một "nhiệm vụ lịch sử" nếu muốn nói một cách đao to búa lớn. Nhưng trong cái duyên đặc biệt này, chắc hẳn Thanh Tuệ cảm thấy có một cái gì tương tự như là một sứ mạng của mình đối với nhà thơ kỳ lạ họ Bùi, không thể bỏ mặc cho ông trôi nổi trong cuộc sống vô định của mình.

Thanh Tuệ quả là có ưu tiên cho Bùi Giáng, như Mai Thảo nói, nhưng thật ra thời ấy An Tiêm cũng đã in nhiều sách của những tác giả khác, như: *Hố Thẳm Tư Tưởng* của Phạm Công Thiện, *Thiền Luận* của Tuệ Sĩ và Trúc Thiên, *Thiền* của Suzuki, *Anh em nhà Karamazov* dịch của Dostoievski, *Cửa Vào Động Thiếu Thất*, *Câu Chuyện Của Dòng Sông* do Phùng Khánh và Phùng Thăng dịch... Cuốn cuối cùng, đang in, thì xảy ra vụ mất miền Nam năm 1975, là *Số Không và Vô Tận* (dịch từ cuốn Le Zéro et l'Infinie), và dĩ nhiên không bao giờ được ra mắt độc giả. Thật là một cái tên sách định mệnh!

Cộng sản chiếm miền Nam, dĩ nhiên An Tiêm phải đóng cửa, nhưng chủ nhân may mắn không bị bắt bớ giam cầm. Chắc là tại nhà xuất bản quá nghèo, quá "văn nghệ," chẳng có gì để mà khảo cả. Chủ nhân của An Tiêm vội đi tìm một nghề khác để sinh sống. Đối với Thanh Tuệ, "nghề khác" vẫn liên quan đến sách: ông đi học nghề đóng sách. Sài Gòn thật lạ, đổi đời rồi, nhiều người lại muốn gìn vàng giữ ngọc bằng cách tu sửa lại những cuốn sách xưa có khi đã rách nát, như để giữ lại một số giá trị mà người ta biết chẳng bao giờ còn nữa trong chế độ mới. Đóng bìa dày, gáy da, có khi còn in cả chữ mạ vàng nữa... Thanh Tuệ làm được tất. Nhưng mà cũng chỉ đủ sống qua ngày với một gia đình một vợ hai con. Cho đến một hôm vào năm 1981, một người bạn đề nghị tặng cho một chỗ trên thuyền đi vượt biên... và ông ra đi, một mình. Từ biển Nha Trang thuyền đi thẳng qua Manila, rồi từ đó được nhận qua Pháp, khá nhanh chóng.

Một người như Thanh Tuệ, quý chữ nghĩa, quý bạn bè, thì ngược lại những người bạn chữ nghĩa cũng rất quý ông. Tại Pháp ông được những người bạn văn hóa tận tình giúp đỡ lo cho các thủ tục giấy tờ để bảo lãnh gia đình, thậm chí viết thư cho Tổng thống Pháp Mittérand trình bày trường hợp "con người văn hóa" Thanh Tuệ, có lẽ nhờ thế việc đoàn tụ gia đình đã diễn ra nhanh chóng: 1982 gửi giấy tờ bảo lãnh, năm 1984 đã đón vợ con trên đất Pháp.

Cuộc sống tị nạn ở Pháp khó khăn. Vì gia đình được người đi trước bảo lãnh qua nên không được trợ cấp của chính phủ, Thanh Tuệ phải tự xoay xở, từ một người phụ bếp tiến một bước mở một hiệu ăn, với vốn ban đầu có được nhờ cách "chơi hụi" với những bạn bè quen biết.

Nhưng trong khi lo thức ăn vật chất cho thiên hạ thì con người mê sách vở ấy vẫn bị thôi thúc về thức ăn tinh thần. Nhìn những sách cũ của An Tiêm được người ta tự ý tái bản một cách lôi thôi lếnh thếch, Thanh Tuệ rất buồn. Tiếng gọi của sách vở cứ như một thôi thúc không nguôi nơi

ông chủ tiệm ăn. Nhưng biết làm sao, giữ vững cơ sở làm ăn vật chất này để làm nguồn nuôi sống gia đình đã khó khăn, chật vật, chiếm hết thì giờ rồi. Mà Paris là xứ sở của sách, bao nhiêu cái đẹp cái hay phô bày, làm cho lòng ông càng thêm nung nấu muốn bắt tay lại với cái nghiệp dĩ in ấn, xuất bản. Dần dần cũng ló dạng một giải pháp, thầy Minh Tâm của chùa Khánh Anh ở Paris có một số sách cần in, và bước đầu Thanh Tuệ "thầu" những cuốn ấy, phụ trách đánh máy, trình bày, in và phát hành. Rồi cuốn nọ kêu gọi cuốn kia, Thanh Tuệ lại hoạt động xuất bản, và như một duyên nợ khó dứt, cuốn đầu tiên của An Tiêm hải ngoại lại là một cuốn của Bùi Giáng, đó là tác phẩm *Đi Vào Cõi Thơ*.

Hôm nay, nhìn vào thư mục của An Tiêm hải ngoại cũng đã thấy khá đông đảo, có sách tái bản, có cuốn mới ra lần đầu, chúng ta thấy được cái sức đam mê sách vở của ông giám đốc An Tiêm. Nhất là từ ngày ông đóng cửa tiệm ăn vào năm 1996, An Tiêm rộn rịp hẳn lên. Nào là *Tô Đông Pha* của Tuệ Sĩ, *Cái chết của...* của Dương Nghiễm Mậu, *Phật Giáo Việt Nam* của Nguyễn Đăng Thục, *Niềm Im Lặng Của Mây* của Trần Diệu Hằng, nào là *Thơ Thẩn* của Võ Phiến, *Hành Trình Nhật Ký* của Phạm Quỳnh... và còn nhiều nhiều nữa. Thỉnh thoảng, có khi một năm đến vài lần, anh em văn nghệ ở Cali lại gặp ông Thanh Tuệ từ Pháp sang, bận bịu in cuốn này, phát hành cuốn kia, đi thăm người này người nọ, bàn bạc các dự án, các sáng kiến hình như không bao giờ cạn nơi ông. Mong ước nhiều lắm, toàn là những chuyện không đem lại lợi lộc gì cho mình, mà chỉ có ích cho tương lai sách vở của Việt Nam.

Con người lúc nào cũng vui vẻ với bạn bè ấy không ai ngờ là một người rất khó tính đối với sách. Ông không dễ dãi khi chọn sách để in, điều ấy rõ ràng quá rồi, ai cũng biết. Nhưng ông cũng vô cùng khó tánh đối với cách trình bày, từ bìa sách đến các trang trong, tối kỵ việc sai chính tả, kiểu chữ phải thích hợp cho từng nơi, từng loại nội dung. Ông chẳng bao giờ qua một trường lớp nào về nghề làm sách, nhưng có một năng khiếu rất nhạy bén về thế nào là một cuốn sách trang nhã, mỹ thuật. Và ông cũng mầy mò tự học rất nhiều. Ông hay lục lọi trong những hiệu sách lớn của Paris, để mua về những cuốn sách độc đáo ông sẽ chẳng bao giờ đọc, mà chỉ để học người ta về phương cách trình bày. Loại giấy, kiểu chữ, màu sắc, khoảng cách, tinh thần gợi lên do cách trình bày v.v... là những điều ông luôn luôn quan tâm. Thời gian sau này ông ít khi nhờ họa sĩ trình bày bìa, mà phần nhiều tự làm lấy, một cách rất thủ công, vì khi ông tái xuất giang hồ trong việc xuất bản sách ở hải ngoại thì ông đã lớn tuổi rồi, không đủ thì giờ để đi học những cái tân tiến của kỹ thuật computer. Nhưng rõ ràng là cái ý, cái nhìn của con người mới là quan trọng: trong rừng sách Việt Nam hải ngoại (và cả trong nước nữa) các bìa sách của An Tiêm vẫn thuộc loại đẹp và trang nhã nhất.

Ông Thanh Tuệ một đời lận đận về chuyện sách vở. Đó là nỗi đam mê của ông, cũng là nỗi khổ của ông. Đó là nguồn suối trong lành ông đem lại cho người đọc, nhưng cũng là nhân tố gây biết bao khó khăn suy nghĩ về tài chánh cho ông. Sách của ông xuất bản phải đem lại điều tích cực cho con người, cầm quyển sách lên trong lòng phải nảy sinh một cảm giác thanh tao dễ chịu, đọc nội dung phải cảm thấy tâm hồn được nâng cao lên, và được đưa đến những chân trời bát ngát. Không biết bước đường đời sáu mươi chín năm của ông như thế là đã hoàn tất hay hãy còn dở dang – thật ra thì hiểu theo kiểu nào cũng được – nhưng sách ông đã xuất bản thì đã đóng vai trò nhất định của nó. Dĩ nhiên ông chưa lúc nào hoàn toàn thỏa mãn về những việc mình đã và đang làm, vì ước vọng của ông còn nhiều lắm, nhưng chắc chắn ông cũng là người rất "tri túc," trong hoàn cảnh rất khó khăn của một người di dân ở Pháp ông vẫn làm xuất bản được, thì đó chính là một thành tựu lớn của ông rồi. Dự tính mới nhất của ông là sang năm 2005 sẽ làm một cái gì đó để kỷ niệm 40 năm nhà xuất bản An Tiêm – 1965-2005 – nhưng ông đã vội ra đi trước một năm. Nhưng người ta thường nói, đừng mong những gì trọn vẹn, cần gì phải là con số tròn 40, cứ hãy là 39 đi, để mọi việc cứ dở dang một chút thì có khi để lại nhiều hoài mong, thương tiếc cho bạn hữu và người đời. Biết đâu như thế lại hay...

Ông giám đốc nhà xuất bản An Tiêm đã ra đi nhưng sách của ông vẫn còn ở lại với đời. Đó là một kho trí tuệ và cảm hứng lớn lao cho đời sống tinh thần của biết bao người. Cuộc đời vẫn hàng ngày tiếp tục trôi đi, nhưng tâm hồn và trí tuệ của mỗi người thuộc các thế hệ nối tiếp vẫn được bồi đắp không ngừng bởi sách vở. Trong dòng chảy miên viễn ấy, Thanh Tuệ và An Tiêm đã thành những cột mốc đáng yêu trong đời sống văn hóa Việt Nam.

Yêu Nước

(Ưu Quốc)

TAM-ĐẢO DO-KỶ-PHU
(Mishima Yukio)
NGUYỄN VĂN THỰC *dịch*

1.

Ngày 28, Tháng Hai, năm thứ 2 niên hiệu Chiêu Hoà (tức là ngày thứ hai sau cuộc chính biến ngày 26, Tháng Hai)[1], trung úy Vũ-Sơn Tín-Nhị, thuộc liên đội cần vụ, bộ binh cận vệ, từ khi có cuộc chính biến, đã lo lắng về hành vi tham gia cuộc chính biến của các bạn hữu. Anh đã rất đau xót trước tình thế cùng cực quân đội của Thiên Hoàng phải kình chống nhau, và anh đã dùng kiếm nhà binh mổ bụng tự sát tại căn hộ rộng tám chiếu ở phố Thanh Diệp, phường Tứ Cốc. Vợ anh, nàng Lộc Tử cũng đã dùng dao con tự sát với chồng mình. Bức thư trối lại của trung úy chỉ có một câu: "Quân đội Thiên Hoàng Muôn Năm!" Còn thư của vợ anh gởi cha mẹ, nàng tự trách mình đã bất hiếu, và: "Cái ngày của một người làm vợ lính phải đến, thời đã đến..." Những giây phút cuối cùng của hai nam nữ anh hùng đó đã thực sự làm cho quỉ thần phải khóc. Ngoài ra, trung úy chết năm ba mươi tuổi, và vợ anh, hai mươi ba tuổi. Hai người làm lễ đuốc hoa chưa tới nửa năm.

2.

Dĩ nhiên những người tham dự lễ kết hôn của Vũ-Sơn Tín-Nhị và cả những người được đưa cho xem ảnh cưới của cô dâu chú rể, đều cất tiếng tiếc thương cho đôi nam thanh nữ tú. Trung úy mặc quân phục, tì tay trái vào kiếm nhà binh, tay trái cầm mũ lính đã giở xuống, anh hùng đứng che chở người vợ mới cưới. Trên khuôn mặt oai nghiêm, đôi mày rậm, lẫn đôi mắt mở rộng, phơi ra cái vẻ trung trực của tuổi trẻ. Chiếc áo choàng trắng cô dâu đẹp khôn sánh. Nơi đôi mắt tròn vo dưới làn mi nhạt, nơi chiếc mũi thanh tú, và nơi đôi môi mọng, vẻ diễm lệ và nét cao quí chiếu rọi vào nhau. Nàng cầm chiếc quạt nơi đầu mút ngón tay, e ấp lộ ra khỏi ống tay áo choàng; đầu ngón tay ấy được tinh tế sắp xếp và trông như búp hoa tịch nhan.

Sau khi hai người tự sát, người người đưa bức ảnh ra xem đều than rằng trong vẻ đẹp toàn vẹn của hai người đã phảng phất cái điềm không tốt. Và người ta có cảm tưởng là cô dâu chú rể đứng trước tấm bình phong, với đôi đồng tử trong suốt đó, dường như đang nhìn thấu cái chết sắp đến.

Hai người, nhờ sự giúp đỡ của trung tướng Vĩ Quan, đã lo liệu được một căn nhà mới ở phố Thanh Diệp, phường Tứ Cốc. Tiếng là căn nhà mới, nhưng đấy chỉ là một căn hộ cho thuê cũ ba phòng, nằm lụp xụp trong một mảnh vườn nhỏ. Vì cả phòng sáu chiếu lẫn phòng bốn chiếu ở tầng trệt nắng rọi vào không nhiều, nên họ dùng tầng trên làm phòng khách và phòng ngủ, và nhập hai phòng làm một. Và vì không có người giúp việc, Lộc Tử ở nhà giữ nhà một mình.

Bởi vào thời kỳ Đất Nước đang khó khăn, tuần trăng mật của họ đành phải gác lại. Hai người đã trải qua đêm đầu tiên với nhau tại căn nhà nầy. Trước khi nằm với nhau, Tín-Nhị đặt lưỡi kiếm nhà binh trước đầu gối, rồi nói một bài huấn thị về đời người lính. Rằng đã là vợ người lính thì phải chấp nhận chuyện chồng mình có thể chết bất cứ lúc nào. Cũng có thể ngày mai. Cũng có thể ngày kia. Cái chết có thể xảy đến bất cứ lúc nào - anh hỏi - vậy nàng có chấp nhận sự chết mà không sợ hãi. Lộc Tử đứng dậy, mở chiếc hộp đựng đồ tế nhuyễn con gái, lẳng lặng đặt trước đầu gối mình chiếc dao con mà mẹ nàng cho như món đồ thiết thân mẹ cho con gái về nhà chồng. Qua đó, một giao ước thầm lặng hình thành, và

trung úy không bao giờ thử lại sự quyết tâm của vợ mình thêm lần nữa.

Kết hôn đã được mấy tháng, sắc đẹp của Lộc Tử càng ngày càng rạng rỡ. Rạng rỡ như vầng trăng sau mưa.

Vì hai người đều có thân thể mạnh khoẻ, nên chuyện giao tình của họ mạnh mẽ, không phải chỉ ban đêm mà thôi, sau khi diễn tập trở về, có bữa chàng trung úy còn, nóng nảy cởi quần áo nhà binh lấm bụi, đè ngửa vợ xuống sàn nhà. Lộc Tử cũng đáp ứng nồng nhiệt không kém. Hơn cả tháng trời, từ ngay đêm đầu tiên, Lộc Tử nếm được sự sung sướng ái ân; trung úy nhận ra điều đó và anh cũng sung sướng.

Thân thể của Lộc Tử trắng uy nghi. Đôi vú căng đầy, thế mà lúc nào cũng vẫn phô ra cái màu thanh khiết ngầm chứa một sự khước từ mạnh mẽ, nhưng một khi đã ưng chịu rồi, đôi vú ấy lại tràn trề cái ấm áp tổ ấm ngơi nghỉ. Trên giường đôi vú nàng pha màu uy nghiêm đến độ gây kinh sợ; màu uy nghiêm ấy nhạt dần giữa cơn tình cuồng loạn.

Ban ngày, trong giờ diễn tập, trung úy cứ mãi nghĩ tới vợ, và nàng Lộc Tử cả ngày cứ tưởng vọng khuôn mặt chồng mình.

Khi một thân một mình, đưa tấm hình cưới ra ngắm, nàng càng cảm thấy hạnh phúc cầm chắc. Dẫu sao nàng vẫn có cái cảm tưởng lạ lùng là chàng trai chỉ mới mấy tháng trước đây chẳng qua chỉ là một người lạ bên đường, bây giờ trở thành mặt trời đời nàng. Đó chính là đạo đức, đúng theo lời giáo huấn nề nếp con nhà: "Thuận vợ thuận chồng..." Lộc Tử chẳng hề, dầu chỉ một lần, cãi lại chồng, và chồng nàng cũng chẳng thấy có lý do gì để mà trách nàng. Ở trên bàn thờ ở tầng dưới, cạnh bài vị thỉnh từ thái miếu Hoàng Thái Thần Cung về, còn trưng bày ảnh của cả Thiên Hoàng lẫn Hoàng Hậu; và mỗi sáng, trước khi đi làm, trung úy và vợ cả hai cúi đầu sâu trước bàn thờ, châm nước cúng, và nhánh cây thần[2] bao giờ cũng tươi mới. Trong cái thế giới đó, đôi trẻ cảm thấy họ hoàn toàn được thần uy gìn giữ, đồng thời họ cũng được sung sướng tràn đầy đến tận mọi ngõ ngách thân xác.

3.

Tuy rằng dinh quan chưởng ấn[3] Tề Đằng vốn gần, nhưng sáng ngày 20, Tháng Hai, hai người chẳng nghe tiếng súng nổ. Cái thảm kịch dài mười phút ấy bùng ra, nhưng mãi tới khi tiếng kèn tập hợp thổi vang trong buổi sáng tuyết phủ, tiếng kèn ấy mới phá tan được giấc ngủ của trung úy. Trung úy bật dậy, lẳng lặng mặc quân phục, đeo kiếm nhà binh mà vợ trao cho, lao ngay ra đường sớm mai tuyết phủ chưa tỏ mặt người. Và không về nhà cho tới chiều tối ngày 28, Tháng Hai.

Lộc Tử sau đó nghe toàn thể tin tức về cuộc chính biến trên chương trình tin tức của đài vô tuyến truyền thanh. Trong hai ngày kế tiếp, nàng chỉ một thân một mình, đóng cửa, yên lặng. Buổi sáng tuyết phủ đó, nàng chẳng nói năng gì, lao ra, và đọc được trên khuôn mặt trung úy cái quyết tâm phải chết. Nếu chồng nàng trong tình trạng quyết tâm phải chết mà vẫn sống, và không trở về, nàng hiểu rằng nàng vẫn phải theo gót chồng. Nàng đã lặng lẽ thu xếp những sự việc quanh nàng. Nàng viết địa chỉ trên những miếng giấy gấp trên những bộ *kimônô* nàng dùng trong các dịp thăm viếng, mà nàng tính sẽ để lại cho các bạn đồng song như đồ kỷ niệm. Vì nghe chồng nói là sống ngày nào hay ngày nấy, nên Lộc Tử chẳng ngày nào mà chẳng viết nhật ký, và khi nàng chăm chú đọc những trang nhật ký ghi nhận những tháng hạnh phúc nơi đây, nàng không đành lòng ném chúng vào lửa. Nằm dọc theo máy phát thanh là những đồ sứ: chó, thỏ, sóc, gấu, chó sói. Có cả bình, hủ nước. Đó là những món đồ sưu tập duy nhất của Lộc Tử, nhưng nàng không tính biếu những món đồ ấy như đồ kỷ niệm, tuy nhiên những món ấy nàng chẳng thể yêu cầu người ta bỏ vào quan tài được. Xem ra những con thú bằng sứ đó bắt đầu tỏ ra cái vẻ tuyệt vọng, cô đơn không nơi nương tựa.

Lộc Tử nâng con sóc trên tay, ngắm nghía; nhưng rồi nàng lại chiêm ngưỡng, vượt lên trên những tình cảm trẻ con đó của mình, cái Đại Nghĩa tựa mặt trời mà chồng nàng đang thể hiện. Nàng vui sướng; thân xác của nàng sẽ bị nghiền nát và chết dưới chiếc xe mặt trời rực rỡ đó, nhưng trong giây phút này đây, nàng vẫn tự nhiên đắm chìm trong những tình cảm thơ ngây ấy. Tuy nhiên chuyện nàng yêu thuần những thứ đó mà thôi đã thuộc về quá khứ. Bây giờ nàng không phải chỉ yêu những kỷ niệm đầy dấu yêu mà thôi, trái tim nàng còn đầy tràn nỗi cuồng nhiệt vô cùng, niềm hạnh phúc vô tận... Nhưng cho tới bây giờ, Lộc Tử chưa hề gọi tên, dù chỉ trong ý nghĩ, niềm vui xác thịt đến cả ngày lẫn đêm ấy là khoái lạc. Ngón tay xinh đẹp nàng, giữa cái lạnh lẽo Tháng Hai, đang nắm lấy con sóc sứ lạnh như băng, nhưng ngay lúc ấy nàng lại nghĩ tới cái *sát na* khi

cánh tay rắn rỏi của trung úy vươn ra, và nàng cảm thấy, ở dưới chỗ vải gấp lại có hình dáng giống như của đường viền áo choàng lụa, cái ươn ướt của thân xác trần truồng nóng bỏng làm tan đi tuyết giá. Cái chết lảng vảng trong đầu chẳng làm cho nàng sợ chút nào. Một mình ở nhà, nàng tin chắc là những tình cảm, những suy nghĩ của chàng bây giờ, những bi thương, những đau khổ của chàng, hoàn toàn giống như thân thể của chàng, tất cả sẽ dẫn đưa nàng vào cái chết dễ chịu. Nàng nghĩ thân thể nàng sẽ tan chảy dễ dàng vào cả những mảnh nhỏ của những ý tưởng của chồng.

Thế rồi Lộc Tử lắng tai nghe tin tức phát từng giờ trên đài phát thanh và nàng biết được bao nhiêu người trong số những kẻ tham gia cuộc khởi nghĩa. Tin tức của sự chết. Tình thế như thế không cách chi xoay vần được nữa rồi. Không biết chắc chiếu chỉ nhà vua khi nào ban ra, nhưng dần dần nàng cũng biết được là thoạt đầu cuộc khởi nghĩa có vẻ là để cải cách, nhưng lại bị khoác cho cái ô danh là cuộc phản loạn. Chẳng có một sự liên lạc nào từ liên đội. Trong phố thị còn đọng lại tuyết, không biết lúc nào giao tranh sẽ bắt đầu. Mãi tới hoàng hôn ngày 28 mới có tiếng gõ cửa dồn dập nơi hành lang. Lộc Tử đâm ra lo sợ. Nàng chạy nhào ra, tay lạnh cóng, gỡ then cửa. Có khuôn mặt người nhìn vào cửa sổ, không nói năng gì, nhưng nàng biết rõ đó chẳng ai khác hơn là chồng mình. Lộc Tử chưa bao giờ cảm thấy then cài của cửa trượt mở chậm đến như thế; then cài cứ như trì lại nơi tay nàng, và cánh cửa trượt không mở ra được.

Cửa chưa kịp mở hẳn, trung úy đã đứng trong hành lang xi măng, thân khoác chiếc áo khoác kaki, chân đeo ủng cao, nặng, lấm bùn tuyết. Trung úy đóng cánh cửa trượt và đồng thời đưa tay cài then cửa lại. Lộc Tử chẳng rõ liệu chồng mình có chủ ý gì khi làm như thế hay không.

"Anh đã về; em mừng!"

Lộc Tử cúi đầu sâu và nói như thế, nhưng trung úy không đáp lại. Khi anh đã gỡ kiếm và cởi áo khoác xong, nàng đi vòng ra phía sau, và giúp anh một tay. Chiếc áo khoác, mà nàng đỡ lấy, ẩm ướt và lạnh, mất đi mùi phân ngựa khi đứng phô dưới mặt trời, và trĩu nặng trong tay nàng. Treo áo choàng, cất kiếm xong, nàng đi lại phía chồng đang cởi ủng và dẫn chàng vào phòng uống trà. Đó là căn phòng sáu chiếu ở tầng dưới.

Khuôn mặt của người chồng dưới lò lửa sáng, khuôn mặt ấy râu hàm phủ bờm xờm, hốc hác nom giống như mặt ai khác. Má hóp, mất hẳn cái sáng sủa, nét căng đầy. Những lúc bình thường vui vẻ, khi về nhà, anh mặc quần áo thường, và giục dọn cơm tối, thế mà bây giờ anh vẫn mặc đồ nhà binh, quay về bàn ăn chân thấp, ngồi xếp chân bằng, cúi đầu. Lộc Tử cầm lòng lại, không dám hỏi chồng có nên dọn bữa tối hay không.

Mãi một lúc sau trung úy mới nói:

"Anh chẳng biết gì hết. Có lẽ các anh ấy cũng chẳng mời anh tham gia đâu! Dám là vì họ thấy anh mới cưới vợ, các anh ấy thương tình."

Anh Gia Nạp, anh Bản Gian, rồi cả anh Sơn Khẩu cũng vậy, là những người bạn của chồng. Lộc Tử nhớ tới những khuôn mặt các bạn thanh niên quen biết vẫn hay đến nhà họ chơi.

"Ngày mai, chiếu chỉ vua có lẽ sẽ được ban hành. Anh sợ rằng họ sẽ phải mang ô danh phản

loạn. Anh sẽ phải chỉ huy lính anh tấn công các bạn ấy... Anh không thể làm như thế! Anh không thể làm như thế được!"

Và trung úy nói tiếp:

"Anh, anh được thay phiên trực, và được phép về nhà một đêm. Và ngày mai anh bị bó buộc phải tấn công các bạn ấy. Lộc Tử ơi, anh không thể ra tay làm điều đó được."

Lộc Tử ngồi xuống, lưng thẳng, đầu cúi. Nàng hiểu rõ chồng mình muốn nói chuyện anh phải chết. Lòng đã quyết. Lời từng lời dính liền với sự chết. Những lời xúc động mạnh mẽ ấy nổi bật trên cái nền tảng kiên cố tối đen của sự chết. Dù trung úy nói ra tình trạng khó xử như thế, nhưng không làm gì còn có chuyện anh chùn bước.

Rồi hai người thinh lặng, nhưng trong khoảng khắc thinh lặng ấy vẫn có một cái gì đó như cái trong trẻo của giòng suốt tuyết tan. Thế là hết hai ngày trải qua đầy lo lắng dài như vĩnh cữu, và bây giờ ở nhà mình, có người vợ xinh đẹp ngồi trước mặt, anh bắt đầu cảm thấy yên ả trong lòng. Dù vợ không nói, nhưng anh cũng hiểu được sự cương quyết không nói ra của nàng.

"Tốt!" Trung úy, mở to đôi mắt can trường, trong sáng, tuy nặng trĩu vì mất ngủ, nhìn thẳng vào mắt vợ. "Tối nay anh sẽ mổ bụng."

Mắt của Lộc Tử chẳng nháy, dù một chút cũng không.

Đôi mắt tròn ấy biểu lộ một ý chí mạnh mẽ như tiếng chuông rền.

"Lòng em đã quyết, xin cho em được chết cùng anh."

Trung úy cảm thấy như bị cái sức nặng của đôi mắt nàng đè lên mình. Và lời nàng phát ra thao thao như trong cơn mê sảng, và anh không tin là nàng đã chấp nhận điều trọng đại đó kiểu nói cho có.

"Tốt! Chúng ta sẽ cùng nhau thi hành. Nhưng anh muốn em chứng thực chuyện mổ bụng của anh. Được không?"

Khi trung úy nói ra được như thế, lòng hai người vui tràn trề như bỗng được giải thoát. Sự trọng đại của lời chồng ký thác đánh mạnh lồng ngực nàng. Dù có gì xảy ra đi nữa, chết nhưng không được chết sai phép tắc. Để được như thế, phải có người chứng thực. Hơn nữa, hành vi chọn vợ chứng thực là sự tín nhiệm thứ nhất. Sự tín nhiệm thứ hai đó là, vì hai người đã giao kết sẽ chết cùng nhau, trung úy không giết vợ trước, nhưng sắp xếp cho vợ chết sau cùng, như thế anh sẽ không thể xác nhận cái chết của vợ được. Nếu trung úy là một người chồng hay nghi ngờ, anh sẽ chọn lựa giải pháp giết vợ trước tiên như lệ thường những vụ tự sát cả cặp vì ái tình.

Khi Lộc Tử nói "Cùng chết với nhau!" lời ấy trung úy đã nói với nàng Lộc Tử từ đêm động phòng, và rồi đến cơ sự hôm nay, anh cảm thấy điều khiến cho vợ mình thốt lên lời ấy không chút ngập ngừng là thành quả của một nền giáo dục cao cả. Lời nàng đó hỗ trợ lòng tự tin của anh, và anh không phải là một người chồng đần độn đến độ cho lời đó chỉ vì ái tình mà thốt ra.

Bởi niềm vui trào dâng trong lồng ngực nhau, họ hai mặt nhìn nhau, và mỉm cười với nhau. Lộc Tử như đang trở lại đêm động phòng.

Trước mắt họ, đớn đau không có, sự chết cũng không, và họ cảm thấy như đang có cánh đồng tự do, mênh mông trải dài trước mắt họ.

"Phòng tắm đã sẵn có nước nóng; anh có tắm không?"

"Ừ, anh tắm!"

"Anh có dùng bữa không?"

Câu nói thốt lên như một lời bình thường trong gia đình; trung úy như suýt bị hãm trong ảo giác.

"Thức ăn có lẽ không cần, nhưng em hãy hâm nóng cho anh ít rượu."

"Vâng."

Lộc Tử đứng dậy, và khi lấy ra chiếc áo choàng tắm, nàng lôi kéo sự chú ý của chồng vào chiếc tủ kéo đang mở. Trung úy đứng dậy đi lại, và nhìn vào trong tủ kéo, và đọc từng địa chỉ của những món đồ kỷ niệm trên những giấy gói ngay ngắn, vuông vức. Một sự sắp sẵn đầy can đảm bày ra trước mắt trung úy; và không một chút buồn thương, lòng anh tràn đầy cảm giác ngọt ngào. Và như một người chồng muốn chỉ cho người vợ trẻ những món đồ ngộ nghĩnh trẻ con mình mới mua, lòng thương yêu tràn trề, anh từ phía sau ôm vợ, và hôn lên gáy nàng.

Lộc Tử cảm thấy cái nhột nhạt của râu chàng nơi gáy. Đối với nàng, cái cảm giác ấy chẳng những đang ở đời này mà thôi, mà nó còn rất thực, và tuy sắp sửa mãi mãi mất, nhưng chúng thật không gì tươi mới hơn. Ánh mắt từng ánh mắt lung linh sức sống, và nơi mỗi ngõ ngách thân xác lại thức tỉnh. Nàng nhói bàn chân đang mang tất lên, và đón nhận những vuốt ve yêu đương từ phía sau của chồng.

"Anh vào tắm, và rồi chúng mình uống rượu... nhé! Em trải chiếu ra trên lầu hai nhé em...," Trung úy thì thầm vào tai vợ. Nàng lặng lẽ gật đầu.

Trung úy cởi quân phục ra, và vào buồng tắm.

Lộc Tử vừa nghe tiếng nước xối xa xa dội lại, vừa trông chừng gia giảm lửa lò nấu trà và sửa soạn lò hâm rượu đế.

Nàng cầm chiếc áo khoác mặc trong nhà, đai, đồ lót đi vào buồng tắm, và châm chước nước tắm. Giữa làn hơi nước đang lan tỏa, trung úy đang ngồi xếp bằng, cạo râu, và nàng thấy trong nơi mờ ảo ấy làn da thịt lưng rắn rỏi đẫm nước nhịp thành thạo theo cử động của cánh tay.

Ở đấy, lúc ấy, chẳng có gì gọi là đặc biệt. Lộc Tử lăm xăm lúi xúi. Nàng dọn đồ nhắm ra nệm trải sàn. Tay không run rẩy, nàng luôn nhanh nhẩu, và cẩn thận để ý dọn cái này xếp cái kia. Nhưng thỉnh thoảng trống ngực vẫn cứ đánh thình thình. Và như những làn chớp nơi xa xăm, tiếng trống ngực ấy thoắt hiện thoắt biến. Ngoài ra, chẳng có gì biến đổi khác thường.

Trung úy cạo râu trong buồng tắm; và khi thân thể đã ấm lên, cái mệt mã của những đau khổ mà không có nơi nào có thể chứa đựng được nỗi, cái mệt mã ấy giờ đã hoàn toàn chữa lành. Và khi đối diện với cái chết trước mặt, trung úy cảm thấy lòng tràn đầy một sự ngóng đợi thú vị. Nghe mơ hồ tiếng vợ mình đang sửa soạn. Thế rồi cái ham muốn mạnh mẽ, đã bỏ lửng hai ngày, giờ lại nổi lên trong lòng.

Trung úy tin rằng chẳng mảy may cặn cợn nào còn đọng lại trong niềm vui quyết tử của hai người. Lúc ấy hai người, dù không hoàn toàn ý thức, nhưng họ vẫn cảm thấy cái khoái lạc chính đáng mà tư riêng của họ hoàn toàn được giữ trong vòng lễ giáo, không mộc chút sứt mẻ, và đầy Đại Nghĩa uy nghi.

Hai người nhìn nhau, và khi nhận ra trong đáy ánh mắt trao nhau đó cái chết đường đường, họ cảm thấy họ như được bao quanh bởi bức tường thép không ai có tài nào phá vỡ được, và họ cảm thấy họ được mặc áo giáp của Chính Nghĩa, của cái Đẹp mà chẳng ai có thể chạm tới được. Cho nên trung úy không thấy có gì mâu thuẫn chỏi nhau giữa ham muốn xác thịt của mình và lòng yêu nước, mà đúng ra, anh nghĩ, đã nhập thành một.

Trung úy giơ mặt ra trước kiếng soi tôi tối, có vết nứt, lòa nhoà hơi nước, và anh cạo râu thiệt kỹ. Đấy sẽ là khuôn mặt của sự chết. Cạo không lưu một vệt dao phạm nào khó coi. Khuôn mặt mới cạo lại tươi trẻ rạng rỡ đến mức có thể làm sáng tấm gương tối tăm. Nơi sự chết và khuôn mặt mạnh khoẻ tỉnh táo kết hợp, quả thật có một cái gì đó gọn gàng tinh tươm.

Khuôn mặt như thế là bản mặt của sự chết! Nói đúng ra, khuôn mặt ấy, một nửa đang lìa xa trung úy, người sở hữu, và sắp trở nên khuôn mặt trên tấm bia mộ. Anh nhắm chặt mắt mình. Hoàn toàn bị bao trùm bởi bóng đen, anh không còn thấy mình là một con người đang sống và đang nhìn sự vật.

Trung úy ra khỏi phòng tắm, những vết cạo xanh xanh sáng trên đôi má tươi nhuận, và anh ngồi xếp bằng xuống cạnh lò than đang cháy đượm. Anh nhận thấy Lộc Tử giữa lúc bận bịu, cũng đã điểm trang sơ khuôn mặt nàng. Má tươi như hoa, đôi môi mọng ướt, chẳng có vẻ gì là bi thương. Và nhìn tính cách mạnh mẽ của người vợ trẻ, anh cảm thấy anh đã chọn đúng người vợ mà mình nên chọn.

Trung úy sau khi đã cạn chén, anh liền nâng một chén cho Lộc Tử. Nàng không uống ngay một hơi, nàng nhận chén rượu không chút ngại ngùng, và ren rén đưa chén rượu lên miệng.

"Lại đây với anh," trung úy nói.

Lộc Tử đi lại phía chồng, và ngã vào lòng chồng. Tim đập mạnh thật mạnh; cả nỗi buồn, cả niềm vui như thể hoà chung vào với rượu nồng. Trung úy đau đáu nhìn vào mặt vợ. Chính anh đang nhìn vào khuôn mặt cuối cùng của cõi thế này, khuôn mặt của người đàn bà cuối cùng. Với đôi mắt của một người lữ hành vẫy chào thắng cảnh đẹp đẽ của một vùng đất mà mình sẽ không trở lại, trung úy nhìn chăm, nhìn kỹ khuôn mặt vợ mình. Khuôn mặt nàng, nhìn bao lần đi nữa cũng chẳng chán. Khuôn mặt ấy ngay thẳng, mà lại không lạnh, đôi môi mềm khép lại mơ hồ. Trung úy bất giác hôn lên đôi môi ấy. Khuôn mặt nàng, dầu chẳng có một chút gì nhăn nhúm vì khóc, vậy mà những giọt nước mắt từng giọt từng giọt vẫn cứ trào ra từ bóng râm của hàng mi dài nơi đôi mắt khép kín, và từ khóe mắt, chảy xuống lung linh.

Thế rồi khi trung úy hối thúc nàng lên phòng ngủ tầng trên, nàng thưa là nàng sẽ vào buồng tắm rồi sẽ lên sau. Nghe thế, trung úy lên tầng trên, và vào phòng ngủ đã được sưởi ấm bằng hơi đốt, rồi nằm xoải chân trên tấm nệm sàn nhà. Nằm đợi mãi cho tới khi vợ đến. Anh nằm trơ ra đó, hai tay xếp kê lên gáy nhìn đăm lên gỗ trên trần nhà tối mờ mờ mà ngọn đèn bàn không chiếu tới được. Bây giờ anh cảm thấy có phải anh đang chờ cái chết hay chờ sự sung sướng điên cuồng của cảm giác, lúc cả hai nằm chồng lên nhau; như thế ham muốn của xác thịt như đang gặp mặt

sự chết. Dẫu sao đi nữa, trung úy có lẽ chưa bao giờ nếm được cái tự do ở mức hoàn toàn đến mức như vậy.

Có tiếng xe hơi ngoài khung cửa sổ. Có tiếng nghiến ken két của những mảng tuyết còn sót lại ai đó giẫm trên vệ đường. Tiếng còi dội lại trên tường... Khi nghe những âm thanh như thế, anh có cảm tưởng nơi này như nhô lên tựa một hải đảo giữa biển xã hội, trong đó người đời vẫn tới lui bình thường. Cái Đất Nước mà anh âu lo đó đang trải ra bao la, hỗn độn gần nhà anh. Vì cái Đất Nước đó anh nguyền dâng thân mình. Đất Nước ấy đang ra sức hối thúc anh cho tới khi thân xác anh bị hủy diệt; cái Đất Nước ấy, anh không biết, cuối cùng có ngó ngàng nhìn anh dầu chỉ một lần hay không. Thôi, như thế cũng chẳng sao! Đây là một chiến trường không huy hoàng sáng chói, một chiến trường mà anh không thể biểu dương công trạng cho một ai. Đây là tuyến đầu của quỉ thần.

Có tiếng chân của Lộc Tử bước lên cầu thang. Chiếc cầu thang dốc đứng của căn nhà cũ kỹ kêu két két thật rõ. Tiếng két két gây nhớ. Không biết bao nhiêu lần chàng trung úy ở trong phòng ngủ chờ nàng của mình, và lắng nghe cái âm thanh két két ngọt ngào ấy. Khi nghĩ rằng anh không còn nghe tiếng chân nàng bước thêm một lần nữa, anh bắt đầu chú ý lắng nghe, trong từng giây từng giây của khoảng thời gian quí trọng, cái tiếng chân nhẹ nhàng mà làm kêu ken két đó; anh cố đong cho đầy từng ngõ ngách lòng mình. Và rồi thời gian ấy chiếu lung linh, trở nên như đá quí.

Lộc Tử mang đai áo Danh Cổ Ốc, và màu hồng của đai áo không sẫm lại theo bóng tối. Khi trung úy đưa tay cầm lấy đai áo, và Lộc Tử đưa tay giúp tháo, đai áo rơi tuột xuống nệm trải sàn. Vợ vẫn còn áo choàng tắm trên mình, trung úy đưa tay luồn vào hai bên sườn nàng, tính ôm lấy nàng, nhưng khi ngón tay đụng phải lỗ nách ấm áp của ống tay áo, trung úy, qua cảm xúc nơi đầu ngón tay, lòng cũng như toàn thân bùng cháy lên. Hai người lắng lặng tự nhiên cởi quần áo trước ánh lửa lò sưởi. Hai người tuy không nói ra, nhưng lòng dạ, thân xác, lồng ngực đang đập thình thịch, tất cả lục bục lên cái ý nghĩ đây là lần dâng hiến cho nhau lần cuối. Cái cụm từ "dâng hiến cho nhau lần cuối" ấy như hiện từng nét lên mọi ngõ ngách không thể thấy của thân xác trong bóng tối.

Trung úy ôm siết lấy người vợ trẻ, và hôn nàng. Lưỡi hai người cảm nhận mọi góc trong miệng ướt mềm của nhau. Cái thống khổ của sự chết họ chưa cảm nhận, cái thống khổ của sự chết còn xa vời ấy, làm tinh ròng sự sung sướng của hai người.

"Đây là lần cuối cùng anh được nhìn thân thể em. Cho anh được nhìn rõ thân thể em," trung úy nói. Thế rồi chàng nghiêng nghiêng cái chao đèn để bàn, và làm cho ánh sáng lơ lửng trên thân Lộc Tử đang nằm sóng xoãi.

Lộc Tử nhắm mắt, nằm sóng xoãi. Cái ánh sáng chiếu thấp ấy làm lộ ra những đường nét nhấp nhô của da thịt trắng tinh được vẻ uy nghi. Một chút ích kỷ, trung úy vui mừng vì mình được hạnh phúc toàn vẹn ở chỗ không phải thấy sự thật phũ phàng về cái hư nát của cái thân xác đẹp đẽ ấy của nàng.

Trung úy nhẩn nha khắc vào lòng cái cảnh đẹp không thể quên được. Bàn tay vừa nhẹ nhàng đùa trong mái tóc nàng, vừa vuốt ve khuôn mặt đẹp, miệng chàng hôn nàng nơi này chốn nọ, chỗ mắt nhướng tới. Từ vừng trán uy nghi mà lặng lẽ như vầng núi Phú Sĩ, cho đến đôi mắt khép lại với hàng mi dài nằm phía dưới mày mơ màng, đến chiếc mũi dọc dừa xinh đẹp, đến khoảng giữa đôi môi đều đặn, mọng đầy hàm răng lấp lánh, thấp thoáng, đến đôi má ấm mềm, chiếc cằm nhỏ, linh lợi..., tất cả làm cho trung úy nghĩ tới khuôn mặt trong sáng của sự chết. Trung úy hôn không biết bao nhiêu lần, hôn mãnh liệt, gốc cần cổ trắng ngần, nơi nàng có lẽ sẽ tự mình đâm, và làm cho ngấn cổ ấy đỏ rựng lên. Chàng trở lại với đôi môi, áp nhẹ lên làn môi ấy, và lay nhay đôi môi mình trên đôi môi nàng, như chiếc thuyền con bập bềnh. Nhắm mắt lại, cõi đời này như một chiếc nôi.

Môi rà theo nơi mắt nhìn. Đôi vú nàng vun cao, phập phồng, đôi vú ấy, chàng núm lấy đầu núm vú như nụ hoa đào đỉnh non, và khi chàng trung úy ngoạm vào, vú trở nên cứng. Vẻ mĩ miều của đôi cánh tay chảy nghiêng xuống từ hai bên cạnh sườn phía lồng ngực, vẻ mĩ miều ấy là một công trình tinh xảo: cái tròn lẳn muốt nhỏ dần xuống đến cổ tay, và nơi mút bàn tay là những ngón tay nhỏ nhắn đã từng cầm chiếc quạt ngày hôn lễ. Từng ngón từng ngón tay nàng, trước đôi môi của chàng, chúng cứ ẩn trốn sau những ngón khác như thể thẹn thuồng. Vùng thịt da từ lồng ngực cho tới bụng, nhỏ lại tự nhiên theo khuôn đúc Tạo Hoá, và với cái vẻ mềm mại đó, nó vừa vít cong xuống cái sức đang căng, vừa làm giảm lại cái đường cong phong phú từ bụng cho tới eo, thế mà vẫn phô ra cho thấy cái gì đó như kỷ luật

nghiêm minh của một thân thể không buông thả mảy may. Cái bụng cách xa ánh sáng và màu trắng của eo như sữa chảy tràn ra khỏi chiếc chén lớn, và còn hơn thế nữa, nơi vùng bụng ấy, chiếc rốn trũng thanh sạch như dấu vết tươi mới mà một hạt nước mưa mới xoi nặng hạt. Nơi những bộ phận mà những bóng râm càng lúc càng tụ lại sẫm bóng, lông chụm lại và dựng đứng nhịp nhàng theo luồng nhạy cảm; và có mùi như mùi hương của hoa trên cao cháy nắng. Bây giờ, những chấn động không ngừng trong thân thể không còn yên tĩnh nữa, và nơi vùng hương hoa lông lá đó, chúng càng lúc càng đồng loạt dâng cao.

Thế rồi, Lộc Tử nói mà như không định trước:

"Cho em thấy... Em nữa, anh cũng hãy cho em thấy rõ hình thể yêu dấu anh."

Một lời van xin đường hoàng mà tha thiết như thế, tới nay, chưa một lần thốt ra từ miệng người vợ; nghe như nàng bấy lâu nay cầm lòng, giấu kín và cuối cùng giờ này bỗng trào ra, vì thế chàng trung úy ngoan ngoãn nằm xoải người, phó thân xác mình cho vợ. Cái thân thể trắng tinh khôi đang còn chấn động của nàng chỗi dậy hẳn. Và nóng lòng đáp ứng cái ước nguyện yêu dấu là làm những gì mà chồng đã làm cho mình, nàng, với hai ngón tay vuốt ve như chảy trên đôi mắt, làm cho chồng đang ngước trông mình đăm đăm cũng phải nhắm mắt lại. Lộc Tử, đỏ nóng ran cả má, đỏ tới cả viền mắt, tràn trề yêu dấu, nàng ôm lấy cái đầu tóc năm phân của chàng. Tóc ngắn chà rát vú nàng; và khi chiếc mũi cao lạnh lạnh chui vào, hơi thở chàng trở nên nóng hôi hổi trong vùng vú. Nàng dang ra, và nhìn vào khuôn mặt đầy nam nhi. Mày nghiêm nghị, mắt khép kín, sống mũi thanh tú, kết hợp chặt chẽ với vành môi đẹp, má với vết cạo xanh xanh phản chiếu ánh đèn, lung linh ảo ánh. Lộc Tử hôn từng phần một, hôn lên chiếc gáy rộng, trên đôi vai sức sống tràn trề, trên ngực cường tráng như thể dàn ra trên đó hai tấm thuẫn. Và hôn cả hai núm vú màu cây du. Ở nơi hai nách, nơi mảng sườn đẹp mà vùng thịt lồng ngực chảy vào, có mùi lẩn khuất ngọt ngào thoang thoảng; và nơi cái ngọt ngào của mùi ấy

BÍCH

Bài Luận Văn Tả Cây Cầu Cái Răng

Ta thản nhiên qua cầu với một đời bão nổi
bao nhiêu nước dưới cầu xuôi chảy về Đông
nhớ đến em, kẻ tình buồn ngoài vạn dặm
Ôi! Cánh hạc vàng nào bay vào cõi mênh mông

Trên cầu này có vầng trăng kỳ lạ
không bao giờ soi hai đứa hai nơi
Nửa vầng trăng giờ lạnh lùng nơi cố quận
Nửa vầng trăng mọc hiu hắt bên trời

Dưới chân cầu có loài dị thảo
thường bám theo em suốt nẻo đường về
để có dịp ta gởi từng mắt cỏ
Nhìn gót chân trần thần thánh cũng u mê

Hàng thép gai ngang cầu có bầy chim mách lẻo
nói với em rằng ta đã hết yêu em
nói với em ta là tên giang hồ bất hạnh
Ôi! Kỷ niệm xưa giờ nhớ quá êm đềm

Phải chăng cuộc sống ta là chiếc cầu nối hai bờ sinh tử
Ta lỡ một lần đánh mất tuổi thanh xuân
Năm tháng cũ nhớ hoài như cơn mộng dữ
bây giờ qua cầu lòng thấy bùi ngùi với thoáng bâng khuâng

Bài luận văn tả cây cầu đến đây thiếu phần kết luận
bởi vì nước dưới cầu còn chảy mãi về Đông
bởi vì mỗi ngày ta còn thản nhiên qua cầu
với một đời bão nổi
Nơi xứ lạ lạnh lùng biết em còn nhớ ta không?

Cái Răng, tháng 5-1998
(Gởi Hồ Yến Nhi, Boston, với chút êm đềm cũ)

chan chứa, dù gì đi nữa, cái tinh cảm của cái chết lúc còn thanh xuân. Da của chàng có cái lung linh của đồng lúa mạch. Và những bắp thịt rắn rỏi khắp thân thể phô ra những đường nét sắc sảo, giao nhau ở chiếc rốn giản dị nằm ở dưới nếp gân bụng. Khi Lộc Tử nhìn vào chiếc bụng dung dị bao phủ bởi những chùm lông tươi tốt, nàng nghĩ tới lúc chúng sẽ bị cắt đứt thê thảm, và nàng, dấu yêu vô vàn, cúi xuống, chảy nước mắt, tưới vào đó những nụ hôn.

Trung úy nằm ngửa ra đó, và khi cảm thấy những giọt nước mắt của vợ tuôn chảy trên bụng mình, anh thấy rằng anh càng có thêm dũng khí cứng rắn để chịu đựng những đau đớn kịch liệt của việc mổ bụng tự sát.

Sau khi đã trải qua cơn lâm lụy như thế, hai người bắt đầu nếm được sự sung sướng tột cùng như thế nào, tưởng không cần phải nói ra ở đây.

Trung úy hùng dũng chỗi dậy, ôm lấy trong cánh tay mạnh mẽ của mình người vợ đã kiệt sức vì khóc và vì buồn thương. Hai người cuồng loạn cạ má trái má phải của nhau. Thân của Lộc Tử run bắn. Ngực đẫm ướt mồ hôi của hai người dính chặt vào nhau, và từng ngõ ngách của thân xác đẹp đẽ, trẻ trung đã trở thành một, đến nỗi khó có thể nghĩ là họ lại có thể rời ra được. Lộc Tử thét lên. Từ trên đỉnh cao, họ rơi vào vực thẳm, và từ vực thẳm, họ mọc cánh và lại vút lên trời xanh, cao đến chóng mặt. Trung úy thở hổn hển như người lính cầm cờ của liên đội trong một cuộc diễn hành dài... Thế rồi, khi xong một vòng, ngay lập tức tình ý lại tràn trề, và hai người lại nắm tay nhau, chẳng mệt nhọc chút nào, trèo lên đỉnh núi một hơi.

4.

Thời gian trôi qua. Trung úy rời khỏi thân thể người vợ, nhưng không phải vì cuối cùng mệt quá, nhưng vì thứ nhất anh sợ sẽ làm nhụt đi cái sức mạnh cần thiết để thực hiện chuyện mổ bụng, thứ hai, vì anh sợ, do sự ham muốn thái quá, sẽ làm tổn thương cái kỷ niệm ngọt ngào lần cuối ấy.

Khi trung úy nhất định rời khỏi thân thể nhau, Lộc Tử, như bao lâu nay, từ tốn noi theo. Hai người, trần truồng, đan ngón tay vào nhau, nằm xuống, và nhìn đăm đăm lên trần nhà tối. Mồ hôi đã rút hết, nhưng vì lửa lò sưởi vẫn còn nóng, họ không cảm thấy lạnh chút nào. Đêm chung quanh lặng ngắt như tờ, cả tiếng xe xuôi ngược dường như cũng đã ngưng hẳn. Vọng âm của đường xe lửa công cộng, xe điện dội lại từ phía tường trong của chiến hào, rồi bị chắn lại bởi những chòm cây trong công viên đối diện với đường xe hơi rộng phía trước cung Xích Bản. Trong một khu như thế ở Đông Kinh, ngay bây giờ đây, khó mà tin được rằng quân đội chia rẽ của Thiên Hoàng đang ghìm nhau.

Hai người vừa cảm nhận cái nóng cháy đang bừng bừng trong họ, vừa nhớ lại cái sung sướng cùng cực mà chỉ bây giờ họ mới nếm được. Họ nhớ tới cái vị của nụ hôn bất tận, cái cảm xúc trên làn da, cái khoái lạc ngất ngây. Nhưng nơi gỗ trần nhà tối trên kia, họ đã nhìn thấy trước bản mặt của sự chết. Hoan lạc này là hoan lạc cuối cùng,không còn trở lại với thân xác họ lần thứ hai; hơn nữa, hai người cùng nghĩ như nhau là dù họ có sống đời sống mãi thế nào đi nữa, cái hoan lạc đạt đến mức như thế không thể nào xảy ra lần nữa. Cái xúc cảm nơi những ngón tay đan nhau, cảm xúc đó rồi cũng sẽ mất. Ngay cả hoa văn của những tấm ván trên trần nhà tối tăm, mà hai người bây giờ đang nhìn, rồi cũng sẽ mất. Họ cảm thấy sự chết đang nhích thật sát, thật sát. Sẽ không đẩy lùi thời giờ. Lung lay cái dũng khí. Từ đây phải bám lấy sự chết.

"Nào, chúng ta hãy sửa soạn," trung úy nói.

Giọng nói rõ ràng là đầy quyết tâm, và Lộc Tử nghe âm thanh của lời nói đó chưa bao giờ được dấu yêu, ấm áp đến như thế. Khi họ chỗi dậy, có những sự việc cần gấp đang chờ đợi họ.

Trung úy, bấy lâu nay chẳng bao giờ giúp một tay chuyện dọn giường chiếu, bây giờ vui vẻ mở cánh cửa trượt bằng giấy của tủ quần áo và mang bỏ vào đó tấm nệm trải sàn.

Lộc Tử tắt sưởi ga, và dẹp qua một bên chiếc đèn để bàn bằng gỗ tử chiên; và, vì khi trung úy đi lên đồn, Lộc Tử đã dọn dẹp, và quét tước thoáng mát, nên ngoài chiếc bàn thấp đã được kéo vào một góc, cái khoảng trống rộng tám chiếu bây giờ có cái vẻ của một căn phòng trước khi đón một người khách sang trọng.

"Trong phòng này anh Gia Nạp, anh Mộc Gian, anh Dã Cát đã uống rượu."

"Vâng, tất cả các anh ấy đã uống tới sau mèm."

"Chẳng bao lâu nữa chúng ta sẽ gặp các anh ấy ở âm phủ. Khi thấy anh dẫn em theo, biết đâu lại bị các anh ấy cười ha hả chọc quê!"

Khi đi xuống tầng dưới, trung úy quay lại nhìn căn phòng yên ắng có ánh điện chiếu sáng trưng. Trong trí anh bồng bềnh những khuôn mặt những

người bạn trẻ uống rượu, cười đùa, đấu láo vô tội vạ. Thế mà anh sẽ mổ bụng tự sát ở đây, thiệt là chuyện khó mà tưởng tượng được, dù cả trong mơ. Ở tầng dưới có hai phòng, hai vợ chồng sửa soạn chuyện này chuyện nọ tỉnh tỉnh như giòng nước trôi. Trung úy đi cầu, rồi vào nhà tắm rửa ráy thân thể. Trong khi đó Lộc Tử xếp cất chiếc áo khoác độn bông của chồng, để bộ quân phục, tấm khố vấn dài 1 mét 8 mới cắt, mới tẩy, và trải ra tấm giấy để viết di thư trên bàn trà, rồi mở nắp nghiên và mài mực. Những câu văn cho di thư, nàng đã nghĩ sẵn trong đầu.

Nàng đè mạnh trên lớp thếp vàng lạnh của thỏi mực. Lòng nghiên bỗng đen sầm như thể mây đen đang lan tỏa. Những cử động lập đi lập lại, ngón tay đang ấn, cái âm thanh lặng lẽ tới lui, tất cả nhằm chuẩn bị cho sự chết mà thôi. Cho tới khi sự chết chốc nữa sẽ đến, những sự sửa soạn tưởng bình thường trong nhà đó, tất cả chẳng qua là để giết thời gian một cách bình thản. Nhưng trong khi mài mực như thế, nơi cái cảm giác mực đang làm tăng sự trơn trượt, nơi mùi của mực càng lúc càng mạnh, có cái gì đó tối tăm không thể thốt thành lời.

Trung úy, trong bộ quân phục phẳng phiu trên da thịt sạch sẽ, từ buồng tắm hiện ra. Thế rồi anh lặng lẽ, ngồi thẳng lưng, cầm bút lông, vuốt cho thẳng tờ giấy ra phía trước. Lộc Tử cầm bộ đồ *kimônô* lụa trắng đi vào buồng tắm, và nàng rửa mình, trang điểm sơ; rồi trong bộ *kimônô* lụa trắng, nàng đến chỗ uống trà, lặng lẽ, và nàng thấy dưới ánh đèn nửa tờ giấy của di thư chỉ có hàng chữ: "Quân Đội Thiên Hoàng Muôn Năm! Lục quân bộ binh trung úy Vũ-Sơn Tín-Nhị."

Lộc Tử đến ngồi đối diện với chồng, viết di thư. Trung úy yên lặng, vẻ mặt sắc lưỡi kiếm, nhìn chăm động tác đoan chính của những ngón tay trắng nàng đang cầm bút.

Trung úy cầm chiếc kiếm nhà binh, Lộc Tử giắt giao con nơi đai *kimônô* lụa trắng, cầm di thư, cả hai đứng trước bàn thờ, thầm lặng cầu xin. Tầng dưới, đèn điện đã tắt hết. Trung úy, bước lên tầng trên, quay lại, anh nhìn thấy cái đẹp đẽ của hình dáng vợ mặc *kimônô* lụa trắng, đầu cúi đang theo mình bước lên tầng trên lại.

Di thư họ bỏ lại nơi bàn thờ ở trên tầng dưới. Họ tính dời đi bức trướng nhưng vì đấy là chữ của trung tướng Vĩ Quan, người mai mối của hai vợ chồng, vả lại bức trướng có chữ "Chí Thành," nên họ cứ để yên như vậy. Dù có lỡ vây máu bắn ra, trung tướng cũng sẽ hiểu lòng.

Trung úy ngồi thẳng, lưng dựa vào cột bàn thờ, kiếm nhà binh để ngang trước mặt.

Lộc Tử, trắng tinh khôi, màu hồng nhàn nhạt tô trên môi trông thật đẹp, ngồi vén khéo cách chồng một chiếu,

Hai người chỉ cách nhau một chiếu, nên có thể nhìn thấy rõ nhau. Kiếm trước gối trung úy. Khi thấy kiếm như thế, Lộc Tử nhớ đến đêm đầu tiên và không kham được nỗi buồn. Trung úy nói, giọng khẩn đặc:

"Vì anh không có ai giúp anh khi anh mổ bụng, anh nghĩ anh sẽ đâm sâu. Nhìn có lẽ sẽ ghê sợ lắm, nhưng em đừng có kinh hoảng. Dù chết kiểu nào đi nữa, người bên ngoài nhìn vào ai cũng sợ. Nhưng thấy như thế, em chớ chùn lòng, nhé em!"

"Vâng," và nàng cúi đầu sâu.

Nhìn dáng dấp thanh mảnh, trắng trẻo của vợ, trung úy, trước cái chết, cảm thấy sướng khoái lạ lùng. Điều anh sắp thực hiện là một hành vi công nhiên của một người lính mà từ trước nay anh chưa từng chứng tỏ cho vợ thấy. Hành vi này phải được hiểu là nó cùng ngang hàng với sự quyết chiến nơi chiến trường, và đồng hàng, đồng tính chất với cái chết nơi chiến trường. Chính anh đang chỉ cho vợ mình thấy hình ảnh chiến trường.

Điều này mang đến cho trung úy cái ảo giác lạ lùng trong giây lát. Cái chết cô đơn nơi chiến trường và người vợ xinh đẹp trước mặt mình dính vào nhau trong hai chiều kích, và làm hiện rõ lên cái-cùng-nhau tưởng không thể có được; nơi cái cảm giác rằng mình sẽ chết bây giờ, có một cái gì đó đẹp đẽ, ngọt ngào khôn thốt thành lời. Đấy chẳng phải là hạnh phúc tột đỉnh hay sao? Chết mà được vợ nhìn từng giây phút một, thì cũng tựa như vừa dấn thân vào cái chết vừa được làn gió nhẹ đẫm hương trên cao thổi tới. Nơi đây có một cái gì đó như ân sủng. Cái gì đó không hiểu được, nhưng là một khung cảnh mà những người khác không thể biết rõ, khung cảnh này không gởi cho ai khác được, lại được gởi cho anh. Trung úy, qua hình dáng người vợ trong chiếc *kimônô* lụa trắng cô dâu trước mắt mình, anh cảm thấy như đang nhìn Hoàng Gia mà mình xả thân ra lo lắng phụng sự, rồi Quốc Gia, Quân Kỳ, tất cả trong ảo ánh rạng rỡ; tất cả, chẳng kém gì ánh mắt vợ mình, không biết tự nơi nào, không biết tự nơi xa xăm như thế nào, đang hiện hữu và phóng ra tia mắt trong suốt, và nhìn chăm chú vào anh.

Lộc Tử cũng nhìn bóng dáng chồng mình và nghĩ rằng trên cõi đời này chẳng có gì đẹp đẽ đến như thế. Trung úy vốn mặc quân phục rất

hợp, và lông mày oai nghiêm, đôi môi mím cương nghị, tất cả, trước cái chết, dường như đang làm hiện lên cái đẹp đẽ tót vời nam nhi.

"Nào, bắt đầu," cuối cùng trung úy nói.

Nghe thế, Lộc Tử cúi đầu sâu trên tấm nệm sàn nhà, làm nghi lễ từ biệt. Nàng không thể ngước mặt lên. Dù nghĩ là nước mắt sẽ làm hư đi lớp trang điểm, nàng vẫn không thể cầm được giòng lệ. Cuối cùng khi nàng ngước mặt lên, qua màn nước mắt, nàng thấy chồng mình đang vấn vải bông trắng quanh lưỡi kiếm, chỉ để lộ khoảng ba tấc tây mũi của lưỡi kiếm mà anh đã rút khỏi vỏ. Khi đã đặt lưỡi kiếm có quấn vải trước gối mình, anh nhấc đầu gối, và cởi cúc nơi cổ áo lính. Mắt anh không còn nhìn vợ. Anh chậm rãi gỡ từng nút áo từng nút áo dẹp bằng đồng thau ra. Cái lồng ngực đen nhạt lộ ra, rồi cái bụng cũng lộ ra. Cởi cái khuy nịt, cởi nút chiếc quần dài. Mảnh khố dài mét tám ló ra, và rồi anh nhìn kỹ bụng của mình, đưa hai tay đẩy chiếc khố xuống, tay phải cầm lấy cán của chiếc kiếm nhà binh có bao vải bông trắng. Và trong tư thế ấy, anh cúi mắt nhìn vào bụng mình. Và tay trái xoa mềm phần bụng dưới. Vì trung úy cảm thấy không chắc ăn về độ sắc của lưỡi kiếm, anh cắt phần bên trái của chiếc quần dài, làm lộ ra một chút đùi, và đưa lưỡi kiếm lướt nhè nhẹ qua, ngay lập tức máu ứa ra; vài giọt máu nhỏ lung linh trong ánh sáng rõ ràng và chảy xuống phía háng.

Thoạt nhìn máu của chồng, Lộc Tử thình thịch kinh hãi. Nhìn mặt chồng mình. Trung úy đang bình thản nhìn những giọt máu đó. Lộc Tử nếm được một chút gì như nỗi nhẹ nhõm, dù đấy chỉ là cái an tâm tạm thời.

Lúc ấy cái nhìn của trung úy ngưng đọng trên vợ mình, chăm chú nhìn như ánh mắt chim ưng. Đưa vòng lưỡi kiếm trước mặt mình, đặt vào nơi eo, và nửa thân trên như đang đè lên lưỡi kiếm; và có thể thấy sự anh đang dồn toàn sức hiện ra nơi cầu vai đang rung rung của bộ quân phục. Trung úy, trong một thoáng, tính toán đâm vào vùng bụng gần hông trái. Tiếng hét sắc cạnh của trung úy xuyên qua căn phòng thinh lặng.

Trung úy gồng mình không ngừng; anh cảm thấy như ai đó đưa chiếc gậy đồng dập mạnh vào bên hông. Trong nháy mắt, đầu anh xoay mòng mòng và anh không còn biết điều gì đã xảy ra. Kiếm đã lụi sâu hẳn vào trong khoảng hai ba tấc, và miếng giấy bó cổ tay đã đụng ngay tới bụng.

Anh tỉnh lại. Anh nghĩ lưỡi kiếm chắc đã xuyên qua màng bụng. Anh thở dốc, lồng ngực đập mạnh, và những phần sâu xa xa trong thân thể, anh không còn nghĩ được đó là những bộ phận thuộc thân xác anh; anh cảm thấy một sự đau đớn kịch liệt kinh khủng đang vọt lên như thể đất bị xé toạc ra và dung nham nóng bỏng đang trào lên. Cái đau đớn kịch liệt đó chợt đến với một tốc độ khủng khiếp. Trung úy bất giác thét lên, nhưng vẫn cắn vành môi dưới lại.

Trung úy nghĩ: mổ bụng là như thế sao? Đất trời điên đảo. Cái can đảm, cái ý chí có cái vẻ cứng rắn trước khi mổ bụng bây giờ trở nên như một sợi chỉ nơi một chiếc kim nhỏ, và anh bị tấn công bởi cái ý nghĩ là anh chỉ còn có nước bám vào sợi chỉ đó. Cổ tay đã đến lúc trơn bóng. Nhìn, và anh thấy miếng vải bông trắng và cổ tay đã thấm đẫm máu. Và chiếc khố cũng đã nhuộm màu đỏ tươi. Thật lạ lùng là giữa cơn đau đớn mà cái gì có thể thấy, vẫn thấy được, cái gì hiện hữu, vẫn cứ hiện hữu.

Lộc Tử, cái khoảnh khắc trung úy thọc mũi kiếm vào bụng phía hông trái, nàng thấy khí của máu tỏa ra từ khuôn mặt chồng mình như chiếc khăn che bỗng nhiên hạ xuống, và nàng tự dằn không đứng lên chạy lại phía chồng. Dù có gì xảy đi nữa, nàng cũng phải nhìn. Nàng phải chứng kiến. Đấy là cái nhiệm vụ đã được trao phó cho người vợ Lộc Tử. Bên kia, cách chỉ một chiếu, khuôn mặt của chồng mình đang cắn môi dưới ghìm lại cơn đau đớn. Sự đớn đau hiện ra rõ ràng trước mắt Lộc Tử. Nàng không có cách chi để cứu chồng được nữa rồi. Mồ hôi rịn ra trên trán chồng lung linh ánh sáng. Trung úy nhắm mắt lại, rồi lại mở mắt ra như thể đang thử mắt. Con mắt đó đã mất hẳn ánh sáng, và trong đó, bây giờ có cái vẻ ngây thơ vô tội như của một con thú nhỏ.

Cái đau đớn ấy, trước mắt của Lộc Tử đây thôi, mà như mặt trời mùa hạ chiếu gay gắt, xa hẳn nỗi bi thương tưởng đương xé thân xác Lộc Tử. Đau đớn càng lúc càng tăng. Và trải dài. Lộc Tử cảm thấy rằng chồng mình đã hóa thân thành người của thế giới khác; sự hiện hữu của thế giới này co nhỏ lại và tan vào đớn đau, vào trong phòng giam của đớn đau mà tay không thể vươn tới, không thể đụng tới. Nàng không đau đớn. Bi thương mà không đau đớn xác thể. Khi nghĩ ra như thế, Lộc Tử cảm thấy như ai đó đang nhấc lên bức tường bằng kiếng cao vô tình.

Dù rằng, từ ngày lấy nhau đến nay, hiện hữu của chồng cũng là hiện hữu của mình, từng hơi thở của chồng cũng là từng hơi thở của mình,

nhưng bây giờ, cái hiện hữu của chồng với những đớn đau rõ ràng ấy, Lộc Tử không thấy cái bằng chứng rõ ràng nào về sự hiện hữu của đau đớn sớt chia từ nàng.

Trung úy, bằng tay phải, cố gắng lụi kiếm vào, nhưng mũi kiếm bị vướng vào ruột, nên có lúc bị dội trở lại bởi sức đàn hồi của kiếm; anh vừa dùng hai tay ấn sâu lưỡi kiếm vào sâu phần trong bụng, anh vừa ý thức rằng anh phải lụi tới như thế mới được. Lụi tới. Không cắt được như anh nghĩ. Trung úy dùng tay phải thọc toàn thân lưỡi kiếm vào. Vết cắt rộng khoảng một tấc tây.

Đau đớn từ phía trong ruột sâu lan toả dần dần, và toàn thể ruột bắt đầu phát ra tiếng kêu vang dội. Cái đau đớn đó, nghe như tiếng chuông gõ loạn xạ, từng hơi từng hơi thở, từng nhịp từng nhịp mạch đập, mỗi lần như thế cứ như ngàn cái chuông đau đớn kêu lên; cái đau đớn ấy lay mạnh cả cái hiện hữu của anh lúc ấy. Trung úy không còn dằn lại được tiếng rên rỉ. Nhưng tới lúc ấy lưỡi kiếm đã cắt xuống tận rốn, có thể nhận thấy nơi anh cái dũng khí, và sự thỏa chí.

Máu càng lúc càng nhiều, và như thể vọt ra theo mạch đập từ miệng vết thương. Nệm trải sàn trước mặt trung úy đã đẫm máu vọt, và bây giờ máu đọng lại từ những nếp gấp của chiếc quần kaki lại chảy rơi xuống đó. Thế rồi một giọt máu như con chim nhỏ tự phương xa, bay lại đến trên đầu gối của chiếc áo *kimônô* lụa trắng.

Cuối cùng khi trung úy lụi sâu vào đến bên hông trái của bụng, lưỡi kiếm chuồi ra chỗ hơi nông, phô ra thân kiếm bầy nhầy những máu và mỡ; và trung úy bị ói mửa và kêu lên tiếng kêu khản đặc. Cơn ói mửa càng xoáy động cơn đau đớn. Ruột rà mãi cho đến giờ vẫn còn cuộn chặt, bây giờ mới đột nhiên vỡ toang ra; cửa miệng vết thương đó toác hoác, và từ vết thương, ruột sổ cái ào như thể bị thổ tả. Và ruột rà, không biết đến cái đớn đau của chủ mình, với cái vẻ sống động đến độ kinh tởm, hân hoan tuột ra ngoài, và tràn xuống háng. Trung úy thỏng đầu, hơi thở thoi thóp nơi vai, mắt lòi tròng trắng, những giải nước bọt đang đóng nơi miệng. Tua vàng nơi cầu vai lấp lánh ánh vàng.

Máu tung toé khắp nơi. Trung úy bị máu đẫm cho tới đầu gối; bàn tay chống lên đầu gối, anh ngồi sụm nghiêng. Mùi máu tươi tràn đầy căn phòng. Trong khi anh cúi đầu, những máy động lặp lại của những cơn ói mửa hiện rõ ràng nơi vai. Thân kiếm, như thể bị ruột đẩy thối ra, để lộ lưỡi kiếm trần tận mũi kiếm; và trung úy nắm nó trong tay phải. Có thể nói rằng không có hình ảnh anh hùng nào có thế sánh với hình ảnh trung úy đang kìm giữ sức mình, giữ cho thân ngửa ra phía sau. Bởi đột ngột giật ngửa ra phía sau, mảng sau đầu đụng vào cột bàn thờ nghe thật rõ. Lộc Tử cho tới lúc này đang cúi đầu, chăm chú nhìn máu chảy đến đầu gối của mình, nhưng khi nghe tiếng đụng ấy nàng kinh hoảng, và nàng ngước mặt lên.

Mặt của trung úy không phải là mặt của người còn sống. Mắt lõm sâu, da khô, đôi má đẹp đẽ trước đây, và cả đôi môi nữa, trở thành màu đất khô. Chỉ còn cánh tay phải nắm kiếm một cách nghiêm trọng, và tay lay lay như tay thằng bù nhìn; và tay ấy đang cố sức đưa mũi kiếm vào phần dưới cổ họng. Lộc Tử nhìn rõ ràng cái nỗ lực cuối cùng, vô ích, thật cay đắng của chồng mình. Cái mũi kiếm lấp loáng máu và mỡ đó, cứ dí vào cổ họng. Lại trượt. Mà sức mười phần chỉ còn một. Cái lưỡi kiếm bị trượt đó chọc trúng cổ áo, trúng nhằm huy hiệu gắn cổ. Vì dù đã cởi khuy ra rồi, cái cổ cứng của áo trận lại khép lại, bảo vệ phần dưới cổ họng.

Lộc Tử không thể ngồi mà nhìn lâu hơn được nữa, nàng muốn lại phía chồng, nhưng không thể đứng lên được nữa rồi. Thế rồi vì nàng lê gối giữa máu me đến bên chồng, mép của chiếc *kimônô* lụa trắng trở thành đỏ tươi. Nàng ngồi quì gối sau chồng mình. Nàng chỉ giúp tháo lỏng được cổ áo cho chồng. Mũi kiếm run rẫy cuối cùng đụng tới được cuống họng trần. Lộc Tử lúc ấy cảm thấy như mình đẩy nhích chồng, nhưng nào phải vậy, đó là cái sức cuối cùng mà trung úy đã tính toán trước. Trung úy đột nhiên hướng về phía lưỡi kiếm, và đổ ập thân mình xuống; và lưỡi kiếm đâm xuyên qua cần cổ. Máu vọt ra chan hoà, anh trở nên lặng thinh, dưới ánh điện, cạnh mũi kiếm lặng lẽ rờn xanh.

5.

Lộc Tử, vớ trơn trượt máu, từ từ đi xuống tầng dưới. Căn tầng trên đã trở nên tịch mịch. Bật điện ở tầng dưới, kiểm soát vòi hơi đốt, kiểm soát khóa hơi đốt, tưới nước dập tắt chiếc lò sưởi còn im ỉm lửa. Nàng đi đến trước tấm kiếng đứng của căn phòng rộng bốn chiếu, và vén vạt dưới *kimônô* lên. Máu in lên *kimônô* lụa trắng những vệt như những mẫu viền có đường nét táo bạo, lộng lẫy. Khi nàng ngồi xuống trước tấm kiếng, máu của chồng thấm vào vùng quanh đùi; nàng đâm ớn

lạnh, run rẩy toàn thân. Và nàng dành thời gian, lâu thật lâu, để trang điểm. Nàng đánh đậm phấn hồng trên má, và tô son đậm môi. Nàng trang điểm lần này không phải cho chồng, và vì trang điểm cho thế giới nàng sắp bỏ lại, nên đường nét điểm trang phải có cái vẻ tráng lệ. Khi nàng đứng dậy, tấm nệm trải sàn trước kiếng đã hoen ố máu. Nàng chẳng để ý gì tới chuyện đó.

Từ chỗ rửa ráy đi ra, nàng cuối cùng đứng nơi chiếc cửa hành lang làm bằng xi măng. Khi chồng nàng cài then cửa tối hôm qua, ấy là lúc anh sửa soạn cho cái chết. Nàng đăm chiêu nghĩ ngợi một lúc về những chuyện đơn giản: Có nên mở then cửa hay không? Nếu cài, người hàng xóm gần nhà, trong một vài ngày, sẽ chẳng cảm biết được cái chết của hai người. Lộc Tử chẳng muốn khi người ta phát giác ra thì xác của hai người thối rữa. Cho nên cứ để cửa mở là hay nhất... Nàng gỡ then cài ra, và kéo cửa kiếng ghép kiếng mờ mở ra he hé... Lập tức, có ngọn gió lạnh thổi thốc vào. Đường khuya chẳng có ai, và những vì sao lạnh giá lấp lánh bên cơ ngơi nằm bên kia đường.

Để cửa như thế, nàng bước lên tầng trên. Vì nàng cứ đi chỗ này chỗ kia, nên vớ nàng không còn trơn nữa. Từ khoảng giữa cầu thang, đã có mùi khang khác xộc vào mũi.

Trung úy đã gục trên biển máu. Mũi kiếm cắm lòi khỏi cần cổ, xem ra xuyên thấu hơn lúc nãy.

Lộc Tử bình tĩnh bước giữa vùng hoen máu. Nàng ngồi xuống bên cạnh xác chồng và nhìn kỹ vào khuôn mặt nằm ngang của chồng gục trên tấm nệm trải sàn. Mở to mắt nhìn như thể bị ai đó hớp hồn. Nàng ôm khuôn mặt ấy trong tay áo và đưa lên, và lấy tay áo mình lau máu trên môi, và hôn nụ hôn vĩnh biệt.

Rồi nàng đứng lên và lấy từ trong tủ kéo ra một chiếc chăn trắng và một sợi dây buộc lưng. Như thể không muốn để cho phần dưới của *kimônô* sẽ bung ra lộn xộn, nàng cuốn tấm chăn nơi thắt lưng, và dùng dây cột lưng cột chặt lại.

Nàng ngồi xuống cạnh xác của trung úy, cách khoảng ba tấc. Nàng rút chiếc dao con từ đai áo ra, nhìn vào lưỡi dao sáng trưng, và đưa vào lưỡi mình. Thép mài có cái vị ngòn ngọt.

Lộc Tử không trù trừ. Bây giờ, khi bắt đầu nghĩ tới cái đau khổ ngăn cách nàng và chồng nàng đã chết ở một tầm mức như thế lúc nãy, nàng chỉ cảm thấy vui mừng được vào cái thế giới mà chồng nàng đã chiếm hữu. Trên khuôn mặt đau đớn của người chồng, thoạt đầu có một cái gì đó không thể giải thích được. Giờ đây nàng có thể hiểu ra được cái khó hiểu đó. Bây giờ nàng cảm thấy nàng tự mình nếm được cái vị ngọt, cái vị cay đắng thực sự của Đại Nghĩa mà chồng mình đã tin tưởng. Những gì cho tới nay chồng nàng đã trải qua, đã chịu cay chịu đắng, đã nếm phải, lần này đây nàng nếm bằng lưỡi của chính mình.

Lộc Tử đưa mũi dao vào nơi phần dưới của cổ họng. Thọc vào một nhát. Còn cạn. Đầu nàng, nóng bốc dữ dội; tay nàng giật giật loạn xạ. Thọc ngang, thọc mạnh lưỡi dao. Chất âm ấm từ miệng trào ra. Trước mắt nàng tất cả trở nên đỏ rực, bởi cái ảo ánh của máu vọt ra. Nàng gồng hết sức, và thọc mạnh mũi dao vào bên trong cổ họng.

16 X 1960

Chú thích

[1] Vào thập niên 30, Nhật dần dà chiếm Mãn Châu và thành lập Mãn Châu thành một nước chư hầu, và chiếm cả Bắc Trung Hoa, dù lúc ấy chính phủ Nhật không có một chính sách rõ ràng về vụ này. Nhật còn rút lui khỏi Hội quốc liên (tiền thân của Liện hiệp quốc). Những bước tiến đó, mang tính chất quân phiệt hầu tạo nên một nước Nhật thuần chủng trong vùng, đã cô lập nước Nhật trong công luận thế giới. Chính phủ ở Đông Kinh nhận ra những chiều hướng thay đổi được nhiều ủng hộ trong cái quyết định chiếm Mãn Châu và Bắc Trung Hoa kể trên, và chính phủ đó chờ đợi thời gian thuận tiện để lật ngược những khuynh hướng này. Sự bất phục tòng và những âm mưu cứ tiếp tục âm ỉ trong quân đội, trong đó đề tài nói chuyện "Chiêu Hoà Canh Tân" được lan truyền, khi những người sĩ quan trẻ đầy nhiệt huyết tự so sánh mình với những vĩ nhân đã thực hiện "Minh Trị Canh Tân" thời vua Minh Trị. Rồi việc thay đổi các chức vụ trong quân đội lại càng tạo thêm căng thẳng. Năm 1935 một trung tá giết một trong những người tham mưu tối cao của quân đội, và năm kế tiếp, vào ngày 26 Tháng Hai, năm 1936, nguyên một sư đoàn sắp được điều sang Mãn Châu đã tuân lệnh các sĩ quan của họ đi nổi loạn. Với hi vọng rằng việc nổi loạn của họ sẽ dẫn đến một cuộc khủng hoảng chính trị trầm trọng đến nỗi một chính phủ quân sự sẽ được thành lập. Quân nổi loạn đã thành công trong việc chiếm được một số công sở và giết được một số nhân viên cao cấp, nhưng họ đã thất bại về mục tiêu mà họ nhắm tới, và thêm vào đó Thiên Hoàng lại đòi hỏi rằng phải đối xử họ như đám phản loạn hơn là những người ái quốc. (Cultural Atlas of Japan, cuối trang 201 - đầu trang 202, Martin Collcutt, Marius Jansen, Isao Kumakura, Facts On File Publications, Newyork)

[2] Cây thần: Loại cây này được trồng nơi các đền thờ Thần Đạo, không có tên chữ Hán cho loại cây này, mà chỉ có tên chữ quốc ngữ Nhật là sasaki. Tôi dịch tạm là cây thần.

[3] Quan chưởng ấn: naifu (nội phủ): naidaijin (nội đại thần): The Lord Keeper of Privy Seal: Chức quan giữ ấn vua. (Kenkyusha's New Japanese-Engish Dictionary.)// Dịch xong ngày 26 XI 03, Oslo.

MỘT SỐ VĂN THƠ VỀ PHAN THANH GIẢN SAU KHI ÔNG QUA ĐỜI

T.K.21

(Để bổ túc cho số đặc biệt về Phan Thanh Giản vừa rồi)

Muốn biết cảm tình của người đồng thời với Phan Thanh Giản đối với cụ như thế nào, hãy xem các văn thơ viết về cụ sau khi cụ qua đời. Dĩ nhiên thơ văn thù ứng khi cụ còn sống thì nhiều và cũng đủ để nói lên cảm tình ấy, nhưng chính sau khi cụ chết sự đánh giá về cụ mới trở nên phức tạp vì những sự kiện chính trị thời sự bi thảm lúc bấy giờ mà trong đó cụ có vai trò trung tâm. Lên án thì dễ, ai cũng có thể phát biểu dăm ba câu bất mãn về những sự việc không vừa ý mình, nhưng cảm thông các nỗi bức xúc khó khăn và cả hoàn cảnh bi đát của người trong cuộc thì không dễ tí nào, vì đòi hỏi phải có sự gần gũi, hiểu biết tình hình cụ thể, cộng với kiến thức tổng quát về toàn cảnh, và nhất là phải có một tấm lòng. Sau đây chúng tôi xin giới thiệu một ít văn thơ viết về cụ, phần nhiều của những người đương thời ngay sau cái chết của cụ, một số viết về sau, nhưng đều thuộc thế kỷ mười chín.

Trước hết là phần trích bài chế của vua Đồng Khánh cho Phan Thanh Giản phục chức hàm:

" ... Phẩm vọng ngươi cao như núi Thái Sơn, rộng lớn khắp ba triều, văn chương ngươi như mây bay nước chảy, được xưng tụng cao nhất một đời.

(...)

"Trẫm nối nghiệp lớn.

"Nhớ đến chuyện cũ,

"Thường bảo rằng công việc vẫn có cam khổ tuy rằng mờ mịt đối với kẻ bàng quan.

"Nhưng muốn phán đoán sự phải trái của người sau khi đã chết, sao chẳng chiết trung với lời bàn bạc chung?

"Nay cho ngươi khôi phục hàm cũ là Hiệp tá Đại học sĩ cho hay cáo mệnh này.

(...)

"Cầu khôn thiêng ngươi được an ủi!

"Cầu cho ngươi được đời đời tiếng thơm!"

(Trích từ "Phan Thanh Giản, Nỗi đau trăm năm" của Hoàng Lại Giang – Văn Học).

Đọc mấy dòng từ câu "Nhớ đến chuyện cũ..." đến "... sao chẳng biết chiết trung với lời bàn bạc chung" thì thấy rõ việc nhìn nhận công lao khó nhọc của Phan Thanh Giản, trong khi chê trách những người chẳng có trách nhiệm gì thì chẳng cần hay biết gì đến các khó nhọc ấy (*mờ mịt đối với kẻ bàng quan*). Nhất là chọn thái độ hợp tình hợp lý đối với việc "phán đoán sự phải trái của người sau khi đã chết," không đồng ý với sự độc đoán một chiều (*sao chẳng biết chiết trung*, có nghĩa không nghiêng thái quá về một phía nào), không chịu xem xét bàn bạc mọi góc cạnh của sự việc.

Thiết tưởng đó là thái độ nghiêm chỉnh, tôn trọng sự thật một cách bình tĩnh.

Và sau đây là những câu sau cùng trong bài điếu văn của Phạm Phú Thứ viết cho Phan Thanh Giản:

"Một thân mang nặng ba triều, làm quan hơn bốn mươi năm, già đã bảy mươi tuổi.

"Ngài chứng tỏ lòng cung kính, sự trân trọng và sự chuyên cần tuyệt đối ngày như đêm.

"Huống chi đã rất từng trải kinh nghiệm.

"Ngài gây được sự tin cậy và lòng tôn kính khắp miền Di Hạ.

"Ngài thật là một người học rộng và có phẩm cách trong đời.

"Ngài không phải là hạng người làm hại đến nước nhà, dù trước hoàn cảnh nghịch thường nào.

"Ngài chịu đựng nổi cảnh đời ngang trái với sự tự hào cao thượng.

"Trong khi bọn thấp lùn không thấy việc gì xảy ra. Họ la hét, chạy nhảy như trong mộng, tâm trí giàu sự hoài nghi và sự phóng đại.

"Cho nên giờ này tình thế biến chuyển ngày này sang ngày khác, có bao nhiêu người hiểu biết tình thế thật sự của nước nhà?

"Khi nghĩ lùi về nguyên nhân của trận giặc này, tôi rất buồn nhớ đến ý chí của ngài (không được thực hiện).

"Gởi lòng thương xót của tôi vào gió thu để tặng ngài, tôi làm bài điếu văn này.

"Phạm Phú Thứ bái thơ."

Tự Đức thứ 20, tháng Tám.

(Trích từ "Phan Thanh Giản, Nỗi đau trăm năm" của Hoàng Lại Giang – Văn Học)

Phạm Phú Thứ gần gũi Phan Thanh Giản nhiều

điểm, và có thể là người hiểu Phan Thanh Giản nhất lúc bấy giờ: giống cụ Phan, cụ Phạm từng bị cách tuột đi làm lính vì tính tình cương trực hay can gián vua, có tinh thần canh tân, và hai người cùng lãnh đạo sứ bộ đi Pháp, trực tiếp tiếp xúc với người Tây phương và tai nghe mắt thấy nhiều điều tiến bộ của thế giới bên ngoài. Cách viết điếu văn của Phạm Phú Thứ cho thấy cụ cố tình đi ngược lại với dư luận lúc bấy giờ trong triều là chiều theo ý vua Tự Đức nhất loạt lên án cụ Phan. Lý do, có lẽ cụ Phạm muốn khẳng định ngay lúc cụ Phan vừa qua đời tất cả sự thật về cụ Phan để đời sau không bị lầm lẫn vì những sự bóp méo do bản án của vua và dư luận đương thời mang lại. Có thể nói đây là tiếng nói sớm sủa nhất bênh vực cụ Phan ngay giữa triều đình, trong một khung cảnh *"bọn thấp lùn không thấy việc gì xảy ra, họ la hét chạy nhảy như trong mộng, tâm trí giàu sự hồ nghi và sự phóng đại."* Ôi, thời nào cũng thế, những lời nói huênh hoang thì nhiều, nhưng *"có bao nhiêu người hiểu biết tình thế thật sự của nước nhà?"*

Bài thơ Nguyễn Đình Chiểu khóc Phan Thanh Giản là tiếng nói của một người yêu nước gửi một người yêu nước, và hơn nữa, của một người dân Nam Kỳ gửi một đồng hương khi cơn quốc phá gia vong đang diễn ra ngay trên mảnh đất chôn nhau cắt rún của chính mình. Bài thơ này được phổ biến nhiều, ngay trên số Thế Kỷ 21 đặc biệt về Phan Thanh Giản vừa rồi cũng có, nên xin miễn ghi lại ở đây.

Phạm Viết Chánh, trong thời điểm Phan Thanh Giản tự tử đang làm Án sát tỉnh An Giang, đã viết bài thơ:

Phan công tiết nghĩa sánh cao dày
Thương bấy vì đâu khiến chẳng may
Hết dạ giúp vua trời đất biết
Nát lòng vì nước quỷ thần hay
Tuyệt lương một tháng rau xanh mặt
Bị cách bao phen lửa đỏ mày
*Chỉ sợ sử thần biên chẳng ráo **
Tấm lòng ấm ức phải thày lay.

* Có bản ghi: chẳng rõ

(Trích từ Văn Đàn Bảo Giám của Trần Trung Viên; Hư Chu hiệu đính. Sài Gòn: Mặc Lâm, 1969)

Là người trực tiếp dưới quyền Phan Thanh Giản, án sát Phạm Viết Chánh biết rõ con người của cụ, và có lẽ có cùng nỗi lo như Phạm Phú Thứ, nên phải hạ hai câu cuối *"Chỉ sợ sử thần biên chẳng ráo, tấm lòng ấm ức phải thày lay."* Nghĩa là ông sợ đời sau đánh giá sai lệch về Phan Thanh Giản theo chiều hướng lên án ông lúc bấy giờ, nên ông phải lên tiếng nói thẳng ngay về việc đó, một cách không úp mở rằng lòng ông ấm ức lắm khi thấy Phan Thanh Giản bị lên án oan.

Ông Nguyễn Đức Quỳ có bài thơ Nhớ Phan Thanh Giản như sau:

Học rộng tài cao chẳng gặp thời
Cho nên đành chịu bó tay thôi
Gọi hồn non nước công đà uổng
Thấy cảnh tang thương ứa lệ rơi
Liều thuốc tiêu hồn rồi một kiếp
Tấm lòng ái quốc giãi muôn đời
Lương Khê Thi Tập còn lưu đó
Đọc đến ai không cảm nhớ người.

(Trích từ Giai Thoại Làng Nho của Lãng Nhân Phùng Tất Đắc. Sài Gòn: Nam Chi, 1971)

Ba bài Vịnh Phan Thanh Giản sau đây không biết rõ tác giả là ai (khuyết danh), trích ở Văn Đàn Bảo Giám (Sài Gòn: Mặc Lâm, 1969) cho thấy một tình cảm rất thiết tha và thành thật của một người miền Nam đối với Phan Thanh Giản. Tác giả chắc là người đồng thời với cụ Phan, vì chỉ người đồng thời mới cảm được cái ân nghĩa cụ Phan đành chịu nhận lấy trách nhiệm bi thảm một mình để cứu muôn dân khỏi cơn binh lửa.

Tiến sĩ Nam Kỳ xướng trước công
Khôi tinh tỏ rạng khắp non sông
Ba trào phò chúa không nguôi dạ
Một cõi chăn dân chẳng mỏi lòng
Gặp lúc trời Nam cơn thế biến
Tách miền biển Việt nghị hòa xong
Lòng người đã muốn trời không vậy
Thà thác mình đây đặng chữ trung.

Vận nước trong khi cuộc đổi dời
Ra vai gánh vác một phương trời
Thương vua phải chịu lòng đau đớn
Vì nước cam đành lụy nhỏ rơi
Nghĩa nặng chẳng từ cơn yếu đuối
Thân già bao quản chốn đua bơi
Vài lời dâng sớ liều mình thác
Tiếng để về sau biết mấy đời.

Nằng nằng giữ vẹn tấm lòng ngay
Nặng nhẹ khôn từ khổ nhọc thay
Vì nước thương dân trời đất biết
Thảo cha ngay chúa quỷ thần hay
Tây kinh phụng sứ cơn già yếu
Nam trấn cầm cờ lúc trở gay
Biết trước chẳng cho dân chịu thác
Một mình chịu trọn nghĩa tôi đây.

Giới thiệu sách

SUY TƯ VÀ ƯỚC VỌNG

của NGUYỄN THANH GIANG

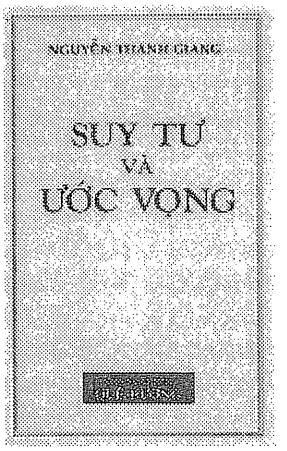

Sách tập trung những bài viết tiêu biểu của Tiến sĩ Nguyễn Thanh Giang, về vấn đề tranh đấu cho tự do dân chủ ở Việt Nam, do Quê Hương xuất bản. Sách dày 280 trang chữ nhỏ, giá 14 Mỹ kim. Liên lạc: Hội Pháp Việt Tương Trợ (Association France-Vietnam d'Entraide AFVE), 240 rue de Tolbiac – 75013 Paris, France. Tel: (33) 1 45 89 58 32. E-mail: AFVE@ifrance.com

Tiến sĩ Nguyễn Thanh Giang là một nhà địa chất hiện ở Hà Nội. Trong hơn một thập niên qua, ông nổi tiếng là một người trí thức dám mạnh dạn đưa ra tiếng nói chống đối sự cai trị độc đoán và hủ lậu của đảng Cộng sản Việt Nam. Các bài viết của ông, đề cập từ những vấn đề lý thuyết chính trị xã hội căn bản đến những hiện tượng sai trái bất công trong đời sống do nhà cầm quyền cộng sản gây ra, dù không được đăng lên báo chí ở trong nước vẫn được phổ biến rộng rãi đến nhiều người đọc, nhất là trên các phương tiện truyền thông của người Việt tị nạn nước ngoài.

Tiếng nói của ông không có tính cách chống đối chính quyền và đảng cộng sản của một người hoạt động chính trị. Tiếng nói của ông bắt nguồn từ quan sát và nhận định của một nhà trí thức thức thời về xã hội quanh mình: ông nhìn thấy rất rõ sự phi lý của lý thuyết lẫn thực hành của chủ nghĩa cộng sản, cái nguy cơ cho đất nước và dân tộc Việt Nam nếu tiếp tục bị cai trị bởi chủ nghĩa ấy. Ông đã nhiệt liệt tán thành ý kiến của tướng Trần Độ về "tình hình đất nước và vai trò của đảng Cộng sản" trong các vấn nạn, chẳng hạn, "*tại sao luôn luôn nhấn mạnh 'kinh tế quốc doanh là chủ đạo' trong khi đó là một khu vực kém hiệu quả nhất, và là những ổ tham nhũng ghê gớm nhất?*" và: "*nhiều doanh nghiệp nhà nước đang là các bầu sữa tong teo của nhân dân bị vắt ra đau đớn để nuôi béo một bọn người vừa bất tài, vừa vô trách nhiệm, vừa phi nhân bản.*" Tác giả cũng cười ứa ra nước mắt khi bàn về "giai cấp công nhân" ở Việt Nam, phải trích dẫn những định nghĩa, những lập luận quanh co gượng ép của những tay bồi bút cho đảng cỡ như Trần Văn Giàu, Văn Tạo...; nhưng cũng rất mạnh dạn và đanh thép bác bỏ những lời xu phụ ấy bằng kiến thức khoa học của chính đầu óc mình.

Càng về các năm sau này, Nguyễn Thanh Giang càng bị nhà cầm quyền cộng sản trong nước bao vây, hãm hại, bôi lọ, ngay cả bắt giam một cách vô cớ. Nhưng các thủ đoạn đê hèn của những người có quyền lực trước tiếng nói trong sáng, vì dân vì nước của một nhà trí thức đã không làm ông chùn bước. Ông ý thức trách nhiệm của kẻ sĩ phu, và tiếp tục viết bài vạch rõ những sai trái của những thủ đoạn ấy. Ai cũng biết báo *An Ninh Thế Giới* là báo của Công an cộng sản, và cộng sản không ngần ngại dùng phương tiện "cây nhà lá vườn" này để đánh phá các nhà đối lập trong nước như Hà Sĩ Phu, Mai Thái Lĩnh, Nguyễn Thanh Giang bằng các lối vu cáo vô cùng hèn hạ. Nhưng Nguyễn Thanh Giang rất bình tĩnh viết bài đối đáp ngay, vạch cho mọi người thấy rằng Nguyễn Như Phong, phó tổng biên tập của báo, tác giả loạt bài đánh phá, mới chính là kẻ phạm pháp, vì đã vu khống người khác, làm nhục người khác, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của công dân... Cái đặc điểm luôn luôn đứng trên lập trường của một nhà trí thức, "nói có sách, mách có chứng" của Nguyễn Thanh Giang sẽ là những bài học rất thích hợp đối với tính chất vô giáo dục của đảng cộng sản Việt Nam khi đối xử với những người không chịu cúi đầu đi theo họ vô điều kiện.

Phải đọc hết cuốn sách cuốn sách này để thấy rằng dân tộc Việt Nam là một dân tộc quật cường, thời nào cũng có những tấm gương bất khuất, khảng khái nói lên sự thật, mặc dù cường quyền luôn luôn tìm cách dọa nạt, hãm hại. Trong bài "Tinh thần Việt Nam, sức sống thời gian, sức sống không gian" Nguyễn Thanh Giang đã nói đến sức mạnh bất diệt ấy của người Việt Nam, truyền cho mọi người sự lạc quan về năng lực tranh đấu và xây dựng đất nước của dân tộc chúng ta, đồng thời giúp mọi người thấy rõ chính đảng cộng sản Việt Nam trong hiện tại là lực ì dìm bước tiến của đất nước, đó chính là tên phản động của lịch sử vậy.

PHÂN ƯU

Được tin buồn,
thân mẫu của họa sĩ Nguyễn Đồng

Cụ Bà Quả Phụ NGUYỄN VĂN XỨNG
Nhũ Danh ĐỖ THỊ ĐÍNH

Đã từ trần lúc 5 giờ 30 sáng
ngày 16 tháng Chín năm 2004
(nhằm ngày mồng Ba tháng Tám năm Giáp Thân)
tại Cần Thơ, Việt Nam.

Hưởng thọ 91 tuổi.

Xin thành kính chia buồn cùng
anh chị Nguyễn Đồng – Nguyễn Thị Hợp
cùng tang quyến.
Nguyện cầu Hương Hồn Cụ Bà
được sớm tiêu diêu nơi Miền Cực Lạc.

Toàn thể Hội Đồng Quản Trị,
Ban Biên Tập và Trị Sự tạp chí THẾ KỶ 21

Cùng các thân hữu:
Ngô Bảo
Nguyễn Xuân Hoàng
Đinh Cường
Nguyễn Quỳnh
Nguyên Khai
Hồ Thành Đức- Bé Ký
Ann Phong
Lê Chi

CHÚC MỪNG

Được tin anh chị Lê Đình Cai – Võ Thị Hạ
làm lễ Vu Quy cho trưởng nữ

Cháu LÊ HALLIE

kết duyên cùng

Cháu TRẦN SCOTT

Thứ nam của ông bà Trần Văn Chúa - Huỳnh Mỹ Loan.
Hôn lễ sẽ cử hành vào ngày 15 tháng 10 năm 2004
(nhằm ngày 2 tháng 9 năm
Giáp Thân) tại tư gia ở San Jose, California.
Xin chúc mừng anh chị Lê Đình Cai – Võ Thị Hạ có rể mới.
Chúc hai cháu HALLIE – SCOTT chan hòa hạnh phúc.

Vợ chồng Trần Hữu Thục – Tôn Nữ Như Trân
(Boston, Massachusetts)

LỤC BÁT

Hoàng
Xuân
Sơn

"lẻ loi hồn cũ
cương cường điệu tân"

tìm đọc :

LỤC BÁT HOÀNG XUÂN SƠN

{ thơ cũ như là áo xưa chút hương theo gió chút mùa gửi trăng chút phân vân duột tơ tằm chút mình lẫn chút trăm năm bùi ngùi chút thân da thịt sần sùi chút tà dương vợi sầm soi tuổi đời }

Thư Ấn Quán xuất bản tháng 5 hai ngàn lẻ bốn

Liên lạc : Hoàng Xuân Sơn, #38 , 14E rue Roxboro – Quebec H8Y 1M6 Canada

Email : son_hoang42@yahoo.com

Ấn phí : mười lăm mỹ kim

Ai là nhà văn
lớn nhất thế kỷ 20
của Việt Nam?

Người Việt Nam
đã sống qua
hai thế kỷ 20 và 21
phải biết về nhà văn ấy
trong một cuốn sách
đầy đủ nhất,
do THẾ KỶ xuất bản:

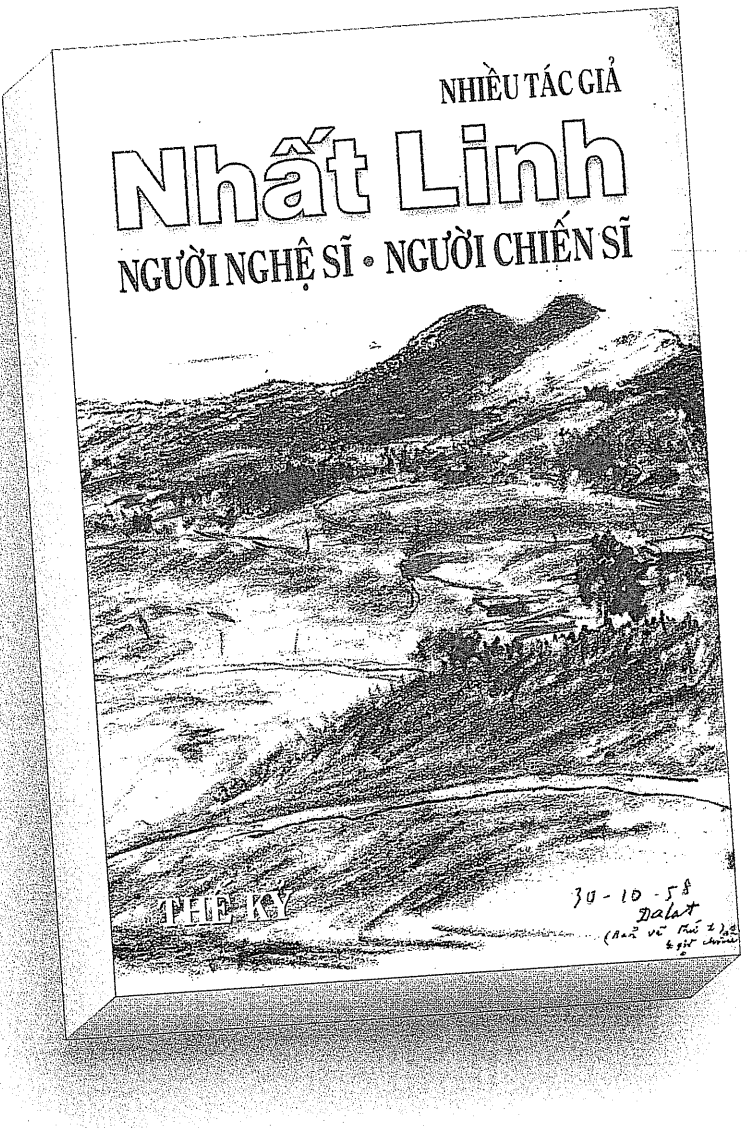

Nhất Linh

NGƯỜI NGHỆ SĨ • NGƯỜI CHIẾN SĨ

Bìa: tác phẩm hội họa của chính Nhất Linh. Trình bày: Nguyễn Đồng & Nguyễn Thị Hợp.

Gồm bài viết của: **Nguyễn Tường Bách, Trương Bảo Sơn, Võ Phiến, Đông Hồ, Nguyễn Thị Vinh, Thụy Khuê, Linh Bảo, Trần Thanh Hiệp, Trần Khánh Triệu, Tú Mỡ, Anh Thơ, Khoa Hữu, Bùi Bích Hà, Lê Đình Thông, Trương Kim Anh, Nguyễn Tường Thiết, Lưu Văn Vịnh, Phạm Phú Minh.**

Văn phẩm của **Nhất Linh** và **Hoàng Đạo.**

Rất nhiều tài liệu thuộc về cuộc đời của nhà văn Nhất Linh và nhà cách mạng Nguyễn Tường Tam: hình ảnh, bản thảo, thủ bút, họa phẩm... **tất cả đều được in màu** để giữ lại các giá trị nguyên bản.

Sách phát hành vào đầu tháng Bảy, 2004. Giá 30 Mỹ kim.

Quý vị đặt mua sách trong tháng Sáu, sách sẽ được gửi ngay đến quý vị vào đầu tháng Bảy 2004 **không tính cước phí**. Chi phiếu, bưu phiếu xin đề:

Thế Kỷ 21
14781 Moran Street
Westminster CA 92683 USA

HÙNG SƠN
JEWELRY. INC.
SINCE 1950

ENGAGEMENT - WEDDING - LOOSE STONES
G.I.A. CERTIFICATION DIAMONDS

9200 BOLSA AVE. # 128 WESTMINSTER, CA 92683 TEL 714-897-6600
(INSIDE ASIAN GARDEN MALL - PHƯỚC LỘC THỌ)

Giá Bán 5 Mỹ Kim